

SỔ TÀI SẢN

0001	Bóng chuyền và bóng rổ : Tài liệu giảng dạy trong các trường ĐH và THCN		H. : Thể dục thể thao, 1998	248tr:minh họa. - 19cm	VD850(1-4); VM991(1-9)	V4148-4160
0002	Bóng đá và bóng bàn : Tài liệu dùng giảng dạy trong các trường ĐH và CN		H. : Thể dục thể thao, 1998	244tr:minh họa. - 19cm	VD848(1-4); VM993(1-5)	V4174-4182
0003	Câu lông người bạn của mọi nhà	Biên soạn : Nguyễn Trương Tuấn	H. : Thể dục thể thao, 1998	140tr.. - 19cm	VD847(1-4); VM994(1-6)	V4183-4192
0004	Điền kinh và thể dục : Tài liệu dùng giảng dạy trong các trường đại học và chuyên nghiệp		H. : Thể dục thể thao, 1998	280tr:minh họa. - 19cm	VD846(1-7); VM995(1-6)	V4193-4205
0005	Giáo trình sức bền vật liệu	Chủ biên: Hoàng Thị Hồng; Nguyễn Văn Cận, Lê Quang Tôn	H. : Giao thông vận tải, 1997		VD830(1-50); Q283	Q283(1-150)
0006	Principles of Paleoeecology : An introduction to the study of how and where animals and plant lived in the past	Derek V.Ager : McGrow-Hill book company, Inc., 1963	371tr : minh họa. - 24cm		BMo90	
0007	Hướng dẫn sử dụng luật một số môn thể dục thể thao ở trường phổ thông : Dùng cho giáo viên	Chủ biên: Hoàng Vĩnh Dương : Hoàng Mạnh Cường, Vũ Ngọc Hải	H. : Giáo dục, 1997		VD849(1-7); VM992(1-6)	V4161-4173
0008	Giáo trình điện khí hóa mỏ	Nguyễn Anh Nghĩa chủ biên; Trần Bá Đắc	H. : Giao thông vận tải, 1997		VD8271-50; Q285	Q2851-200
0009	Sesmic stratigraphy-application to hydrocarbon exploration :Memoir 26	Ed.by Chales E.Payton	Tulsa,Oklahoma. : The American Association of Petroleum Geologist, 1977		BMo 91	
0010	Hóa lý	Phan Tử Bằng	H. : Giao thông vận tải, 1997		VD831(1-50); Q291(1-150)	
0011	Paleogeography and Geological History of Greater Antilles	K.M.Khudoley.A.A. Meyerhoff	.Colorado : The geological society of America.Inc, 1971		BMo 92	
0012	Introduction to physical geology	R.Longwell - Richard F.flint	New York; london : John Wiley - Sons, Inc., 1962		BMo93	
0013	Hóa học vô cơ	Hoàng Bá Năng	H. : Giao thông vận tải, 1999		VD1067(1-30); Q329	Q329(1-500)
0014	Geology of self seas : Proceedings of the 14th inter-university geological congress	Ed.by D.T Donovan,dsc.	Edinburgh. : Oliver; London : Boy, 1968		BMo 94	
0015	Electromagnetic Fields and waves	Paul Lorrain,Dale R.Corson	San Francisco : W.H Freeman and company. 1970		BMo85	B355
0016	Geology	Richrd M. Pearl	New York : Barnes - Noble,INC. 1960		BMo86	
0017	Dynamic Stratigraphy : An introduction to sedimentation and stratigraphy	Robley K.matthews	New Jersey : Prentice- hall. 1974		BMo 87	
0018	CMS Worksop lectures Clay- Water Interface and its Rheological Implications	N.Guven.R.M. Pollastro Editors	Colorado : The clay minerals society, 1992		BMo88	
0019	tr.:Minh họa. - cm	VD(1-); VM(1-)				
0020	Sử dụng Windows 95	Đặng Đức Phương;Hiệu đính : Nguyễn Văn Nhân	T.P.Hồ Chí Minh : nxb Thuận Hoá, 1996		VM137	V3943
0021	Các văn bản pháp luật về quản lý doanh nghiệp	H : Chính trị Quốc gia, 1995	tr.. - 21cm		VD885; VM	

0045	Chính sách đối ngoại người lao động khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần	H. : Chính trị quốc gia, 1997	158tr.. - 19cm		VD877; VM35	V4360-4362
0046	Bộ luật dân sự của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1995	429tr.. - 19cm		VD886; VM41	V4381-438355865929-5933
0047	Những điều cần biết về luật doanh nghiệp nhà nước	H. : Lao động, 1996	148tr.. - 19cm		VD897; VM36	V4420-4422
0048	Những nội dung cơ bản của luật thương mại nước CHXHCN Việt Nam	T.P.Hồ chí Minh : T.P.Hồ Chí Minh, 1997	165tr.. - 21cm		VD862; VM37	V4427-4429
0049	Hiến pháp Việt Nam : Năm 1946,1959,1980,1982	H. : Chính trị quốc gia, 1995	195tr.. - 19cm		VD866; VM38	V4442-4444
0050	Hiến pháp năm 1992	H. : Chính trị quốc gia, 1992	77tr.. - 19cm		VD906; VM50	V4454-4456
0051	Hỏi và đáp về thuế thu nhập doanh nghiệp	H. : tài chính, 1997	82tr.. - 19cm		VD864; VM33	V4433-4435
0052	Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi	H. : Chính trị quốc gia, 1994	31tr.. - 19cm		VD890; VM32	V4390-4392
0053	Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính	H. : Chính trị quốc gia, 1996	59tr.. - 19cm		VD892; VM31	V4405-4407
0054	Các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	H. : Chính trị quốc gia, 1996	670tr.. - 22cm		VD855; VM3	V4451-4453
0055	Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1997	204tr.. - 21cm		VD899; VM29	V4414-4416
0056	Luật thương mại	Nhóm biên soạn:Lưu Văn Đạt,Phạm Thế Hưng,Lê Thị Hoa	H. : Chính trị quốc gia, 1997	365tr.. - 19cm	VD860; VM26	V4350-4351
0057	Luật hợp tác xã	H. : Chính trị quốc gia, 1996	101tr.. - 19cm		VD867; VM25	V4439-4441
0058	Những quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình giữa công dân việt nam với người nước ngoài	H. : Chính trị quốc gia, 1996	327tr.. - 19cm		VD900; VM44	V4369-4371
0059	Một số văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự	H. : Công an nhân dân, 1997	143tr.. - 19cm		VD898; VM42	V4375-4377
0060	Luật bầu cử đại biểu quốc hội	H. : Chính trị quốc gia, 1997	56tr. - 19cm		VD865; VM24	V4436-4438
0061	Pháp lệnh phòng chống lụt bão	H. : Chính trị quốc gia, 1996	20tr. - 19cm		VD878; VM21	V4354-4356
0062	Luật trong kinh doanh	Huỳnh Viết Tấn	H. : Chính trị quốc gia, 1997	240tr. - 21cm	VD863; VM23	V4430-4432
0063	Luật pháp về chứng khoán và công ty chứng khoán	Phương Tùng,Nguyễn Hiếu	H. : Chính trị quốc gia, 1997	418tr.. - 21cm	VD887; VM9	V4378-4380
0064	Hỏi đáp về quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam	Phạm Văn Tuấn,Nguyễn Thị Thu Vân	H. : Chính trị quốc gia, 1997	143tr.. - 19cm	VD880; VM12	V4335-4337
0065	Một số vấn đề cơ bản về luật quốc tế : Hiến chương liên hợp quốc,quy chế tòa án quốc tế,công ước viên về ngoại giao,công ước viên về lãnh sự, công ước viên về mua bán quốc tế,...	T.P.Hồ Chí Minh : T.P.Hồ Chí Minh, 1995	381tr.. - 21cm		VD882; VM8	V4399-4401

			1994			
0087	Bộ luật hình sự : Đ* được sửa đổi bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật hình sự đ* được quốc hội thông qua.	Việt Nam(CHXHCN)	H. : Chính trị quốc gia, 1994	159tr. - 19cm	VD903; VM45	V4469-4471
0088	Luật tổ chức chính phủ : Đ* được quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ nhất thông qua	H. : Pháp lý, 1992	34tr. - 19cm		VD904; VM48	V4460-4462
0089	Văn bản pháp luật về hải quan : 1996-1997	H. : Tài chính, 1997	1099tr. - 24cm		VD854; VM1	V4387-4389
0090	Luật giao thông đường bộ	H. : Công an nhân dân, 1997	206tr. - 19cm		VD895; VM27	V4423-4425
0091	Những văn bản hướng dẫn thi hành bộ luật lao động	H. : lao động, 1995	179tr. - 19cm		VD901; VM47	V4463-4465
0092	Tìm hiểu các quy định về luật biển quốc tế.Công ước của liên hợp quốc về luật biển	T.P.Hồ Chí Minh : T.P.Hồ Chí Minh, 1996	271tr. - 21cm		V4396-4398	
0093	Hình học hoạ hình : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Đình Điện chủ biên;Đỗ Mạnh Môn,...	H. : ĐH và THCN, 1978	150tr.mình hoạ. - 26cm; VL	VL	
0094	Norton commender version 5-0	Lê Xuân Thọ	H. : Thống kê, 1996	126tr : hình bản. - 27cm	VD931	V4751-4752
0095	Internet tham khảo toàn diện	Hain Harley, Trương Tuấn Anh biên dịch	H. : Thống kê, 1997	768tr. - 24cm	VD.932	V.5012
0096	Bản đồ địa chất	Lê Văn Trào,...	H. : [knxb], 1994	492tr.mình hoạ. - 30cm	VD889	V5017
0097	Một số chỉ tiêu chủ yếu về quy mô và hiệu quả của 1,9 triệu cơ sở sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt nam	H. : : Thống kê, 1997	393tr:biểu mẫu. - 27cm		VD926	V.5015-5016
0098	Nâng cao chất lượng đào tạo bậc đại học để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước : Kỳ yếu hội nghị chuyên đề ; tài liệu cần được phổ biến rộng rãi trong các trường đại học ,cao đ1/4ng .	II. : Sn, 1995	119tr. - 30cm		VD.908; VM.51	V.3038, V.4472-4474
0099	0100	Tài liệu tập huấn về quản lý và kỹ thuật môi trường	H. : [Knxb], 1997	267tr. - 27cm	VD845	V.4206-4215
0101	Introduction to historical Geology	Raymond C. Moore	New York : Mc Graw-Hill Book company, 1958	655tr. - 26cm	BMo97	B367
0102	introduction to Geology : Physical and Historical	William Lee Stokes ,Sheldon Judson	New Jersey : Prentice-Hall Inc, 1968	530tr. - 26cm	BMo102	B372
0103	The tectonic and Geology Evolution of Southeast Asian seas and Islands : Part 2	Dennis E. Heys Editor	Washington : American Geological Union, 1983	396tr. - 27cm	BMo111	B381
0104	High Moutain Strems : Effects of Geology on Channel Characteristics and Bed Material	John P. Miller	.SI : Sn, 1958	52tr : mình hoạ. - 29cm	BMo98	B368
0105	Seismic Stratigraphic Interpretation and Petroleum Exploration : Contineeing Education Course Note Series #16	L.F. Brown,Jr, W.L. Fisher	Tulsa : AAPG., 1982	180tr. - 28cm	BMo109	B379
0106	Cẩm nang tra cứu Excel 4.0 ... 5.0 hàm và Macro	Huỳnh Tấn Dũng	H. : Thống kê, 1996	590tr. - 24cm	VD928	V4749

0126	The Evolving earth : A text in physical Geology	Frederick J.Sawkins,Clement G.Chase,...	New York; Lon don : Collier; Macmillan, 1974	477tr: minh hĩa. - 24cm	BMo72	B341
0127	The Earths crust and upper mantle : Structure, dynamic processes, and their relation to deep-seated geological phenomena	Pembroke J.Hart edition	Washington : American geophysical union, 1969	735tr: minh hĩa. - 30cm	B/MO-63	B.331B.338B. 348
0128	Stratigraphic Geology	Maurice Gignoux	Sanfrancisco; California : W.H.Freeman, 1995	682tr: minh hĩa. - 24cm	BMo67	B335
0129	The Dynamic Earth : Textbook in Geosciences	Peter J.Wyllie : John Wiley Sons, 1971	416tr: minh hĩa. - 26cm	BMo64	B339	
0130	Earth science	Richard J.Orday	New york : Van nostrand Rrinhold, 1972	788tr:minh hĩa. - 24cm	BMo57	B325
0131	Neodymium Isotope Geochemistry : An Introduction	Donald J.Depaolo : Springer-Verlag, 1988	187tr: minh hĩa. - 24cm	BMo56	B324	
0132	Principles of physical Geology	Arthur Holmes D.Sc.F.R.S.	New york : The Ronald press company, 1945	532tr: minh hĩa. - 21cm	BMo54	B322
0133	Approaches to Paleoecology	John Imbrie, Norman Newell : John Wiley and Sons, C'1964	432tr.: minh hĩa. - 24cm	B/MO-59	B.327	
0134	The Geophysics of the pacific ocean basin and its margin	H.G.Sutton	Washington : Lithocrafters,Inc, 1976	480tr: minh hĩa. - 28cm	BMo83	B353
0135	The Art of electronics	Paul Horowitz, Winfield hill	Cambridge : Cambridge university, 1980	716tr: minh hĩa. - 26cm	BMo103	B373
0136	Gravity and magnetics in oil prospecting	L.L.Nettleton : Mc Graw-Hill book company, 1976	464tr:minh hĩa. - 24cm	BMo52	B320	
0137	Geochemistry in mineral exploration	H.E.Hawkes,J.S webb	New york : Harper . row, 1962	415tr:minh hĩa. - 24cm	BMo62	B330
0138	Sesmic Interpretation the physical Aspects	N.A.Anstey	Boston : International human Resources Development, 1977	637tr:minh hĩa. - 28cm	BMo113	B383
0139	The future of Energy gases	David G.Howell,...	Washington : United states government, 1993	890tr: minh hĩa. - 28cm	BMo106	B376
0140	Circuits,Devices,and systems : A first course in electrical engineering	Ralpa J.Smith : John Wiley : Sons Inc, 1966	776tr:minh hĩa. - 23cm	BMo77	B346	
0141	Submarine Geology	Francis P.Shepard;D.L.Inman and E.D.Goldberg	New York : Harper . row, 1963	557tr:minh hĩa. - 24cm	BMo51	B319
0142	Seventy-fifth Anniversary volume 1905-1980	Brial J.Skinner	New Haven : The economic geology, 1981	964tr: minh hĩa. - 27cm	BMo105	B375
0143	Dynamic Stratigraphy : An introduction to sedimentation and Stratigraphy	Robley K.Matthews	Englewood Cliffs; New jersey : Prentice-hall,Inc, 1974	370tr:minh hĩa. - 24cm	BMo87	B357
0144	Principles of Geology	James Gilluly,A.C.Waters,A.O.Wood ford	Sl : W.H. Freeman and company, 1959	543tr:minh hĩa. - 25cm	BMo95	B365
0145	Initial Reports of the deep sea drilling project	Washington : National science foudation, 1972	975tr:minh hĩa. - 28cm		BMo117	B387

0199	Lý thuyết mạch logic và kỹ thuật số	Nguyễn Xuân Quỳnh	H. : ĐH và GDCN, 1991	292tr:minh họa. - 27cm	VD989+699; VM834(1-3)	Q156(1-30)
0200	Tr3/4c địa : Dùng cho các trường đại học kỹ thuật khối xây dựng cơ bản	Đào Duy Liêm chủ biên,Đỗ Hữu Hình...	H. : Giáo dục, 1992	258tr: minh họa. - 27cm	VD981; Q191	Q191(1-30)
0201	Tr3/4c địa phổ thông	TRần Hữu Trình	H. : Sn, 1985	211tr: minh họa. - 30cm	VD997	Q40
0202	Hướng dẫn sử dụng BKED bách khoa EDITOR : Chương trình soạn thảo và xử lý tiếng việt trên máy vi tính XT/AT.Version 5.5	Quách Tuấn Ngọc	H. : [Knxb], 1992	90tr: minh họa. - 19cm	VD970	Q186(1-30)
0203	Cẩm nang lập trình hệ thống cho máy vi tính IBM-PC XT/AT bằng các ngôn ngữ ASSEMBLER,BASIC,C,PASCAL	Michel Tischer;Người dịch : Nguyễn Mạnh Hùng,Phạm Tiến Dũng.;Người hiệu đính:Quách Tuấn Ngọc	H. : Thống kê, 1992	219tr: minh họa. - 27cm	VD985; Q190	Q190(1-10)
0204	Tiêu chuẩn ngành. : Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500;1:1000;1:2000;1:5000.Phần ngoài trời	H. : [Knxb], 1990	199tr: minh họa. - 21cm	VD971; Q197	Q197(1-10)	
0205	Sổ tay máy nâng chuyên	Võ Quang Phiên	H. : [Knxb]. 1985	65tr:minh họa. - 30cm	VD996; Q35	Q35(1-195)
0206	Nga văn chuyên môn : Dùng cho học sinh ngành xây dựng mỏ	Nguyễn Xuân Mãn,Võ Trọng Hùng	H. : Sn, 1986	74tr. - 27cm	VD999	Q47
0207	Tài chính xí nghiệp công nghiệp mỏ	Vương Huy Hùng	H. : [Knxb], 1986	102tr. - 27cm	VD1003	Q44
0208	Lý thuyết sai số và phương pháp bình phương nhỏ nhất	Phan Văn Hiến,Vì Trường,Trương Quang Hiếu.	H. : [Knxb], 1985	433tr:minh họa. - 27cm	VD994; Q36	Q36(1-111)
0209	English for scientists and technicians. : Book three	Hoàng Xuân Tiếp	H. : Foreign languages college, 1983	221tr. - 19cm	VD959; Q23	Q23(1-29)
0210	English for scientists and technicians : Book two	Hoàng Xuân Tiếp	H. : Foreign Languages college, 1983	tr:minh họa. - cm	VD968	Q22
0211	Tập bản vẽ l3/4p : Đồ đọc và đồ vẽ tách chi tiết	H. : Giáo dục, 1992	24tr:minh họa. - 42cm	VD1011; Q165	Q165(1-30)	
0212	Quy phạm xây dựng lưới độ cao nhà nước hạng 1,2,3,4	H. : [Knxb], 1988	159tr:minh họa. - 29cm	VD993; Q193	Q193(1-14)	
0213	Tiếng Nga. : Dùng cho sinh viên năm thứ nhất	H. : Sn, 1992	115tr. - 27cm	VD990	Q163	
0214	Tiếng nga : Dùng cho sinh viên năm thứ nhất	H. : Sn, 1992	68tr. - 27cm	VD991	Q164	
0215	Bài giảng phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	Vũ Cao Đàm	H. : [Knxb], 1994	58tr. - 27cm	VD992	Q252
0216	Bài tập sai số và bình sai tr3/4c địa	Trương Quang Hiếu	H. : [Knxb], 1986	228tr:minh họa. - 30cm	VD1006; Q43	Q43
0217	Thí nghiệm hóa	Phan Tử Bằng	H. : [Knxb], 1986	113tr:minh họa. - 30cm	VD1005; Q41	Q41
0218	Hướng dẫn giải bài tập cơ học lý thuyết	H. : [Knxb], 1990	132tr:minh họa. - 30cm	VD1004; Q114	Q114(1-20)	
0219	Cơ học ứng dụng.	Nguyễn Hải	H. : [Knxb], 1986	140tr:minh họa. - 30cm	VD1009; Q46	Q46
0220	Bài tập sức bền vật liệu	Nguyễn Văn Cận...	H. : [Knxb], 1987	197tr:minh họa.	VD995; Q58	Q58(1-299)

			1911	hoạ. - 22cm		
0164	Geology of Petroleum : A series of book in geology	A.I.Ievirsen	San francisco : W.H.Freemant and company, 1967	660tr: minh hoạ. - 24cm	BMo68	B336
0165	Câu hỏi và bài tập triết học : Chủ nghĩa duy vật biện chứng.	H. : Sách giáo khoa Mác-Lê nin, 1986	238tr. - 19cm	VĐ967	Q50	
0166	Triết học Mác-Lê Nin.Chủ nghĩa duy vật lịch sử : Dùng trong các trường đại học và cao đẳng	H. : Tuyến huấn, 1989	281tr. - 19cm	VĐ966	Q89	
0167	Triết học Mác-Lê Nin chủ nghĩa duy vật biện chứng : Dùng trong các trường đại học và cao đẳng	H. : Tuyến huấn, 1988	296tr. - 19cm	VĐ962	Q78	
0168	Triết học : Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học	H. : Chính trị quốc gia, 1994	232tr. - 19cm	VĐ961; Q240	Q240	
0169	Triết học : Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học	H. : Chính trị quốc gia, 1994	346tr. - 19cm	VĐ963; Q239	Q239	
0170	Triết học : Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học	H. : Chính trị quốc gia, 1993	202tr. - 19cm	VĐ952; Q241	Q241	
0171	Câu hỏi và bài tập triết học.Chủ nghĩa duy vật biện chứng	H. : Sách giáo khoa Mác-Lê nin, 1985	200tr. - 19cm	VĐ953	Q39	
0172	Cơ học đất : Soạn theo chương trình đ* được Bộ ĐH và THCN	Nguyễn Văn Quý chủ biên; Lê quý An, Nguyễn Công Mẫn	H. : ĐH và THCN, 1977	321tr. - 22cm	VĐ955; Q249	Q249(1-51)
0173	Giúp ôn tập tốt môn toán cao cấp : Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật	Lê Ngọc Lăng,...	H. : Giáo dục, 1998	240tr. - 21cm	VĐ949(1-50); Q320	Q320(1-1000)
0174	Bài tập toán học cao cấp : Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật công nghiệp	Nguyễn Phú Trường, Đinh Bạt Thâm	H. : ĐH và GDCN, 1988	169tr. - 19cm	VĐ956; Q107	Q107(1-254)
0175	Bài tập toán học cao cấp : Dùng cho sinh viên các trường kỹ thuật công nghiệp	Nguyễn Phú Trường, Đinh Bạt Thâm	H. : Giáo dục, 1995	164tr. - 21cm	VĐ964; Q253	Q253(1-250)
0176	Quy phạm hiện chính bản đồ địa hình.Tỷ lệ 1/10.000-1/25.000-1/50.000 : Tiêu chuẩn ngành	H. : Thống nhất, 1989	72tr. - 19cm	VĐ960; Q194	Q194	
0177	Bài giảng thống kê kinh tế	Hồ Sĩ Sà	H. : Giáo dục, 1991	219tr. - 19cm	VĐ410; Q178	Q178(1-20)
0178	Lý thuyết hàm ngẫu nhiên và ứng dụng vào các vấn đề điều khiển tự động.	V.S.Pugatre; Huỳnh Sum và Nguyễn Văn Hữu dịch	H. : ĐH và THCN, 1980	370tr. - 22cm	VĐ951	Q5
0179	Pascal lý thuyết bài tập lời giải	Mai Hà; Nguyễn Việt Anh...	H. : Viện khoa học Việt Nam, 1993	279tr. - 20cm	VĐ954; Q185	Q185(1-10)
0180	Một số văn kiện của đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII : Tài liệu chủ yếu phục vụ giáo viên, học sinh, sinh viên các trường của hệ thống giáo dục quốc dân trong giảng dạy và học tập lý luận chính trị.	H. : Ss, 1991	100tr. - 19cm	VĐ965; Q146	Q146	
0181	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam : Đề cương	H. : Giáo dục. 1994-1999	206tr. - 19cm	VĐ957; Q247	Q247(1-495)	

0244	Từ điển Pháp-việt phổ thông	Đào Văn Tập biên soạn	Sài gòn : Vĩnh Bảo, 1949	1242tr. - 18cm	TD81	
0245	Danh từ đối chiếu tên các loài cá có giá trị kinh tế ở miền tây thái bình dương	B3/4c Kinh : SI, 1964	508tr. - 21cm	TD82+83		
0246	Từ điển kỹ thuật tổng hợp Nga-Việt	H. : SI, 1973	879tr. - 27cm	TD98		
0247	Polish-English dictionary of science and technology	Edited by Sergiusz and maria skrzynska	Warszawa : wydawnictwa naukowo-techniczne, 1976	754tr. - 21cm	TD196287-289341-344	
0248	Từ điển kỹ thuật luyện kim Nhật-Trung	Sn : SI, 1975	1601tr. - 19cm	TD220		
0249	Duden Francasi : Dictionnaire en images	Paris : Bibliographisches institut Mannheim, 1962	1000tr. - 19cm	TD209210+212		
0250	Geologisches Worterbuch	Sn : Ferdinand Enke Verlag Stuttgart, 1972	260tr. - 19cm	TD218-219		
0251	Dictionry of optics,photography and photogrammetry	Biên soạn : Gunter Richter : Elsevier, 1966	496tr. - 19cm	TD214		
0252	Từ điển Tây Ban Nha-Việt Nam	La Habana : Instituto Cubano del Libro, 1971	697tr. - 21cm	TD174-175		
0253	Dictionar tehnic poliglot	Bucuresti : Editura tehnică, 1967	1233tr. - 26cm	TD129		
0254	Dictionnaire : Alphabétique : analogique de la langue francaise	Paul Robert	Alain Rey : SI, 1972	1969tr. - 25cm	TD130	
0255	Dreizehnsprachiges Worterbuch fur gebirgsmechanik	Berlin : Akademie verlag, 1972	511tr. - 30cm	TD124-125		
0256	Petit Larousse illstré	Paris : Librairie Larousse, 1976	1790tr. - 20cm	TD250		
0257	Từ điển vật lý Anh-Việt : khoảng 30.000 thuật ngữ	Biên soạn : Đặng mộng Lân, Ngô Quốc Quynh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	439tr. - 24cm	TD276	
0258	Pocket Automobile Dictionary	Petre cristeia,Carol Szabados	Bucuresti : Editura tehnică, 1975	441tr. - 11cm	TD322-325	
0259	Technik-Worterbuch.Lichttechnik	Berlin : Veb verlag, 1977	363tr. - 24cm	TD326-330		
0260	Technik- Worterbuch Automatisierungstechnik	Berlin : Veb Verlag technik, 1975	1023tr. - 24cm	TD336-340		
0261	Từ điển cơ-điện nông nghiệp Anh-Việt	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	295tr. - 21cm	TD282-286		
0262	Technik Worterbuch Datenefassung,Programmierung	Berlin : Veb Verlag Technik, 1976	387tr. - 24cm	TD331-335		
0263	Từ điển hoá học Nga-Việt : Khoảng 20.000 từ	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	357tr. - 22cm	TD348		
0264	Worterbuch Datenverarbeitung	Berlin : verlag die Wirtschaft, 1971	319tr. - 22cm	TD346-347		
0265	Từ điển tiếng Việt	Văn Tân,Nguyễn Văn Dạm chỉnh lý và bổ sung	H. : Khoa học xã hội, 1977	894tr. - 26cm	TD382-385	
0266	Lexicon Geologic.Geografie mine,petrol.VolIII.L-Z	Bucuresti : Editura Tehnică, 1977	936tr. - 21cm	TD378-381		
0267	Từ điển hải dương học Anh-Hán	Sn : Sn, 1977	780tr. - 79cm	TD390-391		
0268	Deutsch-russisches Taschen-Worterbuch : Khoảng 7.000 từ	M. : Veb Verlag Enzyklopadie, 1977	593tr. - 9cm	TD431-435		

0290	Từ điển tra cứu toán học và điều khiển học trong kinh tế	Người dịch :Lê Xuân Lam,...;Hiệu đính và giới thiệu :Hoàng Tuy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	664tr. - 24cm	TD631-634	
0291	Từ điển giao thông vận tải Nga-việt(Đường s3/4t và đường bộ): Khoảng 30.000 thuật ngữ	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	455tr. - 24cm	TD612-616		
0292	Từ điển hoá học và công nghệ hoá học Anh-Việt : khoảng 30.000 thuật ngữ	H. : khoa học và kỹ thuật, 1977	545tr. - 21cm	TD629		
0293	Worterbuch Deutsch-Vietnamesisch	Leipzig : Veb Verlag Enzyklopädie, 1964	324tr. - 20cm	TD640		
0294	Từ điển dầu khí Anh-Việt : Khoảng 28.000 thuật ngữ	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1983	655tr. - 20cm	TD669-672		
0295	Từ điển cổ sinh vật học Anh-Việt : Khoảng 18.000 thuật ngữ	Trương Cam Bảo, Vũ Khúc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1984	367tr. - 21cm	TD667-668	
0296	Từ điển pháp-việt : 76.000 mục từ	Lê Khả Kế,...	H. : Khoa học xã hội, 1991	1381tr. - 24cm	TD759	
0297	Longman Dictionary of the English Language	Sn : longman, 1991	1976tr. - 24cm	TD758		
0298	Từ điển Pháp-Việt : Dùng cho học sinh-sinh viên	Đặng Đình Thường	H. : Giáo dục, 1993	526tr. - 21cm	TD796-799	
0299	Từ điển Anh-Việt hiện đại : Khoảng 36.000 từ	Bùi Phụng	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1992	793tr. - 19cm	TD792-795	
0300	Từ điển Mỹ-Việt	Bùi Phụng	H. : Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1989	193tr. - 16cm	TD788-791	
0301	1200 từ Anh-Việt thông dụng nhất	Biên soạn :Lưu Kiếm Thanh,Lê Huy Hoà,...	H. : Giáo dục, 1994	347tr. - 19cm	TD780-783	
0302	Từ điển thuật ngữ tin học vi tin học Anh - Việt : Khoảng 18.000 thuật ngữ ;3.000 cụm đồng nghĩa	Phùng Quang Nhượng	H. : Giáo dục, 1993	392tr. - 20cm	TD784-787	
0303	Từ điển Pháp-Việt	Biên soạn :Nguyễn Thế Kỳ,...	H. : Khoa học xã hội, 1994	475tr. - 21cm	TD779	
0304	Từ điển thuật ngữ Khoa học kỹ thuật Anh-Việt - Việt Anh	Nguyễn Tài Anh,...	H. : [S.n.], 1993	451tr. - 19cm	TD767-775	
0305	Từ điển ngoại thương Nhật-Việt-Anh	Nguyễn Văn Hào	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1992	697tr. - 19cm	TD765	
0306	Từ điển thuật ngữ tin học Anh-Việt : Khoảng 1.000 từ	Phùng Quang Nhượng;Nguyễn Lâm,...	H. : Thống kê, 1989	275tr. - 19cm	TD762-763	
0307	Từ điển Anh-Việt : Khoảng 65.000 từ	H. : Khoa học xã hội, 1991	1959tr. - 22cm	TD761		
0308	Từ điển kỹ thuật tổng hợp Anh-Việt : Khoảng 80.000 thuật ngữ	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1991	1027tr. - 23cm	TD760		
0309	Từ điển dầu khí Anh-Việt : Khoảng 20.000 thuật ngữ, có giải thích	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1996	892tr. - 24cm	TD829-837		
0310	Từ điển thuật ngữ tin học Anh-Pháp-Việt	Ngô Diên Tập	H. : Khoa học kỹ thuật, 1995	293tr. - 20cm	TD827-828	
0311	Từ điển thuật ngữ cho người dùng máy vi tính	Biên soạn :Trần Văn Tư;Hiệu đính :Trần Mạnh Tuấn	H. : Thống kê, 1994	533tr. - 19cm	TD825-826	

0332	Slovar'Russkogo žyka : 53.000 slov	S.I.Oqegov	M. : Sovetskaā ěnciklopediā, 1968	900str. - 26sm	TD116	
0333	Anglo-russkij fiziĥeskij Slovar' : 60.000 terminov	M. : Sovetskaā ěnciklopediā, 1972	848str. - 22sm	TD104-108		
0334	Russko-Angliskij Slovar' : Okolo 50.000 slov	M. : Sovetskaā ěnciklopedniā, 1965	766str. - 26sm	TD109-110		
0335	Frazecologičeskij Slovar'russkogo žyka : 4.000 slov	Sostavili :I.a.vojnova,A.I.Molotkov,...	M. : Sovetskaā ěnciklopedniā. 1967	543str. - 27sm	TD111	
0336	Palinologičeskaā ěnciklopediā	O.U.Kremp Gerxard	M. : Mir. 1967	410str. - 26sm	TD112-113	
0337	Franciuzsko-russkij Slovar' : 51.000 slov	M. : Sovetskaā ěnciklopedniā, 1971	911str. - 26sm	TD114		
0338	Anglo-Russkij slovar' : 70.000 Slov	Sostavil :V.K.Mullep	M. : Sovetskaā ěnciklopedniā, 1969	912str. - 26sm	TD126-128	
0339	Bo'ldoj āponsko-Russkij slovar'	Sostavili :S.V.Neverov,...	M. : Sovetskaā ěnciklopedniā, 1970	807str. - 26sm	TD122-123	
0340	Russkij persidskij slovar' : 36 Tysāh slov	Sostavil :I.K.ovhinnikova	M. : Sovetskaā ěnciklopediā, 1965	1091str. - 26sm	TD121	
0341	Russkij slovar' : 50.000 slov	Sostavil :M.G.Aslanov;pog redakciej :N.A.Dvorānkova	M. : Sovetskaā ěnciklopediā. 1966	994str. - 26sm	TD119-120	
0342	Russko-nemeckij slovar' : 70.000 slov	Pod redakciej :A.B.Loxobica,...	M. : Sovetskaā ěnciklopediā, 1965	710str. - 26sm	TD131	
0343	Slovar' Matematiĥeskix terminov na anglijskom,russkom,armānskom,nemeckom,f rancuzskomāzykax	A.O.Toniā,V.A.Toniā	Erevan : Akademii nauk armāncekoj, 1965	237str. - 26sm	TD138	
0344	āponsko-Russkij politexniĥeski slovar' : Okolo 35.000 terminov	Pod obvej peakciej :Z.A.Zav'ālova	M. : Riskij āzyk, 1976	496str. - 26sm	TD136-137	
0345	Francuzsko-Russkij slovar'	Sostavila:K.A.Gandina	M. : Inostrannyx i nacional'nyx slovarej, 1960	902str. - 25sm	TD124-125	
0346	Slovar' russkogo žyka : 53,000 slov	S.I.Oqegov	M. : Sovetskaā ěnciklopediā, 1968	900str. - 25sm	TD132-133	
0347	Filosofskij Slovar'	Pod redakciej :M.M.Rozentalā	M. : Politiĥeskoj literatury, 1968	431str. - 20sm	TD150	
0348	Slovar' Anglo-amerikanskix cokraĥenij po aviacionnoj i raketno-kosmiĥeskoj texnike	Sostavitel' :A.M.muraĥkeviĥ	M. : Voennoe izdatel'stvo. 1969	440str. - 20sm	TD149	
0349	Francuzsko-russkij ĥimiko-texnologičeskij Slovar' : okolo 42.000 terminov	pod redakciej :D.M.Sandomirskogo	M. : Sovetskaā ěnciklopediā, 1969	736str. - 20sm	TD148	
0350	Francuzsko-russkij Slovar' po nefti i gaza : okolo 20.000 terminov	M. : Russkij āzyk, 1975	399str. - 20sm	TD146-147		
0351	Anglo-latino-russkij Slovar' spravohnik drevesnyx i kustarnikovyx porod	V.M.lazarev,...	M. : Lesnaā promyĥlennost', 1966	str. - sm	TD145	
0352	Slovar' sinonimov : spravohnoe posobie	Leningradskoe : nauka, 1975	648str. - 21sm	TD144		
0353	Slovar' inoāzyhnyx vyraĥenij i slov, upotreblāruwixā v russkom āzyke bez pereboda : v dvux knigax	A.M.Babkin	M.; Leningrad : nauka, 1966	712str. - 22sm	TD142-143	

	slovar'	E.F.Sinicya	inostranyx naučno- texniheskix slovarej fizmatgiza, 1962			
0371	Nemecko-russkij texniheskij slovar' : Okolo 40.000 terminov	M. : Sovetskaâ ênciklopediâ, 1968	725str. - 20sm	TD172-173		
0372	Russko-Anglijskij aviacionno-kosmiheskij slovar'	Sostavitel :A.M.Muradkebi	M. : Voennoe izdatel'stvo ministerstva oborony sssr, 1971	791str. - 20sm	TD186	
0373	Hedsko-russkij slovar' : 52.000 slov	Sostavil :A.I.pavlovih;Pod redakciej :P.pogleâ,...	M. : Sovetskaâ ênciklopediâ, 1967	845str. - 21sm	TD185	
0374	Anglo-russkij slovar' : Okolo 35.000 Slov	Sostavili :V.Đ.Arakin,...	M. : Russkij âzyk. 1975	848str. - 22sm	TD180-184	
0375	Nemecko-russkij ximiheskij slovar' : okolo 45.000 terminov	M. : Sovetskaâ ênciklopediâ, 1969	792str. - 20sm	TD178-179		
0376	Nemecko-russkij metallurgiheskij slovar' : okolo 40.000 terminov	M. : Sovetskaâ ênciklopediâ, 1967	760str. - 20sm	TD192-193		
0377	Slovar' po geologii nefti	Pod redakciej :M.F.Mirhinka	Leningrad : Gostoptex. 1958	776str. - 23sm	TD190-191	
0378	Nemecko-russkij êlektrotexniheskij slovar'	Sostavili :M.L.Ginzburg,...	M. : Glavhaâ redakciâ inostrannyx naučno- texniheskix slovarej fizmatgiza, 1962	1089str. - 21sm	TD188	
0379	Bengal'sko-russkij slovar' : 38.000 slov	Sostavili :E.M.Bykova,...	M. : Gosudarstvennoe izdatel'stvo inostrannyx i nacional'nyx slovarej, 1957	907str. - 22sm	TD189	
0380	Nemecko-russkij êlektrotexniheskij slovar' : Okolo 60.000 terminov	Sostavili :M.L.Ginzburg,...	M. : Sovetskaâ ênciklopedniâ, 1973	856str. - 22sm	TD194-195	
0381	Ispansko-russkij slovar' : Okolo 42.000 slov	Pod obvej redakciej :F.V.Kel'ina	M. : Sovetskaâ ênciklopediâ, 1966	944str. - 20sm	TD197	
0382	Slovar' udarenij dlâ rabotnikov radio i televideniâ : okolo 63.000 slov	Sostavili :F.I.Ageenko,...	M. : Sovetskaâ ênciklopediâ, 1967	687str. - 20sm	TD198-199	
0383	Geografiheskij slovar'	S.V.Agapov,...	M. : Prosvevnenie, 1968	253str. - 20sm	TD200	
0384	Anglo-russkij gorhyj slovar'	Sostavili :L.I.Baron,...	M. : Gosudarstvennoe izdatel'stvo fiziko- matematiheskoj literatury, 1958	992str. - 20sm	TD201	
0385	Anglo-russkij ximiko-texnologiheskij slovar' : 30.000 terminov	L.B.Dymdicem	M. : Sovetskaâ ênciklopediâ, 1971	736str. - 19sm	TD202	
0386	Anglo-russkij geologiheskii slovar'	Sostavila :T.A.Sofiano	M. : Gosudarstvennoe izdatel'stvo texniko- teoretiheskoj literatury. 1957	523str. - 20sm	TD204	
0387	Pâtiâzyhnyj slovar' mineralogiheskix nazvanij	Sostavil :O.Ê.naximqan;pod redakciej :Sobolevskovo B.I.	M. : Glavhaâ redakciâ inostrannyx naučno- texniheskix slovarej fizmatgiza, 1962	347str. - 20sm	TD205	

			ēnciklopediā, 1970			
0409	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1971	599str. - 30sm	TD254	
0410	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1971	640str. - 30sm	TD255	
0411	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1971	624str. - 30sm	TD256	
0412	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1972	607str. - 30sm	TD257	
0413	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1972	592str. - 30sm	TD258	
0414	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1972	624str. - 30sm	TD259	
0415	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1972	592str. - 30sm	TD260	
0416	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1973	608str. - 30sm	TD261	
0417	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1973	624str. - 30sm	TD262	
0418	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1973	608str. - 30sm	TD263	
0419	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1973	624str. - 30sm	TD264	
0420	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1974	632str. - 30sm	TD265	
0421	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1974	616str. - 30sm	TD266	
0422	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1974	616str. - sm	TD267	
0423	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1974	632str. - 30sm	TD268	
0424	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1975	648str. - 30sm	TD269	
0425	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1975	608str. - 30sm	TD270	
0426	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1975	640str. - 30sm	TD271	
0427	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1975	628str. - 30sm	TD272	
0428	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1976	640str. - 30sm	TD273	
0429	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1976	608str. - 30sm	TD274-306	
0430	Bol'daā Sovetskaā ēnciklopediā	A.M.proxorob	M. : Sovetskaā ēnciklopediā, 1976	600str. - 30sm	TD275	

			ekonomiškoe, 1977			
0454	Anglo-rusko-nemecko-francuzskij tolkovyj slovar' po vyhislitel'noj texnike i obrabotke dannyx : 4132 termina	A.I.Đidmarev	M. : Russkij žyzyk, 1978	415str. - 21sm	TD637	
0455	Slovar' ruskoj onomastišknoj terminologii	N.V.podoľ'skaä	M. : Nauka, 1978	198str. - 15sm	TD587	
0456	Stratigrafiškij slovar' SSSR.Karbon.perm'	Leninrad : Nedra, 1977	535str. - 21sm	TD590-591		
0457	Kratkij tol'kovyj slovar' russkogo žyzyka : Dlä inostrancev	Pod redakciej :V.V.Rozanovoj	M. : Russkij žyzyx, 1978	227str. - 22sm	TD592-593	
0458	Kratkij ekonomiko-matematiškij slovar'	L.I.Lopatnikov	M. : Nauka, 1979	358str. - 22sm	TD599-600	
0459	Ital'änsko-russkij metallurgheskij slovar' : okolo 21.000 terminov	M. : Russkij žyzyka, 1978	496str. - 17sm	TD601-605		
0460	Anglo-Ruskij Fiziškij slovar' : okolo 60.000 terminov	Pod Redakciej :D.M.Tolstogo	M. : Russkij žyzyk, 1978	848str. - 22sm	TD606	
0461	Nemecko-russkij slovar' po avtomatike i texnišknoj kibernetike : okolo 30.000 terminov	L.A.Kokorev;pod redakciej :Rudneva B.B.	M. : Russkij žyzyx, 1978	560str. - 560sm	TD607	
0462	Rusko-bol'garskij slovar' : 8.700 slov	Sostavila :M.A.Leonidova	M. : Russkij žyzyx, 1978	464str. - 13sm	TD609	
0463	Karmannyj rusko-kitajskij slovar' : okolo 8.500 slov	B.G.Mudrov,N.M.Änovskij	M. : Russkij žyzyx, 1977	216str. - 17sm	TD588-589	
0464	Nemecko-russkij slovar' po avtomatike i texnišknoj kibernetike : okolo 30.000 terminov	L.A.Kokorev;Pod redakciej :Rudneva B.B.	M. : Russkij žyzyx, 1981	560str. - 21sm	TD679-680	
0465	Kratkij tolkovyj slovar' russkogo žyzyka	Pod redakciej :V.V.Rozanovoj	M. : Russkij žyzyk, 1982	245str. - 22sm	TD682-683	
0466	Slovar' Kamnej-Samocvetov	Leningrad : Nedra, 1982	159str. - 20sm	TD681		
0467	Slovar' inostrannyx slov	M. : Russkij žyzyx, 1980	624str. - 26sm	TD693-694		
0468	Nemecko-Ruskij slovar' po izmeritel'noj texnike : okolo 28.000 terminov	P.S.Boguslavskij;Pod redakciej :A.M.Melik-Daxnazarova	M. : Russkij žyzyk, 1984	567str. - 20sm	TD695-696	
0469	Gornaä änciklopediä	Gl.Red.E.A.kozlovskij;Ped.Ko l.:M.I.Agodov,...	M. : Sov.änciklopediä, 1985	575str. - 26sm	TD701-704	
0470	Frazeologičeskij slovar' russkogo žyzyka : Svyde 4.000 slovarnyx statej	L.A.Vojnova,...;Pod red.:A.I.Molotkov.	M. : Russkij žyzyk, 1986	543str. - 26sm	TD708	
0471	Slovar' russkogo žyzyka : Okolo 57.000 slov	S.I.Oqegov;Pod redakciej :N.U.Đvedovoj	M. : Russkij žyzyk, 1984	797str. - 27sm	TD707	
0472	Francuzsko-russkij texniškij slovar' : Okolo 80.000 terminov	M. : Russkij žyzyk, 1985	592str. - 27sm	TD706		
0473	Gidrologičeskij slovar'	A.I.Hebotarev.	Leningrad : Gidrometeoizdat, 1978	307str. - 22sm	TD635-636	
0474	Hastotnyj nemecko-russkij slovar'-mininum po älektronike	M.G.Zoref;Pod red:P.G.Piotrovskogo	M. : Voenizdat, 1978	144str. - 17sm	TD638	
0475	Hastotnyj Anglo-Ruskij slovar'-minimum po sudovoqdeniu	K.F.Lyk'änenkov,...	M. : Voenizdat, 1978	197str. - 18sm	TD639	
0476	Kratkij tolkovyj slovar' russkogo žyzyka : dlä inostrancev	B.B.Rozanovoj	M. : Russkij žyzyx, 1979	227str. - 22sm	TD641-642	
0477	Tolkovyj slovar' nemeckix geologičeskix geologičeskix terminov	G.Muravski	M. : Mir, 1980	373str. - 20sm	TD646-650	

0505	Địa chất học : Cho kỹ sư xây dựng và cán bộ kỹ thuật môi trường	Alan E. Kehew; Người dịch : Trịnh Văn Cương,...	H. : Giáo dục, 1998	284tr. bản vẽ. - 27cm	VD1032; VM81	V5229-5277
0506	Quy phạm địa tầng Việt Nam	Biên soạn : Tống Duy Thanh, Vũ khúc, Phan Cư Tiến	H. : Cục địa chất Việt nam , 1994	76tr. - 19cm	VD1027	V5157
0507	Giúp ôn tập tốt môn toán cao cấp đại số tuyến tính	Tổng Đình Quý, Nguyễn Cảnh Lương	H. : Giáo dục, 1998	231tr. - 21cm	VD1040(1-20); Q323	Q323(1-500)
0508	Bài tập giải tích và đại số : Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật	Trần Xuân Hiến, Nguyễn Cảnh Lương	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	397tr. - 21cm	VD1013(1-20)	Q1(1-20)
0509	Cơ học lý thuyết : Đề thi-đáp án 1989-1997 Bài tập chọn lọc	Biên soạn : Đỗ Sanh, Nguyễn Thúc An,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	178tr. - 24cm	VD1014(1-13); Q21(1-40)	Q21
0510	Giúp ôn tập tốt môn toán cao cấp : Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật-kỹ III	Lê Ngọc Lăng, Tống Đình Quý,...	H. : Giáo dục, 1998	215tr. - 21cm	VD1039(1-50); Q324	Q324(1-1000)
0511	Sức bền vật liệu : Đề thi-Đáp án 1989-1997 Bài tập chọn lọc	Biên soạn : Hoàng Xuân Lượng, Nguyễn Hữu Bằng,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	179tr. - 24cm	VD1015(1-14); Q2(1-40)	Q2
0512	Bài tập vật liệu xây dựng	Phùng Văn Lự chủ biên	H. : Giáo dục, 1998	202tr. - 21cm	VD1036(1-10); Q322(1-40)	Q322
0513	Vật liệu xây dựng : Viết theo chương trình đ* được hội đồng môn học ngành xây dựng thông qua	Phùng Văn Lự chủ biên	H. : Giáo dục, 1998	343tr. - 21cm	VD1035(1-10); Q321(1-40)	Q321
0514	Địa chất khoáng sản	Nguyễn Văn Chữ	H. : Giao thông vận tải, 1998	275tr. - 27cm	VD1018(1-50); Q81(1-150)	Q81
0515	Kỹ thuật nền móng	Ralph B. Peck, ..., Người dịch : Trịnh Văn Cương, ..., Người hiệu đính : Nguyễn Công Mẫn, Phan Trường Phiệt	H. : Giáo dục, 1998	231tr. - 27cm	VD1025(1-20); Q57(1-180)	Q57
0516	Quản trị kinh doanh : Giáo trình dùng cho các ngành kinh tế và quản trị doanh nghiệp mỏ, địa chất và dầu khí	Vương Huy Hùng	H. : Trường Đại học Mỏ- Địa chất, 1998	86tr. - 30cm	VD1017(1-10); Q56(1-90)	Q56
0517	Bài giảng môi trường khai thác mỏ	Lê Như Hùng	H. : Trường Đại học Mỏ- Địa chất, 1998	99tr. - 29cm	VD1038(1-10); Q154(1-90)	Q154
0518	Về xây dựng con người mới	Hồ Chí Minh	H. : Chính trị quốc gia, 1995	212tr. - 19cm	VD1045	V5382
0519	Giáo trình đạo đức học	Trần Hậu Kiềm,...	H. : Chính trị quốc gia, 1997	234tr. - 19cm	VD1046	V5383
0520	Các triều đại Việt Nam	Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng	H. : Thanh niên, 1995	344tr. - 19cm	VD1041	V5378
0521	Phát triển giáo dục .Phát triển con người phục vụ phát triển xã hội -kinh tế	Phạm Minh Hạc	H. : Khoa học xã hội, 1996	347tr. - 19cm	VD1047	V5384
0522	Lịch sử triết học	Chủ biên : Nguyễn Hữu Vui	H. : Tư tưởng-Văn hoá, 1992	286tr. - 19cm	VD1042	V5379
0523	Chủ nghĩa xã hội khoa học : Chương trình cao cấp	Chủ biên : Đặng Quang Uẩn,...	H. : Chính trị quốc gia, 1997	256tr. - 19cm	VD1048	V5385
0524	Chủ nghĩa xã hội khoa học : Chương trình cao cấp	Chủ biên : Đặng Quang Uẩn,...	H. : Chính trị quốc gia, 1997	208tr. - 19cm	VD1049	V5386
0525	Lịch sử triết học	Chủ biên : Nguyễn Hữu Vui,...	H. : Tư tưởng- Văn hoá, 1992	240tr. - 19cm	VD1043	V5380

	Độc		Nam, 1996			
0550	Bản đồ địa chất và khoáng sản : Tờ Phú Quốc-Hà Tiên	Chủ biên : Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt Nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/9	V5109
0551	Bản đồ địa chất và khoáng sản : Tờ Bà Nà	Chủ biên : Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt Nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/10	V5108
0552	Bản đồ địa chất và khoáng sản : Tờ Khang Khay-Mường Xén	Chủ biên : Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt Nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/11	V5107
0553	Bản đồ địa chất và khoáng sản : Tờ Sầm Nưa	Chủ biên : Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt Nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/12	V5106
0554	Bản đồ địa chất và khoáng sản : Tờ Xiêng Khoảng-Tương Dương	Chủ biên : Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt Nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/13	V5105
0555	Bản đồ địa chất và khoáng sản : Tờ Hà Tĩnh-Kỳ Anh	Chủ biên : Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt Nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/14	V5104
0556	Bản đồ địa chất và khoáng sản : Tờ Long Xuyên	Chủ biên : Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt Nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/15	V5103
0557	Bản đồ địa chất và khoáng sản : Tờ Mah*ay-Dồng Hới	Chủ biên : Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt Nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/16	V5102
0558	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Hương hoá-Huế-Dà N1/2ng	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/17	V5101
0559	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Hội An	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/18	V5100
0560	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Thanh Hoá	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/19	V5099
0561	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Vinh	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/20	V5098
0562	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Quy Nhơn	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/21	V5118
0563	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Pleiku	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/22	V5119
0564	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Buôn Ma thuật	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/23	V5120
0565	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ An Khê	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/24	V5121
0566	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Kon Tum	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/25	V5122
0567	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Bán Đôn	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/26	V5123
0568	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Măng Đen-Bồng Sơn	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/27	V5124
0569	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Tuy Hoà	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/28	V5125
0570	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Đ3/4c Tô	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/29	V5126
0571	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tờ Quảng Ng*ì	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/30	V5127

	Tờ bản đồ Đông Sơn	Lương, Nguyễn Xuân Bao	chất, 1998			
0595	Bản đồ địa chất Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Đà Đông	Chủ biên :Trần Đức Lương, Nguyễn Xuân Bao	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1998	tr. - 60cm	VĐ102228	
0596	Bản đồ địa chất Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ b*í thuyền chài	Chủ biên :Trần Đức Lương, Nguyễn Xuân Bao	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1998	tr. - 60cm	VĐ1022/29	
0597	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Lào Cai(F-48-A)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/4	
0598	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Cao Bằng (F-48-B)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/5	
0599	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Điện Biên (F-48-C)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/6	
0600	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Hà Nội (F-48-D)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/7	
0601	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Mường Xén (E-48-A)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/8	
0602	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Vinh (E-48-B)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/9	
0603	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Huế (E-48-D)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/10	
0604	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Đà n/2ng (F-49-C)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/11	
0605	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Kon Tum (D-48-B)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/12	
0606	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Quảng Nghĩa (D-49-A)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/13	
0607	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Play Cu(D-48-D)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/14	
0608	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Quy Nhơn (D-49-C)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/15	
0609	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Phú Quốc (C-48-A)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/16	
0610	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ T.P.Hồ Chí Minh (C-48-B)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/17	
0611	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Đà lat (C-49-A)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/18	
0612	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ mũi Cà Mau (C-48-C)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát,...	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/19	
0613	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Trà Vinh (C-48-D)	Chủ biên :Nguyễn Văn Cát....	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/20	
0614	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ phân vùng địa chất thủy văn Việt nam. Phần đất liền. Tỷ lệ 1:2.500.000	Chủ biên :Trần Hồng Phú	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/21	
0615	Bản đồ địa chất thủy văn Việt Nam. Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ bản đồ phân bố các điểm nước khoáng Việt Nam(phần đất liền).tỷ lệ	Chủ biên :Trần Hồng Phú	H. : Tổng cục Mô-Địa chất, 1987	tr. - 60cm	VĐ1024/22	

	: Kon Tum D-48-B	Bảo	geological mapping division, 1981			
0632	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Đà N1/2ng F-49-C	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/16	
0633	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Huế E-48-D	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/17	
0634	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Vinh E-48-B	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/18	
0635	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Mường Xén E-48-A	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/19	
0636	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Hà Nội F-48-D	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/20	
0637	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Điện Biên F-48-C	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/21	
0638	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Cao Bằng F-48-B	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/22	
0639	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Lao cai F-48-A	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/23	
0640	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Mapping Legend	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/26	
0641	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : The Sheet scheme of geological map of Việt Nam Scale 1:500.000	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/27	
0642	Hydrogeological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Lao Cai F-48-A	Trần Hồng Phú;Hiệu đính :Nguyễn Kim Cương,Nguyễn Thương Hùng,Vũ Ngọc Kỳ	H. : Hydrogeological division, 1987	tr. - 60cm	KĐ161/4	
0643	Hydrogeological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Cao Bằng F-48-B	Trần Hồng Phú;Hiệu đính :Nguyễn Kim Cương,Nguyễn Thương Hùng,Vũ Ngọc Kỳ	H. : Hydrogeological division, 1987	tr. - 60cm	KĐ161/5	
0644	Hydrogeological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Điện Biên F-48-C	Trần Hồng Phú;Hiệu đính :Nguyễn Kim Cương,Nguyễn Thương Hùng,Vũ Ngọc Kỳ	H. : Hydrogeological division, 1987	tr. - 60cm	KĐ161/6	
0645	Hydrogeological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Hà Nội F-48-D	Trần Hồng Phú;Hiệu đính :Nguyễn Kim Cương,Nguyễn Thương Hùng,Vũ Ngọc Kỳ	H. : Hydrogeological division, 1987	tr. - 60cm	KĐ161/7	
0646	Hydrogeological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Mường Xén E-48-A	Trần Hồng Phú;Hiệu đính :Nguyễn Kim Cương,Nguyễn	H. : Hydrogeological division, 1987	tr. - 60cm	KĐ161/8	

	1:1.500.000					
0662	Autocad R14 : Những kỹ năng nâng cao	Bùi Kiên Quốc	H. : Giáo dục, 1998	422tr. - 27cm	VĐ1051; VM84	V5387-5484
0663	Một số bài toán hình học hoạ hình chọn lọc : (Có hướng dẫn và lời giải)	Đoàn Hiền	H. : Giáo dục, 1998	139tr. - 27cm	VĐ1050/1-20; Q326	Q326(1-550)
0664	Tr3/4c địa mô	Nguyễn Đình Bê chủ biên; Vũ Chi Mỹ; Nguyễn Xuân Thuỵ	H. : Giao thông vận tải, 1998	336tr. - 27cm	VĐ1037/1-50; Q159	Q159(1-200)
0665	Thủ lục : Đề thi-đáp án 1992-1997 _ bài tập chọn lọc	Nguyễn Tài chủ biên; Nguyễn Cảnh Cầm,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	80tr. - 24cm	VĐ1016/1-20; Q55	Q55(1-100)
0666	Toán học cao cấp : Dùng cho học sinh các trường đại học kỹ thuật	Chủ biên : Nguyễn Đình Trí; Phan Tăng Đa	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1983	239tr. - 19cm	VĐ1; Q28	Q28(1-500)
0667	Bồi dưỡng phương pháp tự học toán : Dành cho học sinh chuẩn bị vào đại học (Hệ tập trung và tại chức)	Biên soạn : Bùi Tường	H. : Viện nghiên cứu ĐH và THCN, 1980	98tr. - 25cm	VĐ2	
0668	Giải tích toán học : Các ví dụ và các bài toán	Y.Y.Liaskô,...; Người dịch : Hoàng Đức Nguyên, Đoàn Văn Bản	H. : Đại học và THCN, 1979	425tr. - 24cm	VĐ3; VV	VV
0669	Giải tích toán học : Các ví dụ và các bài toán	Y.Y.Liaskô,...; Người dịch : Đặng Huy Nhuận, Lê Trọng Vinh	H. : ĐH và THCN, 1979	419tr. - 27cm	VĐ4	
0670	Giám đốc và những quy định cần biết	Sưu tầm và hệ thống hoá : Nguyễn Hạnh và Lê Thành Châu	H. : Thống kê, 1995	483tr. - 20cm	VĐ5; V4026	V4025-4026
0671	Sách tra cứu kỹ thuật Radio	Phạm văn Bảy chủ biên; Phạm Văn Dương, Trần hoàng Lương	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	368tr. - 27cm	VĐ6	V3894
0672	Bộ chương trình giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn I) Ban hành theo quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 củ Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo : Dùng cho các trường Đại học và các trường cao đẳng sư phạm	H. : [knxb], 1995	400tr. - 28cm	VĐ7	V3895	
0673	Bài giảng cơ sở hệ thống thông tin địa lý (GIS) và hệ thống thông tin đất đai (LIS)	Hoàng Ngọc Hà	H. : [knxb], 1995	65tr. - 28cm	VĐ8; Q259	Q259(1-54)
0674	Giáo trình máy vận tải	Nguyễn Văn Kháng, Hoàng Văn Trọng	H. : [knxb], 1992	121tr. - 26cm	VĐ9; Q169	Q169(1-30)
0675	Giáo trình máy vận tải	Nguyễn Văn Kháng, Hoàng Văn Trọng	H. : [knxb], 1992	111tr. - 26cm	VĐ10; Q170	Q170(1-30)
0676	Giáo trình máy vận tải	Nguyễn Văn Kháng, Hoàng Văn Trọng	H. : [knxb], 1992	112tr. - 26cm	VĐ11; Q169	Q171(1-30)
0677	Cơ học kết cấu	Chủ biên : Nguyễn Hữu Bảng; Lê Quang Anh	H. : [knxb], 1992	186tr. - 27cm	VĐ12; Q217	Q217(1-150)
0678	Giáo trình Nguyên lý máy	Trần Doãn Trường	H. : [knxb], 1993	280tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ13; Q230	Q230(1-180)
0679	Bài giảng cơ học đá	Nguyễn Quang Phích	H. : [knxb], 1992	166tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ14; Q177	Q177(1-100)
0680	Bài giảng hạch toán kế toán trong xí nghiệp công nghiệp mỏ : Dùng cho chuyên ngành kỹ	Nguyễn Văn Bưởi	H. : [knxb], 1992	128tr. - 27cm	VĐ15	Q201

0703	Giáo trình các phương pháp điều tra địa chất thủy văn	Đoàn Văn Cảnh, Hoàng Văn Hưng, Nguyễn Kim Ngọc	H. : [knxb], 1993	161tr. - 27cm	VĐ38; Q209	Q209(1-130)
0704	Địa chất Việt Nam	Hoàng Quang Vinh biên soạn; Lê Như Lai bổ sung và hiệu đính	H. : [knxb], 1992	111tr. - 27cm	VĐ39; Q172	Q172(1-165)
0705	Địa chất Việt Nam	Hoàng Quang Vinh biên soạn; Lê Như Lai bổ sung và hiệu đính	H. : [knxb], 1992	112tr. - 27cm	VĐ40; Q173	Q173(1-166)
0706	Hướng dẫn viết báo cáo cấu trúc địa chất và bản đồ địa chất	Lê Như Lai chủ biên	H. : [knxb], 1990	86tr. - 27cm	VĐ41	Q138(1-83)
0707	Bài giảng địa hoá học	Phạm Văn An, Nguyễn Tiến Dũng	H. : [knxb], 1993	109tr. - 27cm	VD42	Q203(1-99)
0708	Bài giảng kinh tế địa chất	Nguyễn Đức Thành	H. : [knxb], 1993	183tr. - 27cm	VĐ43; Q206	Q206
0709	Hoá học đại cương	H. : [knxb], 1969	398tr. - 27cm	VĐ49		
0710	Địa chất các mỏ khoáng công nghiệp	Trần Anh Ngoan	H. : [knxb], 1993	176tr. - 27cm	VĐ44; Q216	Q216(1-100)
0711	Địa chất các mỏ khoáng công nghiệp	Trần Anh Ngoan	H. : [knxb], 1993	143tr. - 27cm	VĐ45; Q204	Q204(1-100)
0712	Địa chất các mỏ khoáng công nghiệp	Trần Anh Ngoan	H. : [knxb], 1993	74tr. - 27cm	VĐ46; Q205	Q205(1-100)
0713	Bài giảng khoáng vật học mô tả : Dùng cho sinh viên chuyên ngành địa chất	Phạm Văn An, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Kh3/4c Giảng	H. : [knxb], 1993	176tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ48; Q210	Q210(1-167)
0714	Giáo trình địa chất lịch sử	Mai Văn Lạc	H. : [knxb], 1993	153tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ50; Q235	Q235(1-100)
0715	Vẽ địa hình	Hà Thị Mai	H. : [knxb], 1993	91tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ51; Q213	Q213(1-180)
0716	Giáo trình hoá lý	Phan Tử Bằng	H. : [knxb], 1975	254tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ52	
0717	Giáo trình phân tích định tính : Dùng cho các ngành : Địa chất thăm dò; Địa chất công trình; Tuyển khoáng	Biên soạn : Nguyễn Hoành Thi, Hà Minh Kiên	H. : [knxb], 1972	120tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ53	
0718	Giáo trình hoá lý-hoá keo : Dùng cho sinh viên địa chất thăm dò; địa chất công trình và tuyển khoáng	Phan Tử Bằng	H. : [knxb], 1969	573tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ57	
0719	Giáo trình tr3/4c địa ảnh (Phần đo vẽ ảnh lập thể)	Phan Văn Lộc	H. : [knxb], 1993	178tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ58; Q211	Q211(1-82)
0720	Bài giảng bản đồ học : Dùng cho sinh viên ngành tr3/4c địa	Triệu Văn Hiến	H. : [knxb], 1992	162tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ59; Q215	Q215(1-130)
0721	Bài giảng lý thuyết sai số	Hoàng Ngọc Hà	H. : [knxb], 1993	109tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ60; Q236	Q236(1-180)
0722	Tr3/4c địa phổ thông	Nguyễn Trọng San, ...	H. : [knxb], 1993	241tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ54; Q229	Q229(1-105)
0723	Tr3/4c địa phổ thông	Nguyễn Trọng San, ...	H. : [knxb], 1993	154tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ55; Q214	Q214(1-100)
0724	Tr3/4c địa phổ thông	Nguyễn Trọng San, ...	H. : [knxb], 1993	235tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ56; Q223	Q223(1-100)
0725	Giáo trình cơ vật lý : Dùng cho các trường đại học tổng hợp và sư phạm	Ngô Quốc Quỳnh, Nguyễn Hữu Xí	H. : ĐH và THCN, 1976	356tr. - 27cm	VĐ47; VV	VV

	cao học			- 27cm		
0746	Bài giảng phương pháp luận nghiên cứu khoa học : Dành cho học viên cao học	Vũ Cao Đàm	H. : [knxb], 1994	58tr: minh hoạ. - 27cm	VD87; Q252	Q252
0747	Bài giảng tối ưu hoá các tham số mô hình lò : Dành cho học viên cao học	Lê Như Hùng	H. : [knxb], 1993	112tr: minh hoạ. - 27cm	VD88	
0748	Bài giảng các phương pháp tính toán vô chống công trình ngầm : Dành cho học viên cao học	Nguyễn Xuân Mẫn	H. : [knxb], 1994	54tr: minh hoạ. - 27cm	VD89	
0749	Bài giảng nâng cao hiệu quả phá vỡ đất đá bằng nổ mìn trong những điều kiện khác nhau : Dành cho học viên cao học	Nhữ Văn Bách	H. : [knxb], 1994	123tr: minh hoạ. - 27cm	VD90-91	
0750	Bài giảng kinh tế quản lý doanh nghiệp mô : Dành cho học viên cao học	Nhâm Văn Toán	H. : [knxb], 1994	116tr: minh hoạ. - 27cm	VD92	
0751	Bài giảng vô chống nhiều lớp sử dụng khả năng mang tải của khối đá : Dành cho học viên cao học	Võ Trọng Hùng	H. : [knxb], 1993	84tr: minh hoạ. - 27cm	VD93	
0752	Bài giảng cơ học khối đá và phương pháp đánh giá độ ổn định cho công trình ngầm không chống : Dành cho học viên cao học	Phí Văn Lịch, Võ Trọng Hùng	H. : [knxb], 1994	410tr: minh hoạ. - 27cm	VD94	
0753	Bài giảng cơ sở thiết kế mô lộ thiên : Dành cho học viên cao học	Trần Mạnh Xuân	H. : [knxb], 1993	133tr: minh hoạ. - 27cm	VD95	
0754	Bài giảng lý thuyết dòng hai pha : Dành cho học viên cao học	Võ Xuân Minh	H. : [knxb], 1993	57tr: minh hoạ. - 27cm	VD96	
0755	Đảm bảo chất lượng quặng trong quá trình khai thác : Dành cho học viên cao học	Hồ Sĩ Giao	H. : [knxb], 1994	57tr: minh hoạ. - 27cm	VD97-98	
0756	Dịch chuyển đất đá và mặt đất do ảnh hưởng của công việc khai thác và các biện pháp bảo vệ công trình	Lê Nhân, Nguyễn Đình Bé	H. : [knxb], 1974	192tr: minh hoạ. - 27cm	VD99; R	R
0757	Lý thuyết bình sai lưới tam giác	Ngô Phúc Hưng, Đặng Hùng Võ	H. : ĐH và THCN, 1978	294tr: minh hoạ. - 27cm	VD104; VV	VV
0758	Trọng lực tr3/4c địa	Phạm Hoàng Lân	H. : [knxb], 1973	233tr: minh hoạ. - 27cm	VD100; R	R
0759	Trọng lực tr3/4c địa	Phạm Hoàng Lân	H. : [knxb], 1973	460tr: minh hoạ. - 27cm	VD101; R	R
0760	Tr3/4c địa lý thuyết	H. : [knxb], 1973	293tr: minh hoạ. - 27cm	VD102; R	R	
0761	Giáo trình vẽ địa hình	H. : [knxb], 1969	111tr: minh hoạ. - 27cm	VD103		
0762	Địa lý tự nhiên và địa lý kinh tế Việt Nam	Nguyễn Thị Băng Tâm	H. : [knxb], 1973	256tr: minh hoạ. - 27cm	VD105; R	
0763	Giáo trình tr3/4c địa mô	Nguyễn Đình Bé	H. : [knxb], 1971	280tr: minh hoạ. - 27cm	VD106; R	
0764	Giáo trình tr3/4c địa cao cấp : Phần ngoại nghiệp	Ngô Phúc Hưng,...	H. : [knxb], 1971	221tr: minh hoạ. - 27cm	VD107	
0765	Giáo trình tr3/4c địa cao cấp : Phần ngoại nghiệp	H. : [knxb], 1972	524tr: minh hoạ. - 27cm	VD108; R		
0766	Giáo trình tr3/4c địa mô	Nguyễn Đình Bé	H. : [knxb], 1971	587tr: minh hoạ. - 27cm	VD109; R	

0790	Cơ học kết cấu : Dùng cho học sinh tại chức các trường đại học kỹ thuật	Lê Thọ Trình,Hồ Anh Tuấn,Đoàn Hữu Quang	H. : ĐH và THCN, 1969	295tr: minh hoạ. - 21cm	VD134; VL	
0791	Bài tập cơ học kết cấu	Lê Văn Mai,Nguyễn Mạnh Yên	H. : ĐH và THCN, 1971	388tr: minh hoạ. - 27cm	VD135; VL	VL
0792	Hướng dẫn dạy nghề nguội	V.A.Xeacun	H. : ĐH và GDCN, 1988	115tr ; minh hoạ. - 24cm	VD136; VM889(1-3)	V3678-3681
0793	Giáo trình vận tải mô	Nguyễn Văn Đức	H. : [knxb], 1973	332tr: minh hoạ. - 27cm	VD137; R	
0794	Bài tập vận tải mô	H. : [knxb], 1977	167tr: minh hoạ. - 27cm	VD138; R	R	
0795	Bài tập vận tải mô	H. : [knxb], 1973	290tr: minh hoạ. - 27cm	VD139; R	R	
0796	Máy vận tải	Võ Quang Phiên	H. : [knxb], 1978	257tr: minh hoạ. - 27cm	VD140; R	
0797	Bài giảng thông tin tín hiệu mô	Nguyễn Đức Trung	H. : [knxb], 1968	138tr: minh hoạ. - 27cm	VD141; R	
0798	Thông tin điều khiển xa mô	Nguyễn Văn Khinh	H. : [knxb], 1978	150tr: minh hoạ. - 27cm	VD142; R	
0799	Thiết bị điện cao áp.Phần II	H. : [knxb], 1975	150tr: minh hoạ. - 27cm	VD143; R		
0800	Thiết bị điện hạ áp.Phần 3	H. : [knxb], 1974	38tr: minh hoạ. - 27cm	VD144; R		
0801	Giáo trình cơ sở lý thuyết thiết bị điện	H. : [knxb], 1976	286tr: minh hoạ. - 27cm	VD145; R		
0802	Tài liệu tra cứu : Dùng cho sinh viên ngành cơ điện thiết kế cung cấp điện	H. : [knxb], 1972	60tr: minh hoạ. - 27cm	VD146; R		
0803	Tài liệu tra cứu : Dùng cho sinh viên ngành cơ điện	H. : [knxb], 1973	136tr: minh hoạ. - 27cm	VD147; R		
0804	Giáo trình bảo vệ điện đặt ở trong mô	Trần Bá Đề	H. : [knxb], 1975	123tr: minh hoạ. - 27cm	VD150; R	
0805	Giáo trình trạm mạng điện	H. : [knxb], 1973	240tr: minh hoạ. - 27cm	VD149; R		
0806	Giáo trình trạm mạng điện	H. : [knxb], 1972	186tr: minh hoạ. - 27cm	VD148; R		
0807	Điện tử công nghiệp : Dùng cho các trường trung học chuyên nghiệp	Hoàng Hữu Thận	H. : ĐH và THCN, 1983	291tr: minh hoạ. - 27cm	VD151	Q27(1-164)
0808	Động cơ đốt trong	Trần Quốc Thịnh	H. : [knxb], 1978	110tr: minh hoạ. - 27cm	VD152; R	
0809	Độ tin cậy của các thiết bị vô tuyến điện tử	Đỗ Văn Cẩm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1985	319tr: minh hoạ. - 19cm	VD153; VM128(1-2)	V361-363
0810	Giáo trình truyền động điện : Dùng cho sinh viên ngành khai thác hầm lò,khai thác lộ thiên,xây dựng mỏ,tuyển khoáng,kỹ sư kinh tế	Trần Bá Đề,Nguyễn Văn Anh	H. : [knxb], 1975	142tr: minh hoạ. - 27cm	VD154; R	
0811	Cấu trúc lớp phủ thổ nhưỡng : Cấu trúc thổ bì	V.M.Fridland;Vũ Tự Lập....	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1982	327tr: minh hoạ. - 21cm	VD155; VM124(1-19)	V326-345
0812	Máy nâng chuyển	Đào Trọng Thường chủ biên,Nguyễn Đăng Hiếu....	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1986	158tr: minh hoạ. - 19cm	VD156; V	V258-287
0813	Bài tập kỹ thuật điện đại cương	H. : [knxb], 1972	117tr.: minh hoạ. - 27cm	VD158; R	R	
0814	Cơ sở lý thuyết mạch.Quyển 2 :Mạch phi tuyến,quá trình quá độ.Mạch thông số rải	Nguyễn Bình Thành	H. : ĐH và THCN, 1972	497tr.: minh hoạ. - 27cm	VD159; VL	VL
0815	Bài tập truyền động điện	H. : [knxb], 1973	251tr.: minh hoạ. - 27cm	VD157; R	R	

	chức ngành cơ khí					
0840	Bài giảng cơ sinh vật học	Đỗ Thị Bích Thược	H. : [knxb], 1991	123tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ176	Q136(1-127)
0841	Hướng dẫn thiết kế môn học máy thủy khí	Nguyễn Đức Sương, Trần Văn Triều, Lê Kinh Thanh	H. : [knxb], 1990	66tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ180; Q130	Q130(1-99)
0842	Máy ép khí Pít tông	Biên soạn : Nguyễn Hữu Khoát	H. : [knxb], 1979	153tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ186; R	
0843	Máy ép khí Pít tông	Biên soạn : Nguyễn Hữu Khoát	H. : [knxb], 1979	308tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ185; R	
0844	Giáo trình công nghệ kim loại : Dùng cho sinh viên ngành cơ khí	H. : [knxb], 1973	278tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ188; R		
0845	Tự động hoá các quá trình sản xuất mô	Ngô Đức Thao	H. : [knxb], 1976	209tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ189; R	
0846	Tự động hoá các quá trình sản xuất mô	Ngô Đức Thao	H. : [knxb], 1976	380tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ190; R	
0847	Kỹ thuật th3/4p sáng	Trần Bá Đề	H. : [knxb], 1973	530tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ191; R	R
0848	Hướng dẫn thiết kế máy biến áp	H. : [knxb], 1973	191tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ193; R	R	
0849	Giáo trình cơ sở lý thuyết thiết bị điện	H. : [knxb], 1976	286tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ194; R	R	
0850	Giáo trình trực tải	H. : [knxb], 1975	197tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ195	R	
0851	Cơ sở tính toán thiết kế trực tải mô	Người hiệu đính : Trần Doãn Trường,...	H. : [knxb], 1977	305tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ198; R	
0852	Kỹ thuật điện mô	Nguyễn Đức Trung	H. : [knxb], 1970	369tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ192	
0853	Công nghệ chế tạo máy	Đặng Vũ Giao,...	H. : ĐH và THCN, 1976	247tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ196; VL	VL
0854	Công nghệ chế tạo máy	Đặng Vũ Giao,...	H. : ĐH và THCN, 1977	280tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ197; VL	VL
0855	Kỹ thuật xung : Dùng cho học sinh đại học ngành kỹ thuật vô tuyến điện	Vương Cộng	H. : ĐH và THCN, 1971	309tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ199	
0856	Hướng dẫn thiết kế nguyên lý máy	Trần Doãn Trường	H. : [knxb], 1975	177tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ200; R	
0857	Hướng dẫn thiết kế môn học chi tiết máy	H. : [knxb], 1969	188tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ201; R	R	
0858	Thiết kế công nghệ chế tạo máy	Nguyễn Bảo	H. : [knxb], 1979	103tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ202; R	R
0859	Tập bản vẽ chi tiết máy	Nguyễn Bá Dương,...	H. : ĐH và THCN, 1978	106tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ203	
0860	Giáo trình lý thuyết đàn hồi	Nguyễn Hữu Bàng	H. : [knxb], 1990	250tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ204; Q139	Q139(1-163)
0861	Hướng dẫn thiết kế môn học máy nâng chuyên	Võ Quang Phiên	H. : [knxb], 1990	67tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ207; Q142	Q142(1-11)
0862	Giáo trình nguyên lý máy	Trần Doãn Trường	H. : [knxb], 1973	239tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ209; R	
0863	Nguyên lý máy : Dùng cho học sinh các trường đại học kỹ thuật	Đinh Gia Tường, Nguyễn Xuân Lạc, Trần Doãn Tiến	H. : ĐH và THCN, 1970	356tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ208	

0976	Phương pháp lập bản đồ địa chất	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1980	108tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ322; R	
0977	Cơ sở địa chất và các phương pháp tìm mỏ	Đặng Xuân Phong	H. : [knxb], 1977	251tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ329; R	
0978	Cơ sở địa chất	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1979	107tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ327; R	
0979	Cơ sở địa chất	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1979	190tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ328; R	
0980	Chủ nghĩa x* hội khoa học : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1991	151tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ326; Q145	Q145(1-200)	
0981	Chủ nghĩa xã hội khoa học : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1996	150tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ326-36; Q145	Q145(1-200)	
0982	Triết học Mác-Lê Nin : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1991	378tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ325	Q143(1-240)	
0983	Địa sử : Lịch sử phát triển vỏ quả đất	Tổng Duy Thanh	H. : ĐH và THCN, 1977	419tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ331	
0984	Tinh thể học đại cương	Quan Hán Khang,...	H. : ĐH và THCN, 1979	403tr.: minh hoạ. - 17cm	VĐ330	
0985	Địa chất Việt Nam : Phần Miền B3/4c. Kèm theo bản đồ địa chất tỉ lệ 1:1.000.000	Trần Văn Trị chủ biên,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	354tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ323; VL	VL
0986	Bài tập địa chất Việt Nam	H. : [knxb], 1977	310tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ324		
0987	Giáo trình địa chất cấu tạo	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1977	429tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ341; R	
0988	Giáo trình địa mạo đại cương	Đinh Ngọc Lưu, Đặng Văn Bát	H. : [knxb], 1979	221tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ340; R	
0989	Giáo trình những vấn đề chung về địa kiến tạo	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1978	260tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ339; R	
0990	Những vấn đề kiến tạo học	Nguyễn Đình Cát	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	463tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ338; R	
0991	Thạch học	Nguyễn Văn Chiến, Trịnh Ích, Phan Trường Thị	H. : ĐH và THCN, 1973	503tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ337; R	
0992	Cổ sinh vật học	Trương Cam Bảo	H. : ĐH và THCN, 1976	363tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ336	V
0993	Ứng dụng các phương pháp địa mạo trong nghiên cứu địa chất kiến trúc	Người dịch : nhóm địa mạo trường Đại học Mỏ-Địa chất	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	261tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ334; VL	VL
0994	Các kiểu thành hệ MACMA chính	I.U.A.Kuznetsov; Người dịch : Nguyễn Viết Ý,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 19	285tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ333	Q17(1-25)
0995	Quang học tinh thể và kính hiển vi phân cực	Quan Hán Khang	H. : ĐH và THCN, 1972	183tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ332	
0996	Xê-mi-na triết học	H. : Sự thật, 1988	92tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ335; Q74	Q74(1-155)	
0997	Bản hướng dẫn viết đồ án tốt nghiệp : Dùng cho sinh viên ngành địa chất thăm dò	H. : [knxb], 1976	44tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ342; R		

1019	Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình,Đur Trí Công,Nguyễn Hữu Hồ	H. : ĐH và GDCN, 1991	220tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ422; Q151	Q151(1-200)
1020	Bài giảng địa chất đại cương : Dùng cho các ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn và công trình	Võ Năng Lạc	H. : [knxb], 1991	95tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ423; Q125	Q125
1021	Bài giảng địa chất đại cương : Dùng cho các ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn và công trình	Võ Năng Lạc	H. : [knxb], 1991	85tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ424	Q124
1022	Bài giảng địa chất đại cương : Dùng cho các ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn và công trình	Võ Năng Lạc	H. : [knxb], 1991	115tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ425	Q123
1023	Bài giảng vật liệu xây dựng	Nguyễn Văn Quyền	H. : [knxb], 1991	124tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ427; Q119	Q119
1024	Bài tập vẽ kỹ thuật cơ khí	Phạm Thị Văn	H. : [knxb], 1991	166tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ426; Q	Q
1025	Thiết kế đồ án môn học tuyến nối	ạc	H. : [knxb], 1990	131tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ401; Q93	Q93(1-195)
1026	Giáo trình tiếng nga thực hành .Ngành tr3/4c địa : Sách dùng cho sinh viên	H. : [knxb], 1990	103tr.:minh hoạ. - 27cm	VD402; Q94	Q94(1-100)	
1027	Giáo trình tiếng nga thực hành.Ngành tr3/4c địa : Dùng cho sinh viên	H. : [knxb], 1990	95tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ424; Q96	Q96	
1028	Bài tập cơ học.Phần động lực học	Đỗ Sanh chủ biên,Nguyễn Văn Đình,...	H. : ĐH và GDCN, 1990	188tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ409; Q99	Q99(1-298)
1029	Bài tập cơ học.Phần động tĩnh học và động học : Có hướng dẫn và giải mẫu	Đỗ Sanh chủ biên,Nguyễn Văn Đình,...	H. : ĐH và GDCN, 1990	194tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ411; Q100	Q100(1-370)
1030	Công nghệ phá vỡ đất đá bằng sức nước	Lê Tuấn Lộc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1990	95tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ403; Q95	Q95(1-100)
1031	Cơ sở lý thuyết hoá học : Dùng cho các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Hạnh	H. : ĐH và GDCN, 1990	207tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ405; Q104	Q104(1-100)
1032	Cơ sở hoá học phân tích : Gồm 3 tập	A.P.Kreskov; người dịch : Từ Vọng Nghi, Trần Tứ Hiếu	H. : ĐH và GDCN; Maxcova : Mir. 1989	499tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ412	Q97(1-61)
1033	Toán học cao cấp : Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Đình Trí chủ biên,...	H. : ĐH và GDCN, 1990	399tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ408; Q102	Q102(1-372)
1034	Toán cao cấp : Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật	Kim Cương	H. : ĐH và GDCN, 1990	192tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ407; Q103	Q103(1-601)
1035	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	H. : ĐH và GDCN, 1990	172tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ413; Q109	Q109(1-250)	
1036	Lập trình trên máy vi tính bằng ngôn ngữ BASIC : Dùng làm tài liệu giảng dạy ở giai đoạn I trong các trường đại học kỹ thuật	Vũ Lục	H. : ĐH và GDCN, 1990	132tr. - 19cm	VĐ406; Q105	Q105(1-199)
1037	Bài giảng thống kê kinh tế.Phần I	Hồ Sĩ Sà chủ biên	H. : ĐH và GDCN, 1991	219tr. - 19cm	VĐ410; Q178	Q178(1-20)
1038	Kỹ thuật điện tử : Dùng làm tài liệu giảng dạy trong các trường đại học kỹ thuật	Đỗ Xuân Thụ	H. : ĐH và GDCN, 1990	266tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ414-419; Q112	Q112(1-235)
1039	Địa chất từ Điện Biên Phủ F-48-XX : Loại Tây B3/4c.Tỷ lệ 1:200.000	H. : Tổng cục địa chất, 1978	72tr. - 24cm	VĐ392; VM212(1-3)	V801-805	
1040	Địa chất từ Ninh Bình F-48-XXXIV : Loại	H. : Tổng cục địa chất, 1978	81tr. - 24cm	VĐ374;	V776-780	

	lưới			- 27cm		
1062	Tổ chức sản xuất và kế hoạch xí nghiệp chế tạo máy mô	Vương Huy Hùng	H. : [knxb], 1987	125tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ375; Q66	Q66(1-145)
1063	Tiếng nga.Năm thứ 1 : Sách dùng cho sinh viên các trường đại học khối tự nhiên và kỹ thuật CHXHCN Việt Nam	Đặng Văn Giai,M.M.Nakhabina,...	H : ĐH và GDCN; Maxcova : Mir, 1987	317tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ388; Q67	Q67(1-200)
1064	Tiếng nga.Năm thứ 2 : Sách dùng cho sinh viên các trường đại học khối tự nhiên và kỹ thuật CHXHCN Việt Nam	Đặng Văn Giai,T.E.Arôxêva,...	H : ĐH và GDCN; Maxcova : Mir, 1987	285tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ387; Q80	Q80(1-157)
1065	Động lực nước dưới đất	Phan Ngọc Cừ	H. : ĐH và GDCN, 1981	300tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ385; Q14-V	Q14+V
1066	Toán ứng dụng trong đời sống	IA.I.Perelman;Người dịch :Nguyễn Đình Dậu	Thanh Hoá : Nxb Thanh Hoá, 1987	182tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ359; VM669(1-3)	V2571-2575
1067	Hướng dẫn sử dụng thuốc	H. : Liên hiệp các xí nghiệp được Việt Nam, 1986	496tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ360; VM668	V2567-2570	
1068	Sơ đồ và biểu đồ về chủ nghĩa duy vật biện chứng	T.F.Vla-xô-va và E.A.I-Va-Nôp;Người dịch :Nguyễn Văn Long	H. : Sách giáo khoa Mác-Lê Nin, 1986	58tr. - 27cm	VĐ361; Q51	Q51(1-151)
1069	Máy nâng chuyển	Đào Trọng Thường chủ biên,Võ Quang Phiên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1986	189tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ362; Q52	Q52(1-70)
1070	Máy nâng chuyển	Đào Trọng Thường chủ biên,Võ Quang Phiên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1986	165tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ363; Q53	Q53(1-111)
1071	Sổ tay thiết kế nền và móng : Nhà,công trình công nghiệp,công trình dân dụng,công trình công cộng;nền và móng phức tạp	Người dịch :Đinh XuânBằng,Vũ Công ngữ,Lê Đức Th3/4ng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1974	365tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ369; VM1214	V2083
1072	Những điều cần biết khi dùng kháng sinh	Nguyễn Năng An,Lê Văn Khang	H. : Hội liên hiệp Khoa học kỹ thuật, 1987	104tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ365; VM670(1-2)	V2576-2279
1073	Địa chất khoáng sản	Nguyễn Văn Chữ chủ biên	H. : ĐH và THCN, 1987	181tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ370; Q62	Q62(1-100)
1074	Quy phạm kỹ thuật về công tác điều tra địa chất thuỷ văn,địa chất công trình trong khi tìm kiếm thăm dò các mỏ khoáng sản cứng	H. : [knxb], 1985	90tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ367; V2591-2599	V2590-2599	
1075	Quy định về các sổ sách,tài liệu,phụ lục sử dụng trong công tác điều tra ĐCTV-ĐCCT các mỏ khoáng sản cứng	H. : [knxb], 1986	77tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ3628; VM671(1-9)	V2580-2589	
1076	Hướng dẫn phương pháp thăm dò và đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất để cung cấp nước	Người dịch :Đoàn Văn Cánh,...;Hiệu đính :Võ Công Nghiệp	Maxcova. : Vxegingeo, 1979	198tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ360; V2603-2607	V2600-2603-2607
1077	Bài tập thuỷ lực	Võ Xuân Minh,Vương Lan Vân	H. : [knxb], 1987	989tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ364; Q54	Q54(1-286)
1078	Định mức lao động trong công nghiệp mỏ	Ngô Thế Bính	H. : [knxb], 1987	138tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ372; Q61	Q61(1-46)
1079	Phân tích hoạt động kinh tế xí nghiệp công nghiệp mỏ	Đặng Huy Thái,Nguyễn Văn Bưởi	H. : [knxb], 1987	202tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ371; Q60	Q60(1-45)
1080	Bài giảng truyền động điện tự động : Dùng	Phan Minh Tao	H. : [knxb], 1991	99tr.: minh hoạ.	VD429; Q126	Q126(1-34)

1102	Điện tử học lý thú	E.Xêđôv;Đặng Quang Khang,Vũ Kim Dũng,Nguyễn Thanh Phương dịch;Đặng Quang Khang hiệu đính	H. : Thanh niên, 1978	390tr.: minh hoạ. - 19cm	VD450; VM681	V2228
1103	Lập chương trình cho máy tính điện tử	M.I.Aghêep,V.M.Xavincốp;Người dịch :Nguyễn Văn Kỳ,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	450tr.: minh hoạ. - 19cm	VD457+647; VM234(1-8)	V2985935-941
1104	Đọc thêm tiếng Anh	Chu Xuân Nguyên,Hoàng Đức	H. : ĐH và THCN, 1979	221tr.: minh hoạ. - 19cm	VD451; VM171(1-22)	V527,529-549
1105	Sách học tiếng Anh	Phạm Duy Trọng,Nguyễn Đình Minh	H. : ĐH và THCN, 1978	390tr.: minh hoạ. - 19cm	VD453; VM170(1-5)	V514-519
1106	Ngữ pháp tiếng anh	Vũ Thanh Phương,Bùi ý	H. : ĐH và THCN, 1975	366tr.: minh hoạ. - 19cm	VD454	
1107	Ngữ pháp tiếng Việt.Câu	Hoàng Trọng Phiên	H. : ĐH và THCN, 1980	305tr.. - 19cm	VD456	
1108	Sách học tiếng Pháp	Phạm Văn Bằng	H. : ĐH và THCN, 1976	367tr.. - 19cm	VD452; VM174	V557
1109	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch :Đỗ Minh Hợp;Người hiệu đính :Đặng Hữu Toàn	H. : Chính trị quốc gia, 1998	442tr.. - 21cm	VD1054(1-2)	V5397-5398
1110	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch và hiệu đính:Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	536tr.. - 21cm	VD1055(1-2)	V5399-5400
1111	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch và hiệu đính :Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	546tr.. - 21cm	VD1056(1-2)	V5401-5402
1112	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch hiệu đính :Lê Hữu Tạng,Nguyễn Trọng Chuẩn,Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	677tr.. - 21cm	VD1057(1-2)	V5403-5404
1113	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch và hiệu đính :Lê Hữu Tạng,Nguyễn Trọng Chuẩn,Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	693tr.. - 21cm	VD1058(1-2)	V5405-5406
1114	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch và hiệu đính :Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	480tr.. - 21cm	VD1059(1-2)	V5407-5408
1115	Đề cương tập bài giảng về quản lý nhà nước và hành chính doanh nghiệp : Lưu hành nội bộ	Nhóm biên soạn :Vũ Huy Từ	H. : Chính trị quốc gia, 1998	187tr.. - 26cm	VD1065(1-2)	V5413-5414
1116	Tư duy khoa học trong giai đoạn cách mạng khoa học-công nghệ	Lê Hữu Nghĩa,Phạm Duy Hải	H. : Chính trị quốc gia, 1998	148tr.. - 19cm	VD1062(1-2)	V5019-5020
1117	Nguyễn ái Quốc ở Quảng Châu (1924-1927): Sách tham khảo	Nhóm biên soạn :Song Thành chủ biên,...	H. : Chính trị quốc gia, 1998	209tr.. - 19cm	VD1063(1-2)	V5417-5418
1118	Góp phần tìm hiểu lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam : (Hỏi và đáp)	Nguyễn Trọng Phúc	H. : Chính trị quốc gia, 1998	293tr.. - 21cm	VD1064(1-2); VM1119	V5415-54166135
1119	Các quy định pháp luật về thương mại và các văn bản có liên quan	H. : Chính trị quốc gia, 1998	1064tr.. - 21cm	VD1061(1-4)	V5411-5412	
1120	Các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán : văn bản mới nhất	H. : Chính trị quốc gia, 1998	1059tr.. - 21cm	VD1060(1-2); VM1092(1-2)	V5409-5410	
1121	Giáo trình xác suất thống kê	Tổng Đình Quý	H. : Giáo dục, 1999	243tr.: minh hoạ. - 21cm	VD1053(1-20); Q328	Q328(1-270)
1122	Kỹ thuật số và đo lường điện trong công	Đào Văn Tân	H. : Giao thông vận tải,	324tr.. - 21cm	VD1052(1-50);	Q327(1-200)

1141	Công nghệ cơ khí hoá và tự động hoá sản xuất trong mỏ hầm lò	A.X.Burtsakov;Người dịch : Phạm Ngọc Can;Vũ Cao Đàm hiệu đính	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	645tr.: minh hoạ. - 21cm	VD480; VM774(1-12)	V3251-3264
1142	Cơ sở lý thuyết chung về lò	M.A.Glincôp;Nguyễn Mạnh Tường dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	593tr.: minh hoạ. - 24cm	VD481; VM395(1-3)	V3269
1143	Định mức tổng hợp để lập phương án-dự toán trong công tác tìm kiếm - thăm dò địa chất	H. : [knox], 1979	105tr. - 19cm	VD478; VM315(1-3)	V1356-1360	
1144	Định mức tổng hợp để lập phương án-dự toán trong công tác tìm kiếm - thăm dò địa chất	H. : [knox], 1979	190tr. - 19cm	VD479; VM316(1-8)	V1361-1365	
1145	Định mức tổng hợp để lập phương án-dự toán trong công tác tìm kiếm - thăm dò địa chất	H. : [knox], 1979	247tr. - 19cm	VD476; VM317(1-6)	V3147	
1146	Định mức tổng hợp để lập kế hoạch sản xuất cơ khí địa chất	H. : [knox], 1979	84tr. - 19cm	VD477; VM323(1-4)	V1397V1399-1400	
1147	Tính toán áp lực đất đá lên công trình	Đinh Xuân Bảng,Nguyễn Tiến Cường,Phan Tường Phiệt	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	593tr.: minh hoạ. - 19cm	VD482; VM399(1-12)	V3133-3141,2742
1148	Sự cố trong khoan xoay thăm dò.Những biện pháp phòng ngừa và cứu chữa	A.K.Ve-T-Rôv;Người dịch :Nguyễn Đức Bảo	H. : Cục công trình-Tổng cục địa chất, 1970	193tr.: minh hoạ. - 19cm	VD483; VM373(1-14)	V1542-1546
1149	Sổ tay tổ trưởng khoan	A.L.Avrutxoki,...;Người dịch :Nguyễn Văn Lân	H. : Lao động, 1970	374tr.: minh hoạ. - 19cm	VD485	
1150	Sổ tay tổ trưởng khoan	A.L.Avrutxoki,...;Người dịch :Nguyễn Văn Lân	H. : Lao động, 1971	403tr.: minh hoạ. - 19cm	VD484; VM388(1-15)	V2621-2624
1151	Quy phạm sử dụng phân cấp trữ lượng các mỏ dầu và khí đốt : Của uỷ ban trữ lượng khoáng sản nhà nước trực thuộc hội đồng bộ trưởng Liên Xô	H. : [knox], 1976	93tr.: minh hoạ. - 19cm	VD486; VM376(1-4)	V1552-1553	
1152	Nước và công nghiệp hoá học	Dương Văn Đàm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	140tr.: minh hoạ. - 19cm	VD487	
1153	Các loại đất chính ở nước ta	Nguyễn Vy.Đỗ Đình Thuận	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	142tr.: minh hoạ. - 19cm	VD488	
1154	Địa lý thổ nhưỡng với cơ sở thổ nhưỡng học	V.V.Đobrovolxki.;Người dịch :Trịnh Sanh,Lê Phúc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	390tr.: minh hoạ. - 19cm	VD489	
1155	Tính toán thủy văn	K.P.Klibasev,I.F.Goroskov;Người dịch :Ngô Đình Tuấn,Lê Thạc Cán	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	483tr.: minh hoạ. - 19cm	VD490; VM308(1-6)	V1276-1280
1156	Hình học của vũ trụ	Livanova Anna;Người dịch :Lê Ngọc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	283tr.: minh hoạ. - 19cm	VD491; VM190(1-7)	V663-669
1157	Những quy luật địa lý chung của trái đất	X.V.Kalennik;Người dịch :Đào Trọng Năng;Người hiệu đính :Nguyễn Đức Chính	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	346tr.: minh hoạ. - 19cm	VD492; VM134	V2329
1158	Ký hiệu bản đồ địa hình.Tỷ lệ 1:25.000,1:50.000,1:100.000	H. : Cục đo đạc và bản đồ, 1969	150tr.: minh hoạ. - 19cm	VD493; VM469(1-4)	V2929-2930V2932-29332935	

		1975		VM680(1-5)		
1180	Sổ tay tr3/4c địa	Vũ Hoà,...;Hiệu đính :Nguyễn Ngọc Thừa	H. : Tổng cục địa chất, 1975	606tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ518; VM470(1-3)	V2646-2647
1181	Cuộc xâm lăng về văn hoá và tư tưởng của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam	Lữ Phương	H. : Văn hoá, 1985	266tr. - 19cm	VĐ521; V399-400	V399-401
1182	Lệ làng phép nước	Bùi Xuân Đính	H. : Pháp lý, 1985	215tr. - 19cm	VĐ522; V386-387	V386-388
1183	Thư tịch cổ Việt Nam nói về chủ nghĩa bành trướng.bá quyền Đại Hán	H. : Thông tin lý luận, 1985	246tr. - 19cm	VĐ520	V383-385	
1184	C.Mác và Ph.Ăng-Ghen.Cuộc đời và hoạt động : Tài liệu tham khảo nước ngoài	Ô-Guy-xtơ.Coóc-Nuy.	H. : Sự thật, 1978	281tr. - 19cm	VĐ515	
1185	C.Mác và Ph.Ăng-Ghen.Cuộc đời và hoạt động : Tài liệu tham khảo nước ngoài	Ô-Guy-xtơ.Coóc-Nuy.	H. : Sự thật, 1979	200tr. - 19cm	VĐ516; VM163(1-3)	V490
1186	Giới thiệu quyển I bộ "Tư bản" của C.Mác	Đ.I.Rô-Den-Be	H. : Sự thật, 1960	590tr. - 19cm	VĐ519	
1187	C.Mác và Ph.Ăng-ghen cuộc đời và hoạt động : tài liệu tham khảo nước ngoài	Ô-Guy-xtơ.Coóc-Nuy.	H. : Sự thật, 1977	179tr. - 19cm	VĐ527; VM161(1-4)	V493-494
1188	Văn hoá và nếp sống các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hà Nhi-Lô Lô	Nguyễn Văn Huy	H. : Văn Hoá, 1985	283tr. - 19cm	VĐ524	V380-382
1189	Một số ứng dụng của thiết bị điện tử điện tử và bán dẫn trong máy sản xuất	Bùi Đình Tiểu,Nguyễn Trọng Thuần	II. : Khoa học và kỹ thuật, 1985	309tr. - 19cm	VĐ525; VM129(1-2)	V364-366
1190	Khử rung cho máy	N.V.Kolexnik;Người dịch : Nguyễn Thành Bang,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1970	274tr. - 19cm	VĐ526	
1191	Cách tính khung nhiều tầng	G.Kani;Người dịch : Hồ Anh Tuấn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	143tr. - 19cm	VĐ528; VM481(1-2)	V2063-2064
1192	Cát đề thử xi măng. Phương pháp thử cơ lý và phương pháp phân tích hoá học	H. : [knxb], 1977	64tr. - 19cm	VĐ529; VM511(1-8)	V2173-2177	
1193	Tiêu chuẩn xây dựng : Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo cho các công trình kiến trúc	H. : Xây dựng, 1983	105tr. - 19cm	VĐ530		
1194	Tìm hiểu máy tính điện tử	Nguyễn Bá Hào.Hoàng Kiêm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	146tr. - 19cm	VĐ531; VM523(1-4)	V2224-2227
1195	Sổ tay sửa chữa máy điện quay	Đặng Dũng,Đỗ Gia Phan,Nguyễn Sĩ Tuyên	H. : Lao động, 1976	370tr. - 19cm	VĐ532; VM776(1-2)	V3340-3341
1196	Sách tra cứu kiểm tra sản xuất trong chế tạo máy	A.K.Kutai;Bộ môn máy chính xác Trường đại học bách khoa Hà Nội dịch;Hiệu đính :Nguyễn Thị Xuân Bầy,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1982	496tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ533; VM445(1-3)	V1810-1812
1197	Mài s3/4c dụng cụ c3/4t	X.A.PoPov,L.G.Dibner,A.X.ka menkovits;Người dịch :Hà Nghiệp	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	307tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ534; VM422(1-8)	V1743-1744
1198	Sổ tay thiết kế cơ khí	Tô Xuân Giáp,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	393tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ535; VM770(1-5)	V2675
1199	Cơ khí đại cương	Hoàng Mạnh Tuấn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1970	307tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ536	
1200	Phòng cháy và chữa cháy thông thường đối	Biên soạn : Đỗ Duy Sơn;Tranh	H. : Công an nhân dân,	43tr.: minh hoạ.	VĐ523	V389-391

1220	Phép chiếu trục đo	E.A.Glazunov, N.F.Cheverukhin; Người dịch : Hoàng Văn Thân	H. : ĐH và THCN, 1979	379tr.: minh hoạ. - 21cm	VD557; VM193(1-16)	V705-719
1221	Cơ sở toán học hiện đại	Helena, Rasiowa; Người dịch : Trần Tất Th3/4ng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	286tr.: minh hoạ. - 24cm	VD566	
1222	Tổng quan về đại số hiện đại	Garrett Birkhoff, Saunders macLane; Người dịch : Ngô Thúc Lanh	H. : ĐH và THCN, 1979	255tr.: minh hoạ. - 24cm	VD567; VM197	V743-744
1223	Đại số hiện đại	Sze-tsen. Hu	H. : ĐH và THCN, [1979]	174tr.: minh hoạ. - 24cm	VD568; VM186(1-8)	V635-645
1224	Chuỗi Fourier và ứng dụng	G.P.Tôlstôv; Người dịch : Bùi Hữu Dân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	335tr.: minh hoạ. - 24cm	VD565; VM221(1-2)	V874-875
1225	Bệnh khớp	Trần Ngọc An, Phạm Khuê	H. : Y học, 1979	139tr.: minh hoạ. - 24cm	VD564	
1226	Sổ tay lâm sàng. Từ triệu chứng đến toa thuốc : Tài liệu tham khảo cho các y, bác sĩ	V.Fattorusso, O.Ritter; Người dịch : Nguyễn Chương,....	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	1022tr.: minh hoạ. - 24cm	VD563; VM366(1-2)	V3023
1227	Những cây thuốc bổ thường dùng	Trần Công Khánh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	123tr.: minh hoạ. - 19cm	VD562; VM360(1-6)	V1504-1509
1228	Hướng dẫn phương pháp đo về thủy địa chất. Tỷ lệ 1:50.000 và 1:25.000	Lê Huy Hoàng, Nguyễn Đức Tâm,....	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	353tr.: minh hoạ. - 24cm	VD561	
1229	Kim loại học	A.P.Gu-lai-ep; Khoa cơ khí luyện kim trường đại học Bách khoa. Tổ kim tương nhiệt luyện dịch	H. : Giáo dục, 1963	521tr.: minh hoạ. - 24cm	VD560; VM415(1-3)	V1717-1718
1230	Sổ tay nhiệt luyện	X.A.Filinop, I.V.Firger; Đặng Lê Toàn,.... dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	350tr.: minh hoạ. - 24cm	VD559; VM420(1-5)	V1736-1740
1231	Toán học trong thế giới ngày nay	Người dịch : Đoàn Trịnh Ninh, Trần Chí Đức	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	127tr.: minh hoạ. - 21cm	VD558; VM185(1-18)	V617-634
1232	Hướng dẫn giải bài tập toán giải tích : Dùng cho học sinh tại chức đại học kỹ thuật	Dương Thủy Vỹ, Vũ Long, Tạ Văn Đình	H. : ĐH và THCN, 1982	210tr.: minh hoạ. - 21cm	VD549; VM142	
1233	Điện động lực học các môi trường liên tục	L.Đ.Landau, E.M.Lifshitz; Người dịch : Đặng Quang Khang	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	382tr.: minh hoạ. - 22cm	VD576; VM293	V1167
1234	Điện động lực học các môi trường liên tục	L.Đ.Landau, E.M.Lifshitz; Người dịch : Đặng Quang Khang	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	682tr.: minh hoạ. - 22cm	VD575; VM295	V1168
1235	Giáo trình cơ vật lý : Dùng cho các trường đại học tổng hợp và sư phạm	Ngô Quốc Quỳnh, Nguyễn Hữu Xí	H. : ĐH và GDCN, 1976	354tr.: minh hoạ. - 26cm	VD578	
1236	Sách tra cứu Tranzito và diôt bán dẫn	K.M.Brejneva,....; Người dịch : Lý Kiến Dũng	H. : Khoa học kỹ thuật, 1972	853tr.: minh hoạ. - 22cm	VD577	
1237	Điện tử công nghiệp	I.L.Kaganop; Người dịch : Ngô Đức Dũng	H. : ĐH và THCN, 1979	227tr.: minh hoạ. - 22cm	VD574	
1238	Bất đ1/4ng thức (Dịch từ bản tiếng Nga)	G.H.Hardy, J.E.Littlewood, G.P.olya; Người dịch : Nguyễn Kh3/4c Lân	H. : ĐH và THCN, 1971	423tr.: minh hoạ. - 24cm	VD572; VM202(1-4)	V757-761
1239	Phương trình vi phân hệ động lực và đại số tuyến tính	M.W.Hocs, X.Xmây; Người dịch : Nguyễn Văn Đạo và	H. : ĐH và THCN, 1979	438tr.: minh hoạ. - 24cm	VD571; VM230(1-4)	V918-922

1260	Kỹ thuật khai thác mỏ than hầm lò	Đỗ Trọng Sơn, Vũ Mạnh Tân, Hồ Quốc Dũng	H. : Công nhân kỹ thuật, 1976	175tr.: minh hoạ. - 27cm	VD596; VM394(1-6)	V1631-1636
1261	Tuyển khoáng đại cương	Thái Duy Thẩm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1970	330tr.: minh hoạ. - 27cm	VD597; VM400(1-3)	V3240-3241
1262	Sổ tay thiết kế nền và móng : (Nhà, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình công cộng : nền và móng phức tạp)	Người dịch : Đinh Xuân Bảng, Vũ Công Ngữ, Lê Đức Th3/4ng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	224tr.: minh hoạ. - 27cm	VD598; VM483(1-11)	V3089-3090
1263	Tính toán nền móng theo trạng thái giới hạn	Lê Quý An, Nguyễn Công Mẫn, Hoàng Văn Tân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	435tr.: minh hoạ. - 27cm	VD599; VM1212	V3203
1264	Bí ẩn trong Windows'95 : Giúp hiểu rõ và thực hành chi tiết	Nguyễn Phi Khử, Quang Hùng	Biên Hòa : Đồng Nai, 1996	194tr.: minh hoạ. - 24cm	VD600; VM784	V3930-3931
1265	Tính toán móng cọc	Lê Đức Th3/4ng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	219tr.: minh hoạ. - 27cm	VD601	
1266	Những phương pháp xây dựng công trình trên nền đất yếu	Hoàng Văn Tân,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	346tr.: minh hoạ. - 27cm	VD602; VM597	V2711
1267	Cơ sở giải tích toán học	G.M.Fichtengôn; Người dịch : Hoàng Hữu Đường, Nguyễn Hữu Ngự	H. : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1972	379tr.: minh hoạ. - 27cm	VD614; VM797(1-2)	V3391-3392
1268	Cơ sở giải tích toán học	G.M.Fichtengôn; Người dịch : Hoàng Hữu Như, Phan Văn Hạp	H. : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1972	412tr.: minh hoạ. - 27cm	VD615	
1269	Dung sai và l3/4p ghép	H. : Khoa học, 1965	55tr.: minh hoạ. - 27cm	VD613		
1270	Sách tra cứu về nhiệt luyện : Dùng cho cán bộ kỹ thuật	Bộ môn kim loại học và nhiệt luyện trường đại học bách khoa dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	458tr.: minh hoạ. - 27cm	VD612; VM410(1-4)	V1103-1106
1271	Mạch điện trong máy c3/4t gọt kim loại	Phan Văn Kim,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	183tr.: minh hoạ. - 27cm	VD611; VM396(1-2)	V1639-1641
1272	L3/4p đặt thiết bị điện : Tài liệu tham khảo	H. : Công nhân kỹ thuật, 1979	348tr.: minh hoạ. - 27cm	VD610; VM403(1-5)	VI676-1679	
1273	Sổ tay vật liệu kỹ thuật điện	H. : Công nhân kỹ thuật, 1978	373tr.: minh hoạ. - 27cm	VD609; VM404(1-9)	VI681-1689	
1274	Cơ sở kỹ thuật siêu cao tần : Dùng cho học sinh đại học ngành vô tuyến điện	Nguyễn Văn Ngo	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	243tr.: minh hoạ. - 27cm	VD608; VM780(1-3)	V3307-3309
1275	Cấu tạo máy kéo	Đinh Văn Khôi, Đỗ Văn Trinh, Lê Văn Thư	H. : Công nhân kỹ thuật, 1976	463tr.: minh hoạ. - 27cm	VD607; VM477(1-4)	V2054-2057
1276	Cấu tạo và tính toán móng máy	O.A.Xavinôv; Người dịch : Lê ất Hợi, Vũ Công Ngữ, Lê Vĩnh Tuy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	382tr.: minh hoạ. - 27cm	VD606; VM391(1-2)	V1621
1277	Sổ tay thiết kế cơ khí	Trần Văn Bảo,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	507tr.: minh hoạ. - 27cm	VD605; VM462(1-16)	V1887-1889V1891-1903
1278	Điện tử công nghệ	I.L.Kaganôp; Người dịch : Ngô Đức Dũng	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	245tr.: minh hoạ. - 27cm	VD604	
1279	Sổ tay đèn điện tử thông dụng	Tô Tấn	H. : Công nhân kỹ thuật, 1985	493tr.: minh hoạ. - 27cm	VD603; VM132	V413-417
1280	Đất và vỏ phong hoá nhiệt đới ẩm (Thí dụ	V.M.Fridland; Người dịch : Lê	H. : Khoa học và kỹ thuật,	318tr.: minh hoạ.	VD628; VM768	V3039-3040

	cốt thép		1974	- 27cm	VM484(1-8)	
1301	Nhà nước trong kinh tế thị trường các nước đang phát triển châu á	H. : Khoa học xã hội, 1991	259tr.: minh hoạ. - 27cm	VD637; VM852	V3537-3538	
1302	Bảng hàm số lượng giác 6 số lẻ	I.Peterx	H. : Cục đo đạc và bản đồ nhà nước, 1980	294tr.: minh hoạ. - 27cm	VD638; VM246(1-41)	V3378-3383
1303	Máy thu hình	Nguyễn Thế Cường	H. : Viện khoa học Việt Nam, 1983	49tr.: minh hoạ. - 20cm	VD639	
1304	Máy thu hình	Nguyễn Thế Cường	H. : Viện khoa học Việt Nam, 1983	49tr.: minh hoạ. - 20cm	VD640	
1305	Máy thu hình	Nguyễn Thế Cường	H. : Viện khoa học Việt Nam, 1983	50tr.: minh hoạ. - 20cm	VD641; VM526	V2237
1306	Tập thiết kế mẫu tuyển chọn năm 1974	H. : Viện khoa học kỹ thuật xây dựng, 1975	86tr.: minh hoạ. - 20cm	VD642; VM529(1-3)	V2241-2243	
1307	Kí hiệu bản đồ địa hình.Tỉ lệ 1:500,1:1000,1:2000,1:5000	H. : Cục đo đạc và bản đồ nhà nước, 1977	141tr.: minh hoạ. - 20cm	VD643; VM468(1-38)	V1951(1-4)V1956(1-2)1988(1-2)V8977	
1308	áo đường bằng đất gia cố	V.M.Bezruk,A.X.Elenovits;Người dịch : Đỗ Bá Chương,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1981	381tr.: minh hoạ. - 20cm	VD644; VM144	
1309	Phương trình tích phân và cách giải gần đúng	Phan Văn Hạp	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1974	291tr.: minh hoạ. - 20cm	VD645	
1310	Phương pháp toán học trong điều khiển tối ưu	V.G.Bónchianxki;người dịch : Trần Cao Nguyên,Nguyễn Tùng Sơn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	493tr.: minh hoạ. - 20cm	VD646; VM240(1-4)	V967-970
1311	Thiên văn học giải trí	V.N.Cômarôp;Người dịch : Lê Mạnh Chiến,Đ3/4c Lê,Thế Trường	H. : Khoa học và kỹ thuật; Maxcova : Mir, 1982	360tr.: minh hoạ. - 20cm	VD648	
1312	Tạo lập-Tổ chức-Vận hành doanh nghiệp : Thông tin chuyên đề	H. : Trung tâm thông tin;ủy ban kế hoạch nhà nước, 1992	270tr.: minh hoạ. - 19cm	VD649	V3539-3540	
1313	Chủ nghĩa tư bản hiện đại.Tư nhân hoá ở các nước tư bản phát triển : Thông tin chuyên đề (Tài liệu tham khảo)	H. : Viện khoa học xã hội Việt Nam;Viện kinh tế thế giới Hà Nội, 1992	105tr.: minh hoạ. - 19cm	VD651; VM853	V3541-3542	
1314	Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán học : Cho các ngành thuộc khối nông, lâm, ngư nghiệp	Lê Văn Tiến	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	237tr.: minh hoạ. - 19cm	VD650; VM837(1-3)	V34763478-3480
1315	Tự làm đồ gỗ trong gia đình	Tô Khánh Vân,Lưu Huy Khánh	H. : Xây dựng : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1988	87tr.: minh hoạ. - 19cm	VD652; VM846(1-3)	V3520-3523
1316	Lái xe cần biết	Trần Khải Hoàn,Nguyễn Anh Đức	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1989	275tr.: minh hoạ. - 19cm	VD653; VM845(1-3)	V3516-3519
1317	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và đầu tư	Trần Văn Chu,Trần Đình áp,Hoàng Hà	H. : Licoaxuba, 1991	223tr.: minh hoạ. - 19cm	VD654	V3533-3536
1318	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Vũ Hữu Từ	H. : Trường đại học ngoại thương, 1992	247tr.: minh hoạ. - 19cm	VD656; VM864(1-2)	V3577-3580
1319	Máy vi tính.những kiến thức căn bản	Davis.Wililiam S.	H. : Đại học tổng hợp	291tr.: minh hoạ.	VD655	

1338	Kế toán quốc tế	Robert N. Anthony; Người dịch : Trần Hoài Nam, Trương Đức Chính; Hiệu đính : Trần Hoài Nam	H. : Thống kê, 1992	324tr. - 19cm	VD675; VM859(1-2)	V3559-3561
1339	Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và hướng dẫn thi hành	H. : Pháp lý, 1992	606tr. - 19cm	VD676		
1340	Điện toán căn bản : Tài liệu tham khảo	Biên soạn : Lương Văn Thụy, Vũ Văn Sơn, Nguyễn Văn Thà	T.P. Hồ Chí Minh : [Knxb], 1991	170tr. - 19cm	VD677; VM880(1-2)	V3647-3649
1341	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và đầu tư	Trần Văn Chu, Trần Đình áp, Hoàng Hà	H. : Licosaxuba, 1991	136tr. - 19cm	VD678; VM851	V3535-3536
1342	Các văn bản pháp luật về thuế	Việt-Nam (Cộng hoà xã hội chủ nghĩa)	H. : Pháp lý, 1992	634tr. - 19cm	VD679; VM856	V3547-3548
1343	Sổ tay thanh toán quốc tế	Đinh Xuân Trinh	H. : [Knxb], 1992	204tr. - 19cm	VD680; VM865	V3581-3583
1344	Kinh nghiệm phát triển của các nền kinh tế trong khu vực và kinh tế Việt Nam	Võ Đại Lộc, Trần Văn Thọ	H. : [Knxb], 1991	237tr. - 19cm	VD681; VM855	V3545-3546
1345	Các văn bản pháp lý về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	H. : [Knxb], 1992	800tr. - 19cm	VD682	V3551	
1346	Quy trình kỹ thuật an toàn điện trong công tác quản lý-vận hành sửa chữa và xây dựng đường dây cao hạ thế-trạm biến thế	H. : [Knxb], 1989	135tr.: minh hoạ. - 19cm	VD683; VM869(1-3)	V3601-3604	
1347	Bài giảng lý thuyết và bài tập lý thuyết thống kê	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1990	368tr. - 19cm	VD684; VM868(1-3)	V3596-3599	
1348	Hệ thống hoá văn bản pháp luật về quản lý kinh tế	Việt Nam (Cộng hoà xã hội chủ nghĩa)	H. : Pháp lý, 1992	755tr. - 19cm	VD685; VM904(1-2)	
1349	Kế toán thực hành	Lâm Quý, Lê Thụ	H. : Tạp chí thống kê, 1992	195tr. - 19cm	VD686; VM854	V3543-3544
1350	Lý thuyết hạch toán kế toán : Dùng cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế và cán bộ quản lý kinh doanh	Nguyễn Quang Quỳnh chủ biên, Nguyễn Gia Thụ	H. : Xây dựng, 1991	243tr. - 19cm	VD687; VM861(1-6)	V3566-3569
1351	Tâm lý và x* hội học quản lý kinh tế : (Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý kinh tế)	Biên soạn : Đỗ Hoàng Toàn	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	199tr. - 19cm	VD688; VM844(1-4)	V3511V3513-3514
1352	Một số máy bơm nước dùng trong gia đình	Nguyễn Hữu Khoát	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	63tr.: minh hoạ. - 19cm	VD689; VM843(1-8)	V3501-3510
1353	Quản lý và sửa chữa lưới điện	Nguyễn Bình, Nguyễn Quốc Ilinh	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1980	225tr.: minh hoạ. - 19cm	VD690; VM870(1-3)	V3605-3608
1354	Bên trong của máy vi tính IBM-PC	Peter Norton; Người dịch : Nguyễn Hoàng, Trần Quang Minh	H. : Licosaxuba, 1989	453tr. - 19cm	VD691; VM858(1-2)	V3556-3558
1355	MS-DOS Version 5.0	Người dịch : Tạ Minh Châu, Nguyễn Đình Tê; Hiệu đính : Đỗ Phúc	T.P. Hồ Chí Minh : Trung tâm đào tạo tin học-CMT, 1992	318tr. - 19cm	VD692; VM877	V3635-3636
1356	Tài liệu nghiên cứu nghị quyết hội nghị lần thứ sáu (Lần 2) ban chấp hành trung ương	H. : Chính trị quốc gia, 1999	162tr. - 19cm	VD10661-2; VM85(1-13)	V5421-5435	

1376	Tin học ứng dụng : Đơn nguyên học tập	Thạc Bình Cường, Nguyễn Quang Đạo	H. : Giáo dục, 1995	135tr. - 27cm	VD713; Q263	Q263
1377	Tin học ứng dụng : Đơn nguyên học tập	Thạc Bình Cường, Nguyễn Quang Đạo	H. : Giáo dục, 1995	265tr. - 27cm	VD714; Q264	Q264
1378	Tin học ứng dụng : Đơn nguyên học tập	Thạc Bình Cường, Nguyễn Quang Đạo	H. : Giáo dục, 1995	263tr. - 27cm	VD715; Q265	Q265
1379	Tin học ứng dụng : Đơn nguyên học tập	Thạc Bình Cường, Nguyễn Quang Đạo	H. : Giáo dục, 1995	190tr. - 27cm	VD716; Q266	Q266
1380	Ôn thi học kì và thi vào giai đoạn 2. Môn toán cao cấp : Dùng cho các trường Đại học kỹ thuật	Lê Ngọc Lăng chủ biên,...	H. : Giáo dục, 1994	384tr. - 21cm	VD721; Q250	Q250(1-400)
1381	Ôn thi học kì và thi vào giai đoạn 2. Môn toán cao cấp : Dùng cho các trường Đại học kỹ thuật	Lê Ngọc Lăng chủ biên,...	H. : Giáo dục, 1994	400tr. - 21cm	VD722(1-59); Q269	Q269(1-409)
1382	Số liệu thống kê giáo dục và đào tạo 1945-1995	H. : [Knxb], 1995	100tr.; minh hoạ. - 27cm	VD717	V3907	
1383	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	H. : [Knxb], 1995	166tr.. - 24cm	VD718; Q261	Q261(1-70)
1384	Kỷ yếu hội nghị chuyên đề giáo dục đại học Việt Nam xuân Giáp Tuất 2/1994	H. : [Knxb], 1994	555tr.. - 24cm	VD719	V3809	
1385	Tr3/4c nghiệm và đo lường cơ bản trong giáo dục	Nghiêm Xuân Nùng biên dịch; Lâm Quang Thiệp hiệu đính và giới thiệu	H. : [Knxb], 1995	289tr.: minh hoạ. - 20cm	VD720	V3917
1386	Bài tập ngôn ngữ lập trình Pascal : Dùng với Turbo Pascal	Quách Tuấn Ngọc	H. : [Knxb], 1993	134tr.: minh hoạ. - 19cm	VD723; Q188	Q188(1-308)
1387	Tiếng Việt hiện đại : Ngữ âm, ngữ pháp, phong cách	Nguyễn Hữu Quỳnh	H. : [Knxb], 1994	309tr.. - 19cm	VD724	V3911
1388	Nghiên cứu khoa học công nghệ : (Lý luận và phương pháp)	H. : Chính trị quốc gia, 1994	167tr. - 19cm	VD725; Q260	Q260(1-50)	
1389	Chế độ mới về quản lý tài chính và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước	H. : [Knxb], 1996	486tr.. - 21cm	VD726	V4020	
1390	Kết cấu bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế	H. : Xây dựng, 1992	96tr.: minh hoạ. - 27cm	VD727VD740-742		
1391	Hướng dẫn thiết kế quy hoạch chiều cao và thoát nước đô thị	Bùi Văn Toàn	H. : Xây dựng, 1993	42tr.: minh hoạ. - 27cm	VD728-729	
1392	Quy hoạch đô thị	Phạm Kim Giao, Hàn Tất Ngạn, Đỗ Đức Viêm	H. : Xây dựng, 1991	170tr.: minh hoạ. - 27cm	VD743-744	
1393	Hồ Chí Minh toàn tập	Phạm Hồng Chương chủ biên, Nguyễn Văn Lanh, Nguyễn Kim Dung	H. : Chính trị quốc gia, 1996	736tr.: minh hoạ. - 22cm	VD739	V4053
1394	Hồ Chí Minh toàn tập	Đức Vương chủ biên, Trần Hải, Phan Minh Hiền	H. : Chính trị quốc gia, 1995	811tr.: minh hoạ. - 22cm	VD738	V3905
1395	Hồ Chí Minh toàn tập	Phạm Mai Hùng chủ biên, Ngô Văn Tuyền, Lê Trung Kiên	H. : Chính trị quốc gia, 1996	tr.: minh hoạ. - 22cm	VD737	V4051
1396	Hồ Chí Minh toàn tập	Lê Văn Tích chủ biên, Ngô Văn Tuyền, Lê Trung Kiên	H. : Chính trị quốc gia, 1995	589tr.: minh hoạ. - 22cm	VD736	V3902

			trẻ, 1995	- 19cm		
1415	Hướng dẫn sử dụng nhanh Microsoft Word for Windows	Bùi Văn Thanh, Nguyễn Tiến	H. : Giáo dục, 1995	208tr.: minh hoạ. - 21cm	VD755	V3940
1416	Cơ sở công nghệ khai thác đá	Hồ Sĩ Giao	H. : Giáo dục, 1996	360tr.: minh hoạ. - 21cm	VD756(1-51); Q275	Q275(1-199)
1417	Toán học cao cấp : Giáo trình dùng cho các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Đình Trí chủ biên, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	H. : Giáo dục, 1996	400tr.: minh hoạ. - 21cm	VD757(1-50); Q272	Q272(1-639)
1418	Tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông đường bộ	H. : Giao thông vận tải, 1996	411tr.: minh hoạ. - 27cm	VD758	V4011	
1419	Tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông đường bộ	H. : Giao thông vận tải, 1996	874tr.: minh hoạ. - 27cm	VD759	V4014	
1420	Tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông đường bộ	H. : Giao thông vận tải, 1996	522tr.: minh hoạ. - 27cm	VD760	V4016	
1421	Cơ sở kỹ thuật điện tử số : Giáo trình tinh giản	Vũ Đức Thọ dịch; Đỗ Xuân Thụ giới thiệu và hiệu đính	H. : Giáo dục, 1996	360tr.: minh hoạ. - 27cm	VD761	V4043
1422	Hướng dẫn thực hành chứng từ sổ sách báo cáo kế toán : Phụ lục chế độ kế toán hộ kinh doanh	Bùi Văn Dương	T.P.Hồ Chí Minh : Thống kê, 1996	358tr.: minh hoạ. - 27cm	VD763	V3985
1423	Hướng dẫn thực hành hạch toán kế toán bài tập và lập báo cáo tài chính hành chính sự nghiệp : áp dụng từ ngày 1-1-1997.Hệ thống tài khoản,Hệ thống báo cáo tài chính,Hệ thống chứng từ kế toán,Chế độ sổ kế toán	Nguyễn Văn Nhiệm	H. : Thống kê, 1996	533tr.: minh hoạ. - 28cm	VD766	V3987
1424	Hệ thống kế toán hành chính sự nghiệp : Những quy định chung,chế độ chứng từ kế toán,Hệ thống tài khoản kế toán,chế độ sổ kế toán,chế độ báo cáo tài chính	H. : Tài chính, 1996	358tr.: minh hoạ. - 25cm	VD767	V3984	
1425	Sổ tay xây dựng thủy điện	Nguyễn Kh3/4c Kiên chủ biên,...;Đỗ Thanh Quả hiệu đính	H. : Giao thông vận tải, 1996	1148tr.: minh hoạ. - 27cm	VD764-765	V4009
1426	Xử lý nước thải : Giáo trình dùng cho chuyên ngành cấp và thoát nước	Hoàng Huệ	H. : Xây dựng, 1996	237tr.: minh hoạ. - 27cm	VD768	V5518
1427	Xử lý nước cấp : Giáo trình dùng cho chuyên ngành cấp và thoát nước	Nguyễn Ngọc Dung	H. : Xây dựng, 1999	232tr.: minh hoạ. - 27cm	VD769	V3974
1428	Bảng hiệu chính, đo tính xăng dầu theo tiêu chuẩn ASTM/API/IP	Biên soạn : Kiều Đình Kiểm	H. : Giao thông vận tải, 1992	177tr.: minh hoạ. - 27cm	VD770	V3972
1429	Bảng hiệu chính, đo tính xăng dầu theo tiêu chuẩn ASTM/API/IP	Biên soạn : Kiều Đình Kiểm	H. : Giao thông vận tải, 1992	204tr.: minh hoạ. - 27cm	VD771	V3972
1430	Cơ học và kết cấu công trình	Vũ Mạnh Hùng	H. : Xây dựng, 1999	440tr.: minh hoạ. - 27cm	VD772(1-2)	V5523
1431	Thạch học	Nguyễn Văn Chiến, Trịnh Ích, Phan Trường Thị	H. : Giao thông vận tải, 1999	496tr.: minh hoạ. - 27cm	VD773(1-30); Q330	Q330(1-250)
1432	Thực tập địa chất công trình : Dùng cho sinh viên các ngành thủy lợi, Xây dựng, giao thông	Nguyễn Văn Phương chủ biên, Trần Thanh Giám, Trần tính, Nguyễn uyên	H. : Giáo dục, 1996	160tr.: minh hoạ. - 27cm	VD776-778	V4078

	ngành, công trình, thu lợi, giao thông vận tải					
1453	Bài tập Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp, công trình, thu lợi, giao thông vận tải	Lương Duyên Bình chủ biên,...	II. : Giáo dục, 1997	154tr. - 19cm	VĐ807(1-50); Q228	Q228(1-695)
1454	Bài tập Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình	H. : Giáo dục, 1997	212tr. - 19cm	VĐ808(1-50); Q243	Q243(1-961)
1455	Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình	H. : Giáo dục, 1996	267tr. - 19cm	VĐ809(1-20); Q242	Q242(1-730)
1456	Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình	H. : Giáo dục, 1996	340tr. - 19cm	VĐ810(1-50); Q219	Q219(1-1010)
1457	Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình chủ biên,...	H. : Giáo dục, 1997	244tr. - 19cm	VĐ811(1-50); Q282	Q282(1-200)
1458	Toán học cao cấp	Nguyễn Đình Trí chủ biên, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	H. : Giáo dục, 1997	342tr. - 21cm	VĐ812(1-49); Q212+Q340+Q102	Q212+Q340+Q102
1459	Bài tập toán học cao cấp : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	ĐinhBAT Thâm, Nguyễn Phú Trường	H. : Giáo dục, 1997	220tr. - 19cm	VĐ813(1-50)	Q106(1-250)
1460	Hỏi đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của đảng và nhà nước ta	H. : Chính trị quốc gia, 1997	350tr. - 19cm	VĐ814-815	V4146	
1461	Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay	Nguyễn Tài Thư	H. : Chính trị quốc gia, 1997	284tr. - 19cm	VĐ816-817	V4140
1462	Hướng gió, mạch nước, thế đất trong nghệ thuật kiến trúc, xây dựng nhà ở	Vương Ngọc Đức	H. : Văn hoá thông tin, 1996	575tr. - 21cm	VĐ818	V4143
1463	Hỏi-Đáp về triết học : tài liệu tham khảo	H. : Học viện chính trị quốc gia T.P. Hồ Chí Minh, 1996	189tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ823(1-50); Q288	Q288(1-550)	
1464	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1996	229tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ824(1-50); Q246	Q246(1-685)	
1465	Triết học Mác-Lê Nin : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1997	155tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ825(1-49)	Q161(1-171)+Q245(1-620)	
1466	Giáo trình máy và thiết bị khai thác mỏ	Đoàn Văn Ký, Vũ Thế Sự, Nguyễn Phạm Thức	H. : Giao thông vận tải, 1997	235tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ826(1-50); Q284	Q284(1-200)
1467	Công nghệ xây dựng công trình ngầm	Nguyễn Văn Đức chủ biên, Võ Trọng Hùng	H. : Giao thông vận tải, 1997	291tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ828(1-50); Q290	Q290(1-200)
1468	In bản đồ	Trần Trung Hồng	H. : Giao thông vận tải, 1997	232tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ829(1-50); Q289	Q289(1-200)
1469	Hoá lý	Phan Tử Bằng	H. : Giao thông vận tải, 1997	239tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ831(1-50); Q291	Q291(1-200)
1470	Đất xây dựng	Trần Hữu Nhân	H. : Giáo dục, 1997	139tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ832(1-10); Q292	Q292(1-200)
1471	Toán học cao cấp	Nguyễn Đình Trí chủ biên, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	H. : Giáo dục, 1997	255tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ833(1-49); Q294+Q108+Q218	Q294+Q108+Q218
1472	Ngôn ngữ lập trình PASCAL	Quách Tuấn Ngọc	H. : Giáo dục, 1996	337tr.: minh hoạ.	VĐ834(1-20);	Q286(1-260)

1493	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	356tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1071		
1494	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	704tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1072		
1495	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	726tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1073		
1496	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	465tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1074		
1497	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	420tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1075		
1498	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	558tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1076		
1499	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	422tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1077		
1500	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	588tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1078		
1501	Lý luận chung về phân phối của Chủ nghĩa xã hội : Sách tham khảo	Lý Bân;Người dịch : Nguyễn Duy Chiêm,Trần Văn Độ,Lê Đức Tinh	H. : Chính trị quốc gia, 1999	624tr., - 22cm	VD1093; VM1036(1-3)	V5637-5640
1502	Các văn bản pháp luật về lao động	H. : Chính trị quốc gia, 1999	1007tr., - 21cm	VD1088(1-2); VM1032(1-3)	V5594-5598	
1503	Mười tôn giáo lớn trên thế giới	Hoàng Tâm Xuyên	H. : Chính trị quốc gia, 1999	852tr., - 22cm	VD1090; VM1035(1-4)	V5601-5605
1504	Các quy định pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1999	1399tr., - 24cm	VD1091; VM1034	V5599-5600	
1505	Các văn bản pháp luật về xây dựng	H. : Chính trị quốc gia, 1999	624tr., - 25cm	VD1092; VM1034(1-4)	V5606-5610	
1506	Các quy định pháp luật về thương mại và các văn bản có liên quan	H. : Chính trị quốc gia, 1998	1064tr., - 21cm; VM1033	V5591-5593		
1507	Luật thương mại	H. : Chính trị quốc gia, 1997	144tr., - 19cm	VD1104; VM1048(1-4)	V5571-5575	
1508	Luật giáo dục	H. : Chính trị quốc gia, 1998	71tr., - 19cm	VD1101(1-3); VM1040(1-7)	V5581- 55856025(1-5)	
1509	Luật bảo vệ môi trường và nghị định hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1997	53tr., - 19cm	VD1106(1-4); VM1043(1-2)	V5614-5616	
1510	Luật khoáng sản và văn bản hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1999	349tr., - 21cm	VD1105(1-3); VM1037(1-5)	V5553-5555	
1511	Luật quốc tịch Việt Nam và văn bản hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1998	38tr., - 19cm	VD1103; VM1042(1-4)	V5617-5621	
1512	Luật dầu khí và văn bản hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1999	177tr., - 19cm	VD1102; VM1044(1-2)	V5611-5613	
1513	Luật khiếu nại,tổ cáo	H. : Chính trị quốc gia, 1998	59tr., - 19cm	VD1100; VM1041(1-4)	V5556-5560	
1514	Luật sửa đổi,bổ sung một số điều của luật đất đai	H. : Chính trị quốc gia, 1998	69tr., - 19cm	VD1099(1-3); VM1039(1-6)	V5576- 55806078-6081	
1515	Bộ luật lao động của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1994	119tr., - 19cm	VD1098; VM1047(1-4)	V5561-5565	
1516	Bộ luật hình sự của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1997	217tr., - 19cm	VD1097; VM1045	V5627-5631	
1517	Bộ luật tố tụng hình sự của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1995	180tr., - 19cm	VD1096; VM1046(1-4)	V5632-5636	
1518	Pháp lệnh chống tham nhũng	H. : Chính trị quốc gia, 1998	34tr., - 19cm	VD1095(1-3); VM1049(1-6)	V5622- 56266070-6073	

		biên, Nguyễn Hải, Nguyễn Thạch Sĩ	1998	- 27cm	Q312	
1536	Tuyển nổi	Nguyễn Bơi	H. : Giao thông vận tải, 1998	291tr.: minh hoạ. - 27cm	VD946(1-20); Q318	Q318(1-)
1537	Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Tổng Đình Quý	H. : Giáo dục, 1998	218tr. - 21cm	VD942(1-50); Q316	Q316(1-)
1538	Chi tiết máy	Nguyễn Trọng Hiệp	H. : Giáo dục, 1994	140tr.: minh hoạ. - 27cm	VD944(1-20)	Q168
1539	Công nghệ khoan thăm dò lấy mẫu	Trương Biên, Vũ Đình Hiền,...	H. : Giao thông vận tải, 1998	172tr.: minh hoạ. - 27cm	VD947(1-50); Q319	Q319(1-)
1540	Cơ học đất cho đất không bão hoà	D.G.Fredlund, H. Rahardjo; Người dịch : Nguyễn Công Mẫn, Nguyễn Uyên; Hiệu đính : Nguyễn Công Mẫn	H. : Giáo dục, 1998	323tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1108(1-2); VM1054(1-13)	V5640-5654
1541	Nền và móng	Lê Đức Th3/4ng chủ biên, Bùi Anh Đình, Phan Trường Phiệt	H. : Giáo dục, 1998	343tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1109(1-5); VM1055(1-45)	V5755-5804
1542	Các phương pháp thí nghiệm đất xây dựng (tiêu chuẩn Anh-BS 1377 :1990)	Người dịch : Vương Văn Thành, Nguyễn Văn Hoàng,...	H. : Giáo dục, 1999	280tr. - 27cm	VD1110(1-5); VM1052(1-45)	V5655-5704
1543	Các phương pháp thí nghiệm đất xây dựng (tiêu chuẩn Anh-BS 1377 :1990)	Người dịch : Vương Văn Thành,...	H. : Giáo dục, 1999	256tr. - 27cm	VD1111(1-5); VM1053(1-45)	V5705-5754
1544	Sổ tay xử lý nước	Trung tâm đào tạo ngành nước và môi trường dịch và giới thiệu	H. : Xây dựng, 1999	660tr. : minh hoạ. - 24cm	VD1112(1-2); VM1057(1-2)	V5805-5809
1545	Chân dung các nhà giáo ưu tú Việt Nam	Cao Giang, Đoàn Thị Lam Luyện chủ biên	H. : Thanh niên, 1998	879tr. - 21cm	VD1113(1-2); VM1056(1-8)	V5810-5819
1546	Bài giảng tiếng anh chuyên môn	Hoàng Văn Hưng, Phạm Quý Nhân	H. : [Knx], 1999	73tr. - 27cm	VD1114(1-5); Q347	Q347(1-5)
1547	Thiết kế mô lộ thiên	Hồ Sĩ Giao	H. : Giáo dục, 1999	307tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1116(1-20); Q343(1-250)	Q343(1-270)
1548	Bản vẽ kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế	Biên dịch: Trần Hữu Quế, Nguyễn Văn Tuấn	H. : Giáo dục, 1998	399tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1118(1-2); VM1058(1-23)	V5820-5844
1549	Cơ sở tuyển khoáng	Nguyễn Bơi chủ biên, Trần Văn Lùng, Phạm Hữu Giang	H. : Giao thông vận tải, 1999	187tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1121(1-50); Q351	Q351(1-550)
1550	Toán kinh tế	Nhâm Văn Toán	H. : Giao thông vận tải, 1999	244tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1120(1-50); Q352	Q352(1-850)
1551	Thủy địa hoá	Nguyễn Kim Ngọc	H. : [Knx], 1999	237tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1115(1-5)	Q348(1-5)
1552	Cơ sở xử lý số liệu tr3/4c địa : bài giảng cho sinh viên ngành địa chính	Hoàng Ngọc Hà	H. : [Knx], 1999	180tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1122(1-5); Q353	Q353(1-5)
1553	Cơ sở toán học xử lý số liệu tr3/4c địa	Hoàng Ngọc Hà, Trương Quang Hiếu	H. : Giao thông vận tải, 1999	270tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1117(1-50); Q346	Q346(1-1150)
1554	Phương pháp tính : Dùng cho các trường đại học kỹ thuật	Tạ Văn Đình	H. : Giáo dục, 1999	123tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1119(1-20); Q344	Q344(1-902)
1555	Lập trình bằng C++	Dương Tử Cường	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	363tr. - 27cm	VD1123(1-2)	V5845-5846

		1990				
1579	Hướng dẫn đồ án thiết kế môn học tuyển trọng lực	Phạm Hữu Giang	H. : [Knxb], 2000	114tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1153(1-5)	Q355(1-5)
1580	Địa mạo đại cương	Đinh Ngọc Lựu, Đặng Văn Bát	H. : Giao thông vận tải, 2000	168tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1089(1-30); Q354(1-240)	Q354(1-270)
1581	Tổ chức sản xuất và tổ chức lao động : Bài giảng dùng cho chuyên ngành kinh tế và quản trị doanh nghiệp dầu khí	Nguyễn Đức Thành	H. : [Knxb], 2000	180tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1152(1-5); Q356	Q356(1-5)
1582	Định mức lao động : Bài giảng dùng cho sinh viên đại học chuyên ngành kinh tế và quản trị doanh nghiệp mỏ	Ngô Thế Bính	H. : [Knxb], 2000	87tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1151(1-5)	Q357(1-5)
1583	Tin học ứng dụng trong kinh tế : Bài giảng dùng cho sinh viên ngành kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Nguyễn Thị Bích Ngọc	H. : [Knxb], 2000	93tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1150(1-5)	Q358(1-5)
1584	Bài giảng cơ sở xây dựng xí nghiệp tuyển khoáng	Nguyễn Công Trịnh	H. : [Knxb], 2000	76tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1148(1-5); Q360	Q360(1-5)
1585	Bài giảng địa chất khai thác mỏ khoáng	Nguyễn Đình Hoàn chủ biên, Nguyễn Văn Lâm,...	H. : [Knxb], 2000	107tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1149(1-5); Q359	Q359(1-5)
1586	Bài giảng thông tin tín hiệu điều khiển xa	Nguyễn Ngọc Vĩnh	H. : [Knxb], 2000	134tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1147(1-5); Q362(1-123)	Q362(1-128)
1587	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	810tr. - 28cm	TĐ464			
1588	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	833tr. - 28cm	TĐ465			
1589	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	765tr. - 28cm	TĐ466			
1590	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	743tr. - 28cm	TĐ467			
1591	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	669tr. - 28cm	TĐ468			
1592	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	670tr. - 28cm	TĐ469			
1593	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	775tr. - 28cm	TĐ470			
1594	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	751tr. - 28cm	TĐ471			
1595	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	748tr. - 28cm	TĐ472			
1596	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	735tr. - 28cm	TĐ473			
1597	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	810tr. - 28cm	TĐ474			
1598	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	685tr. - 28cm	TĐ475			
1599	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science Technology : McGraw-Hill, 1997	825tr. - 28cm	TĐ476			

				- 27cm		
1620	Exercices Et Problemes D'electromagnetisme	Jean Pierre	Paris : Lavoisier, 1993	236tr. : minh hoa. - 27cm	KĐ33(1-2)	KL979+985
1621	Electromagnétisme	Hubert Gié,Jean -Pierre SARMANT	Paris : Technique Documentation-Lavoisier, 1985	207tr. : minh hoa. - 27cm	KĐ36(1-2)	KL980+984
1622	Electromagnétisme	Hubert Gié,Jean -Pierre SARMANT	Paris : Technique Documentation-Lavoisier, 1985	269tr. : minh hoa. - 27cm	KĐ37(1-2)	KL981-983
1623	Géomorphologie	Roger Coque	Paris : Armand Colin, 1993	502tr. : minh hoa. - 24cm	KĐ4(1-2)	KL749-749
1624	Exercices et problèmes D'électricité.électrostatique-électrocinétique	Pierre Gréacias,Jean-Pierre Migeon	Paris : Lavoisier-Tec doc, 1993	420tr. : minh hoa. - 27cm	KĐ30(1-2)	KL977+986
1625	Địa chất đại cương	Lê Như Lai	H. : [Knxb], 1978	437tr. - 29cm; R	R	
1626	Địa chất đại cương	Lê Như Lai	H. : [Knxb], 1978	190tr. - 29cm; R	R	
1627	Giáo trình đo đạc chụp ảnh : Dùng trong tr3/4c địa mô	Trần Đôn	H. : [Knxb], 1971	277tr. - 29cm; R	R	
1628	Hướng dẫn thực tập tr3/4c địa cao cấp	Đỗ Ngọc Đường	H. : [Knxb], 1970	117tr. - 29cm; R	R	
1629	Đo đạc đại cương : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật	H. : [Knxb], 1970	262tr. - 29cm; VI	VL		
1630	Khai thác mỏ bằng phương pháp thủy lực	Phạm Công Khanh	H. : [Knxb], 1972	141tr. - 29cm; R	R	
1631	Thiết kế các thông số cơ bản của mỏ lộ thiên	Trần Mạnh Xuân	H. : [Knxb], 1973	300tr. - 29cm; R	R	
1632	Hướng dẫn đo thiên văn gần đúng	Trịnh Ngọc Huệ	H. : [Knxb], 1976	132tr. - 29cm	R	
1633	Toán học thống kê và một số ứng dụng trong công tác mỏ-địa chất	Nguyễn Ngọc Minh	H. : [Knxb], 1976	241tr. - 29cm; R	R	
1634	Khoáng vật học	Hoàng Trọng Mai	H. : Đại học và THCN, 1970	214tr. - 26cm; VI	VL	
1635	Giáo trình tr3/4c địa thiên văn	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1971	181tr. - 29cm; R	R	
1636	Giáo trình tr3/4c địa thiên văn	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1971	182tr. - 29cm; R	R	
1637	Thiên văn tr3/4c địa	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1972	253tr. - 29cm; R	R	
1638	Giáo trình tr3/4c địa thiên văn	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1973	191tr. - 29cm; R	R	
1639	Giáo trình tr3/4c địa thiên văn	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1973	254tr. - 29cm; R	R	
1640	át lát kết cấu máy nâng chuyển	Võ Quang Phiên	H. : [Knxb], 1985	50tr. - 45cm; VM117(1-5)	V145-184	
1641	Giáo trình Nguyên lý thiết kế xây dựng mỏ ngầm	H. : [Knxb], 1975	279tr. - 29cm; R	R		
1642	Kỹ thuật khoan thăm dò	H. : [Knxb], [1971]	tr. - 29cm; R	R		
1643	Hướng dẫn thiết kế chi tiết máy	Nhóm chi tiết máy,bộ môn chế tạo máy	H. : [Knxb], [1971]	190tr. - 29cm; R	R	
1644	Hướng dẫn thực tập tr3/4c địa công trình	Nguyễn Thế Phương	H. : [Knxb], 1971	180tr. - 29cm; R	R	

	1:5000;1:2000;1:1000;1:500 : hời không chế độ cao			Q195		
1665	Giải tích toán học,các ví dụ và các bài toán	Y.Y.Liasko,...;Người dịch : Lê Đình Thịnh,Hoàng Đức Nguyên	H. : ĐH và THCN, 1978	819tr. - 24cm; VL	VL	
1666	Cơ sở tính toán-thiết kế trục tải mô	Nguyễn Hữu Hiền;Hiệu đính :Trần Doãn Trường,Nguyễn Khoát,Bùi Đình Châu	H. : [Knxb], 1977	305tr.: minh hoạ. - 27cm; R	R	
1667	Lý thuyết trường	Nguyễn Ngọc Toàn	H. : [Knxb], 1978	271tr.: minh hoạ. - 29cm; R	R	
1668	Lý thuyết trường	Nguyễn Ngọc Toàn	H. : [Knxb], 1978	149tr.: minh hoạ. - 29cm; R	R	
1669	Thiên văn tr3/4c địa	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1973	191tr.: minh hoạ. - 29cm; R	R	
1670	Thiên văn tr3/4c địa	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1973	254tr.: minh hoạ. - 29cm; R	R	
1671	Giáo trình triết học Mác-Lê Nin	H. : Chính trị quốc gia, 1999	671tr.: minh hoạ. - 24cm; Q337	Q337(1-200)		
1672	Giáo trình kinh tế học chính trị Mác-Lê Nin	H. : Chính trị quốc gia, 1999	687tr.: minh hoạ. - 24cm; Q336	Q336(1-200)		
1673	Giáo trình cổ sinh vật học	Trương Cam Báo,Đào Thị Miên	H. : [Knxb], 1971	221tr.:minh hoạ. - 29cm; R	R	
1674	Giáo trình thủy địa hoá : Dùng cho sinh viên ngành địa chất thủy văn	Nguyễn Thượng Hùng	H. : [Knxb], 1975	325tr.:minh hoạ. - 29cm		
1675	Đo đạc chụp ảnh hàng không	Bộ môn đo đạc và chụp ảnh bản đồ	H. : [Knxb], 1971	211tr.:minh hoạ. - 29cm; R	R	
1676	Địa chất các mỏ kim loại	H. : [Knxb], []	150tr.:minh hoạ. - 29cm; R	R		
1677	Các vấn đề về lập bản đồ địa chất	Nguyễn Cao Phong,Lê Như Lai	H. : [Knxb], 1979	50tr.:minh hoạ. - 29cm; R	R	
1678	Định mức về lao động và vật tư trong ngành khoan : Dùng cho sinh viên ngành thăm dò	H. : [Knxb], 1978	58tr.:minh hoạ. - 29cm; R	R		
1679	Giáo trình cơ sở xây dựng ngầm	Cao San;Hiệu đính :Lê Kh3/4c Thanh	H. : [Knxb], 1975	438tr.:minh hoạ. - 29cm; R	R	
1680	Bài tập cơ học lý thuyết	Nguyễn Lân,Nguyễn Phong	H. : [Knxb], 1978	101tr.:minh hoạ. - 29cm; R	R	
1681	Giáo trình truyền động điện tự động	Thái Duy Thức	H. : [Knxb], 1975	336tr.: minh hoạ. - 27cm; R	R	
1682	Địa chất thủy văn đại cương	Vũ Ngọc Kỳ,Nguyễn Thượng Hùng,Tôn Sĩ Kinh,Nguyễn Kim Ngọc	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1985	217tr.:minh hoạ. - 29cm	Q42	
1683	Giáo trình cơ học lý thuyết : Dùng cho sinh viên tại chức	Trần Hữu Duẩn	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1968	275tr.:minh hoạ. - 29cm; Q63	Q63	
1684	Bài tập toán cao cấp	Nguyễn Đình Trí,...	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1998	388tr.:minh hoạ. - 19cm; Q325	Q325	

1705	Underground Excavations in Rock	Hoek.E,E.T. Brown	London : The institution of Mining and Metallurgy, 1980	528tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ3(1-2)	KL744-745
1706	Sciences de la Terre.Informatique Géologique	P.A.Downd.I.J.Royer	Paris : CRPG-CNRS, 1992	268tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ5(1-2)	KL746-747
1707	Geological and geophysical investigations of Western Mediteranean deep sea fans	A.F.Limonov,...	Paris : UNESCO, 1993	155tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ6(1-2)	KL742/743
1708	Geophysical Interpretation using Integral Equations	L.Eskola	London : Chapman Hall, 1992	191tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ7(1-2)	KL761-762
1709	Engineering Hydrology	E.M.Wilson	London : Macmillan, 1990	tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ8(1-2)	KL740-741
1710	High-temperature Metamorphism and Crustal Anatexis	J.A.Ashworth,M.Brown	London : Unwin Hyman, 1990	407tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ9(1-2)	KL765-766
1711	Ajustements Structurels et gestion du secteur énergétique en afrique	Alain Lapointe et Georges Zaccour	Paris : Technip, 1993	321tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ10(1-2)	KL844-845
1712	Fate and Effects of Nearshore Discharges of OCS Produced Waters	Nancy N.Rabalais,...	Paris : [Sn], 1991	49tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ11(1-2)	KL754-755
1713	Proceedings of the Joint US-France Workshop on Recent Advances in Geomechanical,Geotechnical and Geo-Environmental Engineering	F.Darve,...	Paris : Technip, 1993	184tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ12(1-2)	KL756-757
1714	Laboratory for Terrestrial Physics	Paris : Goddard Space Flight Center, 1992	56tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ13(1-2)	KL726-727	
1715	Earth observing system Nasa's Eosdis Development Approach Is Risky	Sn : SI, 1992	35tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ14(1-2)	KL730-731	
1716	Physical and Chemical Hydrogeology	Patrick A.Domenico,...	SL : John Wiley . Sons, 1990	824tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ15(1-2)	KL763-764
1717	Báo cáo hội nghị địa chất Đồng Dương lần thứ nhất	H. : [Knxb], 1986	522tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ16; KM1	K5-6	
1718	Coastal Engineering in Japan	SL : Sn, 1985	290tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ17	KL734-735	
1719	Geology and Geophysics Program Summary for Fy91	Office of the chief of naval research	SI : Approved for Public Release;Distribution unlimited, 1992	237tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ18	KL735
1720	Bioproduction de métabolites par cultures de cellulé végétales	Paris : I.A.P.T.C., 1988	327tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ19	KL753	
1721	Transport Processes and the hydrological cycle	Edited by Alessandro Marani,...	SL : Sn, 1992	400tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ20(1-2)	KL758-759
1722	Selected solutions for Physics	David Halliday,...	SI : John Wiley sons, 1986	462tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ21	KL760
1723	Report on Oil Slick Spreading numerical models	H. : Sn, 1992	93tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ22	KL724	
1724	Explanatory note to the Geological map of Vietnam on 1:500,000 scale	Compiled by Nguyễn Xuân Bao,Trần Đức Lương,Huỳnh Trung	H. : Sn, 1994	52tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ23(1-29)	KL976
1725	Le calcul tensoriel en Physique	Jean Iladik,...	Paris : Masson, 1993	172tr.: minh hoạ.	KĐ25	KL738-739

				- 27cm	Q391	
1746	Bài giảng quy hoạch mặt mỏ	Nguyễn Công Trịnh	H. : [Knxb], 2000	56tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1181(1-5); Q390	Q390(1-5)
1747	Bài giảng chuẩn bị khoáng sản	Nguyễn Hoàng Sơn	H. : [Knxb], 2000	211tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1180(1-5); Q389	Q389(1-5)
1748	Bài giảng Chi tiết máy	Phạm Tuấn	H. : [Knxb], 2000	174tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1179(1-5); Q388(1-279)	Q388(1-284)
1749	Bài giảng lý thuyết tự động điều chỉnh	Đào Văn Tân	H. : [Knxb], 2000	206tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1178(1-5); Q387	Q387(1-5)
1750	Bài giảng cơ sở lý thuyết mạch	Kim Ngọc Linh,Phạm Trung Phước,...	H. : [Knxb], 2000	217tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1177(1-5); Q386	Q386(1-5)
1751	Bài giảng sinh khoáng học	Nguyễn Quang Luật chủ biên;Phạm Văn Trường	H. : [Knxb], 2000	89tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1176(1-5); Q385	Q385(1-5)
1752	Từ điển kỹ thuật mỏ Anh-Việt : Khoảng 32.000 thuật ngữ	Biên soạn :Nguyễn Tài Anh,...Hiệu đính : Nguyễn Huy Song,...	H. : Khoa học kỹ thuật, 1999	664tr. - 24cm	TĐ484-493501-502	TĐ484-493501-502
1753	Cách mạng Việt Nam 1945-1975 th3/4ng lợi và bài học	Ban biên soạn : Lê Bằng,...	H. : Chính trị quốc gia, 2000	602tr. - 22cm	VĐ1183	V5877-5878
1754	Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn th3/4ng : Hồi ức	Võ Nguyên Giáp,Phạm Chí Nhân thể hiện	H. : Chính trị quốc gia, 2000	374tr. - 22cm	VĐ1186(1-2)	V5881-5882
1755	<Năm mươi=50>câu hỏi chọn lọc và trả lời môn triết học	Vương Tất Đạt,Nguyễn Thị Vân Hà	H. : Chính trị quốc gia, 2000	150tr. - 19cm	VĐ1187(1-2)	V5883-5884
1756	Giới thiệu tác phẩm của C.Mác,Ph.ăng,V.I.lê Nin,Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và cơ quan nhà nước	Ngô Đức Tính chủ biên,...	H. : Chính trị quốc gia, 1999	243tr. - 19cm	VĐ1188(1-2)	V5885-5886
1757	Về công tác tư tưởng văn hoá	Hồ Chí Minh	H. : Chính trị quốc gia, 2000	599tr. - 21cm	VĐ1184	V5879
1758	Kinh tế thế giới 1999-2000 .Đặc điểm và triển vọng : Tham khảo	Kim Ngọc chủ biên	H. : Chính trị quốc gia, 2000	311tr. - 21cm	VĐ1185	V5880
1759	Luật doanh nghiệp nhà nước và hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1999	1068tr. - 19cm	VĐ1190(1-2); VM1085(1-3)	V5889-5993	
1760	Tìm hiểu luật thương mại Việt Nam	Phạm Duy Nghĩa	H. : Chính trị quốc gia, 1999	371tr. - 19cm	VĐ1191(1-2); VM1086(1-3)	V5899-5903
1761	Cẩm nang xuất nhập khẩu trong các dự án vốn có đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Nguyễn Văn Hoa	H. : Chính trị quốc gia, 1998	998tr. - 22cm	VĐ1192(1-2); VM1087(1-3)	V5904-5908
1762	Nghị định của chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán và văn bản hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1999	331tr. - 19cm	VĐ1193(1-2); VM1088(1-3)	V5909-5913	
1763	Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về ma túy	Trần Văn Luyện	H. : Chính trị quốc gia, 1998	252tr. - 19cm	VĐ1194(1-2); VM1089(1-3)	V5914-5918
1764	Công tác hoà giải ở cơ sở	Nguyễn Đình Hào chủ biên	H. : Chính trị quốc gia, 1997	141tr. - 19cm	VĐ1195(1-2); VM1090(1-3)	V5919-5923
1765	Giải quyết tranh chấp kinh tế bằng toà án	Đào Văn Hội	H. : Chính trị quốc gia, 1999	332tr. - 19cm	VĐ1196(1-2); VM1091(1-3)	V5924-5928
1766	Các quy định pháp luật về người Việt Nam đi	H. : Chính trị quốc gia, 1999	516tr. - 21cm	VĐ1197(1-2);	V5970-5974	

1786	Luật doanh nghiệp	H. : Chính trị quốc gia, 1999	100tr. - 19cm	VĐ1214(1-3)	V6067-6069	
1787	Điều lệ bảo hiểm x* hội (d* sửa đổi, bổ sung)	H. : Chính trị quốc gia, 1999	36tr. - 19cm	VĐ1215(1-2); VM1110(1-2)	V6074-6077	
1788	Luật nghĩa vụ quân sự (được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật nghĩa vụ quân sự ngày 21/2/1990 và ngày 22/6/1994)	H. : Chính trị quốc gia, 1999	38tr. - 19cm	VĐ1216(1-2); VM1111(1-3)	V6082-6086	
1789	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật báo chí	H. : Chính trị quốc gia, 1999	38tr. - 19cm	VĐ1216(1-2); VM1112(1-3)	V6087-6091	
1790	Nghị định của chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong vùng l*nh hải, vùng tiếp giáp l*nh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1999	31tr. - 19cm	VĐ1218(1-2); VM1113(1-3)	V6092-6096	
1791	Pháp lệnh sửa đổi một số điều của pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	H. : Chính trị quốc gia, 1999	27tr. - 19cm	VĐ1219(1-2); VM1114(1-3)	V6097-6101	
1792	<150=một trăm năm mươi>câu hỏi và trả lời về pháp luật hôn nhân gia đình	Nguyễn Thế Giai	H. : Chính trị quốc gia, 1999	341tr. - 19cm	VĐ1220; VM1115	V6102-6103
1793	Hồ sơ cá nhân thế kỷ XX trước con m3/4t của những nhân chứng KGB Liên Xô : Sách tham khảo	V.A.Criuchocôp; Người dịch : Lê Văn Th3/4ng, Đinh thị Hồng Biên	H. : Chính trị quốc gia, 1999	894tr. - 19cm	VĐ1221	V6104
1794	Comprehensive Rock engineering : Principles, Practice Projects	JOHN A. HUDSON : Pergamon Press, 1993	tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ53	K9	
1795	Comprehensive Rock engineering : Principles, Practice Projects	JOHN A. HUDSON : Pergamon Press, 1993	843tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ54	K10	
1796	Comprehensive Rock engineering : Principles, Practice Projects	JOHN A. HUDSON	Oxford : Pergamon Press, 1993	849tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ56	K12
1797	Comprehensive Rock engineering : Principles, Practice Projects	JOHN A. HUDSON : Pergamon Press, 1993	892tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ55	K11	
1798	Comprehensive Rock engineering : Principles, Practice Projects	JOHN A. HUDSON : Pergamon Press, 1993	981tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ57	K13	
1799	Hồ Chí Minh về chính sách xã hội	Hồ Chí Minh	H. : Chính trị quốc gia, 1995	212tr. - 19cm; VM1129	V6123	
1800	Vai trò l*nh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước	Nguyễn Trọng Phúc	H. : Chính trị quốc gia, 1999	208tr. - 19cm; VM1130	V6122	
1801	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	Lê Hữu Nghĩa	H. : Chính trị quốc gia, 1997	293tr. - 19cm; VM1131	V6121	
1802	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng văn hoá Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1998	286tr. - 19cm; VM1132	V6120		
1803	Những mốc son trong hành trình của danh nhân Hồ Chí Minh	H. : Lao động, 2000	294tr. - 19cm; VM1135	V6117		
1804	Những bài giảng về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Khánh Bật	H. : Chính trị quốc gia, 1999	364tr. - 19cm; VM1136-1137	V6115-6116	
1805	Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Truyền thống dân tộc và nhân loại	Vũ Khiêu chủ biên	H. : Khoa học xã hội, 1993	283tr. - 19cm; VM1118	V6136	
1806	Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng : Chuyên đề	Bảo tàng Hồ Chí Minh. Phòng	H. : [Knxb]. []	270tr. - 27cm;	V1120	

	mô			Q410(1-5)		
1828	Bài giảng cơ học máy	Nguyễn Văn ý....	H. : [Knxb], 2000	217tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1240(1-5); Q411(1-5)	Q411(1-5)
1829	Bài giảng vận tải mô	Cao Trọng Khuông	H. : [Knxb], 2000	168tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1239(1-5); Q(1-5)	Q412(1-5)
1830	Bài giảng đề cương hướng dẫn thực tập tốt nghiệp. Quy định về nội dung đồ án tốt nghiệp	Nguyễn Phương, Đồng Văn Nhi	H. : [Knxb], 2000	36tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1243(1-5); Q408(1-5)	Q408(1-5)
1831	Bài giảng khai thác đặc biệt bằng phương pháp hầm lò : Dùng cho sinh viên ngành khai thác mỏ	Trần Văn Thanh	H. : [Knxb], 2000	88tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1233(1-5); Q406(1-5)	Q406(1-5)
1832	Bài giảng tự động hoá quá trình tuyển khoáng	Trần Văn Lũng	H. : [Knxb], 2000	81tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1234(1-5); Q405(1-5)	Q405(1-5)
1833	Bài giảng nghiên cứu tính khả tuyển	Nguyễn Bội	H. : [Knxb], 2000	132tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1235(1-5); Q404(1-5)	Q404(1-5)
1834	Bài giảng luật và quản lý nhà nước về đất đai	Nguyễn Thị Dung	H. : [Knxb], 2000	122tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1231(1-5); Q403(1-5)	Q403(1-5)
1835	Bài giảng thạch học cơ sở	Trần Nguyên Nhung	H. : [Knxb], 2000	123tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1237(1-5); Q402(1-5)	Q402(1-5)
1836	Bài giảng thạch học đá biến chất	Trần Nguyên Nhung	H. : [Knxb], 2000	99tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1238(1-5); Q401(1-5)	Q401(1-5)
1837	Từ điển kỹ thuật cấp thoát nước Anh Việt : Khoảng 4000 thuật ngữ	Võ Kim Long	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	215tr. - 13cm	TD512- 513TD537-541	TD512-513TD537-541
1838	Từ điển máy tính Anh Việt	Nguyễn Phi Khù chủ biên, Hồ Thanh Ngân, ...	Tp. Biên Hoà : Tổng hợp Đồng Nai, 1999	1452tr. - 16cm	TD510-511	TD510-511
1839	Từ điển điện tử viễn thông-tin học Anh-Pháp-Việt	Hồ Vĩnh Thuận	H. : Thống Kê, 1996	753tr. - 19cm	TD508-509	TD508-509
1840	Từ điển Việt Anh : Chuyên ngành xây dựng	Nguyễn Văn Vị....	H. : Thống Kê, 1998	65tr. - 21cm	TD494-498	TD494-498
1841	Dictionary Geotechnical Engineering	Herbert Bucksch	Berlin : Springer, 1997	688tr. - 25cm	TD515	TD515
1842	Từ điển kỹ thuật tổng hợp Anh-Việt : Khoảng 120.000 thuật ngữ	Nguyễn Hạnh, Nguyễn Duy Linh	H. : Thanh Niên, 2000	1296tr. - 24cm	TD507	TD507
1843	Từ điển Bách khoa thiên văn học	Phạm Việt Trinh(chủ biên), Phan Văn Đồng....	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1999	431tr. - 24cm	TD499- 500TD532-536	TD499-500TD532-536
1844	Từ điển khoa học và công nghệ Việt Anh : Khoảng 60.000 mục từ	Ban biên soạn Mai Anh, Lê Bảo....	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	935tr. - 24cm	TD505- 506TD542-543	TD505-506TD542-543
1845	Từ điển điện tử và tin học Anh Việt : Gần 30.000 thuật ngữ có giải nghĩa khoảng 700 hình minh hoạ 1.500 từ viết tắt thông dụng	Biên soạn Lê Kh3/4c Bình, ...	H. : Thống Kê, 1999	1057tr. - 24cm	TD503-504	TD503-504
1846	Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng x* B3/4c-Kỷ	Vũ Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin	H. : Cục lưu trữ nhà nước, 1999	1289tr. - 24cm	VD1254	V6173
1847	Cơ học đá công trình	John A. Franklin, Maurice B. Dusseault; Người dịch: Nguyễn Bình,...	H. : Giáo dục, 2000	464tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD1252(1-2); VM1139(1-38)	V6178-6187V7196(1-20)
1848	Tài nguyên khoáng sản Việt Nam	Trần Văn Trị,...	H. : Cục địa chất và khoáng sản Việt Nam,	214tr. - 27cm	VD1256; VM1144(1-4)	V6157-6161

1867	Bài giảng tiếng Anh chuyên môn : Dùng cho sinh viên ngành Khai thác lộ thiên	Trần Mạnh Xuân, Bùi Xuân Nam	H. : [Knxb], 2000	137tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1246(1-5); Q417	Q417(1-5)
1868	Bài giảng bảo vệ môi trường an toàn lao động trong xây dựng công trình ngầm và mỏ	Ngô Doãn Hào	H. : [Knxb], 2000	107tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1247(1-5); Q416	Q416(1-5)
1869	Bài giảng hướng dẫn thực tập sản xuất : Dùng cho sinh viên ngành: Tìm kiếm thăm dò khoáng sản r3/4n, Địa chất mỏ	Phan Viết Nhân	H. : [Knxb], 2000	10tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1245(1-5); Q418	Q418(1-5)
1870	Bài giảng tuyển trọng lực	Phạm Hữu Giang, Ninh Thị Mai	H. : [Knxb], 2000	206tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1249(1-5); Q414	Q414(1-5)
1871	Bài giảng thủy lực đại cương	Võ Xuân Minh, Vương Lan Vân	H. : [Knxb], 2000	170tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1248(1-5); Q415	Q415(1-5)
1872	Bài giảng kỹ thuật điện mỏ : Dùng cho sinh viên ngành Khai thác mỏ	Trần Bá Đề	H. : [Knxb], 2000	232tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1232(1-5); Q379	Q379(1-5)
1873	Bài giảng vận tải mỏ : Dùng cho sinh viên ngành Khai thác mỏ	Cao Trọng Khuông	H. : [Knxb], 2000	168tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1239(1-5); Q412	Q412(1-5)
1874	Bài giảng đề cương hướng dẫn thực tập tốt nghiệp quy định về nội dung đồ án tốt nghiệp : Dùng cho sinh viên ngành địa chất thăm dò và địa chất mỏ	Nguyễn Phương, Đồng Văn Nhi	H. : [Knxb], 2000	36tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1243(1-5); Q408	Q408(1-5)
1875	Bài giảng cơ học máy	Nguyễn Văn ý,...	H. : [Knxb], 2000	218tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ1240(1-5); Q411	Q411(1-5)
1876	Kỹ thuật khoan dầu khí	J.P. Nguyen; Người dịch: Lê Phước Hào; Hiệu đính: Đặng Huy Chi	H. : Giáo dục, 1995	367tr.:minh hoạ. - 24cm	VĐ1336(1-10); Q460	Q460(1-73)
1877	Hệ thống tài khoản quốc gia ứng dụng trong phân tích kinh tế và trong công tác kế hoạch	Nguyễn Văn Quý	H. : Thống kê, 2000	500tr.. - 24cm	VĐ1255; VM1141(1-3)	V6169-6172
1878	Bài tập cơ học đất	Vũ Công Ngừ, Nguyễn Văn Thông	H. : Giáo dục, 2000	385tr.:minh hoạ. - 21cm	VĐ1250; Q420(1-10)	Q420(1-11)
1879	Sách tra cứu các phân vị địa chất Việt Nam	Vũ Khúc chủ biên, Đào Đình Thục,...	H. : Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, 2000	430tr. - 27cm	VĐ1258; VM1142	V6164
1880	Danh bạ các nguồn nước khoáng và nước nóng Việt Nam	Võ Công Nghiệp chủ biên, Phạm Văn Bảy,...	H. : Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, 1998	308tr. - 27cm	VĐ1257; VM1143	V6162-6163
1881	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	Frederic S. Mishkin; Nguyễn Quang Cư, Nguyễn Đức Dỵ dịch	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1999	955tr. - 24cm	VĐ1267; VM1149(1-18)	V6189
1882	Lịch và niên biểu lịch sử hai mươi thế kỷ(0001-2010)	Lê Thành Lân	H. : Thống kê, 2000	535tr. - 19cm	VĐ1253; VM1140(1-3)	V6174-6177
1883	Meteorites messengers from space : With 111 Figures and 22 Tables	F. Heide, F.Wlotzka	Berlin : Springer Verlag, 1995	231tr.:Minh hoạ. - 21cm	KĐ79	K40
1884	Hydrothermal mineral deposit : Principles and fundamental concepts for the exploration geologist	Franco Pirajno	Berlin : Springer Verlag, 1992	709tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ82	K36
1885	Phase Equilibria in metamorphic rocks :	Thomas M. Will	Berlin : Springer Verlag.	315tr.:Minh hoạ.	KĐ78	K41

		Người dịch: Phạm Văn Thiều....			VM1162(1-8)	
1908	Những chế độ chính sách và văn bản pháp luật hiện hành đối với cán bộ, giáo viên, công nhân viên	Lê Hồng Sơn, Nguyễn Thanh Phong... biên soạn	H. : Lao Động, 2000	331tr. - 19cm	VĐ1098(1-2); VM1163(1-23)	V6447(1-24)
1909	Bài tập sức bền vật liệu : Tài bản lần thứ 3 có sửa chữa	Bùi Trọng Lựu, Nguyễn Văn Vượng	H. : Giáo dục, 1999	443tr. - 27cm	VĐ1284(1-5); Q431(1-95)	Q431(1-100)
1910	Bài tập sức bền vật liệu	Nguyễn Xuân Lựu chủ biên, Phạm Văn Dịch....	H. : Giao thông vận tải	320tr. - 27cm	VĐ1283(1-5); Q432(1-15)	Q432(1-20)
1911	Sổ tay công nghệ chế tạo máy : In lần thứ nhất	Nguyễn Đ3/4c Lộc, Lê Văn Tiến, Ninh Đức Tồn....	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1999	436tr. - 24cm	VĐ1285(1-2); VM1164(1-18)	V6472(1-19)
1912	Địa chất thủy văn ứng dụng	C. W. Fetter; Người dịch: Nguyễn Uyên, Phạm Hữu Sy	H. : Giáo dục, 2000	268tr. - 27cm	VĐ1286(1-20); Q433(1-80)	Q433(1-100)
1913	Tr3/4c địa ảnh : Phân phương pháp đo ảnh đơn	Trương Anh Kiệt	H. : Giao thông vận tải, 2000	107tr. - 27cm	VĐ1287(1-60); Q430(1-460)	Q430(1-520)
1914	Tr3/4c địa ảnh : Phân phương pháp đo ảnh lập thể	Phạm Văn Lộc	H. : Giao thông vận tải, 2000	216tr. - 27cm	VĐ1289(1-25); Q429(1-325)	Q429(1-350)
1915	Trục tải mô	Trần Doãn Trường, Vũ Thế Sự	H. : Giao thông vận tải, 2000	176tr. - 27cm	VĐ1288(1-20); Q423(1-320)	Q423(1-340)
1916	Tr3/4c địa ảnh : Phân cơ sở chụp ảnh và chụp ảnh hàng không	Phạm Vọng Thành	H. : Giao thông vận tải, 2000	159tr. - 27cm	VĐ1290(1-40); Q434(1-320)	Q434(1-360)
1917	Tr3/4c địa ảnh : Phân phương pháp đo ảnh mặt đất	Lê Văn Hường	H. : Giao thông vận tải, 2000	84tr. - 27cm	VĐ1291(1-60); Q424(1-460)	Q424(1-520)
1918	Thiết kế truyền động điện tự động	Thái Duy Thức, Phan Minh Tạo	H. : Giao thông vận tải, 2000	272tr. - 27cm	VĐ1294(1-50); Q413	Q413(
1919	Tr3/4c địa ảnh : Phân công tác tăng dày không chế ảnh	Trương Anh Kiệt	H. : Giao thông vận tải, 2000	126tr. - 27cm	VĐ1292(1-30); Q421	Q421
1920	Tr3/4c địa ảnh : Đoán đọc điều vẽ ảnh	Phạm Vọng Thành	H. : Giao thông vận tải, 2000	124tr. - 27cm	VĐ1293(1-50); Q435	Q435
1921	Kinh tế dầu khí	Đỗ Hữu Tùng biên soạn	H. : Giao thông vận tải, 2001	176tr. - 27cm	VĐ1302(1-30); Q459	Q459(1-130)
1922	Một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến s3/4p xếp tổ chức và tính giám biên chế	Ban tổ chức-cán bộ chính phủ	H. : Thống kê, 2001	284tr. - 21cm	VĐ1303	V6492
1923	Bài giảng thủy lực ngầm : Dùng cho sinh viên ngành Dầu khí	Nguyễn Tuấn Tiến	H. : [Knx], 2001	150tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1330(1-5); Q465	Q465
1924	Bài giảng mở vỉa và khai thác than hầm lò	Trần Văn Thanh	H. : [Knx], 2001	200tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1329(1-5); Q447	Q447
1925	Bài giảng cơ sở Địa chất thủy văn-Địa chất công trình : Dùng cho sinh viên ngành Địa chất thăm dò	Nguyễn Thị Thanh Thủy	H. : [Knx], 2001	187tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1333(1-5); Q446	Q446
1926	Bài giảng tính toán thiết kế công trình biển	Nguyễn Hữu Bằng	H. : [Knx], 2001	69tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1332(1-5); Q464	Q464
1927	Bài giảng các phương pháp điều tra địa chất thủy văn : Dùng cho sinh viên ngành địa chất	Nguyễn Tuấn Tiến	H. : [Knx], 2001	107tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1328(1-5); Q480	Q480

1948	Bài giảng kinh tế nguyên liệu khoáng : Dùng cho ngành địa chất và địa chất khai thác	Trần Bình Chư	H. : [Knxb], 2001	146tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1304(1-5); Q452	Q452
1949	Bài giảng khoáng tương học	Trần Anh Ngoan	H. : [Knxb], 2001	120tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1305(1-5); Q454	Q454
1950	Bài giảng cơ sở Địa chất thuỷ văn.Địa chất công trình : Dùng cho sinh viên ngành địa vật lý	Đỗ Văn Bình	H. : [Knxb], 2001	182tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1297(1-5); Q442	Q442
1951	Bài giảng kiến trúc trường quặng : Dùng cho sinh viên ngành địa chất	Hoàng Đức Ngọc,Nguyễn Quang Luật	H. : [Knxb], 2001	98tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1295(1-5); Q444	Q444
1952	Bài giảng tin học ứng dụng	Ngô Doãn Hào	H. : [Knxb], 2001	86tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1307(1-5); Q455	Q455
1953	Địa chất thuỷ văn đại cương	Vũ Ngọc Kỳ,Nguyễn Thương Hùng,...	H. : Giao thông vận tải, 2001	256tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1300(1-20); Q436	Q436(1-140)
1954	Cơ sở lý thuyết truyền động điện tự động	Thái Duy Thức	H. : Giao thông vận tải, 2001	304tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1301(1-20); Q438	Q438(1-160)
1955	Bài giảng cơ sở lý thuyết mạch : Dùng cho sinh viên ngành Cơ điện,Điện khí hoá,Tự động hoá	Kim Ngọc Linh	H. : [Knxb], 2001	241tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1296(1-5); Q443	Q443
1956	Autocad cho tự động hoá thiết kế : Dùng cho sinh viên các trường kỹ thuật	Nguyễn Văn Hiến	H. : Giáo dục, 1999	143tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1386(1-2); VM1173(1-18)	V6501(1-20)
1957	Bài giảng thí nghiệm kỹ thuật điện tử	Kim Ngọc Linh	H. : [Knxb], 2001	53tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1321(1-5); Q472	Q472
1958	Bài giảng thí nghiệm kỹ thuật điện : Dùng cho sinh viên các ngành không chuyên về điện	Kim Ngọc Linh	H. : [Knxb], 2001	47tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1323(1-5); Q470	Q470
1959	Giáo trình khai thác quặng bằng phương pháp hầm lò	Đỗ Mạnh Phong	H. : [Knxb], 2001	155tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1334(1-20); Q463	Q463(1-340)
1960	Cân bằng pha và hoá keo	Nguyễn Danh Nhi, Nguyễn Hữu Hùng	H. : Giao Thông Vận Tải, 2001	131tr. - 27cm	VĐ1338(1-50); Q437	Q437(1-350)
1961	Nghị thức nhà nước	Lưu Kiếm Thanh	H. : Thống Kê, 2001	838tr. - 19cm	VĐ1339; VM1166(1-2)	V6495(1-2)
1962	Từ điển thổ nhưỡng học Anh - Việt	Biên soạn: Đỗ ánh, Lê Thái Bạt,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	567tr. - 24cm	TĐ516	
1963	Các nghị quyết của Trung ương Đảng 1996 - 1999 : Sách phục vụ thảo luận các dự thảo văn kiện đại hội IX	Biên tập: Đinh Lục	H. : Chính Trị Quốc gia, 2000	347tr. - 21cm	VĐ1340; VM1166(1-2)	V6495(1-3)
1964	Sổ tay điều tra, phân loại đánh giá đất	Tôn Thất Chiêu, Lê Thái Bạt, Nguyễn Khang, Nguyễn Văn Tân	H. : Nông nghiệp, 1999	175tr. - 19cm	VĐ1341	V6498
1965	Đất Việt nam	H. : Nông nghiệp, 2000	412tr. - 27cm	VĐ1342; VM1167	V6499(1-2)	
1966	Những trang sử vẻ vang của dân tộc Việt nam chống phong kiến Trung Quốc xâm lược	Hồng Nam và Hồng Lĩnh chủ biên	H. : Khoa học xã hội, 1984	458tr. - 19cm	VĐ; VM97(1-3)	V37-38,V40
1967	Mấy trào lưu triết học phương tây	Phạm Minh Lãng	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1984	355tr. - cm	VĐ; VM96	V36

	cốt thép và chi tiết đặt s1/2n trong kết cấu bê tông cốt thép : QPXD-71-77	nước		- 27cm		
1989	Cấu tạo và tính toán hệ chịu lực và các cấu kiện của nhà nhiều tầng	P.F.Drozdoz;Người dịch : Lê Thị Huân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1984	187tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM110(1-2)	V124-126
1990	Kiến tạo màng	Tổng cục địa chất	H. : Viện bảo tàng và lưu trữ địa chất, 1983	173tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM109(1-3)	V119-122
1991	Một số phương pháp thạch hoá thông dụng trong thạch luận	Lê Đình Hữu chủ biên,Nguyễn Khắc Đăng,Ngô Mạnh Hùng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1983	202tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM108(1-4)	V111-117
1992	Sơ đồ mạch tổ hợp IC : Tuyển tập sơ đồ máy thu thanh,thu hình,tăng âm,ghi âm	Nguyễn Thế Cường biên soạn	H. : tạp chí khoa học kỹ thuật viện khoa học Việt Nam, 1984	48tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM107(1-3)	V107-110
1993	Cơ cấu x* hội-giai cấp của x* hội trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội : Tuyển tập lược thuật	Viện thông tin khoa học xã hội	H. : Viện thôn tin khoa học xã hội, 1984	80tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM106(1-4)	V101-105
1994	Thử nghiệm và đánh giá cường độ áo đường mềm	V.K.Apextin,A.M.Sak,YU.M. Yakovlev;Người dịch : Nguyễn Hào Hoa	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1981	152tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM138(1-2)	V427-428
1995	Kỹ thuật khai thác đá vôi	Hồ Sĩ Giao	H. : Công nhân kỹ thuật, 1981	350tr.: minh hoạ. - 19cm; VM136		
1996	Kỹ thuật đột dập : Quy t3/4c chính.Phép tính-thí dụ	Wasilieff.B;Người dịch : Nguyễn Ngọc Nhạc	H. : Công nhân kỹ thuật, 1981	80tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM135(1-2)	V421-422
1997	Đo thử chất lượng đường thông tải ba dây trần	Người dịch :Lê Diệp Đình,Nguyễn Trang Dũng	H. : Phòng xuất bản vụ kỹ thuật-tổng cục bưu điện, 1980	431tr.: minh hoạ. - 19cm; VM531(1-3)	V419V2245-2247	
1998	Hội thoại Việt-Anh.Anh-Việt	Bùi Phụng	H. : [Knxb], 1982	158tr.:minh hoạ. - 9cm	VĐ; VM123(1-11)	V306-308310,312,314318-325
1999	Bảng tra chênh cao và khoảng cách	Gansin V.N và Khrênôp L.X	H. : Cục đo đạc và bản đồ nhà nước, 1980	333tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM119(1-9)	V2941,29422946
2000	Đất sét trong công nghiệp	Phan Văn Trường	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	143tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM139(1-9)	V1268-1275
2001	Những vấn đề phương pháp luận về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội	Viện thông tin khoa học xã hội	H. : [Knxb], 1984	131tr.. - 19cm	VĐ; VM118(1-9)	V185-194
2002	Một số vấn đề về chiến lược phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch hoá sự phát triển kinh tế xã hội	Viện thông tin khoa học xã hội	H. : [Knxb], 1994	104tr.:minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM115	V201-243
2003	Ngữ pháp tiếng Việt : Câu	Hoàng Trọng Phiến	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1980	304tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM175	V558-559
2004	Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại	Nguyễn Tài Căn	H. : Khoa học xã hội, 1975	301tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM176	V560-561
2005	Bảng tra chữ nôm	Viện ngôn ngữ học	H. : Khoa học xã hội, 1976	426tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM177(1-2)	V562-563
2006	Cơ sở giải tích hiện đại	Jean Dieudonné; Người dịch: Phan Đức Chính	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1973	318tr.:minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM179(1-5)	V579-585
2007	Sách tra cứu kiểm tra sản xuất trong chế tạo	A.K. Kutai; Bộ môn máy chính	H. : Khoa học và Kỹ thuật,	556tr.:minh hoạ.	VĐ; VM446(1-2)	V432V1813-1814

2029	Sự phát triển của chủ nghĩa x* hội từ không tưởng đến khoa học	Ph. Ăng-ghe-n	II. : Sự thật, 1977	214tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM151(1-2)	V450-452
2030	Các phương pháp tính toán tham hệ thống thủy nông	X. V. Vaxiliep,...; Dịch: Trần Thế Vinh, Nguyễn Quang Đoàn; Hiệu đính: Lưu Công Đào, Phạm Xuân	H. : Nông Nghiệp, 1983	373tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM525(1-4)	V441V2232-2235
2031	Thông tin vô tuyến chuyển tiếp	Trần Quang Huy chủ biên,...	H. : Khoa học kỹ thuật, 1983	465tr.: minh hoạ. - 27cm; VM146	V440	
2032	Lý thuyết và ứng dụng của quy hoạch toán học trong kinh tế	Đỗ Hoàng Toàn	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1973	223tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM192(1-14)	V684-698
2033	Lý thuyết nửa nhóm	A.Cliphót,G.Preston;Người dịch :Trần Văn Hạo và Hoàng Kỳ	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1976	368tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM194	V720-721
2034	Cơ sở giải tích hiện đại	Jean Dieudonné;Phan Văn Chương dịch	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1976	373tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM181(1-4)	V599-603
2035	Toán bỏ túc cho kỹ sư	H.W.Reddick và F.H.Miller;Người dịch : Tạ Văn Đĩnh,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1970	435tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM182(1-8)	V604-609
2036	Khả năng và $ch_3/4c$ $ch_3/4n$	Emin Boren;người dịch : Hoàng Kiêm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	129tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM183(1-5)	V610-614
2037	Ngôn ngữ thuật toán	Nguyễn Bá Hào chủ biên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	287tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM184	V615-616
2038	Lý thuyết và ứng dụng của quy hoạch toán học trong kinh tế	Đinh Tiến Khu	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1973	173tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM191(1-13)	V670-683
2039	Bài tập lý thuyết hàm số biến số thực : Các bài toán và định lý	YU.S.Otran;Người dịch : Trần Phúc Cường	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	439tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM225(1-4)	V890-894
2040	Thuyết tương đối cho hàng triệu người	Matin Ganơ;Người dịch : Nguyễn Đức Bảo	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	223tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM238(1-4)	V956-961
2041	Những thí nghiệm quyết định trong vật lý hiện đại	Geore L Trigg;Người dịch Hữu Ngọc.Ngọc Hoa	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	185tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM239(1-3)	V962-965
2042	Bài tập toán cao cấp : Dùng cho thí sinh nghiên cứu sinh và học sinh đại học các ngành kỹ thuật	Biên soạn : Kim Cương	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1983	192tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM196(1-12)	V729-732V734-742
2043	TCVN 142-64.Số ưu tiên và dãy số ưu tiên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	8tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM189(1-4)	V658-662	
2044	Bảng năm số lẻ giá trị tự nhiên các hàm số lượng giác Lôgarit của chúng và Lôgarit các số	Tổng cục địa chất	H. : [Knxb], 1971	176tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM235(1-4)	V3376-3377
2045	Hàm biến phức và phép biến đổi Laplace : Dùng cho học sinh các trường đại học kỹ thuật	Phan Bá Ngọc	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1980	307tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ; VM227	V895-899901-905
2046	Cơ sở của toán học hiện đại	Helena Rasstowa;Trần Tất Th3/4ng dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	286tr. - 27cm; VM223	V881-884886-889	
2047	Phương pháp Monte-Carlo và các vấn đề liên quan	X.M. Errmakov;Người dịch :Phạm Thế Ngọc.Nguyễn Trần	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	271tr. - 27cm	VĐ; VM229(1-3)	V914-917

	niên biểu lịch sử	Linh, Bùi Viết Nghị	1976	VM253	1043V8979	
2066	Cơ học giải tích	Bùi Tường	H. : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1971	123tr. - 22cm; VM256(1-4)	V1054-1058	
2067	Cơ học môi trường liên tục	L.I.Xêđôp; Trương Minh Chánh, Bùi Hữu Dân	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1978	537tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM257	V1059-1060
2068	Vật lý cơ sở : Dùng cho cán bộ sinh học, y học, địa chất	L.L.Liboutry; Lê Minh Triết và Nguyễn Hữu Thái dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	388tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM244(1-11)	V987-990
2069	Ngược dòng lịch sử trái đất	A.Găngnut; Người dịch Nguyễn Xuân Hân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	191tr.: minh hoạ. - 21cm	VD; VM241(1-2)	V972-975
2070	Lý thuyết đồ thị và ứng dụng	Claude Berge; Người dịch : Nguyễn Hữu Nguyên, Nguyễn Văn Vy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	373tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM242	V976-979
2071	Vật lý học hiện đại : Dùng cho kỹ sư	Otto Oldenberg và Norman C.Rasmussen; Người dịch : Phạm Ngọc Hoàn, ...; Hiệu đính : Đặng Mộng Lân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	459tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM245(1-2)	V3000
2072	Các thành tựu của ngành du hành vũ trụ Liên Xô	Đặng Mộng Lân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	160tr.: minh hoạ. - 20cm	VD; VM243(1-4)	V981-986
2073	Giáo trình giản yếu cơ học lý thuyết	X.M.Targ; Phạm Huyền dịch	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	475tr.: minh hoạ. - 21cm	VD; VM248	V1031-1032
2074	Cơ sở lý thuyết hoá học phân tích : Dùng cho sinh viên ngành hoá các trường đại học Tổng hợp và Sư phạm	Nguyễn Thạc Cát, Từ Vọng Nghi, Đào Hữu Vinh	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1980	362tr.: minh hoạ. - 21cm	VD; VM278(1-2)	V1126-1127 1129-1130
2075	Hoá vô cơ	N. X. Acmetop; Tập thể cán bộ giảng dạy bộ môn hoá vô cơ, Khoa hoá, trường Đại học Tổng hợp Hà nội; Nguyễn Đình Soa, Lê Chí Kiên hiệu đính	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1976	490tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM279	V1131,1133
2076	Ứng dụng quang phổ trong hoá học hữu cơ	J. Brand, G. Eglinton; Lâm Ngọc Thiêm, ... dịch	H. : Khoa học kỹ thuật, 1972	363tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM280(1-4)	V1134-1138
2077	Những phương pháp hoá lý trong phân tích	YU. X. Lyalicôv; Từ Vọng Nghi, ... dịch; Cù Thành Long hiệu đính	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	347tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM281(1-2)	V1139-1141
2078	Các phương pháp phân tích hoá học hữu cơ	Houben Weyl; Người dịch: Nguyễn Đức Huệ, ...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	500tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM282	V1145
2079	Chuẩn độ phức chất : Chuẩn độ complexon	G. Shwar Zenbach; Người dịch: Đào Hữu Vinh, Lâm Ngọc Thụ	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	287tr.: minh hoạ. - 24cm; VM270(1-6)	V1100-1103	
2080	Toán dùng cho vật lý	Jon Mathews, R. L. Walker	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	534tr.: minh hoạ. - 22cm	VD; VM271(1-7)	V1105-1109
2081	Thế giới Polime	V. A. Mezenxev; Người dịch: Lê Ngọc Khánh; Hiệu đính: Nguyễn Quốc Tín	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1976	102tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM273	V1110-1111
2082	Tính toán bằng đồ thị trong công nghệ các chất vô cơ	M. M. Viktorov; Nguyễn An dịch; Hiệu đính: Phạm Ngọc	H. : Khoa học kỹ thuật, 1977	403tr.: minh hoạ. - 24cm; VM274	V1115	

2100	Đại dương nguồn nguyên liệu vô tận cho công nghiệp hoá học	Phan Văn Tường	H. : Khoa học kỹ thuật, 1978	137tr: Minh hoạ. - 21cm; VM303(1-2)	V1254-1256	
2101	Địa lý đại cương thăm thực vật	Josef Schmithusen; Đinh Ngọc Trụ dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	283tr: Minh hoạ. - 27cm; VM305(1-3)	V1259-1262	
2102	Đại dương không khí có gì lạ?	Nguyễn Thuyết, Trần Gia Khánh	H. : Phổ thông, 1977	99tr: Minh hoạ. - 19cm; VM306(1-2)	V1263-1265	
2103	Các con đường trao đổi chất sinh học	Người dịch : Phí Văn Ba, Nguyễn Đình Huyền; Người hiệu đính : Lê Doãn Diên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	321tr.: minh hoạ. - 21cm	VD; VM334(1-2)	V1441-1443
2104	Dầu mỏ trong tìm kiếm địa chất	Nguyễn Đăng; Hiệu đính : Hồ Đức	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	225tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM326(1-2)	V1406-1409
2105	Vì sinh vật học	Nguyễn Lân Dũng, Phạm Văn Ty, Dương Đức Tiến	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	335tr.: minh hoạ. - 21cm	VD; VM335	V1444-1445
2106	Sự sống trong thế giới không nhìn thấy	Đoàn Xuân Mượu	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	191tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM337(1-2)	V1447-1449
2107	Kỹ thuật đo sức nghe dùng trong lâm sàng	Phạm Kim	H. : Y học, 1980	213tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM340(1-2)	V1456-1458
2108	Sách tra cứu cổ sinh vật thông dụng	Vũ Khúc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1982	359tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM332	V1434-1435
2109	Sự xuất hiện và sự phát triển đầu tiên của sự sống	A.I.Ôparin; Lê Đức Trọng dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	281tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM336	V1446
2110	Mô tả cổ sinh vật : Sách chỉ dẫn về phương pháp và tra cứu	I.A.Korobkov; Mai Văn Lạc dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	238tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM333(1-13)	V1436-1440
2111	Khái niệm cơ sở trong khoa học tuổi thọ	Nguyễn Thiện Thành	H. : Y học, 1980	222tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM347(1-2)	V1469-1471
2112	Hỏi đáp về sinh lý con người chúng ta	Nguyễn Ngọc Lanh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	163tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM348	V1473-1474
2113	Châm cứu Trung Quốc	Phó Duy Khang	B3/4c Kinh : Ngoại văn, 1975	37tr.: minh hoạ. - 19cm; VM346	V1467-1468	
2114	Hướng dẫn thuốc nam-châm cứu	Bộ y tế	H. : Y học, 1977	178tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM353(1-2)	V1486-14787
2115	Cơ sở dược lý di truyền	N.P.Xcacun; Đặng Hanh Khôi dịch	H. : Y học, 1980	223tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM354	V1488-1489
2116	Sân sóc bệnh nhân mổ vùng bụng : Hậu phẫu bình thường và biến chứng của phẫu thuật bụng	Đêtri Philip; Nguyễn Văn Vân, Nguyễn Đình Hồi dịch	II. : Y học, 1973	381tr.: minh hoạ. - 19cm; VM355	V1495	
2117	Quy phạm kỹ thuật an toàn lao động trong công tác khoan thăm dò địa chất	Tổng cục địa chất	H. : Knxb, 1972	45tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM327(1-4)	V1410-1414
2118	Sách tra cứu địa chất công trình	Lê Huy Hoàng dịch; Tsurinov.M.V tổng hiệu đính	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	405tr.: minh hoạ. - 19cm; VM309(1-28)	V1281-1299V1301-1303	
2119	Sách tra cứu địa chất công trình	Lê Huy Hoàng	H. : Khoa học và kỹ thuật,	388tr.: minh hoạ.	VD; VM310(1-	V1304-13161318-1331

2137	Những vấn đề địa chất Tây B3/4c Việt Nam	Tổng Cục địa chất	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1977	357tr:Minh hoạ. - 27cm; VM329	V3062	
2138	Sinh quyền và vị trí con người	P. Duvigneaud,M.Tanghe;Người dịch : Hoàng Thị Sân,Lê Trọng Cúc	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1978	259tr:Minh hoạ. - 23cm; VM339(1-2)	V1451-1454	
2139	Tuyển tập công trình,nghiên cứu cổ sinh vật	Tổng cục địa chất	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1982	225tr:Minh hoạ. - 27cm; VM331(1-7)	V3051-3053	
2140	Kỹ thuật điều trị gãy xương	L.Boehler;Người dịch :Nguyễn Quang Long	H. : Y học, 1980	443tr:Minh hoạ. - 22cm; VM361	V1511-1512	
2141	Hướng dẫn chế biến và bào chế thuốc nam	Nguyễn Đức Đoàn,Nguyễn Thụy Anh	H. : Y học, 1979	258tr:Minh hoạ. - 19cm; VM352	V1484-1485	
2142	Xơ gan và xơ gan lách to kiểu Banti	Nguyễn Văn Tân	H. : Y học, 1980	147tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM365	V1520
2143	Những sai lầm trong chuẩn đoán bệnh lao phổi	Gheorghe Bungetianu,Mihail Buzescu;Người dịch : Nguyễn Đình Hường,Đỗ Đình Luận	H. : Y học, 1978	229tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ; VM364(1-2)	V1517-1519
2144	Những điều cần biết về bệnh tâm thần	Trần Đình Xiêm	H. : Y học, 1978	83tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM368(1-4)	V1526-1530
2145	Hàng số sinh học người Việt Nam	Bộ y tế	H. : Y học, 1975	153tr.: minh hoạ. - 25cm; VM369	V1531	
2146	Chuyên đề sản phụ khoa	S.Yannotti;Nguyễn Cận,... dịch	H. : Y học, 1973	147tr.: minh hoạ. - 27cm; VM378	V1556	
2147	Khái luận về nhi khoa	Waldo.E.Nelson;Đặng Phương Kiệt dịch;Hiệu đính : Nguyễn Bá Sơn....	H. : Y học, 1977	751tr.: minh hoạ. - 24cm; VM379	V1557	
2148	Đơn vị đo lường hợp pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà	H. : Khoa học, 1965	33tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM377	V1554-1555	
2149	Khoan bi	A.A.Pitade,...;Người dịch : Nguyễn hữu Chí,Nguyễn Đức Hiền	H. : Tổng cục địa chất, 1975	195tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM374(1-6)	V3113-3117
2150	Phương pháp phân tử hữu hạn	Hồ Anh Tuấn,Trần Bình	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	296tr.: minh hoạ. - 24cm; VM389(1-5)	V1606-16072951-2953	
2151	Sử dụng kính đeo m3/4t	Nguyễn Xuân Trường	H. : Y học, 1976	103tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM367(1-2)	V1523-1525
2152	Phân tích giới hạn các bản mỏng	Lê Kh3/4c,Trần Lưu Chương	H. : Khoa học, 1968	292tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM371(1-3)	V1523-1525
2153	Giáo trình định mức tiêu dùng nguyên vật liệu	Trường đại học kinh tế kế hoạch,Tổ bộ môn cung ứng vật tư	H. : [Knxb], 1976	177tr.: minh hoạ. - 19cm; VM383	V1563-1564	
2154	Kế hoạch hoá tiên bộ khoa học kỹ thuật	B.F.Zaitcev,B.A.Lapin;Nguyễn Xuân Thu dịch	H. : Khoa học kỹ thuật, 1973	259tr.: minh hoạ. - 19cm; VM384	V1565	
2155	Du lịch qua ngành mỏ	Hồ Sĩ Giao	H. : Khoa học và kỹ thuật,	146tr.: minh hoạ.	VĐ; VM386	V1569-1572

		Nguyễn Văn Ngọc dịch				
2176	Tìm hiểu về kiểm tra vật liệu kim loại	Hoàng Nghĩa Thanh biên soạn; Hoàng Trọng Bá hiệu đính	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1979	206tr:Minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM417	V1721-1722
2177	Vật lý và công nghệ các công cụ bán dẫn	A. S. Grove; Người dịch: Phạm Trung Dũng; Hiệu đính: Đàm Trung Đôn	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1978	371tr:Minh hoạ. - 21cm	VĐ; VM418(1-2)	V1723-1725
2178	Vòng đệm	Tiêu chuẩn nhà nước 2179	Chỉ dẫn thiết kế nền nhà và công trình	Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Bá Kế, Nguyễn Văn Túc dịch; Phan Hiếu hiệu định	H. : Xây dựng, 1980	363tr:Minh hoạ. - 24cm
VĐ; VM4 21(1- 3)	V1741-1742V2098-2101					
2180	Cơ sở kỹ thuật điện	A. V. Nhetusil, X. V. Xtrakhov; Người dịch: Nguyễn Bình Thành	H. : Giáo Dục, 1962	297tr:Minh hoạ. - 27cm; VM405	V1690	
2181	Kết cấu và tính toán động cơ đốt trong	Nguyễn Đức Phú,...	H. : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1979	292tr:Minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM406(1-2)	V1692-1694
2182	Nguyên lý động cơ đốt trong	Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Tấn Tiên	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1971	416tr:Minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM408	V1696-1697
2183	Kết cấu và tính toán động cơ đốt trong	Nguyễn Đức Phú,...	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1977	305tr:Minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM409(1-5)	V1698-1702
2184	Quản lý các thiết bị điện của xí nghiệp công nghiệp	L. E. Trun-Kóp-Ski; Bạch Quang Văn dịch	H. : Công nhân kỹ thuật, 1979	287tr:Minh hoạ. - 24cm	VĐ; VM402(1-2)	V1674
2185	Công nghệ hồi phục các chi tiết máy bằng phương pháp hàn và hàn đ3/4p	Đoàn Văn Bảy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	218tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM435	V1789-1790
2186	Công nghệ rèn và dập nóng	Lê Nhương, Nguyễn Ngọc Trân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	551tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM434(1-8)	V3288-3291
2187	Sổ tay thiết kế cơ khí	Tô Xuân Giáp,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	361tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ; VM449(1- 30)	V1826-1838
2188	Những câu chuyện về kim loại	S.I.Venetski; Nguyễn Văn Đàm dịch; Hiệu đính : Lê Văn Chúc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	161tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM424(1-3)	V3314-3315
2189	Các chế độ của hệ thống năng lượng	I.M.Markovits; Bùi Thiện Dư,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	415tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ; VM413(1-3)	V1711-1713
2190	Nhiệt động học kỹ thuật	Phạm Lê Dân, Nguyễn Anh Hải, Vũ Trọng Khoan	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1974	351tr.: minh hoạ. - 27cm; VM412(1-3)	V1709-1710	
2191	Thiết bị nổi hơi công nghiệp	Đào Xuân Thúc, Nguyễn Ngọc Chất	H. : Công nhân kỹ thuật, 1980	319tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ; VM411(1-4)	V3274-3275
2192	Kỹ thuật rèn và dập nóng	Lê Nhương	H. : Công nhân kỹ thuật, 1978	229tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ; VM430	V1771-1772
2193	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	Hoàng Đình Luy	H. : Công nhân kỹ thuật, 1978	289tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ; VM429(1-4)	V1769-1770

	tư đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh : 20-11-1980 : 22-11-1980	Chí Minh		VM594		
2327	Sự phát triển của tư tưởng ở Việt nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng tám	Trần Văn Giàu	H. : Khoa học xã hội, 1973	565tr. - 19cm; VM593	V2389	
2328	Thông tin x* hội và quản lý x* hội	V. G. Afanaxep; Trần Đại hiệu đính	H. : Khoa học xã hội, 1979	419tr. - 21cm; VM592	V2387-2388	
2329	Thế giới ca ngợi th3/4ng lợi vĩ đại của nhân dân ta	H. : Sự thật, 1977	405tr: Minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM584	V2374-2375	
2330	Các nước Tây á	H. : Sự thật, 1978	223tr: Minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM580(1-2)	V2366-2368	
2331	Nhân dân lao động làm chủ tập thể là sức mạnh, là lực đẩy của chuyển chính vô sản	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1977	32tr: Minh hoạ. - 19cm; VM581(1-2)	V2369-2370	
2332	Phụ nữ Việt nam qua các thời đại	Lê Thị Nhâm Tuyết	H. : Khoa học xã hội, 1973	387tr: Minh hoạ. - 19cm; VM577(1-2)	V2359-2360	
2333	Liên - Xô trên con đường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản	L. I. Brê-giơ-nép	H. : Sự thật, 1976	259tr: Minh hoạ. - 19cm	VĐ; VM576	V2357-2358
2334	Về mặt trận dân tộc thống nhất	Tôn Đức Th3/4ng	H. : Sự thật, 1977	87tr: Minh hoạ. - 19cm; VM582	V2371	
2335	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt nam : Tác phẩm chọn lọc	Trương Chinh	H. : Sự thật, 1976	426tr. - 19cm; VM555	V2314	
2336	Ba cuộc cách mạng với vấn đề giải phóng phụ nữ	Dương Thoa	H. : Phụ nữ, 1976	89tr: Minh hoạ. - 19cm; VM535	V2311	
2337	Thanh niên với chủ nghĩa anh hùng cách mạng	Vũ Huân học	H. : Thanh Niên, 1962	192tr: Minh hoạ. - 19cm; VM552	V2310	
2338	Nhu cầu và sử dụng cán bộ chuyên môn ở các nước đang phát triển	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	95tr: Minh hoạ. - 30cm; VM547	V2280		
2339	Hỏi - đáp về bảo hiểm x* hội : Tạp chí Lao động . X* hội và dự án Phát triển và đào tạo BHXH (ILO)phối hợp biên soạn, ấn hành	Bộ Lao động - Thương binh và x* hội	H. : Lao động - Xã hội, 1999	259tr. - 19cm	VĐ1356	B422
2340	Việt Nam hội nhập với ASEAN - chuyên khảo về chính sách : Do cán bộ kinh tế dự án Neal Forster và các chuyên gia nước ngoài thực hiện	Văn phòng Chính phủ; Vụ các tổ chức kinh tế Quốc tế	H. : Công an Nhân dân, 1999	255tr:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1350(1-2)	B405(1-2)
2341	Môi trường đầu tư nước ngoài ở Việt nam - Con đường đi tới khu đầu tư Asean (AIA): Báo cáo viết cho Văn phòng Chính phủ Do Nhóm nghiên cứu của Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện	H. : Công an Nhân dân, 2000	111tr: Minh hoạ. - 27cm	VĐ1347(1-2)	B399(1-2)	
2342	Việt nam, AFTA và cuộc khủng hoảng kinh tế	Frank Flatters	H. : Công an Nhân dân, 1999	55tr: Minh hoạ. - 27cm	VĐ1348(1-2)	B401(1-2)
2343	Tầm nhìn Asean 2020 : Nhóm nghiên cứu thuộc Viện Kinh tế thế giới thực hiện	Võ Đại Lực, Lê Bộ Lĩnh, Nguyễn Xuân Th3/4ng	H. : Công an Nhân dân, 1999	63tr. - 27cm	VĐ1349(1-2)	B403(1-2)
2344	Bài giảng máy điện	Nguyễn Hanh Tiến	H. : [Knxb], 2003	208tr: Minh hoạ.	VĐ1368(1-5);	Q493(1-274)

2365	Cẩm nang lập trình hệ thống cho máy vi tính IBM - PC bằng PASCAL, C, ASSEMBLER và BASIC	Michael Tischer; Nguyễn Mạnh Hùng,... biên dịch	H. : Giáo dục, 1998	765tr. - 26cm	VD1369(1-2); VM1185(1-8)	V6731(1-10)
2366	Cẩm nang lập trình hệ thống cho máy vi tính IBM - PC bằng PASCAL, C, ASSEMBLER, BASIC	Michael Tischer; Nguyễn Mạnh Hùng,... biên dịch	H. : Giáo dục, 1998	1420tr. - 26cm	VD1370(1-2); VM1186(1-8)	V6741(1-10)
2367	Visual Foxpro for windows version 5.0	Nguyễn Trường Long	Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Trẻ, 1998	295tr. - 24cm	VD1398(1-2); VM1187(1-8)	V6751(1-10)
2368	Những công nghệ viễn thông hiện đại	Nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	319tr. - 27cm	VD1397(1-2); VM1184(1-8)	V6721(1-10)
2369	Kỹ nghệ phần mềm cách tiếp cận của người thực hành	Roger S. Pressman; Ngô Trung Việt dịch	H. : Giáo dục, 2000	283tr. - 20cm	VD1400(1-2); VM1189(1-8)	V6766(1-10)
2370	Một trăm linh một thuật toán và chương trình bài toán khoa học kỹ thuật và kinh tế bằng ngôn ngữ C	Lê Văn Doanh, Trần Kh3/4c Tuấn, Lê Đình Anh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1996	327tr. - 20cm	VD1401; VM1190(1-4)	V6776(1-5)
2371	Kỹ thuật vi xử lý và máy vi tính	Đỗ Xuân Thụ, Hồ Khánh Lâm	H. : Giáo dục, 2000	252tr. - 27cm	VD1385(1-2); VM1191(1-28)	V6781(1-29)
2372	Lý thuyết trường điện từ	Kiều Kh3/4c Lâu	H. : Giáo dục, 1999	124tr. - 27cm	VD1383(1-2); vm1192(1-18)	V6811(1-20)
2373	Trang bị điện điện tử công nghiệp	Vũ Quang Hải	H. : Giáo dục, 2000	431tr. - 27cm	VD1384; VM1193(1-9)	V6831(1-10)
2374	Ký hiệu bản đồ địa chính tỉ lệ 1: 500, 1: 1000, 1: 2000 và 1: 5000 : Ban hành theo quyết định số: 719/1999/QĐ-ĐC ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính	Tổng cục Địa chính	H. : Bản đồ, 1999	41tr:Minh hoạ. - 20cm	VD1381(1-2); VM1194(1-68)	V6841(1-70)
2375	Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500, 1: 1000, 1: 2000, 1: 5000, 1: 10000 và 1: 25000	Tổng Cục địa chính	H. : Bản đồ, 2000	113tr. - 20cm	VD1382(1-2); VM1195(1-38)	V6911(1-40)
2376	Từ điển giải nghĩa kỹ thuật kiến trúc và xây dựng Anh - Việt	Đoàn Định Kiến, Lê Kiều biên dịch	H. : Khoa học kỹ thuật, 1994	434tr. - 21cm	TĐ530-531	TĐ530-531
2377	Từ điển Anh - Việt máy tính kỹ thuật tin học	Nguyễn Cán, Phan Ngọc Trinh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	761tr. - 24cm	TĐ525-529	TĐ525-529
2378	Từ điển giải nghĩa tài chính - đầu tư - ngân hàng - kế toán Anh - Việt : Khoảng 8.000 thuật ngữ	Nguyễn Đức Dy, Nguyễn Ngọc Bích chủ biên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	595tr. - 24cm	TĐ523-524	
2379	Từ điển khoa học và công nghệ Pháp - Việt	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1997		1245tr. - 24cm	TĐ517-518	
2380	Sổ tay kỹ sư điện tử	Donald G. Fink, Donald Christiansen; Nguyễn Đức Ai,... dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1996	1380tr. - 29cm	VD1371(1-2); VM1196(1-7)	V6951-6959
2381	Về pháp chế xã hội chủ nghĩa	V. I. Lê nin	H., 1977	417tr.. - 19cm; VM643	V2512-2513	
2382	Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc	Võ Nguyên Giáp	H. : Sự thật, 1979	583tr. - 19cm; VM640	V2507-2508	

	Liên-xô			VM658		
2402	Đạo đức là cái gốc của người cách mạng	Hồ Chí Minh	H. : Quân đội nhân dân, 1970	131tr. - 19cm; VM646	V2516	
2403	Về công tác văn hoá văn nghệ	Hồ Chí Minh	H. : Sự thật, 1977	118tr. - 19cm; VM648	V2519	
2404	Một vài vấn đề về phương thức l*nh đạo của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng	H. : Sự thật, 1981	50tr. - 19cm; VM656(1-2)	V2538(1-2)		
2405	Về đạo đức cách mạng	Hồ Chí Minh	H. : Sự thật, 1976	159tr. - 19cm; VM657	V2541	
2406	Khoa học quản lý : Sách tham khảo	Stafford Beer; Nguyễn Tấn Lập... dịch	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1974	199tr. - 19cm; VM613	V2421(1-2)	
2407	Bản vẽ các xã hội tiền tư bản : Những đoạn tuyển chọn của Mác, Ăng ghen, Lê-nin	H. : Khoa học xã hội, 1975	658tr. - 19cm; VM614	V2423(1-2)		
2408	Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt-nam : Những bài viết trong thời kỳ kháng chiến trên các báo Đảng	H. : Sự thật, 1960	461tr. - 19cm; VM639	V2506(1-2)		
2409	Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa x* hội tiến lên giành những thắng lợi mới	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1976	194tr. - 19cm; VM636	V2500	
2410	Bốn mươi lăm năm hoạt động của Đảng lao động Việt-nam	H. : Sự thật, 1976	190tr. - 19cm; VM635(1-4)	V2497(1-3)		
2411	Về sự l*nh đạo của Đảng trên mặt trận tư tưởng và văn hoá : (1930-1945)	H. : Sự thật, 1960	199tr. - 19cm; VM634	V2495(1-2)		
2412	Những phương pháp kinh tế của chủ nghĩa thực dân mới : (Lưu hành nội bộ)	V. Pa nốp	H. : Sự thật, 1976	133tr. - 19cm; VM616(1-2)	V2426-2427	
2413	Tổ chức lao động trong các cơ quan nghiên cứu và thiết kế	E. I. Kixxel; Nguyễn Văn Quý dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1974	306tr. - 19cm; VM618	V2433(1-2)	
2414	Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa : Chương trình cao cấp	H. : Sách giáo khoa Mác-Lê-nin, 1978	562tr. - 19cm; VM617(1-3)	V2428(1-4)		
2415	Tội ác và di hại : Tội ác Mỹ - Ngụy sau Hiệp định Pa - ri	Cao Thanh	H. : Quân đội nhân dân, 1976	81tr. - 19cm; VM620	V2437(1-2)	
2416	Mấy vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt - nam	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1977	61tr. - 19cm; VM633	V2493(1-2)	
2417	Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của đảng ta	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1975	282tr. - 19cm; VM632	V2491(1-2)	
2418	Kinh tế học chính trị dưới dạng sơ đồ : Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa	Nguyễn Hữu Bả dịch	H. : Khoa học xã hội, 1974	150tr. - 21cm; VM619	V2435(1-2)	
2419	Về vấn đề Cam-Pu-Chia	Trương Chính	H. : Sự thật, 1979	41tr. - 19cm; VM621	V2442(1-2)	
2420	Cách mạng khoa học kỹ thuật và chủ nghĩa xã hội	Trần Việt Tú dịch	H. : Khoa học xã hội, 1978	541tr. - 19cm; VM623	V2446(1-2)	
2421	Hồ Chí Minh tuyển tập	H. : Sự thật, 1980	568tr. - 19cm; VM631(1-6)	V2483(1-7)		
2422	Hồ Chí Minh tuyển tập	H. : Sự thật, 1980	620tr. - 19cm; VM628(1-	V2477(1-5)		

2444	Phương pháp phân tích đất nước phân bón cây trồng	Lê Văn Khoa chủ biên,...	H. : Giáo dục, 2000	304tr:Minh họa. - 27cm	VĐ1373; VM1204(1-9)	V7091(1-10)
2445	Trang bị điện - điện tử máy công nghiệp dùng chung	Vũ Quang Hồi, Nguyễn Văn Chất, Nguyễn Thị Liên Anh	H. : Giáo dục, 2000	200tr:Minh họa. - 27cm	VĐ1402; VM1205(1-7)	V7103(1-8)
2446	Bộ điều khiển lập trình vận hành và ứng dụng	Vũ Quang Hồi, Chung Tấn Lâm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	311tr:Minh họa. - 24cm	VĐ1403; VM1206(1-14)	V7181(1-15)
2447	Tính toán thiết kế các công trình trong hệ thống cấp nước sạch	Trịnh Xuân Lai	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	260tr:Minh họa. - 28cm	VĐ1379(1-2); VM1199(1-8)	V7039(1-10)
2448	Giáo trình kỹ thuật thi công	Bộ Xây Dựng	H. : Xây dựng, 2000	250tr:Minh họa. - 27cm	VĐ1380(1-2); VM1198(1-7)	V7030(1-9)
2449	Bài tập nhiệt động truyền nhiệt và kỹ thuật lạnh	Bùi Hải, Trần Thế Sơn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	345tr:Minh họa. - 27cm	VĐ1377(1-2); VM1201(1-8)	V7059(1-10)
2450	Nguyên lý máy	Đinh Gia Tường, Tạ Khánh Lâm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	386tr. - 27cm	VĐ1375; VM1203(1-9)	V7081(1-10)
2451	Kỹ thuật môi trường	Hoàng Kim Cơ, Trần Hữu Uyển, Lương Đức Thâm,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	431tr. - 27cm	VĐ1378(1-2); VM1200(1-8)	V7049(1-10)
2452	Java : cho sinh viên	Douglas Bell, Mike Parr; Phạm Văn Thiều chủ biên	H. : Thống Kê, 2001	330tr. - 21cm	VĐ1372; VM1197(1-29)	V6961(1-30)
2453	Công nghệ kim loại và ứng dụng CAD - CAM - CNC : Tài liệu dùng cho sinh viên, học viên, giảng viên các ngành kỹ thuật, quản trị kinh doanh, sư phạm kỹ thuật,...trong các trường Đại học, Cao đẳng và dạy nghề thuộc các hệ đào tạo	Nguyễn Tiến Đào, Nguyễn Tiến Dũng	H. : Khoa học kỹ thuật, 2001	298tr. - 24cm	VĐ1438; VM1237(1-9)	V7481-7490
2454	Lý thuyết hệ thống	Trần Đình Long	H. : Khoa học kỹ thuật, 1999	178tr. - 24cm	VĐ1436; VM1234(1-9)	V7466-7475
2455	Hệ phi tuyến	Nguyễn Doãn Phước, Phan Xuân Minh	H. : Khoa học kỹ thuật, 2000	172tr. - 24cm	VĐ1434; VM1233(1-9)	V7456-7465
2456	Lý thuyết điều khiển mờ	Phan Xuân Minh, Nguyễn Doãn Phước	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1997	223tr. - 24cm	VĐ1437; VM1236	V7479-7480
2457	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	256tr. - 24cm	VĐ1435; VM1235(1-2)	V7476-7478
2458	Cẩm nang kỹ thuật điện tự động hoá và tin học công nghiệp	R. Bourgeois, P. Dalle, B. Maizieres,...; Lê Văn Doanh dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	356tr. - 24cm	VĐ1433(1-2); VM1232	V7453-7455
2459	Mạng lưới điện : Sách dùng cho các trường Đại học	Nguyễn Văn Đạm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	240tr. - 24cm	VĐ1432; VM1231(1-9)	V7443-7452
2460	Bảo vệ các hệ thống điện	Trần Đình Long	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	423tr. - 24cm	VĐ1431; VM1230(1-9)	V7433-7442
2461	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	Ngô Diên Tập	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	363tr. - 24cm	VĐ1430(1-2); VM1229(1-18)	V7413-7432
2462	Công nghệ mạ điện	Trần Minh Hoàng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	255tr. - 24cm	VĐ1429; VM1228(1-9)	V7403-7412
2463	Kỹ thuật lập trình điều khiển hệ thống hiệu chỉnh	Đỗ Xuân Tiến; Đỗ Đức Giáo hiệu chỉnh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	352tr. - 24cm	VĐ1428; VM1227	V7401-7402

	nền móng	Dũng, Nguyễn Thế Tú,...	2000		VM1245(1-9)	
2485	Kĩ thuật điện tử số	Đặng Văn Chuyết	H. : Giáo dục, 1998	304tr. - 21cm	VĐ1447; VM1246(1-19)	V7559-7578
2486	Thiết kế máy biến áp	Phạm Văn Bình, Lê Văn Doanh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	568tr. - 21cm	VĐ1448; VM1247(1-9)	V7579-7588
2487	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cọc	Cung Nhất Minh, Diệp Vạn Linh, Lưu Hưng Lục; Nguyễn Đăng Sơn biên dịch; Vũ Trường Hạo hiệu đính	H. : Xây dựng, 1999	298tr. - 21cm	VĐ1449; VM1248(1-9)	V7589-7598
2488	Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ	Lê Tiến Vương	H. : Thống kê, 2000	199tr. - 21cm	VĐ1450(1-2); VM1249(1-28)	V7599-7627
2489	Móng cọc trong thực tế xây dựng	Shamsher Prakash, Hari D. Sharma; Phạm Ngọc Khánh,... biên dịch; Nguyễn Kim Chi hiệu đính	H. : Xây dựng, 1999	742tr. - 21cm	VĐ1451; VM1250(1-9)	V7628-7637
2490	Bài giảng thực tập khoáng vật học	Nguyễn Văn Bình	H. : [Knxb], 2002	51tr. - 27cm	VĐ1525(1-5); Q515(1-215)	Q515
2491	Bài giảng thiết bị khoan thăm dò	Nguyễn Văn Giáp	H. : [Knxb], 2002	187tr. - 27cm	VĐ1526(1-5); Q516(1-215)	Q516
2492	Bài giảng tin học ứng dụng : Dùng cho sinh viên ngành Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	Tô Xuân Vu, Hoàng Kim Bảng	H. : [Knxb], 2002	176tr. - 27cm	VĐ1528(1-5); Q518(1-215)	Q518
2493	Bài giảng cơ sở khoan	Vũ Đình Hiền, Phạm Quang Hiệu	H. : [Knxb], 2002	103tr. - 27cm	VĐ1529(1-5); Q520(1-215)	Q520
2494	Bài giảng kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường	Hồ Quốc Hoa	H. : [Knxb], 2002	113tr. - 27cm	VĐ1524(1-5); Q522(1-115)	Q522
2495	Bài giảng kinh tế đối ngoại	Nhâm Văn Toán	H. : [Knxb], 2001	137tr. - 27cm	VĐ1523(1-5); Q521(165)	Q521
2496	Bài giảng khoan nước và khoan khảo sát địa chất công trình	Vũ Đình Hiền, Trần Đình Kiên	H. : [Knxb], 2002	106tr. - 27cm	VĐ1527(1-5); Q517(1-115)	Q517
2497	Bài giảng thủy luyện : Dùng cho sinh viên ngành tuyển khoáng	Trương Cao Suyền	H. : [Knxb], 2001	112tr. - 27cm	VĐ1519(1-5); Q505(1-115)	Q505
2498	Bài giảng máy điện	Nguyễn Hạnh Tiến	H. : [Knxb], 2001	202tr. - 27cm	VĐ1517(1-5); Q503(1-215)	Q503
2499	Bài giảng địa chất thủy văn dầu khí : Dùng cho sinh viên ngành địa chất dầu	Nguyễn Văn Lâm	H. : [Knxb], 2001	116tr. - 27cm	VĐ1515(1-5); Q508(1-165)	Q508
2500	Bài giảng hướng dẫn thực tập tinh thể học	Nguyễn Tất Tùng, Nguyễn Tất Trâm	H. : [Knxb], 2002	71tr. - 27cm	VĐ1511(1-5); Q511(1-215)	Q511
2501	Bài giảng đất đá xây dựng	Đỗ Minh Toàn	H. : [Knxb], 2002	184tr. - 27cm	VĐ1513(1-5); Q513(1-215)	Q513
2502	Bài giảng phương pháp trọng lực	Đào Ngọc Tường	H. : [Knxb], 2001	203tr. - 27cm	VĐ1514(1-5); Q509(1-115)	Q509
2503	Bài giảng cơ sở địa nhiệt ứng dụng	Nguyễn Văn Phơn	H. : [Knxb], 2001	86tr. - 27cm	VĐ1518(1-5); Q506(1-165)	Q506
2504	Lý thuyết các quá trình luyện kim hoá luyện	Phùng Viết Ngụ, Phạm Kim Đình, Nguyễn Kim Thiết	H. : [Knxb], 1997	184tr. - 27cm		

2521	Ví xử lý trong đo lường và điều khiển	Ngô Diên Tập	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2000	346tr. - 24cm	VD1476; VM1275(1-9)	V7828-7837
2522	Điều khiển số máy điện : Dùng cho sinh viên các trường kỹ thuật	Lê Văn Doanh, Nguyễn Thế Công, Nguyễn Trung Sơn, Cao Văn Thành	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	296tr. - 24cm	VD1471(1-2); VM1270(1-18)	V7823-7827V1917-1931
2523	Chỉ dẫn kỹ thuật thi công và kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi	Nguyễn Văn Quảng chủ biên	H. : Xây dựng, 1998	120tr. - 21cm	VD1455(1-2); VM1254(1-8)	V7667-7675
2524	Tin học ứng dụng trong tính toán	Trần Văn Chính	H. : Giáo dục, 2001	507tr. - 21cm	VD1453(1-2); VM1252(1-12)	V7648-7661
2525	Hệ điều hành UNIX	Nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	687tr. - 21cm	VD1457; VM1256(1-4)	V7681-7685
2526	Địa kỹ thuật thực hành	Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Hồng Đức; Trần Thanh Giám chủ biên	H. : Xây dựng, 1999	160tr. - 21cm	VD1459(1-2); VM1258(1-18)	V7696-7715
2527	Quản trị hệ thống LINUX	Nguyễn Thanh Thủy chủ biên,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	253tr. - 24cm	VD1475; VM1274(1-2)	V7838-7840
2528	Bài tập lập trình ngôn ngữ C : Giáo trình cho các trường đại học	Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Quang Huy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	255tr. - 24cm	VD1466(1-2); VM1265(1-28)	V7793-7822
2529	Từ điển môi trường và phát triển bền vững Anh - Việt và Việt - Anh : Khoảng 2500 thuật ngữ, có giải thích	Ban Từ điển Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2001	483tr. - 24cm	TD544-548	
2530	Từ điển điện tử - tin học - truyền thông Anh - Việt : Khoảng 20.000 thuật ngữ, có giải thích và minh họa	Ban Từ điển Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1997	1120tr. - 24cm	TD549-551	
2531	Cơ học đá	Nghiêm Hữu Hạnh	H. : Giáo dục, 2001	267tr. - 27cm	VD1521(1-20); Q504(1-70)	Q504
2532	Giáo trình địa chất cấu tạo	Lê Như Lai	H. : Xây dựng, 2001	346tr. - 27cm	VD1520(1-20); Q510(1-500)	Q510
2533	Trình bày bản đồ	Trần Trung Hồng	H. : Giao thông vận tải, 2001	140tr. - 27cm	VD1522(1-20); Q519	Q519
2534	Làm chủ hệ điều hành LINUX	Nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	763tr. - 21cm	VD1456; Vm1255(1-4)	V7676-7680
2535	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	H. : Thống kê, 2001	349tr. - 21cm	VD1460; VM1259(1-18)	V7716-7734
2536	Công nghệ chế tạo máy	Nguyễn Trọng Bình, Nguyễn Thế Đạt, Trần Văn Dịch,...; Nguyễn Đ3/4c Lộ, Lê Văn Tiến chủ biên và hiệu đính	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	292tr. - 21cm	VD1458; VM1257(1-9)	V7686-7695
2537	Điện tử công suất và điều khiển động cơ điện	Cyril W. Lander; Lê Văn Doanh dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1997	490tr. - 21cm	VD1461; VM1260(1-9)	V7736-7745
2538	Kỹ thuật nhiệt	Bùi Hải, Trần Thế Sơn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	216tr. - 27cm	VD1484(1-2); VM1283(1-8)	V8067-8076
2539	Bài giảng trang bị điện xi nghiệp dầu khí	Nguyễn Anh Nghĩa	H. : [Knx], 2002	253tr. - 27cm	VD1532(1-5); Q524(1-215)	Q524(1-220)
2540	Bài giảng dụng dịch khoan và vữa trám	Trần Đình Kiên	H. : [Knx], 2002	147tr. - 27cm	VD1531(1-5);	Q525(1-220)

2561	Lý thuyết mạch : Giáo trình dành cho các trường Đại học và Cao đẳng kỹ thuật; Đ* được hội đồng xét duyệt sách giáo trình Trường đại học Bách khoa Hà nội thông qua	Phương Xuân Nhân, Hồ Anh Tuý	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	311tr. - 27cm	VĐ1488(1-2); VM1287(1-18)	V8117-8136
2562	Kỹ thuật nền móng	Ralph B. Peck, Walter E. Hanson, Thomas H. Thornburn; Trịnh Văn Cương,... dịch	H. : Giáo dục, 1999	516tr. - 27cm	VĐ1487(1-2); VM1286(1-8)	V8107-8116
2563	Xử lý tín hiệu số : Tài liệu dùng cho sinh viên, kỹ sư các ngành Điện tử, Tin học, Viễn thông, Vật lý, Cơ học...	Quách Tuấn Ngọc	H. : Giáo dục, 1999	276tr. - 26cm	VĐ1478; VM1277(1-9)	V7952-7961
2564	Cấp thoát nước : Giáo trình dùng cho sinh viên đại học chuyên ngành: kiến trúc và xây dựng	Hoàng Huệ	H. : Xây dựng, 1993	175tr. - 27cm	VD1479; VM1278(1-9)	V8001-8011
2565	Địa kỹ thuật	Trần Thanh Giám	H. : Xây dựng, 1999	241tr. - 27cm	VĐ1483; VM1282(1-19)	V7982-8001
2566	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô Thành	H. : Đại học Quốc gia, 2001	266tr. - 27cm	VĐ1482(1-2); VM1281(1-18)	V8047-8066
2567	Neo trong đất	Nguyễn Hữu Đầu dịch	H. : Xây dựng, 2001	249tr. - 27cm	VĐ1481; VM1280(1-19)	V7962-7981
2568	Chuẩn bị kỹ thuật cho khu đất xây dựng đô thị	Trần Thị Hương	H. : Xây dựng, 1999	217tr. - 27cm	VĐ1480; VM1279(1-19)	V8027-8046
2569	Cuộc đời chúng tôi tiểu sử Các bác và Phridrich Ăngghen : Sách tham khảo	H. Ghemcốp; Lê Phương,... dịch	H. : Chính Trị Quốc Gia, 2000	426tr. - 22cm	VĐ1509; VM1305(1-2)	V8351-8353
2570	Một số vấn đề về kinh tế thị trường định hướng x* hội chủ nghĩa ở nước ta : Sách tham khảo	Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	276tr. - 19cm	VĐ1581; VM1312(1-2)	V8311-8313
2571	Các văn bản pháp luật về hợp tác xã : Văn bản 1999 - 2000	H. : Chính Trị Quốc Gia, 2001	376tr. - 21cm	VĐ1577(1-2); VM1315(1-2)	V8336-8339	
2572	Phát triển công nghiệp nông thôn ở Đồng Bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá	Hoàng Ngọc Hoà, Phạm Châu Long, Nguyễn Văn Thạo	H. : Chính Trị Quốc Gia, 2001	246tr. - 21cm	VĐ1578; VM1308(1-2)	V8323-8325
2573	Bộ luật tổ tụng hình sự của nước cộng hoà x* hội chủ nghĩa Việt Nam : Đ* được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tổ tụng hình sự đ* được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 30-6-1990, ngày 22-12-1992 và ngày 9-6-2000	H. : Chính trị Quốc Gia, 2000	190tr. - 19cm	VĐ1584(1-2); VM1311(1-8)	V8326-8334	
2574	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng hình sự	H. : Chính trị Quốc Gia, 2000	31tr. - 19cm	VĐ1582; VM1310	V83118-8322	
2575	Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX	Đảng Cộng sản Việt nam	H. : Chính trị Quốc Gia, 2001	352tr. - 19cm	VĐ1580; VM1313(1-2)	V8343-8345
2576	Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nền văn hoá Việt nam : Sách tham khảo	Lê Quý Đức	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	203tr. - 19cm	VĐ1583; VM1309(1-3)	V8346-8349

2595	Hoàng Hà nhớ Hồng Hà thương : Lương quốc Tướng quân Nguyễn Sơn	Trần Kiểm Qua; Nguyễn Đồng Thoại dịch	H. : Văn học, 2001	538tr. - 19cm	VĐ1590	V8513
2596	Từ Xtalín đến Enxin : Sách tham khảo	N. C. Baibacóp	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	603tr. - 22cm	VĐ1593; VM1325(1-3)	V8466-8469
2597	Phác hoạ chân dung : Tập ký	Bùi Xuân Vinh	H. : Lao động, 2000	212tr. - 19cm	VĐ1591; VM1328(1-8)	V8480-8488
2598	làng x* Việt nam một số vấn đề kinh tế - văn hoá - xã hội	Phan Đại Doãn	H. : Chính trị quốc gia, 2001	366tr. - 21cm	VĐ1594; VM1326(1-4)	V8470-8474
2599	Lời trời trăng của danh nhân	Thế Trường	H. : Thanh niên, 2001	311tr. - 21cm	VĐ1592; VM1327(1-4)	V8475-8479
2600	Bến dòng nhĩ hà	Nguyễn Thế Cơ chủ biên	H. : [Knxb], 2000	158tr. - 19cm	VĐ1595; VM1329(1-8)	V8504-8512
2601	11-9 thảm hoạ nước Mỹ	Thông tấn xã Việt nam	H. : Thông Tấn, 2001	259tr. - 19cm	VĐ1587; VM1331(1-3)	V8496-8499
2602	Cuộc chiến tranh không cân sức	Thông tấn xã Việt nam	H. : Thông tấn, 2001	302tr. - 19cm	VĐ1586; VM1333(1-3)	V8500-8503
2603	Bí mật tàu ngầm nguyên tử Kursk	Thông tấn xã Việt nam	H. : Thông tấn, 2001	258tr. - 19cm	VĐ1588; VM1330(1-3)	V8492-8495
2604	Hồ sơ mật về Osama Bin Laden và mạng lưới khủng bố quốc tế : Sách tham khảo	Roland Jacquard; Hoàng Khánh, Vũ Hiền Thảo dịch	H. : Thông tấn, 2001	275tr. - 19cm	VĐ1589; VM1332(1-2)	V8489-8491
2605	Giáo trình phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	Đồng Văn Nhi chủ biên, Trương Xuân Luận, Nguyễn Tiến Dũng	H. : [Knxb], 2002	193tr. - 28cm	VĐ1550(1-5); Q534(1-239)	Q534(1-244)
2606	Bài giảng tin học ứng dụng : Chuyên ngành Địa chất Dầu khí	Nguyễn Kim Long	H. : [Knxb], 2002	126tr. - 28cm	VĐ1549(1-5); Q527(1-239)	Q527(1-244)
2607	Bài giảng địa vật lý đại cương : Dùng cho ngành Quản trị Doanh nghiệp Dầu khí	Nguyễn Quốc Thực	H. : [Knxb], 2002	118tr. - 28cm	VĐ1548(1-5); Q531(1-239)	Q531(1-244)
2608	Cơ học đá	Nghiêm Hữu Hạnh	H. : Giáo dục, 2001	267tr. - 27cm	VĐ1521(1-20); Q504(1-170)	Q504(1-190)
2609	Trình bày bản đồ	Trần Trung Hồng	H. : Giao thông vận tải, 2001	140tr. - 27cm	VĐ1522(1-20); Q519(1-330)	Q519(1-350)
2610	Giáo trình địa chất cấu tạo	Lê Như Lai	H. : Xây Dựng, 2001	346tr. - 27cm	VĐ1520(1-20); Q510(1-300)	Q510(1-320)
2611	Hoạch định chiến lược phát triển và kế hoạch hoá doanh nghiệp dầu khí : Dùng cho chuyên ngành Kinh tế-Quản trị doanh nghiệp dầu khí	Nguyễn Đức Thành	H. : Giao thông vận tải, 2002	172tr. - 27cm	VĐ1553(1-20); Q538(1-449)	Q538(1-469)
2612	Giáo trình giáo dục quốc phòng học phần IV : Dùng giảng dạy và học tập cho sinh viên trường đại học Mô-Địa chất	Đỗ Kim Chiến chủ biên,...	H. : [Knxb], 2002	115tr. - 29cm	VĐ1552(1-5); Q528(1-239)	Q528(1-244)
2613	Giáo trình giáo dục quốc phòng phần I : Dùng cho sinh viên trường đại học Mô-Địa chất	Đỗ Kim Chiến chủ biên; Lê Xuân Thanh, Nguyễn Văn Quảng	H. : [Knxb], 2002	90tr. - 29cm	VĐ1551(1-5); Q529(1-239)	Q529(1-239)
2614	Bài giảng tiếng Anh chuyên môn khai thác hầm lò	Vũ Đình Tiên	H. : [Knxb], 2002	133tr. - 29cm	VĐ1547(1-5); Q536(1-489)	Q536(1-494)
2615	Bài giảng công nghệ khai thác dầu khí	Cao Ngọc Lâm	H. : [Knxb], 2002	101tr. - 29cm	VĐ1546(1-5);	Q537(1-344)

		Dutta Majumder	2001			
2637	Digital Techniques and Applications : For Scientifically Based Study Programme of Diploma courses in Engineering and Technology	K.S Patil, A.B Patil, G.P Bhatt, J.B. Rodrigues, Ms.K.S. Khobragade, T.V. Mohite Patil	Jalgaon : Vrinda , 1999	337tr. - 30cm	KĐ91	K52
2638	Mémotech électronique : Composants	Gérard Chevalier, Jean-Claude Chauveau, Bruno Chevalier	Paris : Casteilla, 1997	557tr. - 30cm	KĐ92	K53
2639	Dynamique de la commande linéaire	Jean-Charles Gille, Paul Decaulne, Marc Pélegrin	Paris : Dunod, 1991	524tr. - 30cm	KĐ93	K54
2640	Computer control in the process industries	Brian Roffel, Patrick Chin	Michigan : Lewis, 1987	257tr. - 30cm	KĐ94	K55
2641	Euroensors XII	N.M White	Bristol : Institute of Physics; Philadelphia, 1998	1205tr. - 30cm	KĐ97	K58
2642	Euroensors XII	N.M White	Bristol : Institute of Physics; Philadelphia, 1998	754tr. - 30cm	KĐ96	K57
2643	Handbook of Microcontrollers	Myke Predko	New York : McGraw-Hill, 1999	861tr. - 30cm	KĐ95	K56
2644	Exercices d'automatique : Signaux et systèmes	Maurice Rivoire, Jean-Louis Ferrier, Jean Groleau	Paris : Eyrolles, 1992	209tr. - 30cm	KĐ98	K60
2645	Exercices d'automatique : Asservissement-Régulation-Commande analogique	Maurice Rivoire, Jean-Louis Ferrier, Jean Groleau	Paris : Eyrolles, 1992	252tr. - 30cm	KĐ99	K59
2646	Giáo trình lịch sử Đảng Việt Nam : Hệ lý luận chính trị cao cấp	H. : Chính trị quốc gia, 2002	450tr. - 20cm	VĐ1569(1-2); VM1336(1-13)	V8565-8579	
2647	Pháp luật đại cương : Dùng trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp	Ths. Lê Minh Toàn	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	363tr. - 21cm	VĐ1601(1-20); Q547(1-480)	Q547(1-500)
2648	Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới	Võ Nguyên Giáp	H. : Chính trị Quốc gia : Quân đội nhân dân, 2001	563tr. - 21cm	VĐ1598(1-2)	V8543-8544
2649	Luật kinh tế Việt Nam	Lê Minh Toàn(chủ biên), Nguyễn Như Phát, Vũ Quang,...	H. : Chính trị Quốc gia, 2002	577tr. - 21cm	VĐ1597(1-2); VM1335(1-18)	V8545-V8564
2650	Lịch sử Quân sự Việt Nam	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	423tr. - 22cm	VĐ1600	V8540-	
2651	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau chiến tranh lạnh : Sách tham khảo	Randall B. Ripley, James M. Lindsay; Lưu Đoàn Huỳnh (hiệu đính)	H. : Chính trị Quốc gia, 2002	546tr. - 24cm	VĐ1599; VM1337	V8541-8542
2652	Giáo trình tin học đại cương: Ms-Dos 6.22, NC 5.0, Windows 3.11, Winword 6.0, Excel 5.0, Windows 98 : Dùng cho sinh viên, học sinh, nhân viên văn phòng, người mới bắt đầu học, các Trung tâm tin học.	PGS.TS. Bùi Thế Tâm	H. : Giao thông vận tải, 2001	136tr. - 27cm	VĐ1555(1-2); VM1334(1-24)	V8514-8539
2653	Hướng dẫn về quan hệ quốc tế trong giáo dục và đào tạo	H. : Giáo dục, 2002	612tr. - 22cm	VĐ1607(1-2)	V8581-8582	
2654	Về nhiệm vụ năm học 2002-2003	H. : Giáo dục, 2002	92tr. - 21cm	VĐ1606(1-2)	V8583	
2655	Trí thức giáo dục đại học Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất	TS. Nguyễn Văn Sơn	H. : Chính trị Quốc gia, 2002	268tr. - 19cm	VĐ1605(1-2); VM1338(1-98)	V8584-8593

2673	Hướng dẫn hạch toán kế toán lập báo cáo tài chính doanh nghiệp : Theo quyết định số 167/2000 QĐ BTC ngày 25-10-2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Võ Văn Nhị	H. : Thống kê, 2001	665tr.. - 30cm	VĐ1676(1-2)	V8956-8957
2674	Các công cụ quản lý môi trường	Đặng Mộng Lân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	199tr.. - 21cm	VĐ1630(1-2)	V8944-8945
2675	Hỏi đáp về thị trường chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành	Lê Thành Châu, Lý Thị Thu Hương	H. : Thống kê, 2001	395tr.. - 21cm	VĐ1631(1); VM1350(1-2)	V8948-8950
2676	Quản trị Marketing trong doanh nghiệp : Tài bản có sửa chữa bổ sung	Trương Đình Chiến	H. : Thống kê, 2002	280tr.. - 21cm	VĐ1629(1-2)	V8946-8947
2677	Giáo trình thanh toán quốc tế	Đinh Xuân Trinh	H. : Giáo dục, 2002	375tr.. - 21cm	VĐ1634(1-2)	V8906-8907
2678	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Đoàn Thị Hồng Vân	H. : Thống kê, 2001	459tr.. - 21cm	VĐ1635(1-2)	V8904-8905
2679	Hỏi-đáp luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành	Đoàn Trung Tiểu	H. : Thống kê, 2000	472tr.. - 21cm	VĐ1636(1-2)	V8908-8909
2680	Giáo trình quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền	H. : Tài chính, 2002	320tr.. - 21cm	VĐ1632(1-2)	V8942-8943
2681	Quản trị kinh doanh quốc tế	Bùi Lê Hà, Nguyễn Đông Phong, Ngô Thị Ngọc Huyền,...	T.p. Hồ Chí Minh : Thống kê, 2001	458tr.. - 21cm	VĐ1633(1-2)	V8940-8941
2682	Kế toán doanh nghiệp lý thuyết-bài tập mẫu và bài giải	Nguyễn Văn Công	H. : Tài chính, 2002	328tr.. - 19cm	VĐ1610(1-5); VM1340(1-45)	V8735-8784
2683	Hệ thống bài tập và bài giải kế toán quản trị	Huỳnh Lợi, Nguyễn Kh3/4c Tâm; Võ Văn Nhị hiệu đính	H. : Thống kê, 2001	360tr.. - 21cm	VĐ1611(1-2); VM1341(1-8)	V8866-8875
2684	Danh từ, thuật ngữ khoa học-công nghệ và khoa học về khoa học	Đỗ Công Tuấn chủ biên	H. : Khoa học kỹ thuật, 2002	179tr.. - 19cm	VĐ1612(1-2); VM1343(1-45)	V8805-8854
2685	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Vũ Hữu Từ	H. : Giáo dục, 2002	526tr.. - 21cm	VĐ1613(1-2); VM1342(1-8)	V8795-8804
2686	Hướng dẫn đầu tư vào thị trường chứng khoán	Christine Stopp	T.p. Hồ Chí Minh : nxb Trẻ, 1999	368tr.. - 21cm	VĐ1614(1-2)	V8898-8899
2687	Quy trình soạn thảo và mẫu các văn bản thông dụng dùng trong quản lý đơn vị hành chính sự nghiệp và kinh tế	Lê Thành Kính, Châu Thành Nam	H. : Thống kê, 2002	600tr.. - 21cm	VĐ1615(1-2)	V8900-8901
2688	Kế toán tài chính : Sử dụng cho sinh viên ngành kế toán và sinh viên khối kinh tế thuộc các trường ĐH, CĐ và THCN	Võ Văn Nhị, Trần Anh Hoa, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trần Thị Duyên	H. : Thống kê, 2001	610tr.. - 24cm	VĐ1625(1-2); VM1348(1-5)	V8922-8928
2689	Kế toán và thuế trong doanh nghiệp	Võ Văn Nhị, Mai Thị Hoàng Minh	H. : Thống kê, 2001	2001tr.. - 24cm	VĐ1616(1-2)	V8876-8877
2690	Bài tập kế toán quản trị : Có lời giải mẫu	Phạm Văn Dược, Đào Tất Th3/4ng	T.p. Hồ Chí Minh : Thống kê, 2002	306tr.. - 24cm	VĐ1623(1-2); VM1347(1-3)	V8917-8921
2691	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng kinh tế hợp đồng thương mại	Phạm Văn Phấn, Nguyễn Huy Anh	H. : Thống kê, 2001	434tr.. - 24cm	VĐ1624(1-2)	V8910-8911
2692	Cơ học đất	R. Whitlow; Vũ Công Ngữ hiệu đính	H. : Giáo dục, 1999	387tr.. - 21cm	VĐ1639; Q566(1-4)	Q566(1-5)
2693	Kế toán đại cương	Nguyễn Việt	T.p. Hồ Chí Minh : Thống kê, 2001	219tr.. - 23cm	VĐ1622(1-2)	V8915-8916

			Works, 2000	22cm		
2713	Principles of hydrogeology	Paul F. Hudak	New York : Lewis, 2000	204tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ105	K63
2714	Resource assessment in forested landscapes	David D. Reed, Glenn D. Mroz	New York : John Wiley & Sons, 1997	386tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ104	K64
2715	Mineral processing and the environment	G.P.Gallios, K.A.Matis	Dordrecht : Kluwer Academic, 1998	403tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ103	K65
2716	Handbook of Marine mineral deposits	David S. Cronan, Ph.D., D.Sc., Fimm	London : CRC, 2000	406tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ102	K66
2717	Geochemistry of hydrothermal ore deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	972tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ101	K62
2718	Ecology and natural resource management : Systems analysis and simulation	William E.Grant, Ellen K. Pedersen, Sandra L.Marin	New York : John Wiley & Sons, 1997	273tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ100	K61
2719	Minerals in thin section	Dexter Perkins, Kevin R. Henke	New Jersey : Prentice-Hall, 2000	125tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ108	K67
2720	Automation in mining, mineral and metal processing 1998	J. Heidepriem	Oxford : Pergamon, 1999	400tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ109	K68
2721	Geochemistry of hydrothermal ore deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	248tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ67	K24
2722	Geochemistry of hydrothermal ore deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	236tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ68	K25
2723	Environmental Management and Business Strategy : Leadership Skills for the 21st Century	Bruce W.Piasecki	New York : John Wiley & Sons	336tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ 66	K32
2724	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	259tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ69	K26
2725	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	227tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ70	K27
2726	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	207tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ71	K28
2727	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	250tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ72	K29
2728	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	213tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ73	K30
2729	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	200tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ74	K31
2730	Dana's New Mineralogy	Richard V.Gaines,...	New York : John Wiley & Sons, 1997	tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ63	K33
2731	Dana's New Mineralogy	Richard V.Gaines	New York : John Wiley & Sons, 1997	343tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ64	K34
2732	Dana's New Mineralogy	Richard V.Gaines	New York : John Wiley & Sons, 1997	367tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ65	K35
2733	Bài tập toán cao cấp	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	H : Giáo dục, 2005	272tr.:Minh hoạ. - 20cm	VĐ1643(I-50); Q573(I-1680)	Q573(I-1730)
2734	Anh hùng thời đại Hồ Chí Minh : Những tập	Phạm Gia Đức, Lê Hải Triều.	H. : Quân đội Nhân dân,	1451tr.:Minh	VĐ1684	V8962

2754	Trọng lực và phương pháp thăm dò trọng lực	Cao Đình Triều	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2000	275tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ1709; VM1351(1-4)	V8968-V8972
2755	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/28	
2756	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bảo	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/29	
2757	Hydrogeological map of Vietnam.Scale 1:500.000	Trần Hồng Phú; Hiệu đính : Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Thương Hùng, Vũ Ngọc Kỳ	H. : Hydrogeological division, 1987	tr. - 60cm	KĐ161/1	
2758	Hydrogeological map of Vietnam.Scale 1:500.000	Trần Hồng Phú; Hiệu đính : Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Thương Hùng, Vũ Ngọc Kỳ	H. : Hydrogeological division, 1987	tr. - 60cm	KĐ161/2	
2759	Hydrogeological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Legend	Trần Hồng Phú; Hiệu đính : Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Thương Hùng, Vũ Ngọc Kỳ	H. : Hydrogeological division, 1987	tr. - 60cm	KĐ161/3	
2760	Digital Image Processing	Rafael C. Gonzalez, Richard E. Woods	India : Gopsons Papers, 2000	716tr. - 30cm	KĐ111	K72
2761	Environmental geology	Carla W. Montgomery : McGraw-Hill, C'2003	554tr: minh hoạ. - 28cm	KĐ110	K.129	
2762	IBM assembler : An Intuitive Approach	Robert W. McBeth, J. Robert Ferguson	USA : [Knxb], [1987]	789tr. - 30cm	KĐ112	K71
2763	Nghiên cứu biến dạng bùng nổ theo thời gian, với điều kiện vỉa than nằm ngang bằng lớp trụ là đất sét	Đặng Xuân Dinh	[k.d]: [knxb], 1965	156tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1710	B301
2764	Giáo trình vận tải trong xây dựng công trình ngầm và mỏ	Đặng Trần Việt	H : [Knxb], 2003	185tr. - 30cm	VĐ951(1-5); Q589(1-39)	Q589(1-44)
2765	Physics	David Halliday, Robert Resnick	[s.l.]: Teresa W. Lan, 1999	551tr.: minh hoạ. - 26cm	BP26(1-3)	B34-36
2766	Fourth international conference in organic coatings science and technology	G. D. Parfitt, A. V. Patsis	[Westport]: Technomic, 1980	294tr. - 28cm	BP28(1-2)	B40B90
2767	Third international conference in organic coatings science and technology	G. D. Parfitt, A. V. Patsis	[Westport]: Technomic, 1979	261tr. - 28cm	BP27(1-2)	B39B89
2768	Microcomputer Applications	Wilson T.Price	Rinehart and Winston : The dryden, [198-?]	670tr.: minh hoạ. - 26cm	BP33(1-5)	B56-60
2769	Physical Science	Bill W.Tillery	Dubuque : Wm.C.Brown, 1990	609tr.: minh hoạ. - 29cm	BP31(1-2)	B47B50
2770	Soils an introduction	Michael J.Singer, Donald N.Munns	New York ; London : Macmillan, [198-?]	492tr.: minh hoạ. - 25cm	BP30(1-4)	B43-46
2771	Computers and Applications : An introduction to data processing	Daniel L.Slotnick, Evan M.Butterfield, Ernest S.Colantonio,...	Toronto : D.C.Heath, [198-?]	675tr.: minh hoạ. - 25cm	BP29(1-2)	B41B42
2772	Statistics	David Freedman, RoBert Pisani, Roger Purves	New York ; London : W.W.Norton, C'1978	506tr.: minh hoạ. - 25cm	BP34(1-2)	B61B62

			Bacon, C'1984	- 24cm		
2793	Essentials of Trigonometry	Irving drooyan, Walter Hadel, Charles C. Carico	New York ; London : Macmillan, C'1986	367tr.: minh hoạ. - 24cm	BP57	B113
2794	Algebra Structure and Method	Mary P. Dolciani, William Wooton, Robert H. Sorgenfrey, Richard G. Brown	Boston : Houghton Mifflin, C'1979	512tr.: minh hoạ. - 24cm	BP56	B110
2795	Algebra : Structure and method	Mary P. Dolciani, Richard G. Brown, Frank Ebos, William L. Cole	Boston : Houghton Mifflin, C'1981	550tr. - 25cm	BP56(1-2)	B111-112
2796	Physical Science with environmental and other practical applications	Ph.D.Jonathan Turk	Winston : CBS College, C'1981	642tr. - 27cm	BP55	B109
2797	Refrigeration and air conditioning technology : Concepts, Procedures, and troubleshooting techniques	William C. Whitman, William M. Johnson	N.Y. : Delmar, 1988	905tr. - 30cm	BP54	B108
2798	Instructor's resource guide for intermediate algebra	Mervin L. Keedy, Marvin L. Bittinger	San Juan : Addison Westley, C'1987	370tr. - 27cm	BP53	B107
2799	The Nuclear age reader	Jeffrey Porro, Paul Doty, Carl Kaysen, Jack Ruina	N.Y. : Alfred A.Knopf, C'1989	541tr.: minh hoạ. - 28cm	BP52	B106
2800	Electrical Wiring Commercial : Based on the 1987 National Electrical Code	Ray C.Mullin, Robert L.Smith	N.Y. : Delmar , C'1987	253tr.: minh hoạ. - 28cm + 3 sơ đồ	BP51	B105
2801	Inquiry into life	Sylvia S.Mader	Dubuque : Wm.C.Brawn, C'1988	802tr.: minh hoạ. - 29cm	BP66	B127
2802	Master electrician's workbook : Based on the 1990 NEC	James G. Stallcup	ILLNOIS : American Technical, C'1989	458tr.: minh hoạ. - 27cm	BP65	B126
2803	Motor introduction to auto electrical systems	The Hearst Corporation	N.Y. : Motor, [19--?]	216tr.: minh hoạ. - 27cm	BP63(1-5)	B120-124
2804	Making peace with the planet	Barry Commoner	N.Y. : Pantheon, C'1990	292tr. - 24cm	BP74	B135
2805	Four Software tools : with Lotus 1-2-3, WordPerfect, and dBASE III Plus	Tim Duffy	California : Wadsworth, C'1988	601tr.: minh hoạ. - 28cm	BP69	B130
2806	Winning at technological innovation	Robert D. Englert	Toronto : McGraw-Hill, C'1990	235tr. - 24cm	BP72	B133
2807	Heath Student Atlas	Toronto : D.C.Heath, C'1987	121tr.: minh hoạ. - 28cm	BP70	B131	
2808	Geography regions and concepts	H.J.De Blij, Peter O.Muller	N.Y. : John Wiley - Sons, C'1991	638tr.: minh hoạ. - 28cm	BP68	B129
2809	The Nature of Life	John H. Postlethwait	New York,... : McGraw-Hill, C'1989	820tr.: minh hoạ. - 28cm	BP67	B128
2810	Designing Cost - Efficient Mechanisms : Minimum Constraint design, Designing with Commercial Components, and Topics in Design Engineering	Lawrence J. Kamm	New York,... : McGraw-Hill, C'1990	250tr.: minh hoạ. - 24cm	BP71	B132
2811	VM Performance Management	Trevor Edolls	New York,... : McGraw-Hill, C'1989	265tr.: minh hoạ. - 24cm	BP73	B134
2812	Foundations for microwave engineering	Robert E.Collin	New York,... : McGraw-Hill, C'1966	589tr.: minh hoạ. - 24cm	BP86	B147
2813	Water Resources Management in Latin	Terence R. Lee	San Francisco : Oxford :	208tr.: minh hoạ.	BP85	B146

			Westview, C'1987	- 22cm		
2835	Global Crises and Social Movements : Artisans, Peasants, Populist, and the World Economy	Edmund Burke, III	Boulder ; London : Westview, C'1988	276tr.: minh hoạ. - 24cm	BP107	B175
2836	Review of organic functional groups : Introduction to medicinal organic chemistry	Thomas L. Lemke	Philadenphia : Lea : Febiger, C'1988	142tr.: Minh hoà. - 24cm	BP106	B174
2837	Ethical decisions for social work practice	Frank Loewenberg, Ralph dolgoff	Illinois : F.E. Peacock, C'1988	174tr. - 24cm	BP105	B173
2838	Explaining human behavior : Consciousness, human action and social structure	Paul F. Secord	Beverly Hills,... : Sage, C'1982	320tr. - 22cm	BP104	B172
2839	Moving right along : A book of science experiments and puzzlers about motion	Robert Gardner, David Webster	Garden : Doubleday, C'1978	165tr.: minh hoạ. - 21cm	BP103	B171
2840	New electronic Pathways : Videotex, Teletex and Online Databases	Jerome Aumente	Newbury Park,... : Sage, C'1987	159tr. - 22cm	BP102(1-2)	B169B170
2841	Endangered Spaces, Enduring Places : Change, Identity, and Survival in Rural America	Janet M. Fitchen	Boulder : Westview, C'1991	314tr.: minh hoạ. - 23cm	BP101	B168
2842	Biomass, Catalysts and Liquid Fuels	Ian M. Campbell	New Holland : Technomic, C'1983	169tr.: minh hoạ. - 24cm	BP100(1-2)	B166B167
2843	Flood plain land use management : A national assessment	Raymond J. Burby, Steven P. French, Beverly A. Cigler,...	Boulder : Westview, C'1985	249tr. - 23cm	BP98	B164
2844	Computers in the information society	Nathan Weinberg	Boulder : Westview, C'1990	183tr. - 23cm	BP97	B163
2845	Macroevolutionary dynamics : Species, Niches, and adaptive peaks	Niles Eldredge	Louis,... : McGraw-Hill, C'1989	226tr. - 23cm	BP96	B162
2846	INTER international Terrorism in 1987	Ariel Merari,...	Colorado : Westview, C'1988	140tr.: minh hoạ. - 23cm	BP99	B165
2847	Electrotechnology	Norman W. Lord, Robert P. Ouellette, Paul N. Cheremisinoff	Butterworth : Ann Arbor science, C'1981	160tr.: minh hoạ. - 24cm	BP115(1-3)	B188-190
2848	Power Plant Chlorination A Biological and Chemical Assessment	Lenwood W. Hall, George R. Helz, Dennis T. Burton	ButterWorth : Ann Arbor Science, C'1981	237tr.: minh hoạ. - 24cm	BP117	B192
2849	Introduction to the Theory Coverage processes	Peter Hall	NewYork,... : John Wiley - Sons, C'1988	408tr.: minh hoạ. - 24cm	BP118	B193
2850	Improving Telephone Information and Reference Service in Public Libraries	Rosemarie Riechel	Hamden : The Shoe String, C'1987	123tr. - 21cm	BP119	B194
2851	Minitab handbook for business and economics	Robert B. Miller	Boston : PWS-Kent, C'1988	331tr.: minh hoạ. - 23cm	BP120	B195
2852	Industrial Applications of Electroorganic Synthesis	Ralph Roberts, Robert P. Ouellette, Paul N. Cheremisinoff	Butterworth : Ann Arbor Science, C'1982	205tr.: minh hoạ. - 24cm	BP121(1-2)	B196B197
2853	The Skills of Helping Individuals and Groups	Lawrence Shulman	illinois : F.E. Peacock, C'1984	432tr. - 24cm	BP122	B198
2854	Chemistry in water reuse	William J. Cooper	Butterworth : Ann Arbor, C'1981	557tr.: minh hoạ. - 24cm	BP123(1-2)	B199B200

			C'1978			
2877	Secret Corners of the World	Washington : National Geographic Society, C'1982	196tr.: minh hoạ. - 26cm	BP20	B21	
2878	Hidden Worlds of Wildlife	Washington : National Geographic Society, C'1990	199tr.: minh hoạ. - 26cm	BP21	B22	
2879	Using dBase IV	James E. Shuman	New York,... : McGraw-Hill, C'1990	280tr.: minh hoạ. - 26cm	BP6	B6
2880	Electricity 2 : Devices, Circuits, and Materials	Thomas S. Kubala	New York : Delmar, C'1986	126tr.: minh hoạ. - 26cm	BP5	B5
2881	Physical Geography	Ralph C. Scott	Paul,... : West	542tr.: minh hoạ. - 26cm	BP4	B4
2882	Electricity 1 : Devices, Circuits, and Materials	Thomas S. Kubala	Canada : Delmar, C'1986	146tr.: minh hoạ. - 26cm	BP7(1-5)	B7B97-100
2883	McGraw-Hill Microcomputing	Timothy J. O'Leary, Brian K. Williams, Linda I. O'Leary	New York,... : McGraw-Hill, 1989	158tr.: minh hoạ. - 26cm	BP8	B8
2884	Designing electrical systems : based on the 1990 national electrical code	James G. Stallcup	Illinois : American Technical, C'1989	370tr.: minh hoạ. - 28cm	BP12	B12
2885	Sign electrician's workbook : Based on the 1990 NEC	James G. Stallcup	Illinois : American Technical, C'1990	90tr.: minh hoạ. - 28cm	BP11	B11
2886	Journeyman electrician's workbook : exam preparation-upgrading : based on the 1990 NEC	James G. Stallcup	Illinois : American Technical, C'1989	164tr.: minh hoạ. - 28cm	BP10	B10
2887	Software Tools in Business : WordPerfect 4.2, 5.0, 5.1 Lotus 1-2-3, Release 2.01, 2.2 dBASE III PLUS	Timothy Trainor, Jeffrey Stipes	New York,... : McGraw-Hill, C'1991	[ca400p.]: minh hoạ. - 24cm	BP14(1-2)	B14B15
2888	Cases and applications in lotus 1-2-3 : Releases 2, 2.2 and 3	Jack A. Holt	Homewood, Illinois : Irwin, 1990	342tr.: minh hoạ. - 28cm	BP9	B9
2889	The complete scanner handbook for desktop publishing, macintosh edition	David D. Busch	Homewood, Illinois : Irwin, 1991	386tr.: minh hoạ. - 24cm	BP16	B17
2890	Physics classical and modern	W. Edward Gettys, Frederick J. Keller, Malcolm J. Skove	New York : McGraw-Hill, 1989	1093tr.: minh hoạ. - 25cm	BP13	B13
2891	Précis de géologie : A l'usage des candidats a la licence ès sciences, au s.p.c.n. et aux grades écoles	Léon Morct	Paris : Masson et C, 1955	669tr.: minh hoạ. - 22cm	KĐ113	B423
2892	Atlas of ventilation & safety engineering in China's coal mines	Li Xuengcheng, Wang Xingshen	Xuzhou : China university of mining and technology, 1995	645tr.: minh hoạ. - 28cm	KĐ114	B424
2893	Structural geology	V. V. Belousov	Moscow : Mir, 1968	179tr.: minh hoạ. - 21cm	KĐ115	B291
2894	Handbook and clendar 1993	Perth Western Australia : Curtin university of technology, 1992	570tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ120	KV736	
2895	Engineering geology	Fred G. Bell	Oxford,... : Blackwell Science, 1993	358tr.: minh hoạ. - 25cm	KĐ116	B308
2896	Eléments de Géologie	J. Guillemot	[s.l.] : [s.n.], 1966	100tr.: minh hoạ.	KĐ118	B272

		[19--?]				
2914	Ein Beitrag zur Bewertung untertagiger Entsorgungsanlagen aus bergtechnischer Sicht unter besonderer Berücksichtigung sicherheitlicher Aspekte	Holger Koch	[German?]: Verlag, [1998?]	142tr.: minh hoạ. - 21cm	KĐ155	K100
2915	Spulversatz im Salzbergbau	H. Rauche	Freiberg : TU Bergakad, 2001	162tr.: minh hoạ. - 21cm	KĐ156	K99
2916	Spezialabteufverfahren Schachtausbau und Untertägige Querschnittsabdichtungen	H. Kahnes,...	Freiberg : Bergakademie, [19--?]	192tr.: minh hoạ. - 20cm	KĐ157	K96
2917	Small- Scale Gold- Mining : Processing Techniques in Developing Countries	Michael Priester, Thomas Hentschel	Lengerich : Vieweg, 1992	96tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ149	K89
2918	Improved Biogas Unit for Developing Countries : The CAMARTEC Biogas Unit; : A Publication of Deutsches Zentrum für Entwicklungstechnologien-GATE in: Deutsche Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit (GTZ)GmbH	Ludwig Sasse, Christopher Killner, Ainea Kimaro	Braunschweig : Wiesbaden : Vieweg, 1991	98tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ150	K90
2919	Sensortechnik aktuell - Ausgabe 2001 : Trends, Produkte und Entscheidungshilfen	Herausgegeben von, Gunther W. Schanz	München : Oldenbourg, C'2001	123tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ151	K98
2920	Marine Aquarium Keeping	Stephen Spotte	New York,... : John Wiley & Sons, C'1993	175tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ152	K87
2921	Projects for a healthy planet : Simple Environmental Experiments for Kids	Shar Levine, Allison Grafton	New York,... : John Wiley & Sons, C'1992	95tr.: minh hoạ. - 21cm	KĐ153	K88
2922	1. Baustoffkolloquium, 14. Freiburger Steine- und Erden- Kolloquium : am 19./20. Oktober 2000, Veranstaltungsort: TU Bergakademie Freiberg	Technische Universität Bergakademie Freiberg : Freiberg, 2000	200tr.: minh hoạ. - 30cm	KĐ136	K104	
2923	Faszination Baumaschinen - Giganten im Erd- und Tagebau	Heinz-Herbert Cohrs, Rainer Oberdrevermann	Isernhagen : Giesel Verlag, 2000	277tr.: minh hoạ. - 33cm	KĐ137	K103
2924	Principles of engineering geology	Robert B. Johnson, Jerome V. DeGraff	New York,... : John Wiley & Sons, C'1988	497tr.: minh hoạ. - 26cm	KĐ143	K93
2925	Ecology of North America	Eric G. Bolen	New York,... : John Wiley & Sons, C'1998	448tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ144	K86
2926	The Protection and Conservation of Water Resources : <A>British Perspective	Hadrian F. Cook	Chichester,... : John Wiley & Sons, C'1998	336tr.: minh hoạ. - 25cm	KĐ145	K85
2927	The World of Opals	Allan W. Eckert	New York,... : John Wiley & Sons, C'1997	448tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ146	K84
2928	Renaturierung von Abbaustellen : Von Sabine Gilcher und Diedrich Bruns unter Mitarbeit von Michael Gaede	Sabine Gilcher, Diedrich Bruns	Stuttgart : Ulmer, C'1999	355tr.: minh hoạ. - 25cm	KĐ147	K91
2929	Bergbautechnologie : Erzbergbau Kalibergbau	Horst Roschlau, Wolfram Heintze	Leipzig : VEB Deutscher Verlag für Grundstoffindustrie, 1988	374tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ148	K92
2930	Festgesteig-Tagebau	H. Goergen	Germany : Trans Tech Publications, C'1987	253tr.: minh hoạ. - 30cm	KĐ131	K94

	thể làm tài liệu tham khảo cho các thầy dạy toán phổ thông...					
2945	Giáo trình lý thuyết và xác suất thống kê toán : Dùng cho sinh viên kinh tế	Nguyễn Đình Cừ, Nguyễn Cao Văn	H : Thống kê, 1991	287tr. - 19cm; VM898	V3715	
2946	Toán học là gì ? : Phác thảo sơ cấp về tư tưởng và phương pháp	R. Courant, H. Robbins	H : Khoa học và kỹ thuật , 1984	163tr. - 19cm; VM372	V17	
2947	Spaceship Earth / Earth Science	Joseph H. Jackson, Edward D. Evans	Boston : Houghton Mifflin, C'1984	579tr.: minh hoạ. - 23cm	KĐ169	K.117
2948	Elementary Statistics	Mario F. Triola	Massachusetts,... : Addison-Wesley, C'1992	730tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ170	K.116
2949	Environmental Geology	Carla W. Montgomery	Dubuque,... : Wm. C. Brown, C'1995	496tr.: minh hoạ. - 30cm	KĐ168	K.120
2950	Environmental Soil Physics	Daniel Hillel	San Diego,... : Academic, C'1998	771tr.: minh hoạ. - 30cm	KĐ167	K.119
2951	Exploring Earth : An Introduction to Physical Geology	Jon P. Davidson, Walter E. Reed, Paul M. Davis	Prentice Hall : New Jersey, C'1997	477tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ165	K.115
2952	Earth : An Introduction to Physical Geology	Edward J. Tarbuck, Frederick K. Lutgens	New Jersey : Prentice Hall, C'1999	638tr.: minh hoạ. - 27cm	KĐ166	K.118
2953	Proceedings of the sixth annual convention : Jakarta, May 23 - 24, 1977	Biên tập : G.L. Fletcher	[s.l.]: Indonesian Petroleum Association, 1978	351tr.: minh hoạ. - 25cm	B/MO-28	B.243
2954	Proceedings of the sixth annual convention : Jakarta, May 23-24, 1977	Biên tập : G.L. Fletcher	[s.l.]: Indonesian Petroleum Association, 1978	335tr.: minh hoạ. - 25cm	B/MO-28	B.244
2955	Proceedings of the fourth annual convention : Jakarta, June 2-3, 1975	[s.l.]: Indonesian Petroleum Association, 1976	268tr.: minh hoạ. - 25cm	B/MO-27	B.242	
2956	Proceedings of the fourth annual convention : Jakarta, June 2-3, 1975	[s.l.]: Indonesian Petroleum Association, 1976	275tr.: minh hoạ. - 25cm	B/MO-27	B.241	
2957	Proceedings of the fifth annual convention : Jakarta, June 7-8, 1976	[s.l.]: Indonesian Petroleum Association, 1977	308tr.: minh hoạ. - 25cm	B/MO-32	B.249B.250	
2958	Interior Rift Basins	Susan M. Landon	Oklahoma : The American Association of Petroleum Geologists, 1994	276tr.: minh hoạ. - 29cm	B/Mo-20	B.228
2959	Proceedings of the fifth annual convention : Jakarta, June 7-8, 1976	[s.l.]: Indonesian Petroleum Association	284tr.: minh hoạ. - 25cm	B/MO-32	B.248B.251	
2960	Underground waste management and artificial recharge	Jules Braunstein	Wisconsin : The George Banta Company, 1973	663tr.: minh hoạ. - 23cm	B/MO-36	B.257
2961	Underground waste management and articial recharge	Jules Braunstein	Wisconsin : The George Banta Company, 1973	931tr.: minh hoạ. - 23cm	B/MO-36	B.258
2962	Proceedings of the fifteenth session of the committee for co-ordination of joint prospecting for mineral resources in Asian offshore areas (CCOP): Held at Singapore, 1978	Bangkok : Erawan Printing Lp, [1980?]	337tr.: minh hoạ. - 26cm	B/MO-23	B.232	
2963	Proceedings of the fourteenth session of the	Bangkok : Erawan Printing Lp,	441tr.: minh hoạ. - 26cm	B/MO-23	B.231	

	Developments and Applications : AAPG Memoir 58	Posamentier	Association of Petroleum Geologists, 1994	- 29cm		
2981	CRC Handbook of Chemistry and Physics : <A>Ready-Reference Book of Chemical and Physical Data	David R. Lide, Ph.D : CRC Press, 1990	[ca1500p.].: minh hoạ. - 29cm	B/MO-22	B.230	
2982	Proceedings of the second annual convention : Jakarta, June 4-5, 1973	[s.l.]: Indonesian Petroleum Association, 1973	328tr.: minh hoạ. - 25cm	B/MO-34	B.253-B.255	
2983	Deltas : In their geologic framework	Martha Lou Shirley, James A. Ragsdale	Texas : Houston Geological Society, C'1966	251tr.: minh hoạ. - 24cm	B/MO-33	B.252
2984	Marine science	Loyd Hampton	New York; London : Plenum, C'1974	567tr.: minh hoạ. - 26cm	B/MO-30	B.246
2985	Marine Science	Isaac R. Kaplan	New York; London : Plenum, C'1974	324tr.: minh hoạ. - 26cm	B/MO-31	B.247
2986	Quick look techniques for prospect evaluation	Daniel J. Tearpock, Richard E. Bischke, Joseph L. Brewton	Louisiana : Subsurface Consultants - Associates, C'1994	286tr.: minh hoạ. - 25cm	B/MO-29	B.245
2987	Pháp luật đại cương : Dùng trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp	Lê Minh Toàn, Lê Minh Th5/4ng, Nguyễn Bá Chiến	H. : Chính trị quốc gia, 2003	376tr.: minh hoạ. - 20cm	VD1650(1-5); Q600(1-195)	Q600(1-200)
2988	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	H. : Chính trị quốc gia, 2003	491tr.: minh hoạ. - 21cm	VD1649(1-10); Q599(1-390)	Q599(1-400)	
2989	Giáo trình thí nghiệm kỹ thuật điện : Dùng cho các ngành không chuyên về điện	Kim Ngọc Linh	H. : [knxb], 2003	46tr.: minh hoạ. - 29cm	VD1721(1-5); Q596(1-95)	Q596(1-100)
2990	Giáo trình giáo dục Quốc phòng phần III : Dùng giảng dạy và học tập cho sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất	Đỗ Kim Chiến, Nguyễn Xuân Quyết, Bùi Kim Hồng,...	H. : [knxb], 2003	191tr.: minh hoạ. - 29cm	VD1720(1-10); Q592(1-134)	Q592(1-144)
2991	Giáo trình vận tải mỏ : Dùng cho sinh viên ngành Khai thác mỏ	Cao Trọng Khuông	H. : [knxb], 2003	168tr.: minh hoạ. - 29cm	VD1719(1-5); Q597(1-95)	Q597(1-100)
2992	Giáo trình thiết bị điện tử I : Thiết bị thu thanh, thu hình ; Thiết bị điện tử y sinh : Dùng cho sinh viên ngành Điện - Điện tử	Kim Ngọc Linh	H. : [knxb], 2003	161tr.: minh hoạ. - 29cm	VD1781(1-5); Q594(1-145)	Q594(1-150)
2993	Giáo trình Anh văn chuyên môn : Dùng cho sinh viên ngành Luyện hoá dầu	Bùi Thị Lệ Thuý	H. : [knxb], 2003	157tr.: minh hoạ. - 29cm	VD1717(1-10); Q591(1-84)	Q591(1-94)
2994	Giáo trình địa vật lý đại cương	Mai Thanh Tân	H. : [knxb], 2003	267tr.: minh hoạ. - 29cm	VD1716(1-5); Q595(1-95)	Q595(1-100)
2995	Toán kinh tế	Nhâm Văn Toàn	H. : [knxb], 2003	256tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1715(1-5); Q593(1-535)	Q593(1-540)
2996	Kỹ thuật an toàn lao động trong mỏ hầm lò : Bài giảng dùng cho các ngành : Địa chất công trình, thủy văn ; Địa chất thăm dò ; Điện khí hoá mỏ ; Cơ khí mỏ,...	Trần Xuân Hà, Nguyễn Văn Sung, Phan Quang Văn	H. : [knxb], 1999	135tr.: minh hoạ. - 29cm	VD1084(1-10); Q335(1-148)	Q335(1-158)
2997	<1981=Nineteen Eighty-one>SPE/DOE Symposium on Low Permeability Gas Reservoirs : May 27, 28, 29, 1981 Denver, Colorado : Proceedings	[Colorado?]: [Society of Petroleum Engineers of Aime?], C'1981	799tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-5	B.207B.208	

3016	Stratigraphic correlation between sedimentary basins of the ecafe region	New York : United Nations, 1970	154tr.: minh hoạ. - 28cm	B/Mo-47	B.278	
3017	Proceedings : <1991=Nineteen Ninety-one>SPE Annual Technical Conference and Exhibition : Drilling	Texas : Society of Petroleum Engineers, C'1991	458tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-48	B.306	
3018	Proceedings : <1987=Nineteen Eighty-Seven>SPE Annual Technical Conference and Exhibition	Texas : Society of Petroleum Engineers, C'1987	591tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-49	B.307	
3019	<1992=Nineteen Ninety-two>European petroleum directory	Tulsa : Pennwell, C'1991	516tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-40	B.263	
3020	Expanded Abstracts with Biographies : <1991=Nineteen Ninety-one>Technical Program	Tulsa : Society of Exploration Geophysicists, 1991	812tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-39	B.262	
3021	<1992=Nineteen Ninety-two>Asia-Pacific/Africa-Middle East Petroleum Directory	Tulsa : Pennwell, C'1991	453tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-41	B.264	
3022	Use of sedimentary structures for recognition of clastic environments	Monzer S. Shawa	[s.l.] : Canadian Society of Petroleum Geologists, 1974	66tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-42	B.266
3023	Proceedings : <1989=Nineteen Eighty-nine>SPE Annual Technical Conference and Exhibition	Texas : Society of Petroleum Engineers, C'1989	690tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-43	B.267	
3024	Proceedings : <1991=Nineteen Ninety-one>SPE Annual Technical Conference and Exhibition	Texas : Society of Petroleum Engineers, 1991	1006tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-44	B.268	
3025	Proceedings : <1988=Nineteen Eighty-eight>SPE Annual Technical Conference and Exhibition	Texas : Society of Petroleum Engineers, 1988	825tr.: minh hoạ. - 28cm	B/MO-45	B.269	
3026	Sổ tay công nghệ chế tạo máy	Nguyễn Đ3/4c Lộc, Lê Văn Tiến, Ninh Đức Tồn, Trần Xuân Việt	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2001	469tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ1671(1-5); VM1352(1-45)	V8980-9029
3027	Sổ tay công nghệ chế tạo máy	Nguyễn Đ3/4c Lộc, Lê Văn Tiến, Ninh Đức Tồn, Trần Xuân Việt	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2003	582tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ1672(1-5); VM1353(1-45)	V9030-9079
3028	Sổ tay công nghệ chế tạo máy	Nguyễn Đ3/4c Lộc, Lê Văn Tiến, Ninh Đức Tồn, Trần Xuân Việt	H. : Khoa học Kỹ thuật, 2003	366tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ1673(1-5); VM1354(1-45)	V9080-9129
3029	Atlas đồ gá : Giáo trình cho sinh viên cơ khí thuộc các hệ đào tạo	Trần Văn Địch	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2003	236tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1674(1-5); VM1357(1-45)	V9140-9189
3030	Sổ tay gia công cơ : Dùng cho sinh viên cơ khí thuộc các hệ đào	Trần Văn Địch, Lưu Văn Nhạng, Nguyễn Thanh Mai	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2002	499tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1675(1-5); VM1358(1-45)	V9190-9239
3031	Kỹ thuật Robot : Giáo trình dùng cho sinh viên đại học khối kỹ thuật	Đào Văn Hiệp	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2003	206tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ1670(1-2); VM1356(1-3)	V9135-9139
3032	Robot công nghiệp : Giáo trình dùng cho sinh viên các trường kỹ thuật	Nguyễn Thiện Phúc	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2002	326tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ1669(1-2); VM1355(1-3)	V9130-9134
3033	Đồ gá gia công cơ khí : Tiện - Phay - Bảo -	Hồ Viết Bình, Lê Đăng Hoành,	Đà N1/2ng : Nxb.Đà	320tr.: minh hoạ.	VĐ1668(1-5);	V9240-9279

	viên, kĩ sư...					
3054	Ngôn ngữ lập trình Pascal : Giáo trình cơ bản, dễ học, giành cho tất cả mọi người : Học sinh phổ thông, sinh viên, kĩ sư...	Quách Tuấn Ngọc	H. : Thông kê, 2002	338tr.: minh hoạ. - 25cm	VĐ1734(1-5); Q621(1-135)	Q621(1-140)
3055	Giáo trình thủy khí động lực kỹ thuật	Lê Kinh Thanh	H. : [knxb], 2003	213tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1733(1-10); Q624(1-184)	Q624(1-194)
3056	Cổ sinh vật học	Đỗ Thị Bích Thược	H. : [knxb], 2003	191tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1729(1-10); Q614(1-234)	Q614(1-244)
3057	Giáo trình máy điện	Nguyễn Hạnh Tiến	H. : [knxb], 2003	202tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1730(1-5); Q598(1-95)	Q598(1-100)
3058	Giáo trình cơ sở lý thuyết hoá học	Hoàng Bá Năng (ch.b), Nguyễn Hữu Hùng	H. : [knxb], 2003	134tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1732(1-10); Q611(1-90)	Q611(1-100)
3059	Giáo trình ổn định bờ mỏ, tầng và b* _i mỏ lộ thiên : Dùng cho ngành Khai thác mỏ	Trần Mạnh Xuân	H. : [knxb], 2003	128tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1731(1-10); Q612(1-134)	Q612(1-144)
3060	<70=Bảy mươi>Năm Đảng Cộng Sản Việt Nam (1930 - 2000): Tái bản nhân kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (3.2.1930 - 3.2.2003)	H. : Thông tấn, 2003	209tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1737	V9351	
3061	Thế giới : 202 Quốc gia và vùng lãnh thổ	H. : Thông tấn, 2003	615tr.: minh hoạ. - 25cm	VĐ1666(1-2)	V9344-9345	
3062	Toán học rời rạc ứng dụng trong tin học	Kenneth H. Rosen	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2003	977tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ1667(1-2); VM1361(1-3)	V9346-9350
3063	Thực tập hoá vô cơ	Hoàng Bá Năng, Vũ Kim Thu, Lê Thị Phương Thảo	H. : [knxb], 2003	32tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1738(1-10); Q625(1-	Q625(1-
3064	Manual of Applied Field Hydrogeology	Willis D. Weight, John L. Sonderegger : McGraw-Hill, C'2001	608tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ171	K.121	
3065	Geostatistical Simulation : Models and Algorithms : With 185 Figures and 5 Tables	Christian Lantuéjoul : Springer, 2002	256tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ172	K.122	
3066	Petrogenesis of Metamorphic Rocks	Kurt Bucher, Martin Frey : Springer, C'2002	341tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ173	K.124	
3067	Geostatistics for Environmental Scientists	Richard Webster, Margaret Oliver : John Wiley & Sons, C'2001	271tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ174	K.123	
3068	Practical Geostatistics : Modeling and Spatial Analysis	Simon W. Houlding : Springer, C'2000	159tr.: minh hoạ. - 24cm + 1 CD-Rom	KĐ175	K.126	
3069	Ore Deposits and Mantle Plumes	Franco Pirajno : Kluwer Academic, C'2000	556tr.: minh hoạ. - 25cm	KĐ176	K.125	
3070	Petrology : The Study of igneous, sedimentary and metamorphic rocks	Loren A. Raymond	Boston : McGraw-Hill, C'2002	720tr.: minh hoạ. - 28cm	KĐ181(1-2)	K.132B681
3071	Origin of Igneous Rocks : The Isotopic Evidence	Gunter Faure : Springer, C'2001	496tr.: minh hoạ. - 28cm	KĐ179	K.130	
3072	Marine Geochemistry : With 241 Figures and 23 Tables	Horst D. Schulz, Matthias Zabel : Springer, C'2000	455tr.: minh hoạ. - 28cm	KĐ180	K.131	
3073	Integrated Environmental Planning	James K. Lein : Blackwell Science, C'2003	228tr.: minh hoạ. - 25cm	KĐ178	K.127	

	và kế hoạch hoá doanh nghiệp công nghiệp mỏ : Dùng cho sinh viên ngành kinh tế và Quản trị doanh nghiệp mỏ	Thái		- 29cm	Q641(1-134)	
3094	Giáo trình cơ học lý thuyết	Hoàng Văn Đa chủ biên, Nguyễn Hải, Nguyễn Thạc Sỹ	H. : [knxb], 2003	185tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1752(1-10); Q642(1-390)	Q642(1-400)
3095	Hướng dẫn thiết kế môn học máy nâng và máy vận tải	Võ Quang Phiên	H. : [knxb], 2003	77tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1755(1-10); Q643(1-234)	Q643(1-244)
3096	Giáo trình Giáo dục Thể chất : Dùng cho sinh viên năm học thứ nhất	Bùi Ngọc Thọ chủ biên, Lê Văn Cương, Lý Kế Cường,...	H. : [knxb], 2003	173tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1753(1-10); Q644(1-84)	Q644(1-94)
3097	Giáo trình Giáo dục Thể chất : Dùng để tham khảo, mở rộng chuyên môn và hỗ trợ cho các môn học trong chương trình	Bùi Ngọc Thọ chủ biên, Lê Văn Cương, Lý Kế Cường,...	H. : [knxb], 2003	134tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1754(1-10); Q645(1-84)	Q645(1-94)
3098	Giáo trình Giáo dục Thể chất : Dùng cho sinh viên năm học thứ hai	Bùi Ngọc Thọ chủ biên, Lê Văn Cương, Lý Kế Cường,...	H. : [knxb], 2003	195tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1751(1-10); Q646(1-84)	Q646(1-94)
3099	Giáo trình an toàn lao động và môi trường trong địa vật lý	Nguyễn Quốc Thực	H. : [knxb], 2003	70tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1750(1-10); Q647(1-184)	Q647(1-194)
3100	Giáo trình hoá phân tích	Hoàng Bá Năng	H. : [knxb], 2003	139tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1757(1-10); Q648(1-190)	Q648(1-200)
3101	Giáo trình bảo vệ môi trường và an toàn trong doanh nghiệp dầu khí : Dùng cho sinh viên chuyên ngành kinh tế và quản trị doanh nghiệp địa chất, dầu khí	Nguyễn Thị Kim Ngân	H. : [knxb], 2003	90tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1758(1-10); Q649(1-184)	Q649(1-194)
3102	Aquatic toxicology and environmental fate	Ted M. Poston, Rich Purdy	Philadelphia : ASTM, C'1986	530tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ222(1-2)	B.456-457
3103	Dredging, Remediation, and Containment of Contaminated Sediments	Kenneth R. Demars, Gregory N. Richardson, Raymond N. Yong, and Ronald C. Chaney	Philadelphia : ASTM, 1995	333tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ223(1-2)	B.454-453
3104	Aquatic Toxicology and Hazard Assessment : Eighth Symposium	Rita Comotto Bahner, David J. Hansen	Philadelphia : ASTM, 1985	480tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ224(3)	B.451-453
3105	Environmental Toxicology and Risk Assessment	Wayne G. Landis, Jane S. Hughes, Michael A. Lewis	Philadelphia : ASTM, 1993	431tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ225	B.450
3106	Geotechnics of Waste Fills - Theory and Practice	Arvid Landva, G. David Knowles	Philadelphia : ASTM, 1994	373tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ226(1-2)	B.476-477
3107	Sand und Kies	Winfried Koensler, Mineralogie, Vorkommen,...	Enke : Stuttgart, C'1989	123tr.: minh hoạ. - 23cm	KĐ227	B.435
3108	Mike Meyers' Certification Passport Java 2	Cindy Glass, Jane Grisetti, Margarita, ... : Mc Graw Hill, C'2001	460tr.: minh hoạ. - 23cm - 1 CD	KĐ228(1-2)	B.446-447	
3109	Technical Writing and Professional Communication	Leslie A. Olsen, Thomas N. Huckin : McGraw-Hill, C'1991	584tr.: minh hoạ. - 24cm	KĐ229(1-2)	B.448-449	
3110	Ecological Assessment of Macrophyton : Collection, use, and Meaning of Data	W. M. Dennis, B. G. Isom	Philadelphia : ASTM, 1984	121tr.: minh hoạ. - 23cm	KĐ230(1-2)	B.442-443
3111	Rock for Erosion Control	Charles H. McElroy, David A. Lienhart	Philadelphia : ASTM, 1993	140tr.: minh hoạ. - 23cm	KĐ231(1-2)	B.440-441
3112	Rapid Load Fracture Testing	Ravinder Chona, William R.	Philadelophia : ASTM,	179tr.: minh hoạ.	KĐ232	B.439

	trường					
3131	Giáo trình máy điện công nghiệp : Dùng cho sinh viên ngành Điện - Điện tử	Nguyễn Đức Kỳ	H. : [Knxb], 2004	127tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1761(1-10); Q652(1-184)	Q652(1-194)
3132	Giáo trình tài chính doanh nghiệp : Tài liệu lưu hành nội bộ	Nguyễn Duy Lạc, Phi Thị Kim Thư, Lưu Thị Thu Hà	H. : [Knxb], 2004	171tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1762(1-10); Q653(1-184)	Q653(1-194)
3133	Giáo trình đánh giá kinh tế khoáng sản : Dùng cho ngành kinh tế và QTKD Mỏ, Địa chất, Dầu khí, Kinh tế môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên	Đỗ Hữu Tùng	H. : [Knxb], 2004	82tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1763(1-5); Q654(1-195)	Q654(1-200)
3134	Hướng dẫn thực tập đo ảnh và đoán đọc điều vẽ ảnh	Phan Văn Lộc, Phạm Vọng Thành	H. : [Knxb], 2004	94tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1764(1-10); Q655(1-234)	Q655(1-244)
3135	Giáo trình tài liệu hướng dẫn thực tập công tác tăng dày không chế ảnh	Trương Anh Kiệt	H. : [Knxb], 2004	102tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1765(1-10); Q656(1-184)	Q656(1-194)
3136	Bergwirtschaft	Siegfried Von Wahl	Druck und Einband : Verlag Gluckauf, 1990	303tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ210	B.479
3137	Dreamweaver 4 : The Complete Reference	Jennifer Ackeman Kettell	Toronto : McGraw _ Hill, 2001	1019tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ199	B485
3138	Mac Os X : The complete Reference	Jesse Feiler	Toronto : McGraw _ Hill, 2001	763tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ200(1-2)	B484;B489
3139	Oracle9i Web Development : Develop and Deploy E _ Commerce Applications in an Oracl Environment	Bradle D.Brown	Toronto : MCGraw _ Hill, 2001	1119tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ198(1-2)	B486-B487
3140	Office 2000 : The complete Reference	Stephen L.Nelson	Toronto : McGraw _ Hill, 2001	1040tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ197	B488
3141	iMac	Todd Stauffer	Toronto : McGraw _ Hill, 2001	580tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ196(1-2)	B490-B491
3142	Open pit mine planning design	William Hustrulid Mark Kuchta	Rotterdam : Balkema, 1998	834tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ205	B493
3143	Open pit Mine planning ... Design	Willid HustrulidMark Kuchta	Balkema : Rotterdam, 1998	636tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ204	B492
3144	Placing Nature : Culture and landscape Ecology	Joan Inverson Nassauer	WashingtonD.c : Island Press, 1997	179tr.:Minh hoạ. - 22cm	KĐ195	B503
3145	College Algebra : A Graphing approach	Raymond A.Barnett, Michael R.Ziegler, Karl E.Byleen	IA Madison : McGraw-Hill, 2000	151tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ193(1-2)	B501-B502
3146	Calculus : Multivariable	Robert T.Smith, Roland B.Minton	Boston Burr Ridge : McGraw-Hill, 2002	427tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ192(1-2)	B499-B500
3147	Ready Notes for use with Physical Geology	Charles C. Plummer, David McGeary, Diane H.Carlson	New York : McGraw-Hill, 1998	240tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ191	B506
3148	Environment : Annual Editions	Dushkin : McGraw-Hill, 2000	229tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ190(1-2)	B504-B505	
3149	Wastewater Engineering : Treatment and Reuse	New York : McGraw-Hill, 2002	212tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ188(1-2)	B509-B510	
3150	The Greography of Economic Deverlopment : Reional Changes, Global Challenges	Timothy J.Fik	Boston Burr Ridge : McGraw-Hill, 2000	294tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ187(1-2)	B513-B514
3151	Physical Geology : Updated internet Edition	Charles C.plummer, David McGresry, Diane H.Carlson	Boston Burr Ridge : McGraw-Hill, 2001	578tr.:Minh hoạ 2đĩa CD-ROM. -	KĐ186(1-2)	B511-B512

3169	Coal Geology	Larry Thomas	Toronto : John Wiley . sons, 2002	384tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ243	K.136
3170	Lý thuyết đàn hồi	Nguyễn Hữu Bằng	H. : Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 2003	342tr.:Minh hoạ. - 23cm	VĐ1803(1-729); Q658(1-10)	Q658(1-739)
3171	Các phương pháp nghiên cứu và khảo sát địa chất công trình	Lê Trọng Th3/4ng	H. : Nhà xuất bản giao thông vận tải, 2003	256tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1766(1-20); Q657(1-940)	Q657(1-960)
3172	Xây dựng đảng về tổ chức	Ngô Đức Tính	H. : Chính trị quốc gia, 2003	304tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1814(1-2)	V9371-3172
3173	Toàn cầu hóa và quyền công dân ở Việt Nam nhìn từ khía cạnh văn hoá	Trần Văn Bình	H. : Chính trị quốc gia, 2003	508tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1813(1-2)	V9380 - 9381
3174	Quan niệm nho giáo về giáo dục con người	Nguyễn Thị Nga, Hồ Trọng Hoài	H. : Chính trị quốc gia, 2003	265tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1812(1-2)	V9379-V9380
3175	ngô Gia Tự người cộng sản lỗi lạc	Thế Văn	H. : Chính trị quốc gia, 2004	86tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1816(1-2)	V9359-9360
3176	Giải quyết tranh chấp giữa các thành viên của tổ chức thương mại thế giới	Hoàng Ngọc Thiết	H. : Chính trị quốc gia, 2004	203tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1815(1-2)	V9365-9366
3177	Góp phần tìm hiểu lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 2004	346tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1818(1-2)	V9361-9362	
3178	Điều lệ Đảng từ đại hội đến đại hội	Lê Huy Bảo	H. : Chính trị quốc gia, 2003	418tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1817(1-2)	V9357-9358
3179	Hội thảo lý luận giữa Đảng cộng sản Trung Quốc và Đảng cộng sản Việt Nam chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường kinh nghiệm của Trung Quốc	H. : Chính trị quốc gia, 2003	290tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1810(1-2)	V9372-9373	
3180	Lịch sử mới của nước mỹ : The new american history	Eric Foner	H. : Chính trị quốc gia, 2003	611tr.:Minh hoạ. - 23cm	VĐ1811(1-2)	V9363-9364
3181	Một số vấn đề về pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán ở Việt Nam	Phạm Thị Thu Giang	H. : Chính trị quốc gia, 2004	264tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1809(1-2)	V9369-9370
3182	Văn hoá dân tộc tây Nguyên thực trạng và vấn đề đặt ra	Trần văn Bình	H. : Chính trị quốc gia, 2004	tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1808(1-2)	
3183	Tham mưu trong phủ tổng thống Tưởng Giới Thạch	Uỷ Giang	H. : Chính trị quốc gia, 2004	385tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1807(1-2)	V9367-9368
3184	Quy luật x* hội với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay	Hồ Văn Thông, Hồ Ngọc Minh	H. : Chính trị quốc gia, 2003	292tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1806(1-2)	V9374-9375
3185	Giáo trình Máy thủy khí	Nguyễn Đức Sương, Vũ Nam Ngạn	H. : [knxb], 2004	175tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1768(1-5); Q662(1-195)	Q662(1-200)
3186	Giáo trình cơ học đá : Dùng cho sinh viên ngành Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	Nguyễn Thị Hiền	H. : [knxb], 2004	129tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1771(1-5); Q665(1-239)	Q665(1-244)
3187	Bài giảng Địa vật lý tổng hợp	Bùi Thế Bình	H. : [knxb], 2004	119tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1770(1-5); Q664(1-189)	Q664(1-194)
3188	Giáo trình Kinh tế và tổ chức sản xuất Bản đồ : Dùng cho sinh viên ngành Bản đồ	Nguyễn Thế Việt	H. : [knxb], 2004	134tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1669(1-5); Q663(1-145)	Q663(1-150)
3189	Hướng dẫn thí nghiệm Máy điện □ Điều khiển Máy điện. Kỹ thuật đo lường và cảm biến : Dùng cho sinh viên ngành Điện - Điện	Kim Ngọc Linh, Nguyễn Trường Giang	H. : [knxb], 2004	78tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1767(1-5)	Q659(1-5)

	Cơ khí mỏ, XDCT ngầm và mỏ, Địa chất công trình, Địa chất thủy văn, Địa chất thăm dò			50)		
3209	Giáo trình đo lường các đại lượng điện và không điện : Dùng cho sinh viên chuyên ngành Điện - Điện tử	Phạm Công Hoà	H. : [kxb], 2004	164tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1779(1-5); Q674(1-139)	Q674(1-144)
3210	Những quy định mới nhất của Chính phủ về cải cách hành chính	Thy Anh, Tuấn Dương	H. : Lao động, 2004	795tr.: minh hoạ. - 25cm	VĐ1786	B.523
3211	Chế độ chính sách mới về lao động - tiền lương và bảo hiểm xã hội	Nguyễn Khải Nguyên, Đình Thảo	H. : Thống kê, 2004	1184tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1785	B.522
3212	Những quy định về hệ thống tổ chức bộ máy Hành chính - Nhà nước	Đào Thanh Hải	H. : Lao động - Xã hội, 2004	775tr.: minh hoạ. - 28cm	VĐ1784	B.524
3213	Việt Nam trên con đường lớn vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, x* hội công bằng, dân chủ, văn minh	H. : Lao động, 2004	622tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1793(1-2)	V.9387-9388	
3214	Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác thi đua-khen thưởng	H. : Quân đội Nhân dân, 2003	610tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1792(1-2)	V.9389-9390	
3215	Xây dựng Nhà nước pháp quyền x* hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân	H. : Quân đội Nhân dân, 2003	591tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1789(1-2)	V.9405-9406	
3216	Đảng Cộng sản Việt Nam với công cuộc đổi mới đất nước	H. : Quân đội Nhân dân, 2003	698tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1790(1-2)	V.9393-9394	
3217	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước : Công trình chào mừng Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	H. : Quân đội Nhân dân, 2004	638tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1791(1-2)	V.9391-9392	
3218	Điện Biên Phủ mốc vàng thời đại	H. : Quân đội Nhân dân	497tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1797(1-2)	V.9397-9398	
3219	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp : Tài liệu lưu hành nội bộ	H. : [kxb], 2004	314tr.: minh hoạ. - 28cm	VĐ1798(1-10); Q677(1-184)	Q.667(1-194)	
3220	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, tôn giáo và đại đoàn kết trong Cách mạng Việt Nam	H. : Quân đội Nhân dân, 2003	585tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1796(1-2)	V.9401-9402	
3221	Open pit mine planning & design	William hustrulid, Mark Kuchta	London : Taylor _ Faancis, C'2006	735tr.:Minh hoạ. - 26cm -01 đĩa CD	KĐ409	K242
3222	Đại tướng Võ Nguyên Giáp với chiến dịch Điện Biên Phủ	H. : Quân đội Nhân dân, 2004	tr.:Minh hoạ. - cm	VĐ1795(1-2)	V.9395-9396	
3223	Đời đời Tổ quốc ghi công	H. : Quân đội Nhân dân, 2003	586tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1794(1-2)	V.9403-9404	
3224	Tr3/4c địa ảnh : Công tác tăng dày không chế ảnh	Trương Anh Kiệt	H. : Giao thông vận tải, 2004	133tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ.1788(1-10); Q.676(1-479)	Q.676(1-489)
3225	Mô hình số độ cao trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Phạm Vọng Thành	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2004	187tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1787(1-10); Q675(1-479)	Q675(1-489)
3226	Những quy định mới nhất của chính phủ về cải cách hành chính	Thy Anh, Tuấn Dương sưu tầm và biên soạn	H. : Lao động, 2004	795tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ.1786	V9386
3227	Chế độ chính sách mới về lao động - tiền lương và bảo hiểm xã hội	Nguyễn Khải Nguyên, Đình Thảo	H. : Thống kê, 2004	1184tr.. - 27cm	VĐ1795	
3228	Giáo trình điện mỏ : Dùng cho sinh viên đại	Nguyễn Hanh Tiến	H. : [Kxb], 2004	332tr.:Minh hoạ.	VĐ1831(1-10);	Q681(1-194)

3250	Introduction to Geographic information systems : University of Idaho	Kang-tsung Chang	Toronto : Mc-GrawHill, 2002	348tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ.248(1-2)	B.551-552
3251	Perverse subsidies : How tax dollars can undercut the environment and the economy	Norman Myers, Jennifer Kent	London : Island, c'2001	277tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ249(1-2)	B548-549
3252	New stone technology design and construction for exterior wall systems	Barry Donaldson editor	Philadelphia : ASTM, c'1988	185tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ251(1-2)	B541-542
3253	Significance of tests for petroleum products	Kenneth Boldt, B. R. Hall editors	Philadelphia : ASTM, c'1997	216tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ250(1-2)	B545-546
3254	Style manual for communication studies	John Bourhis, Carey Adams, Scott Titsworth, Lynn Harter	Toronto : Mc-GrawHill, c'2002	154tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ266(1-2)	B564-565
3255	Quality assurance for environmental measurements	J. K. Taylor, T. W. Standley editors	Philadelphia : ASTM, c'1985	441tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ264	B568
3256	How to find chemical information : A guide for practicing chemists, educators, and students	Robert E. Maizell	Toronto : John Wiley & Sons, c'1998	515tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ263	B570
3257	American education	Joel Spring	Toronto : McGraw-Hill, c'2002	305tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ262	B574
3258	The McGraw-Hill Reader : Issues across the disciplines	Gilbert H. Muller	Toronto : McGraw-Hill, c'2000	644tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ261	B575
3259	Aquatic toxicology and hazard assessment : Seventh symposium	Janet R. Schroeder,... Editorial Staff	Philadelphia : ASTM, c'1985	587tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ260	B576
3260	Building basic news sites	Thom Lieb	Toronto : McGraw-Hill, c'2002	123tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ267	B525
3261	Easy access : The reference handbook for writers	Michael L. Keene, Katherine H. Adams	Toronto : McGraw-Hill, c'2002	502tr.:Minh hoạ. - 22cm	KĐ258	B539
3262	Statistical reasoning and methods	Richard A. Johnson, Kam-Wah Tsui	Toronto : John Wiley & Sons, c'1998	589tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ273	B531
3263	Ocean in motion : Teacher's planning guide	Mary Atwater, H. Prentice Baptiste, Lucy Daniel,...	Columbus : McGraw-Hill	111tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ274	B530
3264	Laboratory manual for principles of general chemistry	J. A. Beran	Toronto : John Wiley Sons, c'2000	457tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ268	B569
3265	Geography : The world and its people	Richard G. Boehm, David G. Armstrong, Francis P. Hunkins	Illinois : McGraw-Hill, c'2000	780tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ269	B567
3266	General organic and biochemistry	Katherine J. Denniston, Joseph J Topping, Robert L. Caret	Toronto : McGraw-Hill, c'2001	818tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ272	B526
3267	General Organic and Biochemistry : Student Study Guide/Solutions Manual	Katherine J. Denniston, Joseph J. Topping	Toronto : McGraw-Hill, c'2001	578tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ271	B529
3268	Writer's Choice : Grammar and composition	William Strong, Mark Lester, Ligature Inc.	Illinois : McGraw-Hill, c'1996	838tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ270	B566
3269	20000+ words : Spelled and divided for quick reference	Mary Margaret Hosler, Charles E. Zoubek	Illinois : McGraw-Hill, c'1996	289tr.:Minh hoạ. - 15cm	KĐ259	B540
3270	Faithful representations and topographic maps : From distortion - to Information - based self - Organization	Marc M. Van Hulle	Toronto : John Wiley & Sons, c'2000	258tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ265	B563
3271	The memory program : How to prevent	D. P. Devanand, M. D.	Toronto : John Wiley & Sons, c'1998	245tr.:Minh hoạ.	KĐ256	B547

3293	Mạng máy tính và các hệ thống mở	Nguyễn Thúc Hải	H. : Giáo dục, 1999	299tr.:Minh hoạ. - 23cm	VĐ1840(1-5); Q682(1-45)	Q682(1-50)
3294	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	H. : Đại học Quốc gia, 2004	308tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ1841(1-5); Q684(1-45)	Q684(1-50)
3295	Lập trình nâng cao trên ngôn ngữ Pascal : Sách dùng cho: Sinh viên đại học, học sinh khá, giỏi, giáo viên dạy tin học	Nguyễn Tô Thành	H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004	281tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1842(1-5); Q683(1-45)	Q683(1-50)
3296	Giáo trình kế toán quản trị	Nhâm Văn Toán chủ biên	H. : [Knxb], 2004	183tr.:Minh hoạ. - 28cm	VĐ1843(1-10); Q688(1-184)	Q688(1-194)
3297	Giáo trình lịch sử triết học : Lưu hành nội bộ	Trần Đình Thảo chủ biên	H. : [Knxb], 2004	82tr.:Minh hoạ. - 28cm	VĐ1870(1-10); Q701(1-490)	Q701(1-500)
3298	Thiết kế và thi công hồ móng sâu	Nguyễn Bá Kế	H. : Xây dựng, 2002	576tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1871(1-10); Q691(1-90)	Q691(1-100)
3299	Phụ gia và hoá chất dùng cho bê tông	Nguyễn Viết Trung chủ biên	H. : Xây dựng, 2004	156tr.:Minh hoạ. - 28cm	VĐ1873(1-10); Q689(1-190)	Q689(1-200)
3300	Cẩm nang dùng cho kỹ sư địa kỹ thuật	Trần Văn Việt	H. : Xây dựng, 2004	552tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1872(1-10); Q690(1-90)	Q690(1-100)
3301	Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình	H. : Giáo dục, 2004	267tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1905(1-5); Q712(1-)	Q712(1-)
3302	Giáo trình đất đá xây dựng	Đỗ Minh Toàn	H. : [Knxb], 2004	184tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1898(1-10); Q706(1-190)	Q706(1-200)
3303	Giáo trình công nghệ và cơ khí hoá khai thác than hầm lò : Dùng cho ngành khai thác mỏ	Trần Văn Thanh	H. : [Knxb], 2004	133tr.:Minh hoạ. - 28cm	VĐ1899(1-10); Q704(1-184)	Q704(1-194)
3304	Hướng dẫn thiết kế đồ án môn học điện khí hoá xí nghiệp Mô lộ thiên và Dầu khí	Nguyễn Anh Nghĩa	H. : [Knxb], 2004	51tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1900(1-10); Q705(1-184)	Q705(1-194)
3305	Giáo trình kinh tế chính trị học Mác - Lê nin : Dùng cho sinh viên tại chức	Hà Văn Phan, Nguyễn Đình Tân, Phan Ngọc Danh,...	H. : [Knxb], 2004	189tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1901(1-10); Q708(1-34)	Q708(1-44)
3306	Giáo trình pháp luật đại cương : Lưu hành nội bộ	Hà Văn Phan, Nguyễn Đình Tân, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Thị Nụ	H. : [Knxb], 2004	80tr.:Minh hoạ. - 28cm	VĐ1902(1-10); Q710(1-134)	Q710(1-144)
3307	Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lê Nin : Dùng cho khối ngành không chuyên Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng	Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Đình Kháng,...	H. : Chính trị Quốc gia, 2004	323tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1903(1-5); Q709(1-495)	Q709(1-500)
3308	Giáo trình hướng dẫn ôn tập môn lịch sử Đảng : Lưu hành nội bộ	Phạm Công Thịnh chủ biên,...	H. : [Knxb], 2004	84tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1904(1-10); Q711(1-334)	Q711(1-344)
3309	Định mức dự toán công tác 13/4p đặt máy, thiết bị trong xây dựng cơ bản : Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2002/QĐ-BXD ngày 21 tháng 01 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	H. : Xây dựng, 2002	114tr.:Minh hoạ. - 30cm	VĐ1876(1-2); VM1392(1-4)	V9853-9858	
3310	Dự án đầu tư lập - thẩm định hiệu quả tài chính	Đinh Thế Hiển	H. : Thống kê, 2004	468tr.:Minh hoạ. - 26cm	VĐ2044(2); VM1475(3)	V10331-10335
3311	Hướng dẫn thực hành kế toán và lập báo cáo tài chính, hành chính sự nghiệp và sự nghiệp	Trần Thị Duyên	H. : Tài chính, 2005	618tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2048(2); VM1479(3)	V10343-10346

	cho sinh viên chuyên ngành Điện - Điện tử			- 29cm	Q716(1-189)	
3332	Giáo trình kinh tế đối ngoại	Nhâm Văn Toán	H. : [Knxb], 2004	137tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD1911(1-5); Q717(1-95)	Q717(1-100)
3333	Những quy định về hệ thống tổ chức bộ máy hành chính - nhà nước	Đào Thanh Hải (Sưu tầm,tuyển chọn)	H. : Lao động-xã hội, 2004	776tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2046(1); VM1477(1)	V10399-10340
3334	Tiêu chuẩn kỹ thuật của xi măng và phụ gia : TCVN 4745: 1989, TCVN 2682: 1999, TCVN 3736: 1982, TCVN3735: 1982, TCVN 5691: 2000	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2002	22tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1862(1-2); VM1384(1-4)	V9731-9736
3335	Tiêu chuẩn thiết kế nhà và công trình : TCXD45-1978, TCXD60-1974, TCVN1620-1975, TCVN3715-1982, TCVN5452-1991	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2002	112tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1863(1-2); VM1385(1-4)	V9725-9730
3336	Dung sai trong xây dựng : TCXD209: 1998, TCXD193: 1996, TCXD210: 1998,....	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2002	104tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1864(1-2); VM1386(1-4)	V9719-9724
3337	Tiêu chuẩn thiết kế thi công và nghiệm thu móng cọc : TCXD189: 1996, TCXD190: 1996, TCXD205: 1998,....	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2002	151tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1865(1-2); VM1387(1-4)	V9713-9718
3338	Các tiêu chuẩn Việt Nam về quy hoạch xây dựng : TCVN4417: 1987, TCVN4418: 1987, TCVN4448: 1987,....	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2000	268tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1866(1-2); VM388(1-4)	V9707-9712
3339	Tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu hầm đường s3/4t và hầm đường ôtô : TCVN4527: 1988, TCVN4528: 1988	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2003	64tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1867(1-2); VM1389(1-4)	V9701-9706
3340	Tiêu chuẩn vật liệu xây dựng : TCVN6926: 2001, TCXDVN291: 2002, TCVN197: 2002,....	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2003	194tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1868(1-2); VM1390(1-4)	V9695-9700
3341	Bộ tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO9000 và hệ chất lượng trong xây dựng	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 1999	308tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1869(1-2); VM1391(1-4)	V9689-9694
3342	Cẩm nang kinh tế xây dựng : Định mức và đơn giá xây dựng cơ bản lập dự toán công trình xây dựng quản lý dự án và thanh quyết toán vốn đầu tư	Nguyễn Minh Khôi biên tập	H. : Xây dựng, 2001	1425tr.:Minh hoạ. - 31cm	VD1859(1-2); VM1383(1-4)	V9741-9746
3343	Các bộ định mức dự toán trong xây dựng cơ bản	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2003	1321tr.:Minh hoạ. - 30cm	VD1860(1-2); VM1416(1-6)	V9739-9740V10042-10045
3344	Proceedings international symposium on GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences	Venkatesh Raghavan, Hoàng Minh Hiền, Nguyễn Đình Dưỡng	H. : [Knxb], 2004. - 30cm	KĐ288; KM13(1-3)	B622-625	
3345	Environmental management and business strategy : Leadership Skills for the 21st century	Bruce W. Piasecki, Kevin A. Fletcher, Frank J. Mendelson	Toronto : John Wiley & Sons, [c'1999]	348tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ287(1-2)	B620-621
3346	Dana's new mineralogy	Richard V. Gaines, H. Catherine W. Skinner, Eugene E. Foord,....	Toronto : John Wiley & Sons, c'1997	1819tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ286	B619
3347	Văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2001	63tr.:Minh hoạ. - 21cm	VD1892(1-2); VM1402(1-4)	V9783-9788
3348	Văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý và sử	Bùi Hữu Hạnh chịu trách	H. : Xây dựng, 2002	659tr.:Minh hoạ.	VD1884(1-2);	V9839-9844

	planet	Keil	c'2005	- 30cm		
3370	Generic Models for use in assessing the impact of discharges of radioactive substances to the environment : Safety reports Series	Vienna : International Atomic Energy Agency, 2001	215tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ289	K.152	
3371	International basic safety standards for protection against ionizing radiation and for the safety of radiation sources : Safety Series	Vienna : International Atomic Energy Agency, 1996	351tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ290	K.151	
3372	Dầu khí Việt Nam	Đoàn Thiên Tích	Tp.Hồ Chí Minh : Nxb Đại học Quốc Gia, 2001	232tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ1894; VM1405(1-3)	V9818-9821
3373	Văn bản hướng dẫn thực hiện công tác tuyển dụng sử dụng và quản lý cán bộ công chức	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 1999	276tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1890(1-2); VM1403(1-4)	V9775-9780
3374	Cơ sở hệ thống thông tin địa lý GIS : Khái niệm, phần mềm và ứng dụng	Nguyễn Thế Thiện	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2002	303tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1891(1-2); VM1404(1-8)	V9759-9768
3375	Quy định về quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định	Bùi Hữu Hạnh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Xây dựng, 2004	47tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1893(1-2)	V9781-9782
3376	Hệ thống thông tin địa lý	Đặng Văn Đức	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	272tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ1895(1-2); VM1406(1-8)	V9808-9817
3377	Sổ tay sử dụng thép thế giới	Ngô Trí Phúc, Trần Văn Dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2003	1870tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ1896(1-2); VM1407(1-8)	V9863-9872
3378	Cẩm nang kỹ thuật đa ngành : Dành cho kỹ sư	Đàm Xuân Hiệp, Trần Văn Dịch, Trương Huy Hoàng	H. : Lao động - Xã hội, 2004	2095tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1897(1-2); VM1408(1-8)	V9876-9885
3379	Việt nam con hổ đang chuyển mình	Brian Van Arkadie, Raymond Mallon	H. : Thống kê, 2004	263tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1913(1-2); VM1409(1-5)	B.626-632
3380	Tr3/4c địa ảnh : Phần : Phương pháp đo ảnh đơn	Phan Văn Lộc, Trương Anh Kiệt, Nguyễn Trường Xuân	H. : Giao thông vận tải, 2005	312tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1929(1-10); Q736(1-479)	Q736(1-489)
3381	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh : Dùng trong các trường đại học, cao đẳng	Lê Hậu Mãn, Vũ Quang Hiến, Phạm Ngọc Anh,...	H. : Chính trị Quốc gia, 2005	256tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1930(1-10); Q735(1-1690)	Q735(1-1700)
3382	Giáo trình đo đạc địa chính	Nguyễn Trọng San	H. : [Knxb], 2005	264tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1928(1-5); Q734(1-195)	Q734(1-200)
3383	Đánh giá kinh tế khoáng sản	Đỗ Hữu Tùng	H. : Giao thông vận tải, 2005	120tr.:Minh hoạ. - 26cm	VĐ1923(1-10); Q729(1-429)	Q729(1-439)
3384	Giáo trình dụng cụ và thiết bị đo lường điện tử : Dùng cho sinh viên chuyên ngành Điện - Điện tử	Nguyễn Xuân Cường	H. : [Knxb], 2004	114tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1918(1-10); Q723(1-134)	Q723(1-144)
3385	Giáo trình hạch toán kế toán trong doanh nghiệp : Dùng cho sinh viên đại học chuyên ngành Kinh tế - QTDN Mô	Nguyễn Văn Bưởi	H. : [Knxb], 2005	240tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1927(1-5); Q731(1-95)	Q731(1-100)
3386	Giáo trình nguyên lý máy	Trần Doãn Trường	H. : [Knxb], 2004	286tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1926(1-5); Q732(1-139)	Q732(1-144)
3387	Giáo trình địa chất các mỏ khoáng đại cương : Dùng cho sinh viên ngành Địa vật lý và Khoan thăm dò	Nguyễn Quang Luật	H. : [Knxb], 2005	129tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1925(1-5); Q733(1-95)	Q733(1-100)
3388	Giáo trình tin học đại cương	Hoàng Kim Bảng, Đỗ Như Hải, Lê Văn Hưng,...	H. : [Knxb], 2005	198tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ1920(1-5); Q726(1-239)	Q726(1-244)

3448	Production systems technology	Henry R. Harms, Dennis Kroon	Illinois : Glencoe, c'1992	598tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ332(1-2)	B677-678
3449	Object Oriented and classical software engineering	Stephen R. Schach	Toronto : McGraw-Hill, c'2002	628tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ331	B676
3450	GPRS demystified	John Hoffinan Editor	Toronto : McGraw-Hill, c'2003	457tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ321	B665
3451	Gigabit ethernet for metro area networks	Paul Bedell	Toronto : McGraw-Hill, c'2003	329tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ320	B664
3452	Objects have class : An introduction to programming with Java	David A. Poplawski	Toronto : McGraw-Hill, c'2002	540tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ319(1-2)	B662-663
3453	Options for rural telecommunications development	Rogati Kayani, Andrew Dymond	Washington, D. C : The World Bank, c'1997	118tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ318	B661
3454	Grob basic electronics	Tim Beecher, Richard L. Green, Jack Berger,...	Illinois : Glencoe : McGraw-Hill, c'1997	1010tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ317(1-2)	B659-660
3455	Mechanics of fluids	Irving H. Shames	Toronto : McGraw-Hill, c'2003	822tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ316(1-2)	B657-658
3456	Structured Cabling for Voice or data networks : Student Manual	Stephen C. Paulov, Roney L. Wolaver, Nathan E. Moore	Toronto : McGraw-Hill, c'2002	270tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ315	B656
3457	Practice tests : USMLE Step 2	Joel S. Goldberg	Toronto : McGraw-Hill, c'2003	253tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ314	B655
3458	Fundamentals of graphics communication	Gary R. Bertoline, Eric N. Wiebe, Craig L. Miller, Leonard O. Nasman	Toronto : McGraw-Hill, c'2002	640tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ313(1-2)	B653-654
3459	Fixed and variable costs : Theory and practice	Kazimierz czopek	Mariusz Sierpien : Art-Tekst, c'2003	103tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ335(1-2)	B685
3460	Fixed and variable costs : Theory and practice	Kazimierz Czopek	Mariusz Sierpien : Art-Tekst, c'2004	87tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ336	B686
3461	Thanh niên với công tác bảo vệ môi trường	Đỗ Thanh Thuý chủ biên	H. : Thanh niên, 2005	294tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ1957	B682
3462	Chất thải trong quá trình sản xuất vấn đề bảo vệ môi trường	Lê Văn Trinh chủ biên	H. : Lao động, 2003	123tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1956	B683
3463	Đào Duy Kỳ thơ văn : 1916-1980	Hồ Mậu Đường chủ biên và viết lời giới thiệu	H. : Văn hoá Thông tin, 2004	455tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ1955	B684
3464	Satellite Geodesy	Gunter Seeber	New York : Walter de Gruyter, 2003	589tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ154	K154
3465	Digital Signal Processing : A Computer - Based Approach	Sanjit K. Mitra	Toronto : McGraw-Hill, 2001	866tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ337	K153
3466	How electronic things work... and what to do when they don't	Robert L. Goodman	Toronto : McGraw-Hill, c'1999	393tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ339	K155
3467	Công nghệ khai thác than hầm lò	Vũ Đình Tiến, Trần Văn Thanh	H. : Giao thông vận tải, 2005	204tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1984(10); Q755(479)	Q755(489)
3468	Giáo trình thu gom - xử lý dầu - khí - nước : Dùng cho ngành kỹ thuật dầu khí	Lê Xuân Lân	H. : [Knxb], 2005	270tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1969(5); Q744(239)	Q744(244)
3469	Đại số tuyến tính : Dùng cho sinh viên các trường Đại học kỹ thuật	Dương Quốc Việt chủ biên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	188tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ1970(5); Q748(195)	Q748(200)

		Trommsdorff	2002			
3493	Phương pháp quản lý tài chính và nhân sự	Phạm Minh	H. : Lao động xã hội, 2005	351tr. - 20cm	VĐ2002(2); VM1433(3)	V.10144-10148
3494	Từ điển nông, lâm, ngư nghiệp Anh - Việt	Cung Kim Tiến	[H.]: Từ điển Bách khoa, 2005	489tr. - 24cm	TĐ.873-875	TĐ.873-875
3495	Từ điển Hán Việt	Nguyễn Tôn Nhan	[H.]: Từ điển Bách khoa, 2003	1121tr. - 20.5cm	TĐ.868-869	TĐ.868-869
3496	Từ điển Việt Hán	Tôn Thị On	[H.]: Từ điển Bách khoa, 2005	1413tr. - 20cm	TĐ.862-864	TĐ.862-864
3497	Từ điển cơ khí Anh - Việt	Nguyễn Hạnh	[H.]: Từ điển Bách khoa, 2003	752tr. - 20.5cm	TĐ.865-867	TĐ.865-867
3498	Từ điển Nga Việt	Nguyễn Trọng Báu(ch.b),Phạm Danh Môn, Hoàng Thuỷ Dương	[H.]: Từ điển Bách khoa, 2005	886tr. - 18cm	TĐ.889-893	TĐ.889-893
3499	Từ điển Việt - Nhật	Trần Việt Thanh	Tp.HCM : Tp.Hồ Chí Minh, 2004	790tr. - 16cm	TĐ.859	TĐ.859
3500	Từ điển Việt - Nhật	Trần Việt Thanh	Tp.HCM : Nxb.Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2005	804tr. - 16cm	TĐ.860-861	TĐ.860-861
3501	Từ điển Nhật Việt	Vương Ngọc	H. : Văn hoá thông tin, 2001	1331tr. - 18cm	TĐ.850-852	TĐ.850-852
3502	Từ điển Việt - Anh	Nguyễn Ngọc ánh, Quang Hùng, Gia Huy, Trí Mạnh	[H.]: Từ điển Bách khoa, 2005	906tr. - 18cm	TĐ.856-858	TĐ.856-858
3503	Từ điển tin học Anh - Anh - Việt	Quang Huy, Tín Dũng	[H.]: Từ điển Bách khoa, 2005	1194tr. - 18cm	TĐ.853-855	TĐ.853-855
3504	Từ điển Anh - Việt 250.000 từ	Bùi Phụng	H. : Văn hoá thông tin, 2002	1889tr. - 24cm	TĐ.870-872	TĐ.870-872
3505	Từ điển bách khoa	H. : Từ điển Bách khoa, 2002	11035tr.:Minh hoạ. - 27cm	TĐ.880-882	TĐ.880-882	
3506	Từ điển Bách khoa Việt Nam	Nguyễn Quốc Luân xuất bản	H. : Từ điển Bách khoa, 2003	878tr.:Minh hoạ. - 27cm	TĐ.883-885	TĐ.883-885
3507	Từ điển Bách khoa Việt Nam	Trịnh Tất Đạt xuất bản	H. : Từ điển Bách khoa, 2005	1167tr.:Minh hoạ. - 27cm	TĐ.886-888	TĐ.886-888
3508	Từ điển địa chất Anh - Việt	Dương Đức Kiêm chủ biên	H. : Từ điển Bách khoa, 2001	839tr. - 26.5cm	TĐ.879	TĐ.879
3509	Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam	Phùng Quang Thanh, Nguyễn Huy Hiệu, Phùng Kh3/4c Đăng...	H. : Quân đội nhân dân, 2004	1295tr.:Minh hoạ. - 27cm	TĐ.848-849	TĐ.848-849
3510	Sơ đồ hướng dẫn kế toán doanh nghiệp Việt Nam : Cho doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp vừa và nhỏ	Lê Thị Hoà	H. : Tài chính, 2005	279tr.:Minh hoạ. - 25cm	VĐ2019(1); VM1450(1)	V.10220-10221
3511	Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Nguyễn Thế Bá	H. : Xây dựng, 2004	258tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2010(2); VM1441(3)	V.10185-10189
3512	Việt Nam đổi mới và phát triển	Đặng Vinh, Đặng Quang, Thanh Vân	H. : Từ điển Bách khoa, 2005	341tr. - 19cm	VĐ2003(2); VM1434(2)	V.10149-10158
3513	Tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế :	H. : Thống kê, 2003	416tr. - 20cm	VĐ2018(1);	V.10217-10219	

3532	Bác Hồ với nhân sĩ, trí thức	Trần Dương	H., 2005	379tr. - 20cm	VĐ2056(1)	B.696-697
3533	Văn hoá tổ chức - lý thuyết, thực trạng và giải pháp phát triển văn hoá tổ chức ở Việt Nam	Nguyễn Thu Linh, Hà Hoa Lý	H. : Văn hoá - Thông tin, 2005	153tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2057(1); VM1483(1)	B.698-699
3534	Về văn hoá	Đình Quang	H. : Văn hoá - Thông tin, 2005	235tr. - 20cm	VĐ2055(1)	B.695
3535	Về sân khấu Việt Nam	Đình Quang	H. : Văn hoá - Thông tin, 2005	573tr. - 20cm	VĐ2052(1)	B.692
3536	Tăng cường nguồn nước ngầm bằng giải pháp bổ sung nhân tạo nước dưới đất ở Đông Nam Á : Tuyển tập báo cáo hội thảo khoa học	Nguyễn Thị Kim Thoa,... biên tập	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	337tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2060(1)	B.702
3537	Tổng quan về tính hiệu quả của bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Gale.I, Neumann.I, Calow.R, Moench.M; Nguyễn Thị Kim Thoa, Bùi Trần Vượng dịch	H. : [Knxb], 2005	58tr.:Minh hoạ. - 30cm	VĐ2062(1)	B.704
3538	Bổ sung nhân tạo nước dưới đất	L.Huisman, T.N Olsthoorn; Nguyễn Thị Kim Thoa. Bùi Trần Vượng dịch	H. : [Knxb], 2005	275tr.:Minh hoạ. - 30cm	VĐ2061(1)	B.703
3539	Introduction to ore - Forming Processes	Laurence Robb	[s.n.]: Blacwell, C'2005	373tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ340(1)	B.707
3540	Civil surveying sample exams for the california special civil Engineer Examination	Peter R.Boniface,James R.Monroe	[s.n.]: Professional publications, C'2004	47tr.:Minh hoạ. - 30cm	KĐ341(1)	B.712
3541	Người Hmông ở Việt Nam	Vũ Quốc Khánh	H. : Thông tấn, 2005	173tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ2063(1); VM1484(1)	B.705
3542	Hanoi Geoengineering 2005 : Integrated Geoengineering for a Sustainable infrastructure development	Phạm Huy Giao,...	H. : Vietnam National University, 2005	398tr.: Minh hoạ. - 27cm	KĐ342(2)	B.710-711
3543	Hanoi Geoengineering 2003 and 2004 : Towards systematic and innovative geotechnical, geological and geophysical contributions for a sustainable infrastructure development of Viet	Phạm Huy Giao,...	H. : Vietnan National University , 2004	293tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ343(2)	B.708-709
3544	Hướng dẫn mới thực hiện công tác quản lý, kiểm tra kiểm toán tài chính trong doanh nghiệp và cơ quan quản lý hành chính sự nghiệp	Đào Thanh Hải	H. : Thống kê, 2005	595tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1964(1-3); VM1417(1-7)	V.10046-10055
3545	Dioxin - nỗi đau nhân loại lương tri và hành động	Lê Hải Triều chủ biên, Nguyễn Thị Ngọc Toàn, Vũ Hoài Tuấn,...	H. : Quân đội nhân dân, 2005	588tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1965(1-2)	V.10056-10057
3546	Đảng và Nhà nước đối với công tác thực hiện tiết kiệm chống tham ô l*ng phí phát huy dân chủ ở cơ sở trong thời kỳ mới	Đào Thanh Hải	H. : Lao động - Xã hội, 2005	552tr. - 27cm	VĐ1966(1-2)	V.10058-10059
3547	Nghiệp vụ về công tác tổ chức nhà nước	Tô Tử Hạ chủ biên	H. : Thống kê, 2005	667tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1967(1-2)	V.10060-10061
3548	Đảng và Nhà nước đối với vai trò và vị trí của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn	Đào Thanh Hải	H. : Lao động, 2005	567tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1968(1-2)	V.10062-10063

	tháng 7/2005					
3565	Hệ thống kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới : 33 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, 22 chuẩn mực kế toán VN,...Chế độ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, thống kê	Võ Văn Nhị	H. : Tài chính, 2005	1160tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2028(3); VM1459(2)	V10250-10254
3566	Các quy định mới về lao động tiền lương và bảo hiểm x* hội : Nghị định số 119/2005/NĐ-CP ngày 27-9-2005 về việc điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ x* đã nghỉ việc theo QĐ số 130-CP ngày 20-6-1975 của.....	Nguyễn Khải Nguyên, Đinh thảo	H. : Thống kê, 2005	902tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2027(2); VM1458(3)	V10245-10249
3567	Bách khoa toàn thư tuổi trẻ thiên nhiên và môi trường	H. : Nxb Phụ nữ, 2005	878tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2029(2); VM1460(3)	V10255-10259	
3568	Chỉ dẫn pháp luật khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực xây dựng	Nguyễn Văn Hậu	H. : Lao động xã hội, 2005	862tr.:Minh hoạ. - 30cm	VĐ2033(1); VM1464(3)	V10269-10272
3569	Niên giám thống kê 2004	H. : Thống kê, 2005	778tr.:Minh hoạ. - 25cm	VĐ2030(1); VM1461(1)	V10260-10261	
3570	Bài tập kế toán quản trị : Có lời giải mẫu	Phạm Văn Dược, Đào Tất Th3/4ng	H. : Thống kê, 2004	306tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2031(2); VM1462(3)	V10262-10266
3571	Kế toán quản trị : Lý thuyết căn bản và nguyên t3/4c ứng dụng trong quyết định kinh doanh	Nguyễn Tấn Bình	H. : Thống kê, 2005	648tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2020(2); VM1451(3)	V10222-10226
3572	Dầu khí Việt Nam	Đoàn Thiên Tích	H. : Nxb Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh, 2001	232tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2035(2); VM1466(10)	V10278-10289
3573	Luật doanh nghiệp nhà nước và các quy định về cổ phần hoá, giao, bán, khoán kinh doanh	H. : Giao thông vận tải, 2005	890tr.:Minh hoạ. - 21cm	VĐ2034(2); VM1465(3)	V10273-10277	
3574	Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp : áp dụng cho các doanh nghiệp bao gồm: Doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính hợp nhất,... Doanh nghiệp vừa và nhỏ	H. : Tài chính, 2005	208tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ2022(2); VM1453(3)	V10232-10236	
3575	Kế toán tài chính	Võ Văn Nhị chủ biên	[H.]: [Knxb], 2005	260tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ2021(2); VM1452(3)	V10227-10231
3576	Đại Việt sử ký toàn thư : Bản in Nội các quan bản, một bản kh3/4c năm chính hoá thứ 18 (1697)	Nguyễn Khánh Toàn lời giới thiệu; Phan Huy Lê khảo cứu về tác giả; Ngô Đức Thọ dịch và chú thích...	H. : Khoa học xã hội, 1998	342tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ2023(1); VM1454(1)	V10237-10238
3577	Đại Việt sử ký toàn thư : Bản in Nội các quan bản, một bản kh3/4c năm chính hoá thứ 18 (1697)	Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích; Hà Văn Tấn hiệu đính	H. : Khoa học xã hội, 1998	528tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ2024(1); VM1455(1)	V10239-10240
3578	Đại Việt sử ký toàn thư : Bản in Nội các quan bản, một bản kh3/4c năm chính hoá thứ 18 (1697)	Hoàng Văn Lâu, Ngô Thế Long dịch và chú thích; Hà Văn Tấn hiệu đính	H. : Khoa học xã hội, 1998	474tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ2025(1); VM1456(1)	V10241-10242
3579	Đại Việt sử ký toàn thư : Bản in Nội các quan bản, một bản kh3/4c năm chính hoá thứ	H. : Khoa học xã hội, 1998	673tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ2026(1); VM1457(1)	V10243-10244	

			2005	- 27cm	VM1567(3)	
3600	Lập trình nâng cao trên ngôn ngữ Pascal : Dùng cho sinh viên Đại học, học sinh khá , giỏi, giáo viên dạy tin học	Nguyễn Tô Thành	H. : Đại học Quốc gia Hà nội, 2004	281tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2158(2); VM1568(3)	V10908-10912
3601	Lập trình Matlab và ứng dụng : Dùng cho sinh viên khối khoa học và kỹ thuật	Nguyễn Hoàng Hải, Nguyễn Việt Anh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	371tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2159(2); VM1569(8)	V10913-10922
3602	Mỗi ngày 30 phút tự học thao tác bàn phím - sử dụng nhanh máy vi tính bằng hình : Tự học máy tính cho trẻ em	Kim Quang, Bảo Anh	H. : Giao thông vận tải, 2005	287tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2160; VM1570(2)	V10923-10925
3603	Kiến Trúc máy tính	Nguyễn Đình Việt	H. : Đại học Quốc gia Hà nội, 2005	279tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2161; VM1571(2)	V10926-10928
3604	Unix hệ điều hành và một số vấn đề quản trị mạng	Lê Tuấn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2003	720tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2149(2); VM1560(3)	V10868-10872
3605	Sử dụng PHP MySQL thiết kế web động	Nguyễn Trường Sinh chủ biên, Lê Minh Hoàng, Hoàng Đức Hải	H. : Thống kê, 2005	631tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2155(2); VM1565(3)	V10893-10897
3606	Quản lý dự án phần mềm : Kỹ năng và phương pháp tiếp cận hiện đại	Thạc Bình Cường	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	336tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2156(2); VM1566(3)	V10898-10902
3607	Linux: Giáo trình lý thuyết thực hành	Nguyễn Minh Hoàng, Hoàng Đức Hải chủ biên; Trần Tiến Dũng hiệu đính	H. : Lao động xã hội , 2004	550tr.:Minh hoạ. - 24cm + 01 Đĩa CD	VD2150(2); VM1561(3)	V10873-10877
3608	C++ lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn át	H. : Giao thông vận tải, 2005	564tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2151(2); VM1562(3)	V10878-10882
3609	Giáo trình cấu trúc máy tính	Tổng Văn On chủ biên, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động xã hội, 2005	554tr.:Minh hoạ. - 20cm	VD2152(2); VM1563(3)	V10883-10887
3610	Tự học thực hành quản trị hệ thống SQL server 2000	Nguyễn Ngọc Tuấn, Hồng Phúc	H. : Thống kê, 2005	562tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2154(2); VM1564(3)	V10888-10892
3611	Xây dựng ứng dụng web bằng PHP mysql	Phạm Hữu Khang, Hoàng Đức Hải chủ biên; Phương Lan hiệu định	Tp.HCM : Phương đông, 2005	384tr.:Minh hoạ. - 29cm + 01 Đĩa CD	VD2163(2); VM1573(3)	V10932-10936
3612	Lập trình Linux : Dùng cho sinh viên	Nguyễn Phương Lan, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động xã hội, 2005	350tr.:Minh hoạ. - 29cm - 01 Đĩa CD	VD2164(2); VM1574(3)	V10937-10941
3613	Microsoft Visual Baasis Lập trình cơ sở dữ liệu 6.0 : Dùng cho sinh viên	Nguyễn Thị Ngọc Mai chủ biên; Nguyễn Thị Kim Trang, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động xã hội, 2005	415tr.:Minh hoạ	VD2165(2); VM1575(8)	V10942-10951
3614	Quản trị SQL Server 2000	Phạm Hữu Khang, Hoàng Đức Hải chủ biên; Đoàn Thiện Ngân hiệu đính	H. : Thống kê, 2005	215tr.:Minh hoạ. - 19cm	VD2166(2); VM1576(3)	V10952-10956
3615	Lập trình ứng dụng chuyên nghiệp SQL Server 2000 : Xây dựng ứng dụng kế toán	Phạm Hữu Khang chủ biên, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động - xã hội, 2005	395tr.:Minh hoạ. - cm	VD2167(2); VM1577(3)	V10957-10961
3616	Quản trị hệ thống Linux	Nguyễn Thanh Thủy chủ biên; Lê Quân, Nguyễn Hồng Sơn, Trương Diệu Linh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	262tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2168(2); VM1578(3)	V10962-10966
3617	Cơ sở Matlab và ứng dụng : Giáo trình cho	Phạm Thị Ngọc Yến, Ngô Hữu	H. : Khoa học và kỹ thuật,	233tr.:Minh hoạ.	VD2169(2);	V10967-10971

3635	Các quốc gia và vùng lãnh thổ có quan hệ kinh tế với Việt Nam	Vũ Quốc Khánh chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Nxb.Thông tấn, 2006	682tr.:Minh hoạ. - 26cm	VĐ2083(2); VM1493	B721-722
3636	XML nền tảng – ứng dụng : Dùng cho sinh viên	Nguyễn Phương Lan chủ biên; Hoàng Đức Hải	H. : Lao động xã hội, 2005	258tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ2135(2); VM1545(3)	V10736-10740
3637	Tự học thực hành từng bước Excel và các bài tập ứng dụng	Đức Minh; Mai Thời chính chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Nxb.Thanh niên, 2005	120tr.:Minh hoạ. - 30cm	VĐ2134; VM1544	V10734-10735
3638	Hướng dẫn thực hành nhanh Internet và thiết kế trang Web	Đức Minh; Mai Thời Chính chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Nxb.Thanh niên, 2005	136tr.:Minh hoạ. - 30cm	VĐ2133; VM1543	V10732-10733
3639	Tiếng anh chuyên ngành công nghệ thông tin : Student's Book with Answer key	Thạc Bình Cường chủ biên; Hồ Xuân Ngọc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	251tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2132(5); VM1542(20)	V10707-10731
3640	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô thành	H. : Đại học quốc gia Hà Nội, 2004	290tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2131(5); VM1541(20)	V10682-10706
3641	Giáo trình nhập môn UML	Huỳnh Văn Đức chủ biên, Hoàng Đức Hải; Đoàn Thiện Ngân hiệu đính	H. : Lao động xã hội, 2004	186tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ2130(2); VM1540(3)	V10677-10681
3642	Mạng máy tính : Dùng cho sinh viên	Tổng Văn On	H. : Lao động xã hội, 2005	242tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ2128(5); VM1538(20)	V10642-10666
3643	Lập trình SQL cơ bản	Đoàn Thiện Ngân chủ biên; Đoàn Thị Thanh Diễm, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động xã hội, 2004	158tr.:Minh hoạ. - 29cm + 01 Đĩa CD	VĐ2129(3); VM1539(7)	V10667-10676
3644	Các hệ cơ sở dữ liệu lý thuyết và thực hành	Hồ Thuận chủ biên, Hồ Cẩm Hà	H. : Nxb.Giáo dục, 2005	214tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2127(3); VM1537(7)	V10632-
3645	Bài tập ngôn ngữ C (Từ A đến Z)	Huỳnh Tấn Dũng, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động xã hội, 2005	393tr.:Minh hoạ. - 24cm – 01 Đĩa CD	VĐ2098(2); VM1508(3)	V10444-10448
3646	100 thủ thuật cao cấp với PC	Nguyễn Ngọc Tuấn chủ biên; Hồng phúc	H. : Giao thông vận tải, 2005	291tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2100(2); VM1510(3)	V10454-10458
3647	Hướng dẫn tự học thiết kế bản vẽ kỹ thuật 2D với Autocad 2005	Nguyễn Công sơn, Hoàng Nguyên	H. : Thông kê, 2004	285tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2097(2); VM1507(3)	V10439-10443
3648	Thực hành thiết kế trang web Microsoft Frontpage 2000	Nguyễn Việt Dũng chủ biên; Nguyễn Trường Sinh, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động - xã hội, 2004	245tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2096(2); VM1506(3)	V10434-10438
3649	Thiết kế mô hình ba chiều với Autocad : Từ 2000 đến 2006	Nguyễn Hữu Lộc	TpHCM. : Nxb.Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2005	382tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2101(2); VM1511(3)	V10459-10463
3650	Lập trình SQL cơ bản	Đoàn Thiện Ngân chủ biên; Đoàn Thị Thanh Diễm, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động xã hội, 2003	327tr.:Minh hoạ. - 24cm + 01 Đĩa CD	VĐ2102(2); VM1512(3)	V10464-10468
3651	Kỹ Thuật Lập trình ứng dụng C.net toàn tập	Phương Lan, Phạm Hữu Khang, Hoàng Đức Hải	H. : Lao động xã hội, 2005	486tr.:Minh hoạ. - 24cm + 01 Đĩa CD	VĐ2103(2); VM1513(3)	V10469-10473
3652	Sử dụng Maple trong toán sơ cấp và toán cao cấp	Phan Đức Châu	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	216tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2104(2); VM1514(3)	V10474-10478
3653	Lý thuyết đồ thị và ứng dụng	Đặng Huy Nhuận	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2004	159tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2105(2); VM1515(3)	V10479-10483

		Việt		- 27cm	VM1530(7)	
3673	CorelDraw 12 dành cho người chuyên nghiệp	Phạm Quang Huy, Phạm Phương Hoa biên soạn	H. : Giao thông vận tải, 2005	238tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD21221(2); VM1531(3)	V10587-10591
3674	Sử dụng Autocad 2000 lập bản vẽ thiết kế : Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật...	Nguyễn Văn Hiến	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2002	447tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2122(2); VM1532(3)	V10592-10596
3675	Bài tập thực hành Autocad 2004. Cơ sở thiết kế 2 chiều	Nguyễn Tân Minh, Nguyễn Quang Minh, Bùi Mai Hạnh	H. : Nxb.Thanh niên, 2004	470tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2123(2); VM1533(3)	V10597-10601
3676	Phương pháp phân tử hữu hạn và các ví dụ thực hành trên MTĐT	Trần Đức Trung, Nguyễn Việt Hùng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2004	163tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2124(2); VM1534(3)	V10602-10606
3677	Mỗi ngày 30 phút học vẽ đồ hoạ và tạo diễn hình bằng máy tính với Coreldraw 12 Powerpoint	Kim Quang, Nguyễn Trung Tín biên soạn	H. : Nxb.Thanh niên, 2005	265tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2126(2); VM1536(3)	V10627-10631
3678	CorelDraw 11 những điều kỳ diệu	Phạm Quang Huy	H. : Thống kê, 2004	238tr.:Minh hoạ. - 20cm	VD2107(2); VM1517(3)	V10489-10493
3679	Phân tích và thiết kế tin học hệ thống Quản lý - Kinh doanh - Nghiệp vụ	Nguyễn Xuân Thuỷ chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Giao thông vận tải, 2002	556tr.:Minh hoạ. - 20cm	VD2108(2); VM1518(3)	V10494-10498
3680	Giáo trình phương pháp tính : Dùng cho sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội và các trường đại học khác	Dương Thuỷ Vĩ, Tô Đăng Hải chịu trách nhiệm xuất bản	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	180tr.:Minh hoạ. - 20cm	VD2110(2); VM1520(3)	V10502-10506
3681	Sở hữu trí tuệ một công cụ đ3/4c lực để phát triển kinh tế	Kamil İdiris; Phạm Đình Chương chịu trách nhiệm xuất bản	[H.]: Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam, 2005	380tr.:Minh hoạ. - 21cm	VD2179	11002
3682	Cẩm nang sở hữu trí tuệ: chính sách, pháp luật và áp dụng	Phạm Đình Chương (Chịu trách nhiệm xb); Trần Hữu Nam dịch	[H.]: Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam, 2005	460tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2183; VM1585	V11018-11019
3683	Kim liên trong trái tim nhân dân Việt Nam và bầu bạn quốc tế	Nguyễn Minh châu biên soạn; Bùi Việt B3/4c (chịu trách nhiệm xb)	H. : Văn hoá - thông tin, 2006	118tr.:Minh hoạ. - 19cm	VD2180; VM1582	V11003-11004
3684	Trường địa vật lý và đặc trưng cấu trúc thạch quyển lãnh thổ Việt Nam	Cao Đình Triều; Tô Đăng Hải (chịu trách nhiệm xb)	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2005	332tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2182(2); VM1584(8)	V11008-11017
3685	Điện ảnh những dấu ấn thời gian	Hải Ninh; Bùi Việt B3/4c (chịu trách nhiệm xb)	H. : Văn hoá - thông tin, 2006	383tr.:Minh hoạ. - 20cm	VD2181; VM1583(2)	V11005-11007
3686	Công đoàn Việt Nam những trang vàng	Đào Thanh Hải (Sưu tầm và biên soạn)	H. : Lao động xã hội, 2006	568tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2187; VM1586	V11020-11021
3687	Những quy định mới nhất về quản lý tài chính trong các tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp nhà nước	Phạm Văn Mỹ (sưu tầm)	H. : Lao động - xã hội, 2006	512tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2188; VM1587	V11022-11023
3688	Dân chủ và thiết chế dân chủ ở Việt Nam	Phạm Quang Định (Chịu trách nhiệm x.bản)	H. : Quân đội nhân dân, 2006	590tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2189; VM1588	V11024-11025
3689	Đẩy mạnh cải cách hành chính xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa việt Nam	Phạm Quang Định (Chịu trách nhiệm x.bản)	H. : Quân đội nhân dân, 2006	565tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2190; VM1589	V11026-11027
3690	Dâng cộng sản Việt Nam mười mốc son lịch sử	Lê Hải Triều chủ biên	H. : Văn hoá thông tin, 2006	290tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2191; VM1590	V11028-11029
3691	Tổng tập hồi ký	Võ Nguyên Giáp; Phạm Quang	H. : Quân đội nhân dân,	1359tr.:Minh	VD2192;	V11030-11031

3707	Tr3/4c địa cao cấp	Phạm Hoàng Lân (chủ biên), Trịnh Ngọc Huệ	H. : Giao thông vận tải, 2007	143tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2197(1-5); Q784(1-295)	Q784(300)
3708	A planner's guide for selecting clean - coal technologies for power plants	Karin Oskarsson, Anders Berglund, Rolf Deling,...	Washington, D.C : The World bank, c'1997	160tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ347(2)	K164-165
3709	Principles of environmental science: Inquiry and applications	William P Cunningham, Mary Ann Cunningham	Boston : Burridge : McGraw hill. Higher education, C'2004	425tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ348(2)	K162-163
3710	Laboratory exercises in environmental geology	Harvey Blatt	Boston : Web McGraw-Hill, c'1998	177tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ346(3)	K166-168
3711	Energy services for the World's poor	James Bond	Washington, DC : The World bank, C'2000	127tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ344	K196
3712	Valuing tropical forests Methodology and case study of madagascar	Randall A Kramer, Narendra Sharma, Mohan Munasinghe	Washington. DC :	66tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ349(2)	K160-161

			7			
3718	Microsoft power point 2002	Sarah E Hutchinson, Glen J Coulthard	Boston : McGraw-Hill Irwin, C'2002	256tr.: Minh hoạ. - 27cm	KĐ357	K180
3719	Microsoft Windows XP with internet explorer	Sarah E Hutchinson, Glen J Coulthard	Boston : McGraw-Hill Irwin, C'2003	380tr.: Minh hoạ. - 27cm	KĐ356	K177
3720	Geography	Gerald R Pitzl	America : McGraw-hill/Dushkin, C'2003	221tr.: Minh hoạ	KĐ358	K178
3721	Microsoft word 2000 complete edition	Sarah E Hutchinson, Glen J Coulthard	Boston : MCGraw-Hill Irwin, C'2000	591tr.: Minh hoạ. - 27cm	KĐ399	K232
3722	Oracle SQL and introductory PL/SQL	Linda L Preece	Boston : MCGraw-hill Irwin, C'2004	246tr.: Minh hoạ. - 27cm	KĐ363	K184
3723	Interactive computing series microsoft power point 2002	Kenneth C Laudon, Kenneth rosenblatt, David langley	Boston : MCGraw-	833tr.: Minh hoạ. - 27cm	KĐ367	K186

			ca : MCGraw-Hill/Dushkin, C'2002			
3730	Introduction to geography	Arthur Getis, Judith Getis, Jerome D Fellmann	Boston : MCGraw-Hill Higher education, C'2004	542tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ362	K179
3731	Programming in visual basic 6.0	Julia case bradley, Mt San antonio college.	Boston : McGraw-Hill Irwin, C'2002	694tr.:Minh hoạ. - 27cm + 01 đĩa CD	KĐ369	K188
3732	Java program design	James P Cohoon, Jack W Davidson	Boston : MCGraw-Hill Higher education, C'2004	904tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ370	K191
3733	Environmemt	John L Allen	America, C'2003	223tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ360	K190
3734	Interactive computing series Microsoft office XP	Kenneth C Laudon, Kenneth Rosenblatt, David langley,...	Boston : MCGraw-	437tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ407	K240

			c'200 5			
3740	Natural disasters	Patrick L Abbott	Boston : McGraw-Hill Higher education, c'2004	460tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ404	K237
3741	Microsoft office XP	Timothy J O'leary, Linda I O'Leary	Boston : McGraw-Hill Irwin, c'2002	512tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ405	K238
3742	Windows XP: A Comprehensive approach	Eric Ecklund	New york : McGraw-Hill Glencoe, c'2002	352tr.:Minh hoạ. - 20cm	KĐ406	K239
3743	Dictionary of real estate : Business dictionary series	Jae K Shim, Joel G Siegel, Stephen W Hartman	New york : John wiley Sons, Inc, c'1996	306tr.:Minh hoạ. - 19cm	KĐ376	K201
3744	Statistics and data anlysis in geology	Jonh C Davis	New york : John Wiley Sons, c'200	628tr.:Minh hoạ. - 27cm	K375	K199-200

			n : W.W. Norto n Comp any, C'200 1			
3751	Geography The World And Its People	Richard G. Boehm, Ph.D, David G. Armstorng, Ph.D, Francis P. Hunkins, Ph.D.	New York : Glenc oe/Mc Graw- hill, C'200 2	828tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ383(2)	K214-215
3752	Environmental Geology	Carla W Montgomery	Bosto n Burr Ridge : McGr aw- Hill Highe r Educa tion, C'200 3	554tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ374	K197-198
3753	Geography The World And Its People	Richard G. Boehm, Ph.D, David G. Armstrong, Ph.D, Francis P. Hunkins, Ph.D.	New York : Glenc oe/Mc Graw- hill, C'200 2	828tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ384(2)	K216 - 217
3754	National Geographic : Northto The Pole	Gilbert. Grosvenor, Wilbur E. Garrett, Thomas R .Smith, ...	Washi ngton : Natio nal Geogr aphic Societ y.	418tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ. 385	K. 218

3759	National Geographic : Dinosaurs	Williaml. Allen, Elizabeth A. Moize, Robert M. Poole, ...	Washington : National Geographic Society, C'1993	136tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ396	K229
3760	National Geographic : Good Luck City Vancouver	Gilbert M.Grosvenor, William Graves, William L.Allen, ...	Washington : National Geographic Society, C'1992	133tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ395	K.228
3761	National Geographic : Animals At Play	William L.Allen, Elizabeth A.Moize, Robert M.Poole, ...	Washington : National Geographic Society, C'1994	141tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ394	K.227
3762	National Geographic : Buffalo Back Home On The Range	Williaml.Allen, Elizabetha.Moize, Robert m.Poole, ...	Washington : National Geographic Society, C'1994	121tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ393	K.226
3763	National Geographic : Our National Parks	Williaml.Allen, Robert Booth, Allen Carroll, ...	Washington	135tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ392	K.225

			aw Hill Irwin, C'200 2			
3768	Vector mechanics for engineers: Statics and dynamics	Ferdinand P Beer, E Russell Johnston, Elliot R Eisenberg,...	Boston Burr ridge : McGraw Hill/H higher education, C'2004	1328tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ456	K324
3769	Grammar form and function 3	Milada Broukal, Ingrid Wisniewska, Contributing Author	New York : McGraw Hill, C'2005	478tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ457	K323
3770	Elementary linear Algebra	Howard Anton	America : John Wiley & Sons, Inc, C'2000	588tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ461	K317
3771	Fit & well: Core concepts and labs in physical fitness and wellness	Thomas D Fahey, Paul M Insel, Waiton T Roth	Boston Burr Ridge : McGraw Hill, C'2005	346tr.:Minh hoạ. - 27cm+ 01 phụ bản +01 CD	KĐ459	K319
3772	Fundamental of chemistry	David E Goldberg	boston Burr Ridge : McGraw	674tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ462	K316

			5			
3777	The world according to Pimm: A Scientist audits the earth	Stuart L Pimm	New York : McGraw hill, C'2001	285tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ474	K300
3778	tr.:Minh hoạ. - cm	VĐ(1-); VM(1-)				
3779	Introduction to geographic information systems	Kang-tsung Chang	Boston Burr Ridge : McGraw hill/ Higher education, C'2006	432tr.:Minh hoạ. - 25cm +01 CD	KĐ473(3)	K303
3780	Writer's choice:Grammar and composition	Mark lester, Sharon o'Neal, Jacqueline Jones Royter,...	New York : Glencoe/McGraw hill, C'2001	960tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ472	K305
3781	Writer's choice: Grammar and composition	Mark Lester, sharon O'Neal, Jacqueline Jones Royster	New York : Glencoe/McGraw hill, C'2001	843tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ471	K304
3782	Geography the world and its people : National geographic society	Richard G Boehm, David G Armstrong, Francis P Hunkins	New York : Glencoe/McGraw Hill, C'199	780tr.:Minh hoạ. - 27cm +01 Phụ bản	KĐ470	K306

			khoa Mác- Lê Nin, 1976			
3788	Tăng cường kỷ luật lao động xã hội chủ nghĩa	Phan Tiến Tích (Chịu trách nhiệm x.bản)	H. : Sự thật, 1976	48tr.:Minh hoạ. - 18cm; VM605	V2409	
3789	Communicating at work: principles and practices for business and the professions	Ronald B Adler, Jeanne Marquardt Einhorst	Mc Graw Hill Highe r Educa tion : Bosto n Burr Ridge , 2005	462tr.:Minh hoạ. - 27cm + 01 đĩa CD	KĐ485	K361
3790	Autocad : Hướng dẫn sử dụng Autocad R.12	Hoàng Ngọc Giao	H. : Thống kê, 1997	420tr.minh hoạ. - 29cm	VĐ913; VM57	V4728-4732
3791	Elementary statistics: a brief version	Allan G, Bluman	MC Graw Hill Highe r educat ion : Bosto n burr Ridge , 2006	tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ490(2)	K352
3792	Environmental geology	Carla W Montgomery	Mc Graw Hill Highe r educat ion : Bosto n, 2006	540tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ488(2)	K358
3793	Turbo pascal 7.0 : Giáo trình cơ sở và	Bùi Thế Tâm, Võ Văn Tuấn	H. :	408tr. - 20cm	VĐ924; VM70	V4542-V4581

			n, c'200 6			
3799	An introduction to the world's oceans	Keith A Sverdrup, Alyn C Duxbury, Alison B Duxbury	Mc Graw Hill higher education : Boston, c'2005	514tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ476(2)	K376
3800	World atlas for primary students	Macmillan/MC Graw-Hill : New york, C'1997	20tr.: Minh hoạ. - 27cm	KĐ478	K373	
3801	The microeconomy today	Bradley R Schiller	Mc Graw hill Irwin : Boston, 2003	450tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ479	K374
3802	Introduction to geography	Arthur Getis, Judith Getis, Jerome D Fellmann,...	MC Graw Hill higher education : Boston, C'2006	540tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ481	K370
3803	Fundamentals of oceanography	Keith A Sverdrup, Alison B Duxbury, Alyn C Duxbury	MC Graw Hill higher education : Boston, C'2006	342tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ482(2)	K369
3804	Environmental science earth as aliveing	Botkin Keller	Wiley	668tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ483	K367

			C'200 5			
3811	The I-Series microsoft office access 2003	Stephen Haag, James Perry, Merrill Wells	Mc graw Hill techn ology educat ion : Bosto n, C'200 4	859tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ494	K350
3812	The I-Series microsoft office PowerPoint 2003: brief	Stephen Haag, James Perry, Amy phillips	Mc Graw Hill Techn ology educat ion : Bosto n, C'200 4	456tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ495	K349
3813	The+Plus series microsoft outlook 2003	Brenda L Nielsen	Mc Graw Hill techn ology educat ion : Bosto n, C'200 5	432tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ496	K348
3814	English skill with readings	John Langan	Mc graw Hill higher educat ion : Bosto n, C'200 2	742tr.:Minh hoạ. - 25cm +01 đĩa CD	KĐ497	K347
3815	Dictionary of electrical and computer	Mark D Licker	Mc	684tr.:Minh hoạ. - 20cm	KĐ498	K346

3823	Proceedings of the ocean drilling program	Warren L. Prell, Nobuaki Niitsuma	Inc : [s.n], C'198 9	1236tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ510	K337
3824	Proceeding of the ocean drilling program	Canada : INC, C'1987	388tr.: Minh hoạ. - 26cm	KĐ511	K336	
3825	Lợi ích kinh tế - x* hội của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển	Shahid Alikhan; Phạm Đình Chương (Chịu trách nhiệm x.b)	H. : Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới, 2007	194tr.:Minh hoạ. - 23cm	VĐ2287; VM1267	V11181- 11182
3826	Những gương mặt giáo dục Việt Nam 2008	Ngô Trần Ai, Nguyễn Quý Thao (Chịu trách nhiệm x.b)	H. : Giáo dục, 2008	471tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2286	V11180
3827	Công trình ngầm giao thông đô thị	L.V.Makópki; Nguyễn Đức Nguồn dịch; Nguyễn Văn Quảng h.d	H. : Xây dựng, 2004	376tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2294(5); VM1624(25)	V11208- 11237
3828	Kinh tế chính trị học hiện đại : Giáo trình cơ bản về kinh tế học và quản lý học trong các trường đại học thế kỷ mới	Trình Ân Phú; Phạm Quang Phan, Phạm Văn Sinh h.d	H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2007	726tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2293(2); VM1628(2)	V11198- 11207
3829	Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam : Sưu tập những báo cáo khoa học, bài báo và tư liệu mới về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	Nguyễn Nhã, Nguyễn Đình Đầu, Lê Minh Nghĩa...	H. : Nxb.T rẻ, 2008	225tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2292; VM1632(2)	V11195- 11197
3830	Khí hậu biến đổi thảm kịch vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại	S. Rahmstorf, Hans J. Schellnhuber; Trang Quang Sen	H. : Nxb.T rẻ, 2008	245tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2290(2); VM1630(2)	V11187- 11190
3831	Vật liệu tiên tiến từ Polymer dẫn điện đến ống than nano	Tương Văn Tân	H. : Nxb.T rẻ, 2008	251tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2291(2); VM1631(2)	V11191- 11194

			quốc gia, 2008			
3842	Học Chủ tịch Hồ Chí Minh chúng ta học gì	Phạm Văn Đồng	H. : Chính trị quốc gia, 2008	91tr.:Minh hoạ. - 20cm	VD2303; VM1637	V11296-11297
3843	Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh	Phạm Văn Bính	H. : Chính trị quốc gia, 2008	209tr.:Minh hoạ. - 19cm	VD2302; VM1638	V11294-11295
3844	Vừa đi đường vừa kể chuyện	T.Lan, Nguyễn Duy Hùng (Chịu trách nhiệm x.b)	H. : Chính trị Quốc gia, 2008	94tr.:Minh hoạ. - 21cm	VD.2301; VM.1639	V11290-11291
3845	Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh	Nguyễn Dy Niên; Nguyễn Duy Hùng (Chịu trách nhiệm xb.)	H. : Chính trị Quốc gia, 2008	349tr.:Minh hoạ. - 21cm	VD.2300; VM.1640	V11290-11291
3846	Cuộc gặp gỡ định mệnh	Sơn Tùng; Nguyễn Duy Hùng (Chịu trách nhiệm xb.)	H. : Chính trị Quốc gia, 2008	199tr.:Minh hoạ. - 21cm	VD2299; VM1641	V11288-11289
3847	Hồ Chí Minh tiêu sử	Bảo tàng Hồ Chí Minh; Chu Đức Tính (chủ biên); Nguyễn Duy Hùng (Chịu trách nhiệm xb.)	H. : Chính trị Quốc gia, 2008	262tr.:Minh hoạ. - 21cm	VD2298; VM1642	V11286-11287
3848	Vĩ đại một con người	Trần Văn Giàu; Nguyễn Duy Hùng (Chịu trách nhiệm xb.)	H. : Chính trị Quốc gia, 2008	101tr.:Minh hoạ. - 21cm	VD2297; VM1643	V.11284-11285
3849	Bác Hồ thời niên thiếu	Ban tuyên giáo tỉnh uỷ	H. :	114tr.:Minh hoạ. - 21cm	VD2296; VM1644	v.11282-

	Cao Đ1/4ng)		Mô - Địa chất, 2008			
3906	Giáo trình tin học chuyên đề - MS Excel : (thuộc khối kiến thức đại cương ngành khai thác mỏ)	Hoàng Kim Bảng	H. : Đại học Mô - Địa chất	200tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2310(1-5); VM829(1- 189)	Q829(194)
3907	tr.:Minh hoạ. - cm	VD(1-); VM(1-)				
3908	Principles of Geology	James Gilluly,A.C.Waters,A.O.W oodford	SI : W.H. Freem an and comp any, 1959	543trminh hoạ. - 25cm	BMo95	B365
3909	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam : Dành cho sinh viên đại học, cao đ1/4ng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	H. : Chính trị quốc gia, 2009	263tr. :Minh hoạ. - 21cm	VD2341(5); Q847(1495)	Q847(1500)	
3910	Giáo trình cấp thoát nước : Giáo trình dùng cho sinh viên đại học chuyên ngành: kiến trúc và xây dựng	Hoàng Huệ	H. : Nxb Xây dựng, 2008	173tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2338(5); Q833(95)	Q833(100)
3911	Inntial Reports of the deep sea Drilling Project : Hoboken,N.J.to dakar,seaegal october-November	Washington : National Science foudation, 1970	806tr: minh hoạ. - 28cm	BMol15	B385	
3912	Initial Report of the deep sea drilling project : Marjuro Atoll,Marshall Islands to Honolulu,hawaii-July-September 1978	washington : National Science Foudation, 1981	1120tr :minh hoạ. - 28cm	BMol19	B389	
3913	Initial Reports of the deep sea Drilling Project : Dakar,Senegal to rio de Janeiro,Brazil December 1968 to january 1969	Washington : National Science Foundation, 1970	806tr: minh hoạ. - 28cm	BMol16	B386	
3914	Island Arcs Deep Sea Trenches and Back- Arc Basin	Edited by Manik Talwani,Water C.pitman III	Washi ngton : Ameri can Geop	470tr: minh hoạ. - 27cm	BMol12	B382

			eum geolo gists, 1971			
3923	Radiosotopes in hydrology	Viena : International Atomic Energy Agency, 1963	459tr: minh hoạ. - 24cm	BMo75	B344	
3924	Quarterly of the Colorado School of Mines	Edited by F.M. Van Tuyl, Truman H. Kuhn	Colorado : Golden, 1950	343tr: minh hoạ. - 23cm	BMo82	B352
3925	Sedimentary Rock	F.J. Pettijohn	New York : Harper Brothers, 1957	781tr: minh hoạ. - 24cm	BMo60	B328
3926	Glossary of Geology and Related Science	J.V. Howell	Washington : The American Geological Institute, 1957	183tr: minh hoạ. - 26cm	BMo71	B340
3927	Sedimentary Petrography	Henry B. Milner	London : Thomas Murby, 1911	666tr: minh hoạ. - 22cm	BMo84	B354
3928	Geology of Petroleum : A series of books in geology	A.L. Levinsen	San Francisco : W.H. Freeman and company,	660tr: minh hoạ. - 24cm	BMo68	B336

			Giáo dục, 1991			
3942	Lý thuyết hàm ngẫu nhiên và ứng dụng vào các vấn đề điều khiển tự động.	V.S.Pugatre;Huỳnh Sum và Nguyễn Văn Hữu dịch	H. : ĐH và THC N, 1980	370tr. - 22cm	VD951	Q5
3943	Pascal lý thuyết bài tập lời giải	Mai Hà;Nguyễn Việt Anh...	H. : Viện khoa học Việt Nam, 1993	279tr. - 20cm	VD954; Q185	Q185(1-10)
3944	Một số văn kiện của đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII : Tài liệu chủ yếu phục vụ giáo viên, học sinh, sinh viên các trường của hệ thống giáo dục quốc dân trong giảng dạy và học tập lý luận chính trị.	H. : Sn, 1991	100tr. - 19cm	VD965; Q146	Q146	
3945	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1994-1999	206tr. - 19cm	VD957; Q247	Q247(1-495)	
3946	Giáo trình nguyên liệu khoáng cho công nghiệp luyện kim	Nguyễn Văn Bình, Phạm Văn Trường	H. : [Kd], 2008	154tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2346(5); Q845(95)	Q845(100)
3947	Giáo trình làm giàu nguyên liệu khoáng kim loại	Trần Văn Lùng	H. : [Kd], 2008	115tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2345(5); Q841(295)	Q841(300)
3948	Kỹ thuật điện.Phần bài tập.	Đặng Văn Đào,Lê Văn Doanh	H. : Khoa học kỹ thuật, 1993- 1996	172tr: minh hoạ. - 19cm	VD969; Q183+Q280	Q183(1-260)+Q280(1-200)
3949	Giáo trình các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	Trần Mạnh Xuân.	H. : [Knxb], 1993	245tr:Minh hoạ. - 26cm	VD987; Q199	Q199(1-50)
3950	Giáo trình các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	Trần Mạnh Xuân.	H. : [Knxb], 1993	245tr:Minh hoạ. - 26cm	VD988; Q200	Q200(1-50)

	sinh viên đại học kỹ thuật tại chức		ĐH và THC N, 1968			
3962	Giáo trình kỹ thuật điện	Phan Ngọc Bích chủ biên, Phạm Văn Bình,...	H. : ĐH vàGD CN, 1988	245tr:minh họa. - 27cm	VĐ980; Q79	Q79(1-200)
3963	Lý thuyết mạch logic và kỹ thuật số	Nguyễn Xuân Quỳnh	H. : ĐH và GDC N, 1991	292tr:minh họa. - 27cm	VĐ989+699; VM834(1-3)	Q156(1-30)
3964	Tr3/4c địa : Dành cho các trường đại học kỹ thuật khối xây dựng cơ bản	Đào Duy Liêm chủ biên, Đỗ Hữu Hình,...	H. : Giáo dục, 1992	258tr: minh họa. - 27cm	VĐ981; Q191	Q191(1-30)
3965	Tr3/4c địa phổ thông	TRẦN HỮU TRINH	H. : Sn, 1985	211tr: minh họa. - 30cm	VĐ997	Q40
3966	Hướng dẫn sử dụng BKED bách khoa EDITOR : Chương trình soạn thảo và xử lý tiếng việt trên máy vi tính XT/AT.Version 5.5 với bộ mã dự thảo chuẩn quốc gia	Quách Tuấn Ngọc	H. : [Knxb], 1992	90tr: minh họa. - 19cm	VĐ970; Q186	Q186(1-30)
3967	Cẩm nang lập trình hệ thống cho máy vi tính IBM-PC XT/AT bằng các ngôn ngữ ASSEMBLER,BASIC,C,PASCAL	Michel Tischer;Người dịch : Nguyễn Mạnh Hùng,Phạm Tiến Dũng.;Người hiệu đính:Quách Tuấn Ngọc	H. : Thông kê, 1992	219tr: minh họa. - 27cm	VĐ985; Q190	Q190(1-10)
3968	Tiểu chuẩn ngành. : Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500;1:1000;1:2000;1:5000.Phần ngoài trời	H. : [Knxb], 1990	199tr: minh họa. - 21cm	VĐ971; Q197	Q197(1-10)	
3969	Sổ tay máy năng chuyển	Võ Quang Phiên	H. : [Knxb], 1985	65tr:minh họa. - 30cm	VĐ996; Q35	Q35(1-195)
3970	Nga văn chuyên môn : Dành cho học sinh ngành xây dựng mỏ	Nguyễn Xuân Mãn,Võ Trọng Hùng	H. : Sn, 1986	74tr. - 27cm	VĐ999	Q47
3971	Tài chính xí nghiệp công nghiệp mỏ	Vương Huy Hùng	H. : [Knxb],	102tr. - 27cm	VĐ1003	Q44

			Hill, c'200 6			
3980	Forces : National, Geographic, Society	Richard Moyer, Lucky Daniel, Jay Hackett...	New York : Mc Graw Hill, c'200 0	288+48tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ562(1)	K433
3981	Student anthology ancient world adventures in time and place	New York : Mc Graw-Hill; School Division	44tr.: Minh hoạ. - 28cm	KĐ563(1)	K.434	
3982	Concepts of fitness and wellness : a comprehensive lifestyle approach	Charles B. Corbin...	New York : Mc Graw- Hill, c'200 6	486tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ542(1)	K.424
3983	101 More Best Resumes	Cprw Jay A. Block, Cprw Michael Betrus	New York : Mc Graw- Hill, c'199 9	201tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ553(1)	K.412
3984	The atlantic forest of south america : biodiversity status, threats, and outlook	Carlos Galindo-leal, Ibsen de Guzman Camara	Washi ngton : Island Press, c'200 3	488tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ555(2)	K.425
3985	The physical universe	Konrad B. Krauskopf, Arthur Beiser	New York : Mc Graw- Hill, c'200 6	706tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ554(1)	K426
3986	Mechanics for engineers : dynamics	Ferdinand P. Beer, E. Russell Johnston, Jr.	New York : Mc Graw-	926tr.:Minh hoạ. - 25cm	KĐ557(1)	K.428

			Comp any, c'198 9			
3993	Roofing instant	Terry Kennerdy	New York : Mc Graw- Hill, c'200 4	500tr.:Minh hoạ. - 21cm	KĐ578(1)	K463
3994	Achieving sustainable freshwater systems : a web of connestions	Marjorie M. Holland, Elizabeth R. Blood, Lawrence R. Shaffer	Washi ngton : Island press, c'200 3	351tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ579(1)	K.464
3995	Construction site Security	Michael J. Arata	New York : Mc Graw- Hill, c'200 6	438tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ580(2)	K.465
3996	Adobe acrobat 7 : Quick Steps	Marty Matthews, John Cronan	New York : Mc Graw- Hill, c'200 5	231tr.:Minh hoạ. - 21x26cm	KĐ581(1)	k.467
3997	Elementary statistics : a brief version	Allan G. Bluman	New York : Mc Graw- Hill, c'200 6	659tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ582(1)	K.468
3998	HTML	Christine Shannon	New York : Mc Graw- Hill, c'200 3	137tr.:Minh hoạ. - 22cm	KĐ583(1)	K.469

			Hill, c'200 0			
4006	Ecosystems around the world	Richard Moyer,...	New York : McGr aw- Hill, c'200 0. - 28cm	KĐ571(2)	K.449-450	
4007	Village homes : a community by design	Mark Francis	Washi ngton : Island press, c'200 3	83tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ565(2)	K.437-438
4008	Essentials of geology	Stephen Marshak	New York : Norto n Comp any, c'200 4	550tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ567(3)	K.441-442
4009	Manual of structural kinesiology	Clem W. Thompson, R. T. Floyd	New York : McGr aw- Hill, c'200 4	356tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ564(2)	K.435-436
4010	The paris-lexington road : Community- based planning and context sensitive highway design	Krista L. Schneider	Washi ngton : Island press, c'200 3	87tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ488(2)	K.477-478
4011	Earth : portrait of a planet	Sephen Marshak	New York : Norto n Comp any.	750tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ544(1)	K.422

			McGr aw- Hill, c'200 6			
4019	Autocad 2004	James A. Leach	New York : McGr aw- Hill, c'200 4	1302tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ547(1)	K.419
4020	The business of sustainable forestry : strategies for an industry in transition	Michael B. Jenkins, Emily T. Smith	Washi ngton : Island Press, c'199 9	356tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ530(2)	K.395-396
4021	Concise encyclopedia of environmental science	New York : McGraw-Hill, c'2002	807tr. :Minh hoạ. - 23cm	KĐ531(1)	K.397	
4022	Ecological restoration of southwestern ponderosa pine forests	Peter Friederici	Washi ngton : Island Press, c'200 3	562tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ532(1)	K.398
4023	Meteorology demystified	Stan Gibilisco	New York : McGr aw- Hill, c'200 6	323tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ516(3)	K.378-380
4024	The book of poisonous quotes	Colin M. Jarman c.	New York : McGr aw- Hill, c'199 1	348tr.:Minh hoạ. - 18cm	KĐ518(1)	K.382
4025	Elevated work platforms and scaffolding : job site safety manual	Matthew J. Burkart, Michael McCann, Daniel	New York :	543tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ517(1)	K.381

			ational Marine, c'2005			
4032	The annotated Hunting of the snark : The full text of Lewis carroll's great nonsense epic the hunting of the snark	Henry Holiday; Martin Gardner; Adam Gopnik	New York : Norton Company, c'2006	152tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ536(1)	K.404
4033	Oracle9i PL/SQL programming	Scott Urman	New York : McGraw-Hill, c'2002	630tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ541(1)	K.410-411
4034	Taking sides : clashing views on controversial issues in environmental issues	Thomas A. Easton	New York : McGraw-Hill, c'2007	362tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ540(2)	K.408-409
4035	College writing skills	John Langan	New York : McGraw-Hill, c'2005	586tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ589(3)	K.399-401
4036	English skills	John Langan	New York : McGraw-Hill, c'2006	604tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ538(2)	K.406
4037	College writing skills with readings	John Langan	New York : McGraw-	734tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ533(3)	K.399-401

4044	Power system load flow analysis	Lynn Powell	New York : McGraw-Hill, c'2005	181tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ528(1)	K.393
4045	Ex situ plant conservation : supporting species survival in the wild	Edward O. Guerrant, Kayri Havens, Milke Maunder; Peter H. Raven	Washington : Island Press, c'2004	504tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ526(1)	K.391
4046	The McGraw-Hill college handbook	Richard Marius, Harvey S. Wiener	New York : McGraw-Hill, c'1994	715tr.:Minh hoạ. - 22cm	KĐ525(1)	K.390
4047	Macmillan english	Tina Thoburn, Terry Kane	New York: Macmillan Publishing Company : London: Collier Macmillan Publishers, c'1987	170tr.:Minh hoạ. - 28cm	kĐ558(1)	K.429
4048	Hỏi đáp về chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên	Hà Tất Th3/4ng chịu trách nhiệm x.b; Nxb Lao động - Xã hội b.t.	H. : Nxb Lao động - Xã hội, 2008	147tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2347(1)	V.11324

			Hà Nội, 2008			
4057	Tuyển tập công trình khoa học Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ 8 : Hà Nội, 6- 7/12/2007	B.T: Đào Huy Bích, Đỗ Sanh, Nguyễn Văn Khang,...	H. : Nxb Bách khoa HAF Nội, 2008	221tr.:Minh hoạ. - 25cm	VĐ2356(1)	V.11334
4058	Đề tài đồ án môn học khảo sát địa chất công trình	Tô Xuân Vu, Phạm Minh Tuấn, Nguyễn Văn Phóng...	H. : Trườn g Đại học Mô - Địa chất, 2007	221tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ2361(5); Q812(39)	Q812(44)
4059	Giáo trình địa chính đại cương : Dùng cho sinh viên ngành Kỹ thuật Tr3/4c địa	Nguyễn Trọng San	H. : Trườn g Đại học Mô - Địa chất, 2008	212tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ2364(5); Q826(826)	Q826(300)
4060	Địa chất thủy văn đại cương	Vũ Ngọc Kỳ, Nguyễn Thượng Hùng, Tôn Sĩ Kính...	H. : Nxb Giao thông vận tải, 2008	300tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ2363(5); Q824(489)	Q824(494)
4061		Giáo trình Ngọc học	Nguy Tuyết Nhung	H. : Trường Đại học Mô - Địa chất, 2008		

4064	Giáo trình máy thủy khí : Giáo trình tái bản có sửa chữa và bổ sung	Nguyễn Đức Sương, Vũ Nam Ngạn	H. : Trường Đại học Mở - Địa chất, 2009
4065	Giáo trình English for mineral processing students : Giáo trình tái bản bổ sung	Nguyễn Ngọc Phú	H. : Trường Đại học Mở - Địa chất, 2009
4066	Giáo trình cơ sở luyện	Trần Trung Tới	H. : Trường Đại học Mở - Địa chất, 2009

	architects		
4069	Hỏi - đáp về chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên	Nhà xuất bản Lao động - X* hội b.t.	H. : Lao động - Xã hội, 2008
4070	Mediated modeling : a	Marjan van den Belt	Washington : Island Press, c'2004

	problems and protection : future collaboration between Vietnam and Thailand	Trương Xuân, Nguyễn Phú Vụ	
4073	Hội thảo Quốc tế về thông tin khu vực học và những nghiên cứu lịch sử về Thăng Long - Hà Nội - Di sản lịch sử vô giá của Thế kỷ 7 - 19 ở Hà Nội, Việt Nam	Development of Area Informatics,...	H. : Sunway Hotel, c'2006
4074	New challenges in	Phạm Huy Giao,...	H. : VietNam national university publishing house, 2007

	underground mining	Trykeri, c'2008	
4077	Surface drilling : in open pit mining	Sweden : Welins Tryckeri AB, c'2006	148tr.:Minh hoạ. - 29cm
4078	Rock reinforcement : talking technically case studies prduct specifications	UK. : The friary press : dorchester, [Knxb]	140tr.:Minh hoạ. - 29cm
4079	Từ điển giải thích Anh - Việt địa sinh thái - địa môi trường kỹ thuật	Bùi Học, Võ Công Nghiệp, Phạm Xuân b.t	H. : Xây dựng, 2008

4083	Bài tập tin học đại cương	Hoàng Kim Bảng	H.: : Trường Đại học Mở - Địa chất , 2009
4084	Tìm kiếm và thăm dò các mỏ khoáng sản r3/4n	Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Phương	H.: : Giao thông vận tải, 2009

	cương : Dùng cho sinh viên các ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Kim Bằng, Dương Thị Hiền Thanh, Cảnh Chí Thanh, Nguyễn Thu Hằng	Mô - Địa chất, 2009	29cm	Q862(195)	
4089	Giáo trình Thủy lực cơ sở : Biên soạn theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Võ Xuân Minh, Vương Lan Vân, Phạm Đức Thiên	H. : Trường Đại học Mô - Địa chất, 2009	177tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2378(5); Q861(195)	Q861(200)
4090	Elastic Lidar : Theory, practice and analysis methods	Vladimir A. Kovalev, William E. Eichinger	Chichester : John Wiley, c'2004	615tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ603	K519
4091	Site surveying	John Muskett	Black Well Science : Black Well, c'2005	416tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ604	K520
4092	Digital photogrammetry	Michel Kasser, Yves Egels	Lodon : Taylor Francis, c'2002	351tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ602	K518
4093	Bistatic Radar : Principles and practice	Mikhail Cherniakov; David V. Nezhlin, Vladimir I. Kostylev, Alexander B. Blyakhman,...	Chichester : John Wiley Sons, c'2007	504tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ601	K517
4094	Cơ sở bình sai tr3/4c địa : (Tiếng Trung)	(Tiếng Trung)	[Tiếng Trung]: [Tiếng Trung], c'1996	203tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ508	K.326
4095	Nguyên Lý đo GPS và ứng dụng	(Tiếng Trung)	[Tiếng Trung]: [Tiếng Trung], c'1998	236tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ509	K.325
4096	Giáo trình tin học đại cương : Dùng cho sinh viên các ngành kinh tế và Quản trị kinh doanh	Lê Thanh Huệ, Hoàng Kim Bằng, Dương Thị Hiền Thanh,...	H. : Trường Đại học Mô - Địa chất, 2009	227tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2377(5); Q862(195)	Q862(200)
4097	Giáo trình English for students of electrical engineering and electronics : Tiếng anh dùng cho sinh viên ngành Điện - Điện tử	Nguyễn Xuân Uyên	H. : Trường Đại học Mô - Địa chất, 2009	276tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2381(5); Q866(90)	Q866(95)
4098	Giáo trình linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự : Dùng cho các ngành Cơ điện - Điện tử, Tự động hoá và Điện khí hoá	Kim Ngọc Linh	H. : Trường Đại học Mô - Địa chất, 2009	194tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2380(5); Q864(90)	Q864(95)
4099	Giáo trình nguyên liệu khoáng kỹ thuật và phụ gia vô cơ	Kiểu Quý NamPhạm Văn Trường	H. : Trường Đại học Mô - Địa chất, 2009	105tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2376(5); Q865(90)	Q865(95)
4100	Tr3/4c địa cơ sở	Nguyễn Trọng San,Đào Quang Hiếu,	H. : Giao thông vận tải, 2009	260tr.:Minh hoạ. - 29cm	VD2375(5); Q868(685)	Q868(690)

		Saigo				
4114	Mathematics : Applications and concepts	Bill Anderson, Eric D. Erdman, David Ferris	New York : McGraw- Hill, c'2005	715tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ611	K.527
4115	General organic and biochemistry	Katherine J. Denniston, Joseph J. Topping, Robert L. Caret	New York : McGraw- Hill, c'2007	801tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ612	K.528
4116	Science voyages : Exploring the life, earth, and physical sciences	Patricia Horton, Eric Werwa, Cathy ezrailson,...	New York : McGraw- Hill, Glencoe, [Knxb]	853tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ613(2)	K.529-530
4117	Earth : Portrait of a planet	Stephen Marshak	New York : McGraw- Hill, c'2005	748tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ614(2)	K.531-532
4118	Astronomy : Journey to the cosmic frontier	John D. Fix	New York : McGraw- Hill, c'2006	658tr.:Minh hoạ. - 28cm + 01CD	KĐ615(2)	K.533-534
4119	Environmental geology	Carla W. Montgomerie	New York : McGraw- Hill, c'2006	540tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ616(5)	K.535-539
4120	Marine biology	Peter Castro, Michael E. Huber	New York : McGraw- Hill, c'2007	460tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ617(03)	K.540-542
4121	People together : Adventures in time and place	James A. Banks, Barry K. Beyer, Gloria Contreras,...	New York : McGraw- Hill, c'2000	221tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ618	K.543
4122	Microsoft word 2002	Sarah E. Hutchinson, Glen J. Coulthard	Boston : McGraw- Hill, c'2002	359tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ619(2)	K.544-545
4123	Natural disasters	Patrick L. Abbott	New York : McGraw- Hill, c'2006	496tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ620	K.546
4124	Choral connections : Mixed voices : Beginning level 2	Mollie G. Tower, Marc Erck	New York : McGraw- Hill, c'1999	277tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ621	K.547
4125	The living world	George B. Johnson	New York : McGraw- Hill, c'2006	808tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ622	K.548
4126	Practical business math procedures	Jeffrey Slater	Boston : McGraw- Hill, c'2006	392tr.:Minh hoạ. - 28cm + 01DVD + 01 phụ bản	KĐ623	K.549-551
4127	Project-based auto cad	Darren J. Manning	New York : McGraw- Hill, c'2004	416tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ624	K.552
4128	Understanding human anatomy ▽ physiology	Sylvia S. Mader	New York : McGraw- Hill, c'2005	444tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ625	K.553
4129	Principles of environmental science : Inquiry and applications	William P. Cunningham, Mary Ann Cunningham	New York : McGraw- Hill, c'2006	428tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ634	K.563-565
4130	Rock music styles : A history	Katherine Charlton	New York : McGraw- Hill, c'2003	365tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ633	K.562

	and oceans	Conservation Society				
4147	Sentence skills : A workbook for writers : form A	John Langan	Boston : McGraw-Hill, c'2003	599tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ644	K.579
4148	Microsoft word 2003 manual for college keyboarding : document processing	Ober, Johnson Zimmerly	Boston : McGraw-Hill, c'2005	184tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ645	K.580
4149	Red hat linux fedora for dummies	John 'maddog' Hall, Paul G. Sery	Wiley Publishing : Wiley, c'2004	374tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ646	K.581
4150	Flash action script for dummies	Doug Sahlin	New York : Hungry Minds, c'2001	357tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ647	K.582
4151	Introduction to geographic information systems	Kang-tsung Chang	Boston : McGraw-Hill, c'2006	432tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ648	K.583
4152	The ocean and coastal conservation guide 2005-2006 : The blue frontier campaign	David Helvarg	London : Island press, c'2005	193tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ649(2)	K.584-585
4153	Information systems solutions	Richard L. Van Horn, Albert B. Schwarzkopf, R. Leon Price	Boston : McGraw-Hill, c'2006	530tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ650	K.586
4154	Leadership : Enchancing the lessons of exprience	Richard L. Hughes, Robert C. Ginnett, Gordon J. Curphy	Boston : McGraw-Hill, c'2006	592tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ651	K.587
4155	An introduction to object-oriented programming with Java	C. Thomas Wu	Boston : McGraw-Hill : Higher Education, c'2006	954tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ652	K.588
4156	50 fast adobe premiere 6.5 techniques	Maura Kennedy	Indian : Wiley, c'2003	323tr.:Minh hoạ. - 23cm + 01CD	KĐ653	K.589
4157	Windows server 2003 bible	Blair Rampling	Indiana : Wiley, c'2003	576tr.:Minh hoạ. - cm	KĐ654	K.590
4158	Oracle9i PL/SQL programming	New York : McGraw-Hill, [Knxb]	631tr.:Minh hoạ. - 24cm + 01CD	KĐ655	K.591	
4159	Master visually windows mobile 2003	Bill Landon, Matthew Miller	Indiana : Maran Graphics : Wiley, c'2004	313tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ657	K.593
4160	Mastering macromedia contribute	Shaowen Bardzell, Jeffrey Bardzell	Indiana : Wiley, c'2003	307tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ658	K.594
4161	Caution! wireless networking : Preventing a data	Jack McCullough	Indiana : Wiley, c'2004	268tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ656	K.592

4176	Fieser's reagents for organic synthesis : Collective index for volumes 1-22	Michael B. Smith	Canada : John Wiley & Sons, c'2005	1546tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ673	K.615
4177	The elements of logic	Stephen F. Barker	New York : McGraw-Hill, c'2003	291tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ674	K.616
4178	Audel installation requirements of the 2002 national electrical code : All new edition	Paul Rosenberg	Canada : Wiley, c'2004	268tr.:Minh hoạ. - 21cm	KĐ675	K.617
4179	The ilife'04 book	Andy Ihnatko, Tony Bove	Indiana : Wiley, c'2005	519tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ676	K.618
4180	Những điều cần biết về lũ quét	Lê Thanh Hà, Ngô Trọng Thuận	H. : Nxb Bản đồ, 2009	252tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2390(5); VM	V.11444-11448
4181	Nước và con người	Ngô Trọng Thuận	H. : Nxb Bản đồ, 2009	275tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2391(5); VM(1-)	V.11449-11453
4182	Luật sư Nguyễn Hữu Thọ	H. : Thông tấn, 2009	188tr.:Minh hoạ. - 26cm	VĐ2329(2)	V.11454-11455	
4183	Khoa học và công nghệ Nano	Trương Văn Tân	H. : Nxb Tri thức, 2009	286tr.:Minh hoạ. - 20cm	VĐ2393(2); VM(1-)	V.11456-11457
4184	Nền và móng công trình	Tạ Đức Thịnh, Nguyễn Huy Phương, Nguyễn Hồng	H. : Xây dựng, 2009	189tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ874(5); VM(1-)	
4185	Truyền động thủy lực và khí nén	Vũ Nam Ngạn	H. : Giao thông vận tải, 2009	139tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ872(5); VM(1-)	
4186	Đồ án cơ học đất - nền móng	Tạ Đức Thịnh, Nguyễn Văn Phóng	H. : Xây dựng, 2009	83tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ873(1-); VM(1-)	
4187	Tại biến động đất ở Việt Nam	Cao Đình Triều	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2010	303tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2394(2); VM1650(8)	V.11466-11467
4188	Giáo trình khoan thăm dò : Dùng cho sinh viên ngoài ngành	Cao Ngọc Lâm, Bùi Thanh Bình	H. : Đại học Mỏ - Địa chất, 2010	161tr.:Minh hoạ. - 29cm	VĐ2399(5)	Q.877(1-290)
4189	Cơ sở thiết kế công trình biển phục vụ ngành dầu khí	Nguyễn Hữu Bằng (ch.b.), Trần Văn Bàn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2009	363tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2400(5)	Q.875(1-295)
4190	Cash in on the coming real estate crash : How to protect yourself from losses now, and turn a profit after the bubble bursts	David J. Decker, George G. Sheldon	Canada : Wiley, c'2006	276tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ677(2)	K.619-620
4191	College Algebra	John W. Coburn	New York : McGraw-Hill.Higher Education, c'2007	845tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ678(2)	K.621-622
4192	An introduction to object-oriented programming with Java	C. Thomas Wu	New York : McGraw-Hill, c'2006	950tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ679(2)	K.623-624
4193	Buy your own business	Robert A. Cooke	Canada : Wiley & Sons, c'2005	226tr.:Minh hoạ. -	KĐ680	K.625

	to physics					
4211	The world ata glance	Aster, Tessema	Dubuque : McGraw-Hill, c'2006	53tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ698	K.666
4212	Russko-Anglijskij slovar' : Okolo 25.000 slov	Pod redakciej :O.S.Axmanovoj,...	M. : Russkij žyzyx, 1977	520str. - 17sm	TD420-424	
4213	Economics : Principles, problems, and policies	Campbell R. McConnell, Stanley L. Brue	Boston : McGraw-Hill, c'2008	380tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ699(2)	K.667-668
4214	Microsoft Word 2003	Glen J. Coulthard, Ann Miller	Boston : McGraw-Hill, c'2003	190tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ700	K.669
4215	Fundamentals of corporate finance	Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield	Boston : McGraw-Hill, c'2008	864tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ701	K.670
4216	Interactions 2 Grammar	Patricia K. Werner, John P. Nelson, Keesia Hyzer, Mary Mitchell Church	Dubuque : McGraw-Hill, c'2002	397tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ704	K.673
4217	Space planning basics	Mark Karlen	Canada : John Wiley & Sons, c'2004	178tr.:Minh hoạ. - 22x28cm	KĐ703	K.672
4218	Financial accounting	Robert Libby, Patricia A. Libby, Danial G. Short	Boston : McGraw-Hill, c'2007	756tr.:Minh hoạ. - 28cm + 01 Phụ bản	KĐ702	K.671
4219	Ropesport : The ultimate jump ropeworkout	Martin Winkler	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2007	229tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ705	K.674
4220	Leap : A revolution in creative business strategy	Bob Schmetterer	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2003	241tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ706(2)	K.675,K.725
4221	Lifelines for money misfortunes : How to overcome life's greatest challenges	Stephen M. Poll	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2008	244tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ707	K.676
4222	Selling sucks : How to stop selling and start getting prospects to buy!	Frank J. Rumbauskas	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2007	163tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ708	K.677
4223	Managing for sales results : A fast-action guide for finding, coaching, and leading salespeople	Ron Marks	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2008	206tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ709	K.678
4224	Nuclear energy now : Why the time has come for the world's most misunderstood energy source	Alan M. Herbst, George W. Hopley	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2007	230tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ710(3)	K.679-681
4225	Predicting market success : New ways to measure customer loyalty and engage consumers with your brand	Robert Passikoff	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2006	242tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ711	K.682
4226	Strategic benchmarking reloaded with six sigma :	Gregory H. Watson	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2007	318tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ712	K.683

	practice series					
4241	How to start and run an eBay consignment business : Make real money as an eBay trading assistant	Skip McGrath	New York : McGraw-Hill, c'2006	303tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ727(2)	K.712-713
4242	Home staging : The winning way to sell your house for more money	Barb Schwarz, Mary Seehafer Sears	Hoboken : John Wiley : Sons, c'2006	212tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ728	K.714
4243	If you don't make waves you'll drown : 10 hard-charging strategies for leading in politically correct times	Dave Anderson	Hoboken : John Wiley : Sons, c'2006	236tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ729(2)	K.715-716
4244	Guinness : The 250-year quest for the perfect pint	Bill Yenne	Hoboken : John Wiley, c'2007	250tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ730	K.717
4245	IQ : A smart history of a failed idea	Stephen Murdoch	Hoboken : John Wiley : Sons, c'2007	269tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ731(2)	K.718-719
4246	Onyt étimologičeskogo slovará russkoj frazeologii	N.M.Đanski.	M. : Russkij žyzy, 1987	240str. - 17sm	TĐ740	
4247	Great people decisions : Why they matter so much, why they are so hard, and how you can master them	Claudio Fernández-Aráoz	Hoboken : John Wiley : Sons, c'2007	336tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ732(2)	K.720-721
4248	Hope : How triumphant leaders create the future	Andrew Razeghi	San Francisco : Wiley Imprint, c'2006	264tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ733(2)	K.722-723
4249	Gravity's arc : The story of gravity from aristotle to Einstein and beyond	David Darling	Hoboken : John Wiley : Sons, c'2006	278tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ740	K.732
4250	Your financial edge : How to take the curves in shifting financial markets and keep your portfolio on track	Paul McCulley, Jonathan Fuerbringer	Hoboken : John Wiley : Sons, c'2007	244tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ738	K.730
4251	The boatowner's guide to corrosion : A complete reference for boatowners and marine professionals	Everett Collier	Camden : McGraw-Hill.International Marine, c'2000	314tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ739	K.731
4252	The secret language of business : How to read anyone in 3 seconds or less	Kevin Hogan	Hoboken : John Wiley : Sons, c'2008	227tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ737(2)	K.728-729
4253	Debt capital markets in China	Jian Gao	Hoboken : John Wiley : Sons, c'2007	694tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ734	K.724

	soft real estate market : Find the next high- growth emerging markets,...		Wiley Sons, c'2007	23cm		
4267	Frank McKinney's Maverick Approach to real estate success : How you can go from a \$50,000 fixer-upper to a \$100 million mansion	Frank McKinney, Victoria St. George	Hoboken : John Wiley Sons, c'2005	1253tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ752(2)	K.749-750
4268	The manager's book of questions : 1,001 great interview questions for hiring the best per-son	John Kador	New York : McGraw- Hill, c'2007	204tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ753(2)	K.751-752
4269	You can make a difference : Be environmentally responsible	Judith Getis	Boston : WCB.McGraw- Hill, c'1999	83tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ754(2)	K.753-754
4270	The science of stephen King : from Carrie to cell, the terrifying truth behind the horror master's fiction	Lois H. Gresh, Robert Weinberg	Hoboken : John Wiley Sons, c'2007	264tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ755	K.755
4271	Multicultural education and the internet : intersections and integrations	Paul C. Gorski, Hamline University	Boston : McGraw-Hill, c'2005	226tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ756	K.756
4272	The boatowner's guide to GMDSS and marine radio : Marine distress and safety communications in the digital age	United States Power Squadrons	Camden : International marine : McGraw-Hill, c'2006	136tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ757	K.757
4273	Essential Do's and Taboos : The complete guide to international business and leisure travel	Roger E. Axtell	Hoboken : John Wiley Sons, c'2007	284tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ758	K.758
4274	The world almanac and book of facts 2007	Zoe Kashner, C. Alan Joyce, Elizabeth J. Lazzara ed.	New York : World almanac books, c'2007	1008tr.:Minh hoạ. - 21cm	KĐ759(2)	K.759-760
4275	Keyboarding with computer applications	Johson, Chiri, Cotton, Standley	N.Y : Glencoe/McGraw- Hill, c'2003	255tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ760(5)	K.761-765
4276	Financial managerial accounting : The basic for business decisions	Jan R. Williams, Susan F. Haka, Mark S. Bettner, Joseph V. Carcello	Boston : McGraw-Hill, c'2008	1157tr.:Minh hoạ. - 29cm	KĐ765(2)	K.784-785
4277	Safe firefighting : First	Steve Kidd, John	Boston : McGraw-Hill,	296tr.:Minh hoạ. -	KĐ800	K.846

	revolution : The story behind defense acquisition university's reinvention of training	Christopher R. Hardy, Jeffrey Leeson	Pfeiffer, c'2008	24cm		
4293	Commodities for every portfolio : How you can profit from the long-term commodity boom	Emanuel Balarie	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2007	240tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ794	K.836
4294	Automatic wealth : The six steps to financial independence	Michael Masterson	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2005	278tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ793	K.835
4295	Keyboarding with computer application	Jack E. Johnson, Judith Chiri-Mulkey, Delores Sykes Cotton, Carole G. Stanley	N.Y : McGraw-Hill, c'2000	291tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ762(4)	K.771-774
4296	Keyboarding with computer application	Johnson, Chiri, Cotton, Standley	N.Y : McGraw-Hill, c'2003	255tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ761(5)	K.766-770
4297	Ron's road to wealth	Ron Muhlenkamp; Wendy MuhlenKamp Miller	Hoboken : John Wiley & Sons, c'2008	335tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ808	K.855
4298	Talking sides : Clashing views on controversial issues in classroom management	Robert G. Harrington, Leticia Holub	Dubique : McGraw-Hill, c'2006	391tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ798	K.841
4299	Julian Robertson : A tiger in the land of bulls and bears	Danill A. Steachman	Hoboken : McGraw-Hill, c'2004	270tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ789	K.831
4300	International economics	Thomas A. Pugel	Boston : McGraw-Hill, c'2007	730tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ788	K.830
4301	Multicultural education and the internet : Intersections and integrations	Paul C. Gorski	Boston : McGraw-Hill, c'2005	226tr.:Minh hoạ. - 23cm	KĐ791	K.833
4302	Life skills for the student athlete	Scott Street	Boston : McGraw-Hill, c'2008	291tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ769(2)	K.794-795
4303	Pathways to astronomy	Stephen E. Schneider, Thomas T. Arny	Boston : McGraw-Hill, c'2007	699tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ783(4)	K.818-821
4304	Microeconomics	Stephen L. Slavin	Boston : McGraw-Hill, c'2008	503tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ782	K.817
4305	Transporation, energy and power technology	Anthony E. Schwallier	N.Y : McGraw-Hill, c'1989	412tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ787(2)	K.828-829
4306	College physics	Alan Giambattista, Betty Mc Carthy Richardson	Boston : McGraw-Hill, c'2007	559tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ781	K.816
4307	Flexible product development : Building agility for	Preston G. Smith	Sanprancisco : John Wiley & Sons, c'2007	286tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ776(2)	K.809-810

	guide to complete coverage of auto cad's commands and features					
4321	Intermediate accounting	J. David Spiceland, James F. Pepe, Lawrence A. Tomassini	N.Y : McGraw-Hill, c'2007	1202tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ780	K.815
4322	Corporate finance : Core principles and applications	Stephen A. Ross, Jeffrey F. Jaffe, Randolph W. Westerfield, Bradford D. Jordan	Boston : McGraw-Hill, c'2007	686tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ779	K.814
4323	Bản đồ địa chất và khoáng sản.Tỷ lệ 1:200.000 : Tô Thanh Hoá	Chủ biên :Nguyễn Ngọc Hoa	H. : Cục địa chất Việt nam, 1996	tr. - 60cm	VD1020/19	V5099
4324	Between one and many : The art and science of public speaking	Steven R. Brydon, Michael D. Scott	Boston : McGraw-Hill, c'2006	445tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ778	K.813
4325	Autodesk inventor	James M. Leake	Boston : McGraw-Hill, c'2004	288tr.:Minh hoạ. - 24cm	KĐ773(2)	K.803-804
4326	Communicating effectively	Saundra Hybels, Richard L. Weaver	Boston : McGraw-Hill, c'2007	418tr.:Minh hoạ. - 26cm	KĐ811	K.861
4327	Annual editions : Labor management relation	John Overby	Dubuque : McGraw-Hill, c'2006	219tr.:Minh hoạ. - 28cm	KĐ770(4)	K.796-799
4328	Annual editions : Business ethic	John E. Richardson	Dubuque : McGraw-Hill, c'2006	2007tr.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ812(2)	K.862-863
4329	Lịch sử chính quyền Thành phố Hà Nội (1945 - 2005)	B.s: Đoàn Minh Huân, Nguyễn Ngọc Hà (Đồng ch.b.), Nguyễn Xuân Hải..	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	312tr.:Minh hoạ. - 24cm.-(Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến)	VĐ2436	V.11502
4330	Những phẩm chất nhân cách đặc trưng của người Thăng Long	B.s: Phạm Tất Dong (ch.b.), Nguyễn Văn Thù, Nguyễn Thị Kim Hoa..	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	332tr.:Minh hoạ. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)	VD2448	V.11514
4331	Văn sách thi Đình	Tuyển dịch, giới thiệu, chú giải: Nguyễn Văn Thịnh..	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	tr.:Minh hoạ. - 24cm.-(Tủ sách Thăng Long 1000 năm)	VĐ2444	V.11510
4332	Văn sách thi Đình	Tuyển dịch, giới thiệu, chú giải: Nguyễn Văn Thịnh..	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	tr.:Minh hoạ. - 24cm.-(Tủ sách Thăng Long 1000 năm)	VĐ2445	V.11511
4333	Hà Nội trong cuộc vận động giải phóng	Đinh Xuân Lâm (ch.b.), Phạm Xanh,	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	292tr.:Minh hoạ. - 24cm. - (Tủ sách	VĐ2437	V.11503

	văn Việt Nam.Tỷ lệ 1:500.000 : Tờ Huế (E-48-D)	Văn Cát,...	chất , 1987			
4367	Đất thiêng ngàn năm văn vật	Trần Quốc Vượng; Nguyễn Hải Kế chủ trì s.t., tuyển chọn ; Phan Huy Lê giới thiệu	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	544tr.:bản đồ, sơ đồ. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến)	VĐ2405	V.11471
4368	Hà Nội tiểu sử một đô thị	William Steward Logan; Nguyễn Thừa Hỷ dịch	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	408tr.:Minh hoạ. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)	VĐ2404	V.11470
4369	Ca trù Hà Nội trong lịch sử và hiện đại	Nguyễn Đức Mậu	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	728tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2402	V.11468
4370	Tuyển tiểu thuyết Thăng Long	Nguyễn Minh Châu, Đoàn Lê, Ma Văn Kháng...; s.t., tuyển chọn: Lê Minh Khuê chủ trì..	H. : Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến)	VĐ2421	V.11487	
4371	Tuyển tập ký - tản văn Thăng Long - Hà Nội	Vũ Bằng, Vũ Bảo, Phan Kế Bính...; s.t., tuyển chọn: Nguyễn Đăng Điệp chủ trì...	H. : Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến)	VĐ2411	V.11477	
4372	Tuyển tập ký - tản văn Thăng Long - Hà Nội	Hữu Mai, Ngô Quân Miện, Vũ Tú Nam...; s.t., tuyển chọn: Nguyễn Đăng Điệp chủ trì..	H. : Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến)	VĐ2412	V.11478	
4373	Thích Pháp Bảo, Thích Huệ Hưng, Chu Văn Thường...; s.t., tuyển chọn: Nguyễn Đăng Điệp chủ trì..	H. : Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến)	VĐ2410	V.11476		
4374	Hà Nội qua số liệu thống kê 1945 - 2008	Nguyễn Thị Ngọc Vân (ch.b.), Trần Kim Đồng, Nguyễn Thị chiến..	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	624tr.:Minh hoạ. - 27cm. - (Tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến)	VĐ2409	V.11475
4375	Tuyển tập Ngô gia văn phái	Tuyển dịch, giới thiệu, chú giải: Trần Thị Băng Thanh chủ trì..	H. : Nxb. Hà Nội. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)	VĐ2459	V.11525	
4376	Tuổi trẻ Thăng Long - Hà Nội, những nét đẹp truyền thống và hiện đại	B.s.: Đặng Cảnh Khanh (ch.b.), Lê Xuân Hoàn, Đặng Vũ Cảnh Linh..	H. : Nxb. Hà Nội, 2010	336tr. - 24cm. - (Tủ sách Thăng Long 1000 năm)	VĐ2457	V.11523
4377	Tư liệu văn hiến	Tuyển dịch, giới	H. : Nxb. Hà Nội. -	VĐ2454	V.11520	

	ở Việt Nam và Đông Nam á	Đình Lưu	thuật, 2007	24cm		
4392	Cẩm nang đánh giá tác động : Các phương pháp định lượng và thực hành	Shahidur R. Khandker, Gayatri B. Koolwal, Hussain A. Samad	H. : Dân trí, 2010	229tr.:Minh hoạ. - 26cm	VD2469	V.11540
4393	1000 năm âm nhạc Thăng Long - Hà Nội	Trần Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Hồng Dung...; b.s.: Dương Viết á, Vũ Nhật Thăng	H. : Âm nhạc, 2010. - 24cm	VD2460(2)	V.11526-11527	
4394	1000 năm âm nhạc Thăng Long - Hà Nội	Trần Thị Kim anh, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Hồng Dung...; b.s.: Dương Viết á, Vũ Nhật Thăng	H. : Âm nhạc. - 24cm	VD2461(2)	V.11528-29	
4395	1000 năm âm nhạc Thăng Long - Hà Nội	Trần Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Hồng Dung...;b.s.: Dương Viết á, Vũ Nhật Thăng	H. : Âm nhạc. - 24cm	VD2462(2)	V.11530-31	
4396	1000 năm âm nhạc Thăng Long - Hà Nội	Trần Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Minh châu, Hồ Hồng Dung...; b.s.: Dương Viết á, Vũ Nhật Thăng	H. : Âm nhạc. - 24cm	VD2463(2)	V.11532-33	
4397	1000 năm âm nhạc Thăng Long - Hà Nội	Trần Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Hồng Dung; b.s.: Dương Viết á, Vũ Nhật Thăng	H. : Âm nhạc. - 24cm	VD2464(2)	V.11534-35	
4398	Bài giảng kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong	H. : Giao thông vận tải, 2008	266tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2471(5); Q891(1-295)	Q891(300)
4399	Vẽ Kỹ thuật và Autocad 2007	Trần Nhật Dũng, Bùi Đức Năng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2008	340tr.:Minh hoạ. - 27cm	VD2472(5); Q890(1-245)	Q890(250)
4400	Geological map of Vietnam.Scale 1:500.000 : Điện Biên F-48-C	Trần Đức Lương,Nguyễn Xuân Bào	H. : Compiled by the geological mapping division, 1981	tr. - 60cm	KĐ162/21	
4401	tr.:Minh hoạ. - cm	VD(1-); VM(1-)				
4402	Giáo trình Thị trường chứng khoán	Bạch Đức Hiền	H. : Tài Chính, 2008	294tr.:Minh hoạ. - 24cm	VD2473(5); Q889(1-95)	Q889(100)

	kế toán trong xí nghiệp công nghiệp nhỏ : Dùng cho chuyên ngành kỹ sư kinh tế nhỏ					
4445	Tuyển trọng lực	Phạm Hữu Giang	H. : [knxb], 1992	120tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ17; Q221	Q221(1-50)
4446	Giáo trình công nghệ khai thác than hầm lò	Trần Văn Huỳnh, Đặng Văn Cương	H. : [knxb], 1993	130tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ18; Q224	Q224(1-50)
4447	Giáo trình công nghệ khai thác than hầm lò	Trần Văn Huỳnh, Đặng Văn Cương	H. : [knxb], 1993	236tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ19; Q327	Q237(1-50)
4448	Giáo trình công nghệ khai thác than hầm lò	Trần Văn Huỳnh, Đặng Văn Cương	H. : [knxb], 1993	91tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ20; Q238	Q238
4449	Giáo trình thiết kế mỏ hầm lò	Lê Như Hùng	H. : [knxb], 1992	116tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ21; Q231	Q231
4450	Bài giảng kinh tế xí nghiệp tuyển khoáng : Dùng cho sinh viên ngành tuyển khoáng	Ngô Thế Bình	H. : [knxb], 1993	138tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ22; Q233	Q233(1-50)
4451	Bài tập giải tích toán học	B.P.Đemidôvic;Người dịch :Nguyễn Hữu Ngự, Vũ Đức Tôn	H. : ĐH và THCN, 1975	683tr: minh hoạ. - 19cm	VĐ23	
4452	Bài tập đại số	Trần Văn Hạo, Hoàng Kỳ	H. : Đại học và THCN, 1980	539tr. - 19cm	VĐ24	
4453	Bài tập phương trình vi phân	Nguyễn Thế Hoàn, Trần Văn Nhung	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	332tr. - 24cm	VĐ25; VM750	V2964(1-6)V8978
4454	Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán học : Dùng cho học sinh các trường đại học kỹ thuật	Trần Tuấn Điệp, Lý Hoàng Tú	H. : Đại học và THCN, 1977	236tr: minh hoạ. - 23cm	VĐ26	
4455	Lập chương trình cho máy tính điện tử MINSK-22	H. : [knxb], 1972	156tr. - 27cm	VĐ27		
4456	Bài tập lập chương trình cho máy tính điện tử	H. : [knxb], 1979	174tr. - 27cm	VĐ28		
4457	Cơ sở phương pháp tính	Phan Văn Hạp chủ biên, Nguyễn Quý Hỷ	H. : ĐH và THCN, 1969	241tr. - 27cm	VĐ29	
4458	Bài tập lý thuyết hàm biến phức	L.I.Vonkôvski,...Nguyễn Thuý Thanh dịch	H. : ĐH và THCN	619tr. - 24cm	VĐ30; V	V
4459	Bài tập phương pháp tính và lập chương trình cho MTĐT	Phan Văn Hạp,...	H. : ĐH và THCN, 1976	315tr. - 26cm	VĐ31; VL	VL
4460	Bài giảng đại số tuyến	H. : [knxb], 1975	78tr. - 27cm	VĐ32		

	ngành địa chất					
4477	Giáo trình địa chất lịch sử	Mai Văn Lạc	H. : [knxb], 1993	153tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ50; Q235	Q235(1-100)
4478	Vẽ địa hình	Hà Thị Mai	H. : [knxb], 1993	91tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ51; Q213	Q213(1-180)
4479	Giáo trình hoá lý	Phan Tử Bằng	H. : [knxb], 1975	254tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ52	
4480	Giáo trình phân tích định tính : Dùng cho các ngành :Địa chất thăm dò;Địa chất công trình;Tuyển khoáng	Biên soạn :Nguyễn Hoành Thi,Hà Minh Kiên	H. : [knxb], 1972	120tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ53	
4481	Giáo trình hoá lý-hoá keo : Dùng cho sinh viên địa chất thăm dò;địa chất công trình và tuyển khoáng	Phan Tử Bằng	H. : [knxb], 1969	573tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ57	
4482	Giáo trình tr3/4c địa ảnh (Phần đo vẽ ảnh lập thể)	Phan Văn Lộc	H. : [knxb], 1993	178tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ58; Q211	Q211(1-82)
4483	Bài giảng bản đồ học : Dùng cho sinh viên ngành tr3/4c địa	Triệu Văn Hiến	H. : [knxb], 1992	162tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ59; Q215	Q215(1-130)
4484	Bài giảng lý thuyết sai số	Hoàng Ngọc Hà	H. : [knxb], 1993	109tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ60; Q236	Q236(1-180)
4485	Tr3/4c địa phổ thông	Nguyễn Trọng San,...	H. : [knxb], 1993	241tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ54; Q229	Q229(1-105)
4486	Tr3/4c địa phổ thông	Nguyễn Trọng San,...	H. : [knxb], 1993	154tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ55; Q214	Q214(1-100)
4487	Tr3/4c địa phổ thông	Nguyễn Trọng San,...	H. : [knxb], 1993	235tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ56; Q223	Q223(1-100)
4488	Giáo trình cơ vật lý : Dùng cho các trường đại học tổng hợp và sư phạm	Ngô Quốc Quỳnh,Nguyễn Hữu Xí	H. : ĐH và TII CN, 1976	356tr. - 27cm	VĐ47; VV	VV
4489	Hình học mô	Nguyễn Xuân Thuy	H. : [knxb], 1993	234tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ61; Q222	Q222(1-50)
4490	Tuyển tập bài tập cơ học lý thuyết : Đề bài và lời giải	I.V.Mêserxki,H.Noibe;Đào Huy Bích,... dịch	H. : ĐH và THCN, 1976	463tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ62; VL	VL
4491	Tuyển tập bài tập cơ học lý thuyết : Đề bài và lời giải	I.V.Mêserxki, H.Noibe;Đào Huy Bích,... dịch	H. : ĐH và THCN, 1975	402tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ63; VL	VL
4492	Những bài giảng về cơ học lượng tử	Dư Trí Công	H. : [knxb], 1975	171tr:minh hoạ. - 27cm	VĐ64	
4493	Bảng lôgarit 7 số lẻ :	C.Brunx	H. : Cục đo đạc và	610tr. - 23cm	VĐ68; Q12	Q12(1-100)

	và đề nghị của Tsunesaburo makiguchi					
4508	Lý luận dạy học đại học : Dành cho học viên cao học	Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức	H. : [knox], 1994	152tr: minh hoạ. - 27cm	VD84-86	
4509	Bài giảng phương pháp luận nghiên cứu khoa học : Dành cho học viên cao học	Vũ Cao Đàm	H. : [knox], 1994	58tr: minh hoạ. - 27cm	VD87; Q252	Q252
4510	Bài giảng tối ưu hoá các tham số mô hình lò : Dành cho học viên cao học	Lê Như Hùng	H. : [knox], 1993	112tr: minh hoạ. - 27cm	VD88	
4511	Bài giảng các phương pháp tính toán vô chồng công trình ngầm : Dành cho học viên cao học	Nguyễn Xuân Mẫn	H. : [knox], 1994	54tr: minh hoạ. - 27cm	VD89	
4512	Bài giảng nâng cao hiệu quả phá vỡ đất đá bằng nổ mìn trong những điều kiện khác nhau : Dành cho học viên cao học	Nhữ Văn Bách	H. : [knox], 1994	123tr: minh hoạ. - 27cm	VD90-91	
4513	Bài giảng kinh tế quản lý doanh nghiệp mô : Dành cho học viên cao học	Nhâm Văn Toán	H. : [knox], 1994	116tr: minh hoạ. - 27cm	VD92	
4514	Bài giảng vô chống nhiều lớp sử dụng khả năng mang tải của khối đá : Dành cho học viên cao học	Võ Trọng Hùng	H. : [knox], 1993	84tr: minh hoạ. - 27cm	VD93	
4515	Bài giảng cơ học khối đá và phương pháp đánh giá độ ổn định cho công trình ngầm không chống : Dành cho học viên cao học	Phí Văn Lịch, Võ Trọng Hùng	H. : [knox], 1994	410tr: minh hoạ. - 27cm	VD94	
4516	Bài giảng cơ sở thiết kế mô lộ thiên : Dành cho học viên cao học	Trần Mạnh Xuân	H. : [knox], 1993	133tr: minh hoạ. - 27cm	VD95	
4517	Bài giảng lý thuyết dòng hai pha : Dành cho học viên cao học	Võ Xuân Minh	H. : [knox], 1993	57tr: minh hoạ. - 27cm	VD96	

4532	Giáo trình tr3/4c địa cao cấp	Hoàng Trần Cửu	H. : [knxb], 1976	556tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ113; R	
4533	Giáo trình tr3/4c địa cao cấp(tiếp theo)	H. : [knxb], 1971	291tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ114; R		
4534	Giáo trình tr3/4c địa công trình thuỷ lợi	H. : [knxb], 1971	153tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ115		
4535	Tr3/4c địa công trình thuỷ lợi	H. : [knxb], 1971	204tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ116; R		
4536	Tr3/4c địa công trình	G.P.Levtsuk.	H. : Cục đo đạc và bản đồ nhà nước, 1979	335tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ111; VL	VL
4537	Thực hành tr3/4c địa cao cấp : (Công tác tính toán)	B.N.Rabinovits	H. : Cục đo đạc và bản đồ nhà nước, 1978	393tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ118; VL	VL
4538	Giáo trình bảng tra toán học bản đồ	Trần Tấn Lộc dịch;Hiệu đính :Lê Ngọc Nam	H. : [knxb], 1970	370tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ119; R	
4539	Biên chế bản đồ	Nguyễn Viết Liêu	H. : [knxb], 1973	300tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ120; R	
4540	Bài giảng toán bản đồ	H. : [knxb], 1973	280tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ121; R		
4541	Giáo trình công tác tr3/4c địa phục vụ thiết kế và xây dựng thành phố	Nguyễn Tấn Lộc	H. : [knxb]	206tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ122	
4542	Giáo trình tr3/4c địa công trình đường giao thông và đường hầm	Nguyễn Thế Phương	H. : [knxb], 1974	234tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ123; R	
4543	Bản đồ chuyên đề	Hoàng Phương Nga	H. : [knxb], 1973	215tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ125	
4544	Bài giảng ổn định bờ mô : Dành cho học viên cao học	Trần Minh Dân	H. : [knxb], 1994	110tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ117	
4545	Bài giảng vận tải mô : Dành cho học viên cao học	Trần Doãn Trường	H. : [knxb], 1993	35tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ127	
4546	Bài giảng phương pháp xử lý thông	Đồng Văn Nhì	H. : [knxb], 1993	85tr: minh hoạ. -	VĐ128-129	

4559	Máy vận tải	Võ Quang Phiên	hoạ. - 27cm H. : [knxb], 1978	257tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ140; R	
4560	Bài giảng thông tin tín hiệu mô	Nguyễn Đức Trung	H. : [knxb], 1968	138tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ141; R	
4561	Thông tin điều khiển xa mô	Nguyễn Văn Khanh	H. : [knxb], 1978	150tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ142; R	
4562	Thiết bị điện cao áp.Phần II	H. : [knxb], 1975	150tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ143; R		
4563	Thiết bị điện hạ áp.Phần 3	H. : [knxb], 1974	38tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ144; R		
4564	Giáo trình cơ sở lý thuyết thiết bị điện	H. : [knxb], 1976	286tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ145; R		
4565	Tài liệu tra cứu : Dùng cho sinh viên ngành cơ điện thiết kế cung cấp điện	H. : [knxb], 1972	60tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ146; R		
4566	Tài liệu tra cứu : Dùng cho sinh viên ngành cơ điện	H. : [knxb], 1973	136tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ147; R		
4567	Giáo trình bảo vệ điện dặt ở trong mô	Trần Bá Đề	H. : [knxb], 1975	123tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ150; R	
4568	Giáo trình trạm mạng điện	H. : [knxb], 1973	240tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ149; R		
4569	Giáo trình trạm mạng điện	H. : [knxb], 1972	186tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ148; R		
4570	Điện tử công nghiệp : Dùng cho các trường trung học chuyên nghiệp	Hoàng Hữu Thận	H. : ĐH và THCN, 1983	291tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ151; Q27	Q27(1-164)
4571	Động cơ đốt trong	Trần Quốc Thịnh	H. : [knxb], 1978	110tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ152; R	
4572	Độ tin cậy của các thiết bị vô tuyến điện tử	Đỗ Văn Cẩm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1985	319tr: minh hoạ. - 19cm	VĐ153; VM128(1-2)	V361-363
4573	Giáo trình truyền động điện : Dùng cho sinh viên ngành khai thác hầm lò,khai thác lộ	Trần Bá Đề,Nguyễn Văn Anh	H. : [knxb], 1975	142tr: minh hoạ. - 27cm	VĐ154; R	

4587	Giáo trình tuyển trọng lực	Phan Văn Thuận	H. : [knox], 1980	281tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ168; Q8	Q8(1-97)
4588	Giáo trình nhiệt kỹ thuật đại cương	H. : [knox], 1973	195tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ172; R		
4589	Bài thí nghiệm kim loại học và nhiệt luyện	H. : [knox], 1976	100tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ170; R		
4590	Kim loại học và nhiệt luyện : Dành cho các ngành cơ khí-luyện kim.Đại học tại chức	Nghiêm Hùng	H. : Đại học bách khoa, 1970	235tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ169; VL	VL
4591	Nhiệt kỹ thuật đại cương	Lê Xuân Dục,Trần Quang Nhạ,Nguyễn Hà Thanh	H. : ĐH và THCN	360tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ171	
4592	Bài tập nhiệt kỹ thuật : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật soạn theo chương trình được bộ ĐH và THCN duyệt	Trần Quang Nhạ,Bùi Hải,...	H. : ĐH và THCN, 1971	222tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ173; V	V
4593	Thủy lực : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật	Vũ Văn Tảo,Nguyễn Cảnh Cầm	H. : ĐH và THCN, 1978	303tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ174; VL	VL
4594	Bài tập thủy lực : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật	Hoàng Văn Quý chủ biên,Nguyễn Cảnh Cầm	H. : ĐH và THCN, 1973	229tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ175; V	V
4595	Thủy lực : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Cảnh Cầm,...	H. : ĐH và THCN, 1978	379tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ177; VL	VL
4596	Bài tập thủy lực : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật	Hoàng Văn Quý chủ biên,...	H. : ĐH và THCN, 1973	268tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ178; V	V
4597	Bài tập thủy lực : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Cảnh Cầm,...	H. : ĐH và THCN, 1979	271tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ179; V	V
4598	Thủy lực và máy thủy lực : Sách dùng cho ngành cơ khí của các trường ĐH kỹ	Nguyễn Phước Hoàng,Phạm Đức Nhuận,Nguyễn Thạc Tân	H. : ĐH và THCN, 1979	310tr.: minh hoạ. - 26cm	VĐ181; VL	VL

4614	Cơ sở tính toán thiết kế trục tải mô	Người hiệu đính :Trần Doãn Trường,...	H. : [knxb], 1977	305tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ198; R	
4615	Kỹ thuật điện mô	Nguyễn Đức Trung	H. : [knxb], 1970	369tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ192	
4616	Công nghệ chế tạo máy	Đặng Vũ Giao,...	H. : ĐH và THCN, 1976	247tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ196; VL	VL
4617	Công nghệ chế tạo máy	Đặng Vũ Giao,...	H. : ĐH và THCN, 1977	280tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ197; VL	VL
4618	Kỹ thuật xung : Dùng cho học sinh đại học ngành kỹ thuật vô tuyến điện	Vương Cộng	H. : ĐH và THCN, 1971	309tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ199	
4619	Hướng dẫn thiết kế nguyên lý máy	Trần Doãn Trường	H. : [knxb], 1975	177tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ200; R	
4620	Hướng dẫn thiết kế môn học chi tiết máy	H. : [knxb], 1969	188tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ201; R	R	
4621	Thiết kế công nghệ chế tạo máy	Nguyễn Bảo	H. : [knxb], 1979	103tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ202; R	R
4622	Tập bản vẽ chi tiết máy	Nguyễn Bá Dương,...	H. : ĐH và THCN, 1978	106tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ203	
4623	Giáo trình lý thuyết đàn hồi	Nguyễn Hữu Bàng	H. : [knxb], 1990	250tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ204; Q139	Q139(1-163)
4624	Hướng dẫn thiết kế môn học máy nâng chuyên	Võ Quang Phiên	H. : [knxb], 1990	67tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ207; Q142	Q142(1-11)
4625	Giáo trình nguyên lý máy	Trần Doãn Trường	H. : [knxb], 1973	239tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ209; R	
4626	Nguyên lý máy : Dùng cho học sinh các trường đại học kỹ thuật	Đình Gia Tường, Nguyễn Xuân Lạc, Trần Doãn Tiến	H. : ĐH và THCN, 1970	356tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ208	
4627	Nhiệm vụ thiết kế đồ án môn học nguyên lý máy : Dùng cho ngành chế tạo máy mô	Phùng Hữu Dũng	H. : [knxb], 1980	516tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ212; R	
4628	Bài tập nguyên lý máy	Tạ Ngọc Hải	H. : ĐH và THCN, 1975	191tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ210	
4629	Thiết kế chi tiết máy	Nguyễn Trọng Hiệp, Nguyễn Văn Lãm	H. : ĐH và THCN, 1979	379tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ211; VL	VL
4630	Công nghệ kim loại : Dùng trong các trường đại học	Trần Hữu Tường,...	H. : ĐH và THCN, 1971	214tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ205; VL	VL

4642	Giáo trình thiết bị thông gió thoát nước ép khí ngành mỏ	Nguyễn Khoát	H. : [knxb], 1973	413tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ223; R	
4643	Bài tập thiết bị ép khí thoát nước và thông gió mỏ	V.A.Kuzomexco,A.I.Pê-Tu-Khôn;Nguyễn Khoát dịch	H. : [knxb], 1971	178tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ224; R	
4644	Giáo trình cơ học ứng dụng : Dùng cho sinh viên hệ tại chức	Nguyễn Hải,Hoàng Văn Đa	H. : [knxb], 1990	205tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ225; Q115	Q115(1-20)
4645	Giáo trình cơ học ứng dụng : Dùng cho sinh viên hệ tại chức	Nguyễn Hải,Hoàng Văn Đa	H. : [knxb], 1990	131tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ235; Q116	Q116(1-70)
4646	áp lực đất đá chống giữ công trình ngầm	Phi Lịch	H. : [knxb], 1976	182tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ231	
4647	áp lực đất đá chống giữ công trình ngầm	Phi Lịch	H. : [knxb], 1976	355tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ232; R	
4648	Hướng dẫn thiết kế thi công công trình ngầm trong mỏ : Dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên ngoài ngành xây dựng ngầm và mỏ	Đặng Văn Quân;Hiệu đính :Đỗ Thụy Đăng	H. : [knxb], 1974	177tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ234; R	
4649	Giáo trình máy khai thác	H. : [knxb], 1972	145tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ228; R		
4650	Giáo trình máy khai thác	H. : [knxb], 1972	82tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ229; R		
4651	Giáo trình máy khai thác	H. : [knxb], 1972	118tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ230; R		
4652	Tập bản vẽ máy khai thác	H. : [knxb], 1972	64tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ226; R		
4653	Tập bản vẽ máy khai thác	H. : [knxb], 1972	106tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ227; R	R	
4654	Kết cấu bê tông cốt thép : Phần kết cấu nhà cửa	Nguyễn Đình Công,Ngô Thế Phong,Huỳnh Chánh Thiên	H. : ĐH và THCN, 1978	303tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ233; VL	VL
4655	Hướng dẫn thiết kế thi công giếng đứng : Tài liệu tham khảo	H. : [knxb], 1971	214tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ238; R		

	tuyển khoáng					
4670	Kinh tế công nghiệp mỏ	Trần Văn Long, Châu Minh Sang	H. : [knox], 1975	183tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ251	
4671	Kinh tế tổ chức sản xuất ở xí nghiệp công nghiệp mỏ	H. : [knox], 1976	119tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ252		
4672	Bài giảng toán kinh tế	H. : [knox], 1972	92tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ253		
4673	Giáo trình tổ chức sản xuất ở xí nghiệp công nghiệp mỏ	Tô Đình Lưu; Hiệu đính : Lê Duy Sâm	H. : [knox], 1975	175tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ254; R	
4674	Giáo trình định mức kỹ thuật lao động trong công tác mỏ	H. : [knox], 1969	218tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ255; R		
4675	Cơ sở lý thuyết hoá học : Dùng cho các trường Đại học kỹ thuật	Nguyễn Đình Chi	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	138tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ258; Q149	Q149(1-200)
4676	Cơ sở lý thuyết hoá học : Dùng cho các trường Đại học kỹ thuật	Nguyễn Hạnh	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1990	288tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ256; Q104	Q104(1-100)
4677	Thông gió mỏ	Đinh Hùng; Hiệu đính : Tạ Ngọc Hà , Vũ Cao Đàm	H. : [knox], 1972	223tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ263	
4678	Thông gió mỏ	Đinh Hùng; Hiệu đính : Tạ Ngọc Hà , Vũ Cao Đàm	H. : [knox], 1973	370tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ264; R	
4679	Giáo trình kỹ thuật an toàn trên mỏ lộ thiên	Phạm Công Khanh	H. : [knox], 1973	193tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ259; R	
4680	Cơ sở thiết kế mỏ lộ thiên	Phạm Công Khanh, Trần Mạnh Xuân, Hồ Sỹ Dao	H. : ĐH và THCN, 1974	196tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ260	
4681	Đặc tính kỹ thuật và quy cách công nghệ của các loại thiết bị chủ yếu dùng trên mỏ lộ thiên	Phạm Công Khanh	H. : [knox], 1972	102tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ261; R	
4682	Giáo trình ổn định bờ mỏ	Nguyễn Thanh Tuấn	H. : [knox], 1991	138tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ257; R	
4683	Hướng dẫn nội dung thiết kế tốt nghiệp : Dùng cho ngành khai thác mỏ lộ thiên	Trần Mạnh Xuân	H. : [knox], 1977	30tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ262	
4684	Giáo trình nguyên lý thiết kế mỏ hầm lò	Lê Như Hùng	H. : [knox], 1974	240tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ265; R	

	trường		hoạ. - 27cm			
4704	Máy đo lỗ khoan điện tử tự động và bài tập GAROTA	Lê Cảnh Đại	H. : [knxb], 1974	118tr.:minh hoạ. - 27cm	VD279; R	
4705	Giáo trình thăm dò trọng lực	Hà Lương Tín	H. : [knxb], 1972	227tr.:minh hoạ. - 27cm	VD288; R	
4706	Giáo trình thăm dò trọng lực	Hà Lương Tín	H. : [knxb], 1972	451tr.:minh hoạ. - 27cm	VD289; R	
4707	Một số kỹ hiệu quy ước thông dụng trong địa chất dầu mỏ-khí đốt	Nguyễn Quang Hình, Nguyễn Đình Khuông	H. : [knxb], 1978	19tr.:minh hoạ. - 27cm	VD290; R	
4708	Định mức lao động và vật tư trong ngành khoan : Dùng cho học sinh ngành thăm dò viết đồ án tốt nghiệp tham khảo	H. : [knxb], 1978	50tr.:minh hoạ. - 27cm	VD291; R		
4709	Khoan thăm dò	Hoàng Phan Cao, Lê Xuân Lâm	H. : [knxb], 1972	265tr.:minh hoạ. - 27cm	VD292; R	
4710	Khoan thăm dò	Hoàng Phan Cao, Lê Xuân Lâm	H. : [knxb], 1972	312tr.:minh hoạ. - 27cm	VD293; R	
4711	Rửa lỗ khoan : dùng cho sinh viên ngành kỹ thuật thăm dò	Nguyễn Sĩ Ngọc 4712	Giáo trình cơ học khoan	H. : [knxb], 1971	440tr.:minh hoạ. - 27cm	VD295; R
4713	Giáo trình cơ học khoan	H. : [knxb], 1971	436tr.:minh hoạ. - 27cm	VD296; R		
4714	Khoáng sản kim loại : Các loại hình công nghiệp của mỏ kim loại	I.G.magakian	H. : [knxb], 1972	431tr.: minh hoạ. - 27cm	VD305; R	
4715	Khoáng sản kim loại : Các loại hình công nghiệp của mỏ kim loại	I.G.magakian	H. : [knxb], 1972	378tr.: minh hoạ. - 27cm	VD306; R	
4716	Giáo trình địa chất các khoáng sản cháy	Vũ Quang Bích	H. : [knxb], 1975	407tr.: minh hoạ. - 27cm	VD302; R	
4717	Địa chất dầu mỏ	Alain.Perrodon; Người dịch : Nguyễn Đăng Khoa; Hiệu đính : Trương Cam Bảo	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	305tr.: minh hoạ. - 27cm	VD297; R	
4718	Khoan giếng dầu và khí	I.U.V.Vadexki; Người dịch: Tôn Thất Tan, Hoàng Phan Cao, Nguyễn Đức Hiền	H. : Cục công trình-Tổng cục địa chất.	279tr.: minh hoạ. - 27cm	VD298	

4736	Các loại hình mô công nghiệp kim loại	Nguyễn Văn Chữ	H. : [knxb], 1978	260tr.: minh hoạ. - 27cm	VD314; R	
4737	Địa chất lịch sử	Mai Văn Lạc;hiệu đính :Trương Cam Bảo	H. : [knxb], 1974	273tr.: minh hoạ. - 27cm	VD320; R	
4738	Địa chất lịch sử	Mai Văn Lạc;hiệu đính :Trương Cam Bảo	H. : [knxb], 1974	547tr.: minh hoạ. - 27cm	VD321; R	
4739	Phương pháp lập bản đồ địa chất	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1980	108tr.: minh hoạ. - 27cm	VD322; R	
4740	Cơ sở địa chất và các phương pháp tìm mỏ	Đặng Xuân Phong	H. : [knxb], 1977	251tr.: minh hoạ. - 27cm	VD329; R	
4741	Cơ sở địa chất	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1979	107tr.: minh hoạ. - 27cm	VD327; R	
4742	Cơ sở địa chất	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1979	190tr.: minh hoạ. - 27cm	VD328; R	
4743	Chủ nghĩa x* hội khoa học : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đ1/4ng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1991	151tr.: minh hoạ. - 19cm	VD326; Q145	Q145(1-200)	
4744	Chủ nghĩa x* hội khoa học : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đ1/4ng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1996	150tr.: minh hoạ. - 19cm	VD326-36; Q145	Q145(1-200)	
4745	Triết học Mác-Lê Nin : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đ1/4ng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1991	378tr.: minh hoạ. - 19cm	VD325; Q143	Q143(1-240)	
4746	Địa sử : Lịch sử phát triển vỏ quả đất	Tổng Duy Thanh	H. : ĐH và THCN, 1977	419tr.: minh hoạ. - 27cm	VD331	
4747	Tính thể học đại cương	Quan Hán Khang,...	H. : ĐH và THCN, 1979	403tr.: minh hoạ. - 17cm	VD330	
4748	Địa chất Việt Nam : Phần Miền B3/4c.Kèm theo bản đồ địa chất tỉ lệ 1:1.000.000	Trần Văn Trị chủ biên,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	354tr.: minh hoạ. - 21cm	VD323; VL	VL

4764	Đề cương hướng dẫn thực tập địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất vùng thị xã Lạng Sơn	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1978	33tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ346; R	
4765	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin : Đề cương bài giảng dùng trong các trường Đại học và cao đ1/4ng từ năm học 1991-1992	H. : [knxb], 1991	179tr. - 19cm	VĐ347; Q141	Q141(1-170)	
4766	Hướng dẫn đồ án tốt nghiệp	H. : [knxb], 1970	75tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ348		
4767	Hướng dẫn phân tích địa chất kiến trúc	Lê Như Lai	H. : [knxb], 1978	76tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ349	
4768	Địa chất thủy văn đại cương	H. : [knxb], 1971	220tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ350		
4769	Địa chất thủy văn đại cương	H. : [knxb], 1979	370tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ351		
4770	Thủy địa chất và cơ sở địa chất công trình : Dùng cho sinh viên ngành địa chất thăm dò	Nguyễn Kim Cương	H. : [knxb], 1975	315tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ352	
4771	Giáo trình phương pháp điều tra địa chất thủy văn : Dùng cho sinh viên ngành Địa chất thủy văn-Địa chất công trình	Vũ Ngọc Kỳ	H. : [knxb], 1977	340tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ353; R	R
4772	Tiếng Nga : Năm thứ 1.sách dùng cho giảng viên các trường đại học khối tự nhiên và kỹ thuật CHXHCN Việt Nam	M.M.Nakhabina, Đặng Văn Giai,...	H : ĐH và THCN; M. : Maxcova, 1986	123tr.: minh hoạ. - 22cm	VĐ354	
4773	Sổ tay các kiến thức về hoá học nước dưới đất	H. : [knxb], 1973	130tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ355		
4774	Giáo trình địa hoá học	Nguyễn Quang Phổ	H. : [knxb], 1978	265tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ356	

	chất thủy văn và công trình					
4785	Bài giảng địa chất đại cương : Dùng cho các ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn và công trình	Võ Năng Lạc	H. : [knox], 1991	115tr.: minh hoạ. - 27cm	VD425; Q123	Q123
4786	Bài giảng vật liệu xây dựng	Nguyễn Văn Quyền	H. : [knox], 1991	124tr.: minh hoạ. - 27cm	VD427; Q119	Q119
4787	Bài tập vẽ kỹ thuật cơ khí	Phạm Thị Văn	H. : [knox], 1991	166tr.: minh hoạ. - 27cm	VD426; Q	Q
4788	Thiết kế đồ án môn học tuyến nối	ạc	H. : [knox], 1990	131tr.: minh hoạ. - 27cm	VD401; Q93	Q93(1-195)
4789	Giáo trình tiếng nga thực hành .Ngành tr3/4c địa : Sách dùng cho sinh viên	H. : [knox], 1990	103tr.: minh hoạ. - 27cm	VD402; Q94	Q94(1-100)	
4790	Giáo trình tiếng nga thực hành.Ngành tr3/4c địa : Dùng cho sinh viên	H. : [knox], 1990	95tr.: minh hoạ. - 27cm	VD424; Q96	Q96	
4791	Bài tập cơ học.Phần động lực học	Đỗ Sanh chủ biên, Nguyễn Văn Đình,...	H. : ĐH và GDCN, 1990	188tr.: minh hoạ. - 27cm	VD409; Q99	Q99(1-298)
4792	Bài tập cơ học.Phần động tĩnh học và động học : Có hướng dẫn và giải mẫu	Đỗ Sanh chủ biên, Nguyễn Văn Đình,...	H. : ĐH và GDCN, 1990	194tr.: minh hoạ. - 27cm	VD411; Q100	Q100(1-370)
4793	Công nghệ phá vỡ đất đá bằng sức nước	Lê Tuấn Lộc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1990	95tr.: minh hoạ. - 27cm	VD403; Q95	Q95(1-100)
4794	Cơ sở lý thuyết hoá học : Dùng cho các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Hạnh	H. : ĐH và GDCN, 1990	207tr.: minh hoạ. - 27cm	VD405; Q104	Q104(1-100)
4795	Cơ sở hoá học phân tích(Gồm 3 tập)	A.P.Kreskov; người dịch : Từ Vọng Nghi, Trần Tử Hiếu	H. : ĐH và GDCN; Maxcova : Mir, 1989	499tr.: minh hoạ. - 27cm	VD412; Q97	Q97(1-61)
4796	Toán học cao cấp : Dùng cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Đình Trí chủ biên,...	H. : ĐH và GDCN, 1990	399tr.: minh hoạ. - 19cm	VD408; Q102	Q102(1-372)
4797	Toán cao cấp : Dùng cho sinh viên	Kim Cương	H. : ĐH và GDCN, 1990	192tr.: minh hoạ. - 19cm	VD407; Q103	Q103(1-601)

	Yên F-48-XXVII : Loại Tây B3/4c.Tỷ lệ 1:200.000			VM207-208		
4809	Bản đồ địa chất Tây B3/4c Việt Nam : Loại Tây B3/4c.Tỷ lệ 1:500.000	H. : Tổng cục địa chất, 1978	tr. - 24cm	VD397; VM214(1-4)	V811-815	
4810	Kinh tế chính trị Mác Lê-Nin : Sách dùng trong các trường Đại học và cao đ1/4ng	H. : ĐH và GDCN, 1989	331tr. - 19cm	VD395; Q88	Q88(1-100)	
4811	Sức bền vật liệu	Lê Quang Minh,Nguyễn Văn Vượng	H. : ĐH và GDCN, 1989	116tr.: minh hoạ. - 27cm	VD394; Q86	Q86(1-100)
4812	Bài tập sức bền vật liệu	I.N.Mirôliubôp,...;Người dịch :Vũ Đình Lai,Nguyễn Văn Nhậm	H. : ĐH và GDCN, 1988	381tr.: minh hoạ. - 27cm	VD399; Q91	Q91(1-66)
4813	Bài tập cơ học lý thuyết : Có hướng dẫn và giải mẫu	Chủ biên :Đỗ Sanh,Nguyễn Nhật Lệ,...	H. : ĐH và GDCN, 1987	111tr.: minh hoạ. - 24cm	VD396; Q87	Q87(1-35)
4814	Cơ sở vật lý đá	V.V.Rjevski,G.Ya.Novik;người dịch :Lê Mạnh Chiến;Hiệu đính :Đoàn Phương	H. : ĐH và GDCN, 1971	427tr.: minh hoạ. - 24cm	VD398	
4815	Giáo trình hình học hoạ hình	V.O.Goocđôn;Người dịch :Nguyễn Đình Diện,Hoàng Văn Thân	H. : ĐH và GDCN, 1989	354tr.: minh hoạ. - 24cm	VD400; Q92	Q92(1-97)
4816	Hướng dẫn thiết kế máy điện một chiều	Nguyễn Hạnh Tiến	H. : [knxb], 1988	135tr.: minh hoạ. - 27cm	VD377; Q69	Q69(1-69)
4817	Hướng dẫn thiết kế máy điện một chiều	Nguyễn Hạnh Tiến	H. : [knxb], 1988	150tr.: minh hoạ. - 27cm	VD379; Q71	Q71(1-97)
4818	Máy khai thác	Đoàn Văn Kỳ	H. : [knxb], 1988	109tr.: minh hoạ. - 27cm	VD380; Q72	Q72(1-99)
4819	Máy khai thác	Đoàn Văn Kỳ	H. : [knxb], 1988	120tr.: minh hoạ. - 27cm	VD381; Q73	Q73(1-103)
4820	Máy khai thác	Đoàn Văn Kỳ	H. : [knxb], 1988	81tr.: minh hoạ. - 27cm	VD382; Q75	Q75(1-100)
4821	Thiên văn cầu	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [knxb], 1988	81tr.: minh hoạ. - 27cm	VD383; Q76	Q76(1-100)
4822	Thiên văn cầu	Trịnh Ngọc Huệ,Phạm Hoàng Lân	H. : [knxb], 1988	139tr.: minh hoạ. - 27cm	VD384; Q77	Q77(1-100)
4823	Giáo trình nguyên lý kế toán	Nguyễn Văn Bưởi;Hiệu đính :Vương Huy Hùng	H. : [knxb], 1989	741tr.: minh hoạ. - 27cm	VD391; Q83	Q83(1-100)
4824	Toán kinh tế.Phân phương pháp sơ đồ mạng lưới	Nhâm Văn Toán,Đỗ Hữu Tùng	H. : [knxb], 1987	88tr.: minh hoạ. - 27cm	VD376; Q68	Q68(1-47)
4825	Tổ chức sản xuất và kế hoạch xí nghiệp chế tạo máy mô	Vương Huy Hùng	H. : [knxb], 1987	125tr.: minh hoạ. - 27cm	VD375; Q66	Q66(1-145)

	văn, địa chất công trình trong khi tìm kiếm thăm dò các mỏ khoáng sản cứng					
4838	Quy định về các sổ sách, tài liệu, phụ lục sử dụng trong công tác điều tra ĐCTV-ĐCCT các mỏ khoáng sản cứng	H. : [knxb], 1986	77tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ3628; VM671(1-9)	V2580-2589	
4839	Hướng dẫn phương pháp thăm dò và đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất để cung cấp nước	Người dịch : Đoàn Văn Cảnh,...; Hiệu đính : Võ Công Nghiệp	Maxcova. : Vxegingeo, 1979	198tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ360; V2603-2607	V2600+2603-2607
4840	Bài tập thủy lực	Võ Xuân Minh, Vương Lan Vân	H. : [knxb], 1987	989tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ364; Q54	Q54(1-286)
4841	Định mức lao động trong công nghiệp mỏ	Ngô Thế Bình	H. : [knxb], 1987	138tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ372; Q61	Q61(1-46)
4842	Phân tích hoạt động kinh tế xí nghiệp công nghiệp mỏ	Đặng Huy Thái, Nguyễn Văn Bưởi	H. : [knxb], 1987	202tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ371; Q60	Q60(1-45)
4843	Bài giảng truyền động điện tự động : Dùng cho sinh viên ngành máy mỏ	Phan Minh Tạo	H. : [knxb], 1991	99tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ429; Q126	Q126(1-34)
4844	Bài giảng truyền động điện tự động : Dùng cho sinh viên ngành máy mỏ	Phan Minh Tạo	H. : [knxb], 1991	185tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ430; Q136	Q136(1-35)
4845	Giáo trình quy trình công nghệ và cơ sở thiết kế mỏ lộ thiên	Trần Mạnh Xuân	H. : [knxb], 1991	76tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ434; Q131	Q131(1-55)
4846	Giáo trình quy trình công nghệ và cơ sở thiết kế mỏ lộ thiên	Trần Mạnh Xuân	H. : [knxb], 1991	108tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ435; Q132	Q132(1-59)
4847	Giáo trình quy trình công nghệ và cơ sở thiết kế mỏ lộ thiên	Trần Mạnh Xuân	H. : [knxb], 1991	109tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ436; Q133	Q133(1-65)
4848	Giáo trình cơ học lý thuyết	Hoàng Văn Đa, Lê Văn Cơ	H. : [knxb], 1991	87tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ438; Q117	Q117(1-203)
4849	Giáo trình cơ học lý thuyết	Hoàng Văn Đa, Lê Văn Cơ	H. : [knxb], 1991	95tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ438; Q117	Q113(1-243)

	của người l*nh đạo			VM122(1-2)		
4865	Điện tử học lý thú	E.Xêđôv;Đặng Quang Khang,Vũ Kim Dũng,Nguyễn Thanh Phương dịch;Đặng Quang Khang hiệu đính	H. : Thanh niên, 1978	390tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ450; VM681	V2228
4866	Lập chương trình cho máy tính điện tử	M.I.Aghêep,V.M.Xavincốp;Người dịch :Nguyễn Văn Kỳ,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	450tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ457+647; VM234(1-8)	V2985935-941
4867	Đọc thêm tiếng Anh	Chu Xuân Nguyên,Hoàng Đức	H. : ĐH và THCN, 1979	221tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ451; VM171(1-22)	V527,529-549
4868	Sách học tiếng Anh	Phạm Duy Trọng,Nguyễn Đình Minh	H. : ĐH và THCN, 1978	390tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ453; VM170(1-5)	V514-519
4869	Ngữ pháp tiếng anh	Vũ Thanh Phương,Bùi ý	H. : ĐH và THCN, 1975	366tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ454	
4870	Ngữ pháp tiếng Việt.Câu	Hoàng Trọng Phiên	H. : ĐH và THCN, 1980	305tr.. - 19cm	VĐ456	
4871	Sách học tiếng Pháp	Phạm Văn Bảng	H. : ĐH và THCN, 1976	367tr.. - 19cm	VĐ452; VM174	V557
4872	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch :Đỗ Minh Hợp;Người hiệu đính :Đặng Hữu Toàn	H. : Chính trị quốc gia, 1998	442tr.. - 21cm	VĐ1054(1-2)	V5397-5398
4873	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch và hiệu đính:Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	536tr.. - 21cm	VĐ1055(1-2)	V5399-5400
4874	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch và hiệu đính :Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	546tr.. - 21cm	VĐ1056(1-2)	V5401-5402
4875	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch hiệu đính :Lê Hữu Tăng,Nguyễn Trọng Chuẩn,Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	677tr.. - 21cm	VĐ1057(1-2)	V5403-5404
4876	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch và hiệu đính :Lê Hữu Tăng,Nguyễn Trọng Chuẩn,Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	693tr.. - 21cm	VĐ1058(1-2)	V5405-5406
4877	Lịch sử phép biện chứng : Sách tham khảo	Người dịch và hiệu đính :Đỗ Minh Hợp	H. : Chính trị quốc gia, 1998	480tr.. - 21cm	VĐ1059(1-2)	V5407-5408
4878	Đề cương tập bài giảng về quản lý nhà nước và hành chính doanh nghiệp : Lưu hành nội bộ	Nhóm biên soạn :Vũ Huy Từ	H. : Chính trị quốc gia, 1998	187tr.. - 26cm	VĐ1065(1-2)	V5413-5414
4879	Tư duy khoa học trong giai đoạn cách mạng khoa học-công nghệ	Lê Hữu Nghĩa,Phạm Duy Hải	H. : Chính trị quốc gia, 1998	148tr.. - 19cm	VĐ1062(1-2)	V5019-5020
4880	Nguyễn ái Quốc ở Quảng Châu (1924-1927): Sách tham	Nhóm biên soạn :Song Thành chủ biên,...	H. : Chính trị quốc gia, 1998	209tr.. - 19cm	VĐ1063(1-2)	V5417-5418

4896	Đánh giá trữ lượng thăm dò dầu mỏ và khí thiên nhiên	F.A.Grisin;Người dịch :Nguyễn Kh3/4c Kinh;Hiệu đính :Lê Huy Hoàng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1981	303tr.: minh hoạ. - 21cm	VD468; VM324(1-6)	V1401-14023372-3373
4897	Địa mạo ứng dụng	T.V.Zvonkova;Người dịch : Huỳnh Thị Ngọc Hương,Nguyễn Địch Dĩ	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	370tr.: minh hoạ. - 19cm	VD469; VM301(1-7)	V1209-1213
4898	Phương pháp khoan nổi ranh giới khí tính trữ lượng khoáng sản r3/4n	Trần Minh Thế,Đặng Trần Bằng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1983	180tr.: minh hoạ. - 19cm	VD470; VM314(1-2)	V1353-1355
4899	Phương pháp nghiên cứu và lập bản đồ địa mạo	A.I.Xpiridonov;Người dịch : Đào Trọng Năng,Phí Công Việt	H. : Khoa học kỹ thuật, 1982	278tr.: minh hoạ. - 21cm	VD471; VM304(1-2)	V1257-1258
4900	Núi lửa và khoáng sản(Những vấn đề hiện đại của hoá sơn học về quặng): Dịch từ nguyên bản tiếng nga	M.M.Vaxilevski;Người dịch : Nguyễn Đăng, Vũ Kim Ngân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1983	107tr.: minh hoạ. - 19cm	VD472; VM307	V1266-1267
4901	Phương pháp nghiên cứu cổ sinh địa tầng : Cơ sở sinh địa tầng	M.E.Zubkovits;Người dịch :Trịnh Dánh,...	H. : Khoa học kỹ thuật, 1978	359tr.: minh hoạ. - 19cm	VD473; VM370(1-5)	V1532-1536
4902	Sổ tay kỹ thuật địa chất	V.X.Kraxulin;Người dịch : Thái Quý Lâm,Trần Quang Tình;Hồ Đình Sử hiệu đính	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	596tr.: minh hoạ. - 21cm	VD474; VM302(1-33)	V3130-3131
4903	Sách tra cứu của nhà kỹ thuật địa chất	V.X.Kraxulin;Người dịch : Nguyễn Thanh Hùng;Người hiệu đính :Trần Quang Tình	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1981	500tr.: minh hoạ. - 21cm	VD475; VM298(1-18)	V1178-1198
4904	Công nghệ cơ khí hoá và tự động hoá sản xuất trong mỏ hầm lò	A.X.Burtsakov;Người dịch : Phạm Ngọc Can;Vũ Cao Đàm hiệu đính	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	645tr.: minh hoạ. - 21cm	VD480; VM774(1-12)	V3251-3264
4905	Cơ sở lý thuyết chung về lò	M.A.Glincôp;Nguyễn Mạnh Tường dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	593tr.: minh hoạ. - 24cm	VD481; VM395(1-3)	V3269
4906	Định mức tổng hợp để lập phương án-dự toán trong công tác tìm kiếm - thăm dò địa chất	H. : [knxb], 1979	105tr. - 19cm	VD478; VM315(1-3)	V1356-1360	
4907	Định mức tổng hợp để lập phương án-dự toán trong công tác tìm kiếm - thăm dò địa chất	H. : [knxb], 1979	190tr. - 19cm	VD479; VM316(1-8)	V1361-1365	
4908	Định mức tổng hợp để lập phương án-dự toán trong công tác tìm kiếm - thăm dò địa chất	H. : [knxb], 1979	247tr. - 19cm	VD476; VM317(1-6)	V3147	
4909	Định mức tổng hợp để lập kế hoạch sản xuất cơ khí địa chất	H. : [knxb], 1979	84tr. - 19cm	VD477; VM323(1-4)	V1397V1399-1400	
4910	Tính toán áp lực đất đá lên công trình	Đinh Xuân Bằng,Nguyễn Tiến Cường,Phan Tường Phiệt	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	593tr.: minh hoạ. - 19cm	VD482; VM399(1-12)	V3133-3141,2742
4911	Sự cố trong khoan xoay	A.K.Ve-T-Rôv;Người dịch :Nguyễn	H. : Cục công	193tr.: minh hoạ. -	VD483; VM373(1-	V1542-1546

	phổ	Liên		19cm		
4930	Phá vỡ đất đá bằng phương pháp khoan nổ mìn	Nguyễn Đình ầu, Nhữ Văn Bách	H. : Giáo dục, 1996	352tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ497(1-51); Q274	Q274(1-339)
4931	Lý thuyết GALOA : Dịch theo bản tiếng đức (Có tham khảo tiếng Anh)	E.Artin; Người dịch : Ngô Thúc Lan	H. : ĐH và THCN, 1976	114tr. - 19cm	VĐ504; VM200(1-6)	V748-752
4932	Phép tính vectơ và mở đầu phép tính Tenxơ	N.E.Lôtsin; Người dịch : Đặng Hân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	507tr. - 21cm	VĐ505; VM232(1-3)	V928-929
4933	Paleozol thượng ở Việt Nam	Nguyễn Văn Liêm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1985	351tr. - 19cm	VĐ506; VM131(1-9)	V403-412

4934	Mở đầu một số lý thuyết hiện đại của Tôpô và đại số	Hoàng Tuy....	H. : ĐH và THCN, 1979	199tr. - 22cm	VĐ507; VM203(1-9)	V762-770
4935	Sổ tay toán học : Dùng cho các cán bộ khoa học và kỹ sư. Các định nghĩa, định lý, công thức (Dịch từ bản tiếng nga)	G.Korn., T.Korn; Người dịch : Phan Văn Hạp và Nguyễn Trọng Bá	H. : ĐH và THCN, 1976	713tr. - 19cm	VĐ508; VM178(1-15)	V2963
4936	Giáo trình phương trình đạo hàm riêng	Nguyễn Thừa Hợp	H. : ĐH và THCN, 1976	406tr. - 19cm	VĐ509; VM217(1-7)	V830-834
4937	Phép tính Tenxơ và một số ứng dụng trong cơ học, vật lý	Đào Huy Bích	H. : ĐH và THCN, 1977	513tr. - 19cm	VĐ510; VM231(1-3)	V923-927
4938	Các phương pháp hàn và hàn đ3/4p phục hồi chi tiết máy	Nguyễn Văn Thông	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1984	269tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ511; V367-368	V367-369
4939	Chủ tịch Hồ Chí Minh : (Tóm tắt tiểu sử và sự nghiệp)	H. : Sự thật, 1970	129tr. - 19cm	VĐ512		
4940	Tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân đo đạc và bản đồ	H. : Công nhân kỹ thuật, 1976	143tr. - 19cm	VĐ513; VM381	V1560	
4941	Đồng hồ địa chất	A.ôlêinicôp; Lê Mạnh Chiến dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	154tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ514; VM290(1-2)	V1160-1161
4942	Quy phạm thủy chuẩn hạng I, II, III và IV	H. : Cục đo đạc và bản đồ, 1975	224tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ517; VM680(1-5)	V2917(1-2)	
4943	Sổ tay tr3/4c địa	Vũ Hoà,...; Hiệu đính : Nguyễn Ngọc Thừa	H. : Tổng cục địa chất, 1975	606tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ518; VM470(1-3)	V2646-2647
4944	Cuộc xâm lăng về văn hoá và tư tưởng của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam	Lữ Phương	H. : Văn hoá, 1985	266tr. - 19cm	VĐ521; V399-400	V399-401
4945	Lệ làng phép nước	Bùi Xuân Đình	H. : Pháp lý, 1985	215tr. - 19cm	VĐ522; V386-387	V386-388

	pháp phân tích hoá học					
4956	Tiêu chuẩn xây dựng. Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo cho các công trình kiến trúc	H. : Xây dựng, 1983	105tr. - 19cm	VD530		
4957	Tìm hiểu máy tính điện tử	Nguyễn Bá Hào, Hoàng Kiếm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	146tr. - 19cm	VD531; VM523(1-4)	V2224-2227
4958	Sổ tay sửa chữa máy điện quay	Đặng Dũng, Đỗ Gia Phan, Nguyễn Sĩ Tuyên	H. : Lao động, 1976	370tr. - 19cm	VD532; VM776(1-2)	V3340-3341
4959	Sách tra cứu kiểm tra sản xuất trong chế tạo máy	A.K.Kutai; Bộ môn máy chính xác Trường đại học bách khoa Hà Nội dịch; Hiệu đính : Nguyễn Thị Xuân Bày,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1982	496tr.: minh hoạ. - 21cm	VD533; VM445(1-3)	V1810-1812
4960	Mài s3/4c dụng cụ c3/4t	X.A.PoPov, L.G.Dibner, A.X.kamenkovits; Người dịch : Hà Nghiệp	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	307tr.: minh hoạ. - 19cm	VD534; VM422(1-8)	V1743-1744
4961	Sổ tay thiết kế cơ khí	Tô Xuân Giáp,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	393tr.: minh hoạ. - 21cm	VD535; VM770(1-5)	V2675
4962	Cơ khí đại cương	Hoàng Mạnh Tuấn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1970	307tr.: minh hoạ. - 19cm	VD536	
4963	Phòng cháy và chữa cháy thông thường đối với xăng, dầu	Biên soạn : Đỗ Duy Sơn; Tranh : Thái Sơn	H. : Công an nhân dân, 1984	43tr.: minh hoạ. - 13cm	VD523	V389-391
4964	Kỹ thuật và kinh nghiệm đúc Pittông-	Lê Văn Chúc, Mẫn Xuân Thái	H. : Khoa học, 1969	152tr.: minh hoạ. - 19cm	VD538	

4975	Những chương bổ sung giải tích toán học	V.I.Xôbôlep;Người dịch :Hoàng Phong	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	391tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ548; VM218(1-7)	V835-841
4976	Phương trình vật lý toán : Dùng cho kỹ sư	Nguyễn Đình Trí,Nguyễn Trọng Thái	H. : ĐH và THCN, 1971	144tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ550	
4977	Phương trình vật lý toán	S.L.Sô-Bô-Lép;Người dịch :Lê Văn Thiêm,Nguyễn Thừa Hợp;Nguyễn Thừa Hợp chỉnh lý	H. : Giáo dục, 1961	480tr.: minh hoạ. - 23cm	VĐ554; VM265(1-6)	V1078-1082
4978	Cơ sở lý thuyết đàn hồi.Lý thuyết dẻo.Lý thuyết từ biến	N.I.Bêđukhốp;Người dịch : Phan Ngọc Châu	H. : ĐH và THCN, 1978	270tr.: minh hoạ. - 22cm	VĐ551; VM255(1-7)	V1049-1053
4979	Đại số cao cấp	Ngô Thúc Lan	H. : Giáo dục, 1962	336tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ552; VM198(1-2)	V745-746
4980	Lý thuyết hàm số biến số thực	I.P.Na-Tan-Xôn;Người dịch : Phan Đức Chính	H. : Giáo dục, 1961	592tr.: minh hoạ. - 22cm	VĐ553; VM226(1-7)	V2986-2987
4981	Địa lý học và vấn đề môi trường (Nghiên cứu-Khai thác-Bảo vệ) : Tuyển tập	Viện các khoa học về trái đất biên soạn và chọn dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	283tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ555; VM755	V1455
4982	Lý thuyết đàn hồi	Đào Huy Bích	H. : ĐH và THCN, 1979	511tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ556	
4983	Phép chiếu trục đo	E.A.Glazunốp,N.F.Cheverukhin;Người dịch : Hoàng Văn Thân	H. : ĐH và THCN, 1979	379tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ557; VM193(1-16)	V705-719
4984	Cơ sở toán học hiện đại	Helena,Rasiowa;Người dịch : Trần Tất Th3/4ng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	286tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ566	
4985	Tổng quan về đại số	Garrett Birkhoff,Saunders maclane;Người dịch : Ngô Thúc Lan	H. :	255tr.: minh hoạ. -	VĐ567; VM197	V743-744

			học và kỹ thuật, 1977			
4995	Hướng dẫn giải bài tập toán giải tích : Dùng cho học sinh tại chức đại học kỹ thuật	Dương Thuý Vỹ, Vũ Long, Tạ Văn Đĩnh	H. : ĐH và THCN, 1982	210tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ549; VM142	
4996	Điện động lực học các môi trường liên tục	L.Đ.Landau, E.M.Lifshitz.; Người dịch : Đặng Quang Khang	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	382tr.: minh hoạ. - 22cm	VĐ576; VM293	V1167
4997	Điện động lực học các môi trường liên tục	L.Đ.Landau, E.M.Lifshitz.; Người dịch : Đặng Quang Khang	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	682tr.: minh hoạ. - 22cm	VĐ575; VM295	V1168
4998	Giáo trình cơ vật lý : Dùng cho các trường đại học tổng hợp và sư phạm	Ngô Quốc Quýnh, Nguyễn Hữu Xí	H. : ĐH và GDCN, 1976	354tr.: minh hoạ. - 26cm	VĐ578	
4999	Sách tra cứu Tranzito và điôt bán dẫn	K.M.Brejneva,...; Người dịch : Lý Kiến Dũng	H. : Khoa học kỹ thuật, 1972	853tr.: minh hoạ. - 22cm	VĐ577	
5000	Điện tử công nghiệp	I.L.Kaganóp; Người dịch : Ngô Đức Dũng	H. : ĐH và THCN, 1979	227tr.: minh hoạ. - 22cm	VĐ574	
5001	Bắt đ1/4ng thức (Dịch từ bản tiếng Nga)	G.H.Hardy, J.E.Littlewood, G.Polya; Người dịch : Nguyễn Kh3/4c Lân	H. : ĐH và THCN, 1971	423tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ572; VM202(1-4)	V757-761
5002	Phương trình vi phân hệ động lực và đại số tuyến tính	M.W.Hocs, X.Xmây1; Người dịch : Nguyễn Văn Đạo và Hoàng Hữu Đường	H. : ĐH và THCN, 1979	438tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ571; VM230(1-4)	V918-922
5003	Lý thuyết nhóm là gì?	G.Pa-Pi	H. : Khoa học và kỹ	231tr.: minh hoạ. - 22cm	VĐ570; VM204(1-3)	V771-773

	phương pháp cơ bản trong cơ học kết cấu		và THCN, 1976		6)	
5016	Tính toán độ bền và sự phá huỷ các công trình	Nguyễn Huy Đình,Trần Trung Tiến	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	327tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ589; VM349(1-13)	V3281-3284,2712
5017	Lý thuyết nhóm và ứng dụng vào vật lý học lượng tử	Nguyễn Hoàng Phương	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	583tr. - 27cm	VĐ590	
5018	Những phương pháp cơ bản của lý thuyết dao động phi tuyến : (Loại sách chuyên đề)	Nguyễn Văn Đạo	H. : ĐH và THCN, 1971	192tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ591	
5019	Kết cấu bê tông cốt thép	Phạm Sĩ Liêm chủ biên,Ngô Thế Phong,Nguyễn Phấn Tấn	H. : ĐH và THCN, 1969	227tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ592; VM487(1-3)	V2103-2104V2106
5020	Cơ sở thiết kế công trình ngầm	Lê Văn Thường,Nguyễn Tiến Cường,Phí Văn Lịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1981	271tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ593	
5021	Kim loại học vật lý	R.W.Cahn;Người dịch : Nguyễn Xuân Chánh;Hiệu đính : Vũ Đình Cư	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	217tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ594; VM414(1-3)	V1715-17163316
5022	tr.:Minh hoạ. - cm	VĐ(1-); VM(1-)				
5023	Kỹ thuật khai thác mỏ than hầm lò	Đỗ Trọng Sơn,Vũ Mạnh Tân,Hồ Quốc Dũng	H. : Công nhân kỹ thuật, 1976	175tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ596; VM394(1-6)	V1631-1636
5024	Tuyển khoáng đại cương	Thái Duy Thẩm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1970	330tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ597; VM400(1-3)	V3240-3241
5025	Sổ tay thiết kế nền và móng : (Nhà,công trình công nghiệp,công trình dân dụng,công trình công cộng : nền và móng phức tạp)	Người dịch : Đình Xuân Bảng,Vũ Công Ngử,Lê Đức Th3/4ng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	224tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ598; VM483(1-11)	V3089-3090
5026	Tính toán nền móng theo trạng thái giới hạn	Lê Quý An,Nguyễn Công Mẫn,Hoàng Văn Tân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	435tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ599; VM1212	V3203
5027	Bí ẩn trong Windows'95 : Giúp hiểu rõ và thực	Nguyễn Phi Khử,Quang Hùng	Biên Hòa : Đồng	194tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ600; VM784	V3930-3931

			thuật, 1976			
5039	Cấu tạo và tính toán móng máy	O.A.Xavinôv;Người dịch : Lê ất Hợi,Vũ Công Ngữ,Lê Vĩnh Tuy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	382tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ606; VM391(1-2)	V1621
5040	Sổ tay thiết kế cơ khí	Trần Văn Bảo,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	507tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ605; VM462(1-16)	V1887-1889V1891-1903
5041	Điện tử công nghệ	I.L.Kaganôp;Người dịch : Ngô Đức Dũng	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	245tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ604	
5042	Sổ tay đèn điện tử thông dụng	Tô Tấn	H. : Công nhân kỹ thuật, 1985	493tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ603; VM132	V413-417
5043	Đất và vỏ phong hoá nhiệt đới ẩm (Thí dụ lấy ở miền b3/4c Việt Nam)	V.M.Fridland;Người dịch : Lê Thành Bá	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1973	318tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ628; VM768	V3039-3040
5044	Định mức vật tư trong kiến thiết cơ bản	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	119tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ627		
5045	Địa hoá học	A.A.Xaukov;Người dịch : Hoàng Trọng Mai,Phạm Văn An	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1981	387tr.: minh hoạ. - 27cm	VD626; VM299(1-5)	
5046	Sổ tay cơ điện mô	Hoàng Hữu Hiến,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	560tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ625	
5047	Hoá thạch chỉ đạo địa tầng TRIAS miền B3/4c Việt Nam	Vũ Khúc,A. X. Đagyx, L. Đ. Kipaixôva,...	H. : Tổng cục địa chất V.N.D.C.C.H., 1965	116tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ624; VM330(1-6)	V1424-1428
5048	Phương pháp điều tra địa chất thủy văn	P.P.klimentov;Người dịch : Tập thể phòng địa chất thủy văn,Tổng cục địa chất	H. : Tổng cục địa chất, 1977	356tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ623	
5049	Thiên nhiên Việt Nam	Lê Bá Thảo	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	300tr.: minh hoạ. - 27cm	VD622	
5050	Ranh giới các hệ địa chất	Người dịch :Trịnh Dánh,...;Hiệu đính : Vũ Khúc,Trịnh Dánh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1983	300tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ621; VM114(1-16)	V3094-3101
5051	Tiêu chuẩn hoá trong ngành cơ	Hoàng Mạnh Tuấn	H. : Khoa học	84tr.: minh hoạ. -	VĐ620; VM459(1-9)	V3197-3200

			học Việt Nam, 1983	20cm		
5068	Máy thu hình	Nguyễn Thế Cường	H. : Viện khoa học Việt Nam, 1983	50tr.: minh hoạ. - 20cm	VD641; VM526	V2237
5069	Tập thiết kế mẫu tuyển chọn năm 1974	H. : Viện khoa học kỹ thuật xây dựng, 1975	86tr.: minh hoạ. - 20cm	VD642; VM529(1-3)	V2241-2243	
5070	Kí hiệu bản đồ địa hình.Tỉ lệ 1:500,1:1000,1:2000,1:5000	H. : Cục đo đạc và bản đồ nhà nước, 1977	141tr.: minh hoạ. - 20cm	VD643; VM468(1-38)	V1951(1-4)V1956(1- 2)1988(1-2)V8977	
5071	áo đường bằng đất gia cố	V.M.Bezruk,A.X.Elenovits;Người dịch : Đỗ Bá Chương,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1981	381tr.: minh hoạ. - 20cm	VD644; VM144	
5072	Phương trình tích phân và cách giải gần đúng	Phan Văn Hạp	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1974	291tr.: minh hoạ. - 20cm	VD645	
5073	Phương pháp toán học trong điều khiển tối ưu	V.G.Bônchianxki;người dịch : Trần Cao Nguyên,Nguyễn Tùng Sơn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1972	493tr.: minh hoạ. - 20cm	VD646; VM240(1-4)	V967-970
5074	Thiên văn học giải trí	V.N.Cômarôp;Người dịch : Lê Mạnh Chiến,Đ3/4c Lê,Thế Trưởng	H. : Khoa học và kỹ thuật; Maxcova : Mir, 1982	360tr.: minh hoạ. - 20cm	VD648	
5075	Tạo lập-Tổ chức-Vận hành doanh nghiệp : Thông tin chuyên đề	H. : Trung tâm thông tin;ủy ban kế hoạch nhà nước, 1992	270tr.: minh hoạ. - 19cm	VD649	V3539-3540	
5076	Chủ nghĩa tư bản hiện đại.Tư nhân hoá ở các nước tư bản phát triển : Thông tin chuyên đề (Tài liệu tham khảo)	H. : Viện khoa học xã hội Việt Nam;Viện kinh tế thế giới Hà Nội, 1992	105tr.: minh hoạ. - 19cm	VD651; VM853	V3541-3542	
5077	Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán học : Cho các ngành thuộc khối Nông,lâm,ngư nghiệp	Lê Văn Tiến	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	237tr.: minh hoạ. - 19cm	VD650; VM837(1-3)	V34763478-3480
5078	Tự làm đồ gỗ trong gia đình	Tô Khánh Vân,Lưu Huy Khánh	H. : Xây dựng : Đại học và giáo dục	87tr.: minh hoạ. - 19cm	VD652; VM846(1-3)	V3520-3523

	diện		1992			
5090	Làm giám đốc cân biết	Đào Nguyên Vĩnh, Lê Thụ	H. : Tạp chí thống kê, 1991	210tr. - 19cm	VĐ664	V3682-3683
5091	Những vấn đề kế toán và phân tích trong quản trị doanh nghiệp : (Chuyên khảo đặc biệt kỷ niệm 35 năm chuyên ngành kế toán và chào mừng ngày thành lập khoa Kế toán)	Nguyễn Thị Mai Đông,....	H. : Giáo dục và đào tạo, 1991	185tr. - 19cm	VĐ665; VM866	V3584-3585
5092	Chiến tranh kinh tế và các kỹ thuật tiến công	Christian Harbulot	H. : Trung tâm thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia, 1992	213tr. - 19cm	VĐ666	V3553
5093	Các thành phần kinh tế Việt Nam. Thực trạng, xu thế, giải pháp	Trần Hoàng Kim, Lê Thụ	H. : Thống kê, 1992	186tr. - 19cm	VĐ667	
5094	Hướng dẫn cách sử dụng thư tín dụng trong ngoại thương : theo Uniform Customs and practice for documentary credits ICC N = 400	H. : [knxb], 1992	209tr. - 19cm	VĐ668; VM863(1-2)	V3573-3575	
5095	Giáo trình thanh toán quốc tế trong ngoại thương	Đinh Xuân Trinh	H. : [knxb], 1991	174tr. - 19cm	VĐ669; VM862(1-2)	V3570-3572
5096	Hỏi-Đáp về phim ảnh màu	Lê Thanh Đức	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1983	97tr. - 19cm	VĐ670; VM841	V3493V3495-3497V3499-3500
5097	Sưu tập	H. : [knxb], 1986	79tr. - 19cm	VĐ671; VM120(1-7)	V288-295	

5112	Kế toán thực hành	Lâm Quý, Lê Thụ	H. : Tập chỉ thống kê, 1992	195tr. - 19cm	VĐ686; VM854	V3543-3544
5113	Lý thuyết hạch toán kế toán : Dùng cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế và cán bộ quản lý kinh doanh	Nguyễn Quang Quỳnh chủ biên, Nguyễn Gia Thụ	H. : Xây dựng, 1991	243tr. - 19cm	VĐ687; VM861(1-6)	V3566-3569
5114	Tâm lý và x* hội học quản lý kinh tế : (Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý kinh tế)	Biên soạn : Đỗ Hoàng Toàn	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	199tr. - 19cm	VĐ688; VM844(1-4)	V3511V3513-3514
5115	Một số máy bơm nước dùng trong gia đình	Nguyễn Hữu Khoát	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	63tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ689; VM843(1-8)	V3501-3510
5116	Quản lý và sửa chữa lưới điện	Nguyễn Bình, Nguyễn Quốc Hình	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1980	225tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ690; VM870(1-3)	V3605-3608
5117	Bên trong của máy vi tính IBM-PC	Peter.Norton.:Người dịch : Nguyễn Hoàng, Trần Quang Minh	H. : Licosaxuba, 1989	453tr. - 19cm	VĐ691; VM858(1-2)	V3556-3558
5118	MS-DOS Version 5.0	Người dịch : Tạ Minh Châu, Nguyễn Đình Tê; Hiệu đính : Đỗ Phúc	T.P.Hồ Chí Minh : Trung tâm đào tạo tin học-CMT, 1992	318tr. - 19cm	VĐ692; VM877	V3635-3636
5119	Tài liệu nghiên cứu nghị quyết hội nghị lần thứ sáu (Lần 2) ban chấp hành trung ương Đảng. Khoá VIII : Dành cho báo cáo viên	H. : Chính trị quốc gia, 1999	162tr. - 19cm	VĐ10661-2; VM85(1-13)	V5421-5435	
5120	Ngôn ngữ lập trình Pascal	Quách Tuấn Ngọc	H. : [Knxb], 1992	176tr. - 27cm	VĐ693	V3642
5121	Sổ tay thợ sửa chữa cơ khí	Tô Xuân Giáp	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	302tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ694; VM832(1-3)	V3684
5122	Ví dụ mẫu và bài tập Foxbase	Biên soạn : Hoàng Minh	H. : [Knxb], 1991	213tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ695; VM881	V3650-3652
5123	Kỹ thuật điện đại cương : Dùng cho học sinh không chuyên điện các trường trung học chuyên nghiệp	Hoàng Hữu Thận	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1991	239tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ696; VM833(1-3)	V3464-3467

	tr3/4c địa phổ thông	Quang Hiếu, Đinh Công Hoà				
5140	Tin học ứng dụng : Đơn nguyên học tập	Thạc Bình Cường, Nguyễn Quang Đạo	H. : Giáo dục, 1995	265tr. - 27cm	VĐ714; Q264	Q264
5141	Tin học ứng dụng : Đơn nguyên học tập	Thạc Bình Cường, Nguyễn Quang Đạo	H. : Giáo dục, 1995	263tr. - 27cm	VĐ715; Q265	Q265
5142	Tin học ứng dụng : Đơn nguyên học tập	Thạc Bình Cường, Nguyễn Quang Đạo	H. : Giáo dục, 1995	190tr. - 27cm	VĐ716; Q266	Q266
5144	Ôn thi học kì và thi vào giai đoạn 2. Môn toán cao cấp : Dành cho các trường Đại học kỹ thuật	Lê Ngọc Lăng chủ biên,...	H. : Giáo dục, 1994	400tr. - 21cm	VD722(1-59); Q269	Q269(1-409)
5145	Sổ liệu thông kê giáo dục và đào tạo 1945- 1995	H. : [Knxb], 1995	100tr.; minh hoạ. - 27cm	VĐ717	V3907	
5146	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	H. : [Knxb], 1995	166tr. - 24cm	VĐ718; Q261	Q261(1-70)
5147	Kỷ yếu hội nghị chuyên đề giáo dục đại học Việt Nam xuân Giáp Tuất 2/1994	H. : [Knxb], 1994	555tr. - 24cm	VĐ719	V3809	
5148	Tr3/4c nghiệm và đo lượng cơ bản trong giáo dục	Nghiêm Xuân Nùng biên dịch; Lâm Quang Thiệp hiệu đính và giới thiệu	H. : [Knxb], 1995	289tr.; minh hoạ. - 20cm	VĐ720	V3917
5149	Bài tập ngôn ngữ lập trình Pascal : Dành với Turbo Pascal	Quách Tuấn Ngọc	H. : [Knxb], 1993	134tr.; minh hoạ. - 19cm	VĐ723; Q188	Q188(1-308)
5150	Tiếng Việt hiện đại : Ngữ âm, ngữ pháp, phong cách	Nguyễn Hữu Quỳnh	H. : [Knxb], 1994	309tr. - 19cm	VĐ724	V3911
5151	Nghiên cứu khoa học công nghệ : (Lý luận và phương pháp)	H. : Chính trị quốc gia, 1994	167tr. - 19cm	VĐ725; Q260	Q260(1-50)	
5152	Chế độ mới về quản lý tài chính và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước	H. : [Knxb], 1996	486tr. - 21cm	VĐ726	V4020	
5153	Kết cấu bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế	H. : Xây dựng, 1992	96tr.; minh hoạ. - 27cm	VĐ727740-742		
5154	Hướng dẫn thiết kế	Bùi Văn Toàn	H. : Xây dựng, 1993	42tr.; minh hoạ. -	VD728-729	

5169	tr.:Minh hoạ. - cm	VĐ(1-); VM(1-)				
5170	Hướng dẫn sử dụng Word 6.0 for Windows	Eric Stone;Lược dịch và biên soạn : Nguyễn Hữu Thanh	H. : Thống kê, 1995	191tr.: minh hoạ. - 28cm	VĐ747; VM557	V3960
5171	tr.:Minh hoạ. - cm	VĐ(1-); VM(1-)				
5172	Hướng dẫn học vi tính MS Excel 5.0 for Windows : ứng dụng trong công tác văn phòng và khai thác cơ sở dữ liệu-tạo các biểu mẫu kế toán:dựa theo những loại biểu mẫu mới nhất về chế độ báo cáo kế toán định kỳ áp dụng cho doanh nghiệp của bộ tài chính 1995	Hồ Thanh Ngân	Biên hoà : Đồng Nai, 1995	299tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ749; VM822(1-3)	V3932
5173	Excel for Windows 95	Biên soạn : Đặng Sơn Hồng	Biên Hoà : Đồng Nai, 1996	301tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ750	
5174	Đồ hoạ vi tính Adobe Photoshop phần nâng cao (Chương trình xử lý ảnh): Dịch và biên soạn theo bản tiếng anh Adobe photoshop Beyond the Basic	Phạm Quang Huy,Phạm Ngọc Hưng,Phạm Đức Hiến	Biên Hoà : Đồng Nai, 1995	543tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ751	
5175	Bài tập Excel 1.1 Worl.450 vấn đề và giải pháp	Nguyễn Văn Hoài,Nguyễn Tiến	H. : Giáo dục, 1995	454tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ752; VM821	V3928-3929
5176	Sử dụng nhanh Powerpoint : Minh hoạ với sự trợ giúp của máy tính	Huỳnh Phong Nhuận,Phạm Quang Huy	H. : Thống kê, 1995	495tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ753	
5177	Sử dụng Windows 95 nhanh và dễ	Phạm Xuân Bá biên dịch	T.P.Hồ Chí Minh : nxb trẻ, 1995	491tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ754	
5178	Hướng dẫn sử dụng nhanh Microsolf Word for Windows	Bùi Văn Thanh, Nguyễn Tiến	H. : Giáo dục, 1995	208tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ755	V3940
5179	Cơ sở công nghệ khai thác đá	Hồ Sĩ Giao	H. : Giáo dục, 1996	360tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ756(1-51); Q275	Q275(1-199)
5180	Toán học cao cấp : Giáo trình dùng cho các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Đình Trí chủ biên,Tạ Văn Đĩnh,Nguyễn Hồ Quỳnh	H. : Giáo dục, 1996	400tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ757(1-50); Q272	Q272(1-639)
5181	Tiêu chuẩn kỹ thuật	H. : Giao thông vận	411tr.: minh hoạ. -	VĐ758	V4011	

5191	Bảng hiệu chỉnh, đo tính xăng dầu theo tiêu chuẩn ASTM/API/IP	Biên soạn : Kiều Đình Kiêm	H. : Giao thông vận tải, 1992	177tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ770	V3972
5192	Bảng hiệu chỉnh, đo tính xăng dầu theo tiêu chuẩn ASTM/API/IP	Biên soạn : Kiều Đình Kiêm	H. : Giao thông vận tải, 1992	204tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ771	V3972
5193	Cơ học và kết cấu công trình	Vũ Mạnh Hùng	H. : Xây dựng, 1999	440tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ772(1-2)	V5523
5194	Thạch học	Nguyễn Văn Chiến, Trịnh Ích, Phan Trường Thị	H. : Giao thông vận tải, 1999	496tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ773(1-30); Q330	Q330(1-250)
5195	Thực tập địa chất công trình : Dùng cho sinh viên các ngành thủy lợi, Xây dựng, giao thông	Nguyễn Văn Phương chủ biên, Trần Thanh Giám, Trần tính, Nguyễn uyên	H. : Giáo dục, 1996	160tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ776-778	V4078
5196	Sức bền vật liệu	Lê Quang Minh, Nguyễn Văn Vượng	H. : Giáo dục, 1995	140tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ779; Q174	Q174(1-30)
5197	Sức bền vật liệu	Lê Quang Minh, Nguyễn Văn Vượng	H. : Giáo dục, 1996	96tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ780	V4082
5198	Bài tập Sức bền vật liệu	Bùi Trọng Lự, Nguyễn Văn Vượng	H. : Giáo dục, 1996	444tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ781	V4083
5199	tr.: Minh hoạ. - cm	VĐ(1-); VM(1-)				
5200	tr.: Minh hoạ. - cm	VĐ(1-); VM(1-)				
5201	Kinh tế học vi mô	RoBert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld; Người dịch Nguyễn Ngọc Bích, Đoàn Văn Th3/4ng; Hiệu đính : Vũ Hữu Từ	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1994	843tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ786	V3995
5202	Kinh tế học vĩ mô	RoBert J.Gordon; Người dịch : Nguyễn Ngọc Bích, Đoàn Th3/4ng; Hiệu đính : Lê Tùng Ba	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1994	898tr.: minh hoạ. - 24cm	VĐ787	V3997
5203	Chiến lược con người trong "Thần kỳ" kinh tế Nhật Bản	Lưu Ngọc Trịnh	H. : Chính trị quốc gia, 1996	176tr.: minh hoạ. - 19cm	VĐ788	V4022

	thông vận tải					
5217	Bài tập Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình	H. : Giáo dục, 1997	212tr. - 19cm	VD808(1-50); Q243	Q243(1-961)
5218	Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình	H. : Giáo dục, 1996	267tr. - 19cm	VD809(1-20); Q242	Q242(1-730)
5219	Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình	H. : Giáo dục, 1996	340tr. - 19cm	VD810(1-50); Q219	Q219(1-1010)
5220	Vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	Lương Duyên Bình chủ biên,...	H. : Giáo dục, 1997	244tr. - 19cm	VD811(1-50); Q282	Q282(1-200)
5221	Toán học cao cấp	Nguyễn Đình Trí chủ biên, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	H. : Giáo dục, 1997	342tr. - 21cm	VD812(1-49); Q212+Q340+Q102	Q212+Q340+Q102
5222	Bài tập toán học cao cấp : Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp	ĐinhBAT Thâm, Nguyễn Phú Trường	H. : Giáo dục, 1997	220tr. - 19cm	VD813(1-50); Q106	Q106(1-700)
5223	Hỏi đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của đảng và nhà nước ta	H. : Chính trị quốc gia, 1997	350tr. - 19cm	VD814-815	V4146	
5224	ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay	Nguyễn Tài Thư	H. : Chính trị quốc gia, 1997	284tr. - 19cm	VD816-817	V4140
5225	Hướng gió, mạch nước, thể đất trong nghệ thuật kiến trúc, xây dựng nhà ở	Vương Ngọc Đức	H. : Văn hoá thông tin, 1996	575tr. - 21cm	VD818	V4143
5226	Hỏi-Đáp về triết học : tài liệu tham khảo	H. : Học viện chính trị quốc gia T.P. Hồ Chí Minh, 1996	189tr.: minh hoạ. - 19cm	VD823(1-50); Q288	Q288(1-550)	
5227	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng từ năm học 1991-1992	H. : Giáo dục, 1996	229tr.: minh hoạ. - 19cm	VD824(1-50); Q246	Q246(1-685)	
5228	Triết học Mác-Lê Nin	H. : Giáo dục, 1997	155tr.: minh hoạ. -	VD825(1-49);	Q161(1-171)+Q245	

		Cứ, Nguyễn Văn Tuấn				
5244	Cơ học đất	R. Whitlow; Người dịch: Nguyễn Uyên, Trịnh Văn Cương; Hiệu đính: Vũ Công Ngự	H. : Giáo dục, 1997	387tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ842(1-50); Q304	Q304(1-50)
5245	Cơ học đất	R. Whitlow; Người dịch: Nguyễn Uyên, Trịnh Văn Cương; Hiệu đính: Vũ Công Ngự	H. : Giáo dục, 1996	380tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ843(1-50); Q305	Q305(1-50)
5246	Chính sách đối với người lao động khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần	H. : Chính trị quốc gia, 1997	159tr. - 19cm	VĐ819-820	V4144	
5247	Các văn bản pháp luật về nhà đất và xây dựng	H. : Chính trị quốc gia, 1997	665tr. - 21cm	VĐ821-822		
5248	Địa kỹ thuật thực hành	Trần Thanh Giám chủ biên, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Hồng Đức	H. : Xây dựng, 1999	160tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ1079(1-2)	V5488
5249	Các phương pháp sơ đồ mạng trong xây dựng	Trịnh Quốc Th3/4ng	H. : Xây dựng, 1999	213tr.: minh hoạ. - 21cm	VĐ1080(1-2)	V5507

5250	Địa chất đại cương	Võ Năng Lạc	H. : Giao thông vận tải, 1999	236tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1081(1-50); Q331	Q331(1-500)
5251	Hoá học dầu mỏ khí tự nhiên	Phan Tử Bằng	H. : Giao thông vận tải, 1999	210tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1082(1-50); Q332	Q332(1-525)
5252	Tr3/4c địa công trình	Phan Văn Hiến chủ biên, Ngô Văn Hợi,...	H. : Giao thông vận tải, 1999	392tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1083(1-50); Q333	Q333(1-500)
5253	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	476tr.: minh hoạ. - 31cm	VD1068; VM		
5254	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	393tr.: minh hoạ. - 31cm	VĐ1069; VM		
5255	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	475tr.: minh hoạ. - 31cm	VĐ1070; VM		
5256	Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam	H. : Xây dựng, 1997	356tr.: minh hoạ. - 31cm	VĐ1071; VM		
5257	Tuyển tập tiêu chuẩn	H. : Xây dựng, 1997	704tr.: minh hoạ. -	VĐ1072; VM		

	hành					
5274	Luật quốc tịch Việt Nam và văn bản hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1998	38tr. - 19cm	VĐ1103; VM1042(1-4)	V5617-5621	
5275	Luật đầu khí và văn bản hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1999	177tr. - 19cm	VĐ1102; VM1044(1-2)	V5611-5613	
5276	Luật khiếu nại, tố cáo	H. : Chính trị quốc gia, 1998	59tr. - 19cm	VĐ1100; VM1041(1-4)	V5556-5560	
5277	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai	H. : Chính trị quốc gia, 1998	69tr. - 19cm	VĐ1099(1-3); VM1039(1-6)	V5576-55806078-6081	
5278	Bộ luật lao động của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1994	119tr. - 19cm	VĐ1098; VM1047(1-4)	V5561-5565	
5279	Bộ luật hình sự của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1997	217tr. - 19cm	VĐ1097; VM1045	V5627-5631	
5280	Bộ luật tổ tụng hình sự của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1995	180tr. - 19cm	VĐ1096; VM1046(1-4)	V5632-5636	
5281	Pháp lệnh chống tham nhũng	H. : Chính trị quốc gia, 1998	34tr. - 19cm	VĐ1095(1-3); VM1049(1-6)	V5622-56266070-6073	
5282	Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Phạm Ngọc Kiêm	H. : Chính trị quốc gia, 1999	112tr. - 19cm	VĐ1094; VM1050(1-4)	V5548-5552
5283	Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam	Trương Thị Tiên	H. : Chính trị quốc gia, 1999	259tr. - 19cm	VĐ1107; VM1051(1-4)	V5543-5547
5284	Việt Nam Atlas quốc gia	Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia	H. : [Knxb], 1996	163tr.: minh hoạ. - 54cm	VĐ455	
5285	Kinh nghiệm xây dựng nền móng ở nước ngoài	I.A.Ganitsév; Người dịch : Lê Đức Th3/4ng, Nguyễn Bá Kế	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	246tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ600; VM489	V3280
5286	Địa vật lí đại cương : Dùng cho sinh viên các ngành : Địa chất thăm dò, Địa chất công trình, Khoan thăm dò	Biên soạn : Lê Cảnh Đại; Hiệu đính : Các nhóm chuyên môn của bộ môn vật lý	H. : [Knxb], 1972	194tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ286; R	R
5287	Địa vật lí đại cương : Dùng cho sinh viên các ngành : Địa chất thăm dò, Địa chất công	Biên soạn : Lê Cảnh Đại; Hiệu đính : Các nhóm chuyên môn của bộ môn vật lý	H. : [Knxb], 1972	388tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ287; R	R

			tài, 1998	27cm		
5300	Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Tổng Đình Quý	H. : Giáo dục, 1998	218tr. - 21cm	VD942(1-50); Q316	Q316(1-)
5301	Chi tiết máy	Nguyễn Trọng Hiệp	H. : Giáo dục, 1994	140tr.: minh hoạ. - 27cm	VD944(1-20); Q168	Q168(1-)
5302	Công nghệ khoan thăm dò lấy mẫu	Trương Biên, Vũ Đình Hiền,...	H. : Giao thông vận tải, 1998	172tr.: minh hoạ. - 27cm	VD947(1-50); Q319	Q319(1-)
5303	Cơ học đất cho đất không bão hoà	D.G.Fredlund, H. Rahardjo; Người dịch : Nguyễn Công Mẫn, Nguyễn Uyên; Hiệu đính : Nguyễn Công Mẫn	H. : Giáo dục, 1998	323tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1108(1-2); VM1054(1-13)	V5640-5654
5304	Nền và móng	Lê Đức Th3/4ng chủ biên, Bùi Anh Định, Phan Trường Phiệt	H. : Giáo dục, 1998	343tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1109(1-5); VM1055(1-45)	V5755-5804
5305	Các phương pháp thí nghiệm đất xây dựng (tiêu chuẩn Anh-BS 1377 :1990)	Người dịch : Vương Văn Thành, Nguyễn Văn Hoàng,...	H. : Giáo dục, 1999	280tr. - 27cm	VD1110(1-5); VM1052(1-45)	V5655-5704
5306	Các phương pháp thí nghiệm đất xây dựng (tiêu chuẩn Anh-BS 1377 :1990)	Người dịch : Vương Văn Thành,...	H. : Giáo dục, 1999	256tr. - 27cm	VD1111(1-5); VM1053(1-45)	V5705-5754
5307	Sổ tay xử lý nước	Trung tâm đào tạo ngành nước và môi trường dịch và giới thiệu	H. : Xây dựng, 1999	660tr. : minh hoạ. - 24cm	VD1112(1-2); VM1057(1-2)	V5805-5809
5308	Chân dung các nhà giáo ưu tú Việt Nam	Cao Giang, Đoàn Thị Lam Luyện chủ biên	H. : Thanh niên, 1998	879tr. - 21cm	VD1113(1-2); VM1056(1-8)	V5810-5819
5309	Bài giảng tiếng anh chuyên môn	Hoàng Văn Hưng, Phạm Quý Nhân	H. : [Knx], 1999	73tr. - 27cm	VD1114(1-5); Q347	Q347(1-5)
5310	Thiết kế mỏ lộ thiên	Hồ Sĩ Giao	H. : Giáo dục, 1999	307tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1116(1-20); Q343(1-250)	Q343(1-270)
5311	Bản vẽ kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế	Biên dịch : Trần Hữu Quế, Nguyễn Văn Tuấn	H. : Giáo dục, 1998	399tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1118(1-2); VM1058(1-23)	V5820-5844
5312	Cơ sở tuyển khoáng	Nguyễn Bội chủ biên, Trần Văn Lùng, Phạm Hữu Giang	H. : Giao thông vận tải, 1999	187tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1121(1-50); Q351	Q351(1-550)
5313	Toán kinh tế	Nhâm Văn Toán	H. : Giao thông vận tải, 1999	244tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1120(1-50); Q352	Q352(1-850)
5314	Thủy địa hoá	Nguyễn Kim Ngọc	H. : [Knx], 1999	237tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1115(1-5)	Q348(1-5)
5315	Cơ sở xử lý số liệu tr3/4c địa : bài giảng cho sinh viên ngành địa chính	Hoàng Ngọc Hà	H. : [Knx], 1999	180tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1122(1-5); Q353	Q353(1-5)
5316	Cơ sở toán học xử lý	Hoàng Ngọc Hà, Trương	H. : Giao thông vận	270tr.: minh hoạ. -	VD1117(1-50); Q346	Q346(1-1150)

			1991			
5335	The New Cambridge English Course : Student 4	Michael Swan, Catherine Walter	New York,... : Cambridge University, 1991	121tr. - 27cm	VĐ1136(1-10); Q298	Q298((1-10)
5336	BBC Beginner's English : Stage one Student's book	Judy Garton-Sprenger and Simon Greenall	London : BBC English, 1987	162tr. - 24cm	VĐ1144; VM875(1-2)	V3626-3629
5337	BBC Beginner's English : Stage two Student's book	Judy Garton-Sprenger and Simon Greenall	London : BBC English, 1987	168tr. - 24cm	VĐ1145; VM876(1-3)	V3630-3633
5338	Headway : Student's book Workbook	John : Liz Soars	London : Oxford University, 1993	120tr. - 24cm	VĐ1141; Q254	Q254(1-80)
5339	Headway : Teacher's book	John : Liz Soars	London : Oxford University, 1993	120tr. - 24cm	VĐ1142; Q256	Q256(1-10)
5340	Cause and effect Intermediate Reading Practice	[Knxb]: Newbury house, 1987	255tr. - 24cm	VĐ1143; Q255	Q255(1-80)	
5341	Incoterms 1990	Paris : ICC Publishing S.A., 1990	303tr. - 24cm	VĐ1146	V3618	
5342	Hướng dẫn đồ án thiết kế môn học tuyển trọng lực	Phạm Hữu Giang	H. : [Knxb], 2000	114tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1153(1-5)	Q355(1-5)
5343	Địa mạo đại cương	Đinh Ngọc Lưu, Đặng Văn Bát	H. : Giao thông vận tải, 2000	168tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1089(1-30); Q354(1-240)	Q354(1-270)
5344	Tổ chức sản xuất và tổ chức lao động : Bài giảng dùng cho chuyên ngành kinh tế và quản trị doanh nghiệp dầu khí	Nguyễn Đức Thành	H. : [Knxb], 2000	180tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1152(1-5); Q356	Q356(1-5)
5345	Định mức lao động : Bài giảng dùng cho sinh viên đại học chuyên ngành kinh tế và quản trị doanh nghiệp mỏ	Ngô Thế Bình	H. : [Knxb], 2000	87tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1151(1-5)	Q357(1-5)
5346	Tin học ứng dụng trong kinh tế : Bài giảng dùng cho sinh viên ngành kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Nguyễn Thị Bích Ngọc	H. : [Knxb], 2000	93tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1150(1-5)	Q358(1-5)
5347	Bài giảng cơ sở xây dựng xi nghiệp tuyển khoáng	Nguyễn Công Trịnh	H. : [Knxb], 2000	76tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1148(1-5); Q360	Q360(1-5)
5348	Bài giảng địa chất khai thác mỏ khoáng	Nguyễn Đình Hoàn chủ biên, Nguyễn Văn Lâm,...	H. : [Knxb], 2000	107tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1149(1-5); Q359	Q359(1-5)
5349	Bài giảng thông tin tín hiệu điều khiển xa	Nguyễn Ngọc Vĩnh	H. : [Knxb], 2000	134tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1147(1-5); Q362(1-123)	Q362(1-128)
5350	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science & Technology : McGraw-Hill, 1997	810tr. - 28cm	TD464			
5351	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science & Technology : McGraw-Hill, 1997	833tr. - 28cm	TD465			
5352	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science & Technology : McGraw-Hill, 1997	765tr. - 28cm	TD466			
5353	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science & Technology : McGraw-Hill, 1997	743tr. - 28cm	TD467			
5354	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science & Technology : McGraw-Hill, 1997	669tr. - 28cm	TD468			
5355	McGraw-Hill Encyclopedia Of Science & Technology : McGraw-Hill, 1997	670tr. - 28cm	TD469			

5376	Kinh tế quản trị doanh nghiệp công nghiệp : Dùng cho các lớp đại học chuyên ngành kỹ thuật	Nhâm Văn Toán	H. : Giao thông vận tải, 2000	231tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1160(1- 30); Q369(1- 800)	Q369(1-830)
5377	Tuyển từ , tuyển điện và các phương pháp tuyển khác	Trần Văn Lùng	H. : Giao thông vận tải, 2000	187tr. : minh hoạ. - 27cm	VĐ1161(1- 30); Q361(1- 528)	Q361(1-558)
5378	Autocad 12	Michael Hahner	Paris : Micro application, 1993	924tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ40(1-2)	KL876-877
5379	Cours D'automatique	Maurice Rivoire, Jean-Louis Ferrier	Paris : Eyrolles, 1992	136tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ39(1-2)	KL866-867
5380	Cours D'automatique	Maurice Rivoire, Jean-Louis Ferrier	Paris : Eyrolles, 1992	247tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ38(1-2)	KL862-863
5381	Lé diélectriques : Propriétés diélectriques des matériaux isolants	Roland Coelho, Bernard Aladenize	Paris : Hermes, [1992]	230tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ35(1-2)	KL973-974
5382	Elasticité et plasticité	Dominique Francois, ...	Paris : Hermes, 1991	508tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ34(1-2)	KL860-861
5383	Exercices Et Problemes D'electromagnetisme	Jean Pierre	Paris : Lavoisier, 1993	236tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ33(1-2)	KL979+985
5384	Electromagnétisme	Hubert Gié, Jean -Pierre SARMANT	Paris : Technique Documentation- Lavoisier, 1985	207tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ36(1-2)	KL980+984
5385	Electromagnétisme	Hubert Gié, Jean -Pierre SARMANT	Paris : Technique Documentation- Lavoisier, 1985	269tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ37(1-2)	KL981+983
5386	Géomorphologie	Roger Coque	Paris : Armand Colin, 1993	502tr. : minh hoạ. - 24cm	KĐ4(1-2)	KL749-749
5387	Exercices et problèmes D'électricité, électrostatique-électrocinétique	Pierre Grélias, Jean-Pierre Migeon	Paris : Lavoisier-Tec doc, 1993	420tr. : minh hoạ. - 27cm	KĐ30(1-2)	KL977+986
5388	Địa chất đại cương	Lê Như Lai	H. : [Knxb], 1978	437tr. - 29cm; R	R	
5389	Địa chất đại cương	Lê Như Lai	H. : [Knxb], 1978	190tr. - 29cm; R	R	
5390	Giáo trình đo đạc chụp ảnh : Dùng trong tr3/4c địa mô	Trần Đôn	H. : [Knxb], 1971	277tr. - 29cm; R	R	
5391	Hướng dẫn thực tập tr3/4c địa cao cấp	Đỗ Ngọc Đường	H. : [Knxb], 1970	117tr. - 29cm; R	R	
5392	Đo đạc đại cương : Sách dùng trong các trường đại học kỹ thuật	H. : [Knxb], 1970	262tr. - 29cm; VI	VL		
5393	Khai thác mỏ bằng phương pháp thủy lực	Phạm Công Khanh	H. : [Knxb], 1972	141tr. - 29cm; R	R	
5394	Thiết kế các thông số cơ bản của mô lộ thiên	Trần Mạnh Xuân	H. : [Knxb], 1973	300tr. - 29cm; R	R	
5395	Hướng dẫn đo thiên văn gần đúng	Trịnh Ngọc Huệ	H. : [Knxb], 1976	132tr. - 29cm; R	R	
5396	Toán học thông kê và một số ứng dụng trong	Nguyễn Ngọc Minh	H. : [Knxb], 1976	241tr. - 29cm; R	R	

5418	Cơ học	Đỗ Sanh	H. : Đại học và giáo dục, 1990	119tr.: minh hoạ. - 27cm; Q182	Q182(1-80)	
5419	Kỹ thuật điện	Đặng văn Đào, Lương Ngọc Hải	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1997	188tr. - 29cm; Q153	Q153(1-252)	
5420	Vẽ kỹ thuật cơ khí	Trần Hữu Quế	H. : Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1996	168tr.: minh hoạ. - 27cm; Q152	Q152(1-511)	
5421	Ngôn ngữ lập trình Pascal với Turbo pascal 5.0 và 6.0	Quách Tuấn Ngọc	H. : [Knxb], 1992	204tr.: minh hoạ. - 29cm; Q187	Q187(1-324)	
5422	Bài tập nguyên lý máy	Phùng hời Dũng, Trần Doãn Trường	H. : [Knxb], 1976	155tr. - 29cm; R	R	
5423	Toán học cao cấp : dùng cho học sinh các trường đại học và kỹ thuật	Nguyễn Đình Trí	H. : ĐH và THCN, 1995	348tr.: minh hoạ. - 19cm; Q102+Q212	Q102(1-227)Q212(1-586)	
5424	Đại số tuyến tính	Ngô Thúc Lan	H. : ĐH và THCN, 1970	242tr. - 29cm; VL	VL	
5425	Bài giảng vật lý đại cương	Đình Nho Sinh, Trần Phi Việt,...	H. : Giáo thông vận tải, 1998	324tr.: minh hoạ. - 29cm; Q317	Q317(1-378)	
5426	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin : Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng từ năm 1991-1992(có sửa đổi, bổ sung)	Biên soạn : Phan Thanh Phố,...	H. : Giáo dục, 1992	233tr. - 19cm; Q176	Q176(1-90)	
5427	Hướng dẫn đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5000; 1:2000; 1:1000; 1:500 : lưới khống chế độ cao	Cục đo đạc và bản đồ nhà nước	H. : [Knxb], 1982	298tr. - 19cm; Q195	Q195(1-10)	
5428	Giải tích toán học, các ví dụ và các bài toán	Y.Y.Liasko,...; Người dịch : Lê Đình Thịnh, Hoàng Đức Nguyên	H. : ĐH và THCN, 1978	819tr. - 24cm; VL	VL	
5429	Cơ sở tính toán-thiết kế trục tải mô	Nguyễn Hữu Hiền; Hiệu đính : Trần Doãn Trường, Nguyễn Khoát, Bùi Đình Châu	H. : [Knxb], 1977	305tr.: minh hoạ. - 27cm; R	R	
5430	Lý thuyết trường	Nguyễn Ngọc Toàn	H. : [Knxb], 1978	271tr.: minh hoạ. - 29cm; R	R	
5431	Lý thuyết trường	Nguyễn Ngọc Toàn	H. : [Knxb], 1978	149tr.: minh hoạ. - 29cm; R	R	
5432	Thiên văn tr3/4c địa	Trịnh Ngọc Huệ, Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1973	191tr.: minh hoạ. - 29cm; R	R	
5433	Thiên văn tr3/4c địa	Trịnh Ngọc Huệ, Phạm Hoàng Lân	H. : [Knxb], 1973	254tr.: minh hoạ. - 29cm; R	R	
5434	Giáo trình triết học Mác-Lê Nin	H. : Chính trị quốc gia, 1999	671tr.: minh hoạ. - 24cm; Q337	Q337(1-200)		
5435	Giáo trình kinh tế học chính trị Mác-Lê Nin	H. : Chính trị quốc gia, 1999	687tr.: minh hoạ. - 24cm; Q336	Q336(1-200)		

			Sons, 1983	hoạ. - 27cm		
5498	Proceedings first conference on geology of indochina	H. : Sn, 1986	958tr.:minh hoạ. - 27cm	KĐ52; KM1	K07-08	
5499	Majeure Sciences de l'ingénieur et calcul Scientifique.Modélisation mathématique et numerique pour les sciences de l'ingénieur	SI : Sn, 1998	171tr.:minh hoạ. - 27cm	KĐ58(1-2)	K22-23	
5500	Open Pit Mine Planning □ Design	William Hustrulid,Mark Kuchta	SI : Sn, 1995	649tr.:minh hoạ. - 27cm	KĐ50	K03
5501	Open Pit Mine Planning □ Design	William Hustrulid,Mark Kuchta	SI : Sn, 1995	205tr.:minh hoạ. - 27cm	KĐ51	K04
5502	Analyse 2 : Cours et 600 exercices corrigés	Marie Minier Jean	Paris : Donod, 1996	420tr.:minh hoạ. - 27cm	KĐ61(1-2)	K16-16
5503	Analyse 4 : Cours et 500 exercices corrigés	Marie Minier Jean	Paris : Donod, 1997	563tr.:minh hoạ. - 27cm	KĐ59(1-2)	K020-21
5504	Analyse 1	Franchini Jean,..	Paris : Ellipses, 1998	226tr.:minh hoạ. - 27cm	KĐ60(1-2)	K018-19
5505	Tr3/4c địa cao cấp : Dành cho sinh viên ngành bản đồ	Đỗ Ngọc Đường,Đặng Nam Chinh	H. : Giao thông vận tải, 2000	148tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1175(1-40); Q384	Q384(1-200)
5506	Dịch chuyển và biến dạng đất đá trong khai thác mỏ : Dành cho sinh viên ngành tr3/4c địa mỏ	Nguyễn Đình Bé chủ biên;Vương Trọng Kha	H. : Giao thông vận tải, 2000	205tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1173(1-40); Q382	Q382(1-240)
5507	Địa chất thủy văn ứng dụng	C.W.Fetter;Người dịch :Phạm Thanh Huyền,Nguyễn Uyên;Người hiệu đính :Phạm mạnh Hà,Phan Trường Phiệt	H. : Giáo dục, 2000	308tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1174(1-20); Q383(1-30)	Q383(1-50)
5508	Bài giảng vận tải và kho chứa	Võ Quang Phiến	H. : [Knxb], 2000	147tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ118291-5); Q391	Q391(1-5)
5509	Bài giảng quy hoạch mặt mỏ	Nguyễn Công Trinh	H. : [Knxb], 2000	56tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1181(1-5); Q390	Q390(1-5)
5510	Bài giảng chuẩn bị khoáng sản	Nguyễn Hoàng Sơn	H. : [Knxb], 2000	211tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1180(1-5); Q389	Q389(1-5)
5511	Bài giảng Chi tiết máy	Phạm Tuấn	H. : [Knxb], 2000	174tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1179(1-5); Q388	Q388(1-5)
5512	Bài giảng lý thuyết tự động điều chỉnh	Đào Văn Tân	H. : [Knxb], 2000	206tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1178(1-5); Q387	Q387(1-5)
5513	Bài giảng cơ sở lý thuyết mạch	Kim Ngọc Linh,Phạm Trung Phước,..	H. : [Knxb], 2000	217tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1177(1-5); Q386	Q386(1-5)
5514	Bài giảng sinh khoáng học	Nguyễn Quang Luật chủ biên;Phạm Văn Trường	H. : [Knxb], 2000	89tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1176(1-5); Q385	Q385(1-5)
5515	Từ điển kỹ thuật mỏ Anh-Việt : Khoảng 32.000 thuật ngữ	Biên soạn :Nguyễn Tài Anh,...Hiệu đính : Nguyễn Huy Song,...	H. : Khoa học kỹ thuật, 1999	664tr. - 24cm	TĐ484-493501-502	TĐ484-493501-502
5516	Cách mạng Việt Nam 1945-1975 th3/4ng lợi và bài học	Ban biên soạn : Lê Bằng,...	H. : Chính trị quốc gia, 2000	602tr. - 22cm	VĐ1183	V5877-5878
5517	Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn th3/4ng : Hồi ức	Võ Nguyên Giáp,Phạm Chí Nhân thể hiện	H. : Chính trị quốc gia, 2000	374tr. - 22cm	VĐ1186(1-2)	V5881-5882

	việc sửa đổi, bổ sung một số danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và thuế suất giá trị gia tăng đối với một số hàng hoá, dịch vụ			VM1103(1-3)		
5540	Quy định pháp luật về xuất, nhập khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản	H. : Chính trị quốc gia, 1999	307tr. - 21cm	VĐ1208(1-3); VM1104(1-3)	V6035-6040	
5541	Nghị định của chính phủ quy định các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng và văn bản hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1999	49tr. - 19cm	VĐ1209(1-2); VM1105(1-3)	V6041-6045	
5542	Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão và hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1996	97tr. - 19cm	VĐ1210(1-3); VM1106(1-3)	V6046-6051	
5543	Luật bảo vệ và phát triển rừng và nghị định hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1998	48tr. - 19cm	VĐ1211(1-3); VM1107(1-3)	V6052-6057	
5544	Hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đào tạo : Mầm non, phổ thông, trung học chuyên nghiệp, giáo dục không chính quy	H. : Giáo dục, 2000	320tr. - 27cm	VĐ1224(1-2); VM1117(1-3)	V6110-6114	
5545	Hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đào tạo : Sau đại học, Đại học, cao đẳng	H. : Giáo dục, 2000	318tr. - 27cm	VĐ1223(1-2); VM1116(1-3)	V6105-6109	
5546	Địa chất thủy văn và thảo khố các mỏ khoáng sản cứng	Hoàng Kim Phụng	H. : Giao thông vận tải, 2000	142tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1222(1-40); Q392(1-400)	Q392(1-440)
5547	Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi) và văn bản hướng dẫn thi hành	H. : Chính trị quốc gia, 1999	101tr. - 19cm	VĐ1212(1-2); VM1108(1-3)	V6058-6062	
5548	Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi)	H. : Chính trị quốc gia, 1998	23tr. - 19cm	VĐ1213(1-2); VM1109(1-2)	V6063-6066	
5549	Luật doanh nghiệp	H. : Chính trị quốc gia, 1999	100tr. - 19cm	VĐ1214(1-3)	V6067-6069	
5550	Điều lệ bảo hiểm x* hội (đ* sửa đổi, bổ sung)	H. : Chính trị quốc gia, 1999	36tr. - 19cm	VĐ1215(1-2); VM1110(1-2)	V6074-6077	
5551	Luật nghĩa vụ quân sự (được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật nghĩa vụ quân sự ngày 21/2/1990 và ngày 22/6/1994)	H. : Chính trị quốc gia, 1999	38tr. - 19cm	VĐ1216(1-2); VM1111(1-3)	V6082-6086	
5552	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật báo chí	H. : Chính trị quốc gia, 1999	38tr. - 19cm	VĐ1216(1-2); VM1112(1-3)	V6087-6091	
5553	Nghị định của chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam	H. : Chính trị quốc gia, 1999	31tr. - 19cm	VĐ1218(1-2); VM1113(1-3)	V6092-6096	
5554	Pháp lệnh sửa đổi một số	H. : Chính trị quốc gia,	27tr. - 19cm	VĐ1219(1-2);	V6097-6101	

5568	Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Truyền thống dân tộc và nhân loại	Vũ Khiêu chủ biên	H. : Khoa học xã hội, 1993	283tr. - 19cm; VM1118	V6136	
5569	Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng : Chuyên đề khoa học	Bảo tàng Hồ Chí Minh. Phòng tư liệu thư viện	H. : [Knxb], []	270tr. - 27cm; VM1120	V1120	
5570	Hồ Chí Minh về văn hoá : Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ	H. : Chính trị quốc gia, 1996	311tr. - 27cm; VM1123	V6128		
5571	Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh : Trích tham luận của đại biểu quốc tế	H. : Khoa học xã hội, 1990	254tr. - 27cm; VM1124	V6131		
5572	Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh : Đề tài KX-02-03	Đặng Xuân Kỳ chủ nhiệm đề tài	H. : Chính trị quốc gia, 1996	214tr. - 27cm; VM1125	V6127	
5573	Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ chủ biên	H. : Chính trị quốc gia, []	130tr. - 19cm; VM1126	V6126	
5574	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	H. : Chính trị quốc gia, 1997	191tr. - 19cm; VM1127	V6125	
5575	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam	Mạch Quang Th3/4ng	H. : Chính trị quốc gia, 1995	91tr. - 19cm; VM1128	V6124	
5576	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam : chương trình cao cấp	H. : Chính trị quốc gia, 1997	174tr. - 19cm; VM1134	V6119		
5577	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam : chương trình cao cấp	H. : Chính trị quốc gia, 1997	241tr. - 19cm; VM1132	V6118		
5578	Analyse 2 : Cours/Exercices corrigés/Travaux Dirigés	Jean Franchini	Paris. : Ellipses, 1998	286tr. - 27cm	KĐ62/(1-2)	K15-16
5579	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam : Đề tài KX.02.01	Võ Nguyên giáp	H. : [Knxb], 1996	159tr. - 27cm; VM1122(1-2)	V6130-6131	
5580	Bài giảng Lịch sử Việt Nam : Đề cương	H. : [Knxb], 1998	179tr. - 27cm; VM1121(1-2)	V612+6133		
5581	Bài giảng kỹ thuật điện mô : Dùng cho sinh viên ngành khai thác mỏ	Trần Bá Đề	H. : [Knxb], 2000	231tr.: minh hoạ. - 27cm	VD1232(1-5); Q379(1-5)	Q379(1-5)
5582	Bài giảng tự động hoá và mô hình hoá quá trình lọc hoá dầu : Dùng cho sinh viên ngành lọc hoá dầu	Đào Văn Tân	H. : [Knxb], 2000	292tr. - 27cm	VD12301-5; Q393(1-5)	Q393(1-5)
5583	Bài giảng tin học ứng dụng : Dùng cho sinh viên ngành	Ninh Thị Mai	H. : [Knxb], 2000	102tr. - 27cm	VD12291-5; Q394(1-5)	Q394(1-5)

	khoảng					
5597	Bài giảng nghiên cứu tính khả tuyến	Nguyễn Bơi	H. : [Knxb], 2000	132tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1235(1-5); Q404(1-5)	Q404(1-5)
5598	Bài giảng luật và quản lý nhà nước về đất đai	Nguyễn Thị Dung	H. : [Knxb], 2000	122tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1231(1-5); Q403(1-5)	Q403(1-5)
5599	Bài giảng thạch học cơ sở	Trần Nguyên Nhung	H. : [Knxb], 2000	123tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1237(1-5); Q402(1-5)	Q402(1-5)
5600	Bài giảng thạch học đá biến chất	Trần Nguyên Nhung	H. : [Knxb], 2000	99tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1238(1-5); Q401(1-5)	Q401(1-5)
5601	Từ điển kỹ thuật cấp thoát nước Anh Việt : Khoảng 4000 thuật ngữ	Võ Kim Long	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	215tr. - 13cm	TĐ512-513TĐ537-541	TĐ512-513TĐ537-541
5602	Từ điển máy tính Anh Việt	Nguyễn Phi Khử chủ biên, Hồ Thanh Ngân, ...	Tp. Biên Hoà : Tổng hợp Đồng Nai, 1999	1452tr. - 16cm	TĐ510-511	TĐ510-511
5603	Từ điển điện tử viễn thông-tin học Anh-Pháp-Việt	Hồ Vĩnh Thuận	H. : Thống Kê, 1996	753tr. - 19cm	TĐ508-509	TĐ508-509
5604	Từ điển Việt Anh : Chuyên ngành xây dựng	Nguyễn Văn Vĩ,...	H. : Thống Kê, 1998	65tr. - 21cm	TĐ494-498	TĐ494-498
5605	Dictionary Geotechnical Engineering	Herbert Bucksch	Berlin : Springer, 1997	688tr. - 25cm	TĐ515	TĐ515
5606	Từ điển kỹ thuật tổng hợp Anh-Việt : Khoảng 120.000 thuật ngữ	Nguyễn Hạnh, Nguyễn Duy Linh	H. : Thanh Niên, 2000	1296tr. - 24cm	TĐ507	TĐ507
5607	Từ điển Bách khoa thiên văn học	Phạm Viết Trinh(chủ biên), Phan Văn Đồng,...	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1999	431tr. - 24cm	TĐ499-500TĐ532-536	TĐ499-500TĐ532-536
5608	Từ điển khoa học và công nghệ Việt Anh : Khoảng 60.000 mục từ	Ban biên soạn Mai Anh, Lê Bảo,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	935tr. - 24cm	TĐ505-506TĐ542-543	TĐ505-506TĐ542-543
5609	Từ điển điện tử và tin học Anh Việt : Gần 30.000 thuật ngữ có giải nghĩa khoảng 700 hình minh hoạ 1.500 từ viết tắt thông dụng	Biên soạn Lê Kh3/4c Bình, ...	H. : Thống Kê, 1999	1057tr. - 24cm	TĐ503-504	TĐ503-504
5610	Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng x* B3/4c-Kỳ	Vũ Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyễn, Philippe	H. : Cục lưu trữ nhà nước, 1999	1289tr. - 24cm	VĐ1254	V6173

6166	Đạo đức là cái gốc của người cách mạng	Hồ Chí Minh	H. : Quân đội nhân dân, 1970	131tr. - 19cm; VM646	V2516		
6167	Về công tác văn hoá văn nghệ	Hồ Chí Minh	II. : Sự thật, 1977	118tr. - 19cm; VM648	V2519		
6168	Một vài vấn đề về phương thức "nhào" của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng	H. : Sự thật, 1981	50tr. - 19cm; VM656(1-2)	V2538(1-2)			
6169	Về đạo đức cách mạng	Hồ Chí Minh	H. : Sự thật, 1976	159tr. - 19cm; VM657	V2541		
6170	Khoa học quản lý : Sách tham khảo	Stafford Beer; Nguyễn Tân Lập,....	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1974	199tr. - 19cm; VM613	V2421(1-2)		
6171	Bản vẽ các x * hội tiến tu bản : Những đoàn tuyển chọn của Mạc, Ang ghen, Lê nin	H. : Khoa học xã hội, 1975	658tr. - 19cm; VM614	V2423(1-2)			
6172	Cuộc kháng chiến nhân dân Việt-nam : Những bài viết trong thời kỳ kháng chiến trên các báo Đảng	H. : Sự thật, 1960	461tr. - 19cm; VM639	V2506(1-2)			
6173	Dưới là cờ vẻ vang của Đảng vi độc lập, tự do vì chủ nghĩa x * hội tiến lên giành những thắng lợi mới	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1976	194tr. - 19cm; VM636	V2500		
6174	Bốn mươi lăm năm hoạt động của Đảng lao động Việt-nam	H. : Sự thật, 1976	190tr. - 19cm; VM635(1-4)	V2497(1-3)			
6175	Về sự "nhào" của Đảng trên mặt trận tư tưởng và văn hoá : (1930-1945)	H. : Sự thật, 1960	199tr. - 19cm; VM634	V2495(1-2)			
6176	Những phương pháp kinh tế của chủ nghĩa thực dân mới : (Luu hành nội bộ)	V. Pa nôp	H. : Sự thật, 1976	133tr. - 19cm; VM616(1-2)	V2426-2427		
6177	Tổ chức lao động trong các cơ quan nghiên cứu và thiết kế	E. I. Kixxel; Nguyễn Văn Quý dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1974	306tr. - 19cm; VM618	V2433(1-2)		
6178	Kinh tế chính trị Mạc - Lê-nin phương thức	H. : Sách giáo khoa Mạc-Lê-nin, 1978	562tr. - 19cm; VM617(1-3)	V2428(1-4)			

6111	Chuyên khảo chính sách	Văn phòng Chính phủ; Vụ các tổ chức kinh tế quốc tế	H. : Công an Nhân dân, 2000	95tr. - 27cm	VD1346(1-2)	B397(1-2)	
6112	Các đề tài và dự án khoa học công nghệ cấp Bộ (1996 - 2000)	H. : [Knxb], 2001	201tr. - 30cm	VD1343(1-3)	B390(1-3)		
6113	Văn kiện Đảng toàn tập	H. : Chính Trị Quốc gia, 1998	654tr. - 22cm	VD1351; VM1168(1-2)	B407(1-2)		
6114	Văn kiện Đảng toàn tập	H. : Chính trị Quốc gia, 1998	346tr. - 22cm	VD1352; VM1169(1-2)	B410(1-3)		
6115	Văn kiện Đảng toàn tập	H. : Chính trị Quốc gia, 1999	458tr. - 22cm	VD1353; VM1170(1-2)	B413(1-3)		
6116	Văn kiện Đảng toàn tập	H. : Chính trị Quốc gia, 2000	782tr. - 22cm	VD1354; VM1171(1-2)	B416(1-3)		
6117	Văn kiện Đảng toàn tập	H. : Chính trị Quốc gia, 2000	587tr. - 22cm	VD1355; VM1172(1-2)	B419(1-3)		
6118	Mô hình hoá và mô phỏng hoả bằng máy tính	Vũ Ngọc Tước	H. : Giáo dục, 2001	304tr. - 24cm	VD1399; VM1188(1-4)	V6761(1-5)	
6119	Lập trình bằng ngôn ngữ Assembly cho máy tính PC - IBM	Nguyễn Mạnh Giang	H. : Giáo dục, 2000	323tr. - 27cm	VD1388(1-2); VMV1175(1-18)	V6541(1-20)	
6120	Cấu trúc máy vi tính	Trần Quang Vinh	H. : Giáo dục, 2000	216tr. - 27cm	VD1387(1-2); VM1174(1-18)	V6521(1-20)	
6121	Ngôn ngữ lập trình C++ danh cho sinh viên : Lý thuyết	Tổng Đình Quý	Dã N1/2ng : Thông kê, 2000	535tr. - 27cm	VD1389(1-3); VM1176(1-27)	V6561(1-30)	
6122	Ngôn ngữ lập trình C++ danh cho sinh viên : Bài tập	Tổng Đình Quý	Dã N1/2ng : Thông kê, 2000	351tr. - 27cm	VD1390(1-3); VM1177(1-27)	V6591(1-30)	
6123	Windows 2000 thông qua hình ảnh	Nhóm tác giả	H. : Thông kê, 2000	309tr. - 27cm	VD1391(1-2); VM1178(1-8)	V6621(1-10)	
6124	Trang vàng Internet những địa chỉ cần biết	Nhóm tác giả	H. : Thông kê, 2001	533tr. - 27cm	VD1392(1-2); VM1179(1-8)	V6631(1-10)	
6125	Excel hướng dẫn sử dụng các ứng dụng trong quản lý tài chính - kế toán - vật tư	Hoàng Hồng	H. : Giáo thông văn tài, 2001	275tr. - 27cm	VD1393(1-2); VM1180(1-8)	V6641(1-10)	
6126	Ngôn ngữ lập trình C++ và cấu trúc dữ liệu	Nguyễn Việt Hương	H. : Giáo dục, 2000	260tr. - 27cm	VD1394(1-2); VM1181(1-8)	V6651(1-10)	
6127	Ngôn ngữ HTML 4 cho World Wide Web	Nhóm tác giả	H. : Hà nội, 2000	267tr. - 27cm	VD1395(1-2); VM1182(1-8)	V6661(1-10)	

6089	Về tích lũy và tiêu dùng	C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V.I. Lê-nin, L. V. Xi-a-lin	H. : Sự thật, 1976	207tr. - 19cm	VD; VM624(1-2)	V2767
6090	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh : 20-11-1980 : 22-11-1980	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	H. : Thanh Niên, 1981	470tr. - 19cm; VM594	V2390	
6091	Sự phát triển của tư tưởng ở Việt nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng tám	Trần Văn Giàu	H. : Khoa học xã hội, 1973	565tr. - 19cm; VM593	V2389	
6092	Thông tin x* hội và quản lý x* hội	V. G. Afanaxep; Trần Đại hiệu đính	H. : Khoa học xã hội, 1979	419tr. - 21cm; VM592	V2387-2388	
6093	Thế giới ca ngợi th3/4ng lợi vĩ đại của nhân dân ta	H. : Sự thật, 1977	405tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM584	V2374-2375	
6094	Các nước Tây á	H. : Sự thật, 1978	223tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM580(1-2)	V2366-2368	
6095	Nhân dân lao động làm chủ tập thể là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1977	32tr; Minh hoạ. - 19cm; VM581(1-2)	V2369-2370	
6096	Phụ nữ Việt nam qua các thời đại	Lê Thị Nhâm Tuyết	H. : Khoa học xã hội, 1973	387tr; Minh hoạ. - 19cm; VM577(1-2)	V2359-2360	
6097	Liên - Xô trên con đường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản	L. I. Brê-giơ-nép	H. : Sự thật, 1976	259tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM576	V2357-2358
6098	Về mặt trận dân tộc thống nhất	Tôn Đức Th3/4ng	H. : Sự thật, 1977	87tr; Minh hoạ. - 19cm; VM582	V2371	
6099	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt nam : Tác phẩm chọn lọc	Trương Chinh	H. : Sự thật, 1976	426tr. - 19cm; VM555	V2314	
6100	Ba cuộc cách mạng với vấn đề giải phóng phụ nữ	Dương Thoa	H. : Phụ nữ, 1976	89tr; Minh hoạ. - 19cm; VM535	V2311	
6102	Nhu cầu và sử dụng các bộ chuyên môn ở học chuyên nghiệp, 1979	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	95tr; Minh hoạ. - 30cm; VM547	V2280		
6103	Hỏi - đáp về bảo hiểm xã hội : Tập chỉ Lao động - X* hội và dự đồng - X* hội và dự	Bộ Lao động - Thương binh và x* hội	H. : Lao động - Xã hội, 1999	259tr. - 19cm	VD1356	B422

6064	Những quy luật x* hội học	A. K. Uledop; Trần Huy Học; Hoàng Đức Tào dịch; Phan Ngọc hiệu đính 1980	H. : Khoa học xã hội; 395tr. - 19cm; VM550	V2308V2391	
6065	Tập bài giảng một số vấn đề pháp lý phục vụ quản lý kinh tế	H. : Trường Đại học kinh tế kế hoạch, bộ môn luật kinh tế, 1974	270tr. - 19cm; VM551	V2309	
6066	Đơn vị anh hùng và anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân : Đợt tuyên dương 31-5- 1976	H. : Phổ thông, 1976	134tr. - 19cm; VM574	V2353-2354	
6067	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam x* hội chủ nghĩa	Võ Nguyên Giáp dan, 1976	H. : Quân đội nhân 91tr. - 19cm; VM575	V2355-2356	
6068	Các nước Đông-Nam á	H. : Sự thật, 1976	230tr. - 19cm; VM579(1-2)	V2363-2365	
6069	Các nước Nam Mỹ	H. : Sự thật, 1978	152tr. - 19cm; VM578	V2361-2362	
6070	Nguyên vọng thiết tha của nhân dân Việt nam: Độc lập, tự do, hoà bình, hữu nghị	H. : Sự thật, 1978	60tr. - 19cm; VM583	V2372-2373	
6071	Sức mạnh Việt Nam : Một số tư liệu về th3/4ng lợi vi đại của dân tộc và tình hình, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân đội trong giai đoạn mới	H. : Quân đội nhân dan, 1976	553tr. - 19cm; VM585(1-3)	V2759-2760	
6072	Chúng đồng nhưng không mạnh	Nguyễn Như Hà dan, 1979	65tr. - 19cm; VM554(1-2)	V2312-2313	
6073	Giáo trình kinh tế lao động Việt nam	Bộ môn kinh tế lao động	H. : Trường Đại học kinh tế kế hoạch, 1969	248tr; Minh hoạ. - 19cm; VM545	V2300
6074	Nhìn và đo bằng phương tiện quang học	Nguyễn Nghĩa, Lê Thu	H. : Quân đội nhân dan, 1979	249tr; Minh hoạ. - 19cm	VB; VM546 V2302-2303
6075	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam : Trích văn kiện Đảng	Vụ biên soạn Ban tuyên huấn Trung Uống	H. : Sách giáo khoa Mác-Lê-nin, 1979	618tr; Minh hoạ. - 19cm; VM602(1-3)	V2402-2403
6076	Một vài vấn đề về đặc điểm và phương thức l*nh đạo của Đảng	H. : Tập chí Thông tin ly luận, 1980	118tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM601	V2392-2393

Ren dinh vit dung cho gõ. Cách đánh dấu các chỉ tiết cơ ren trái					
6038	Tiêu chuẩn xây dựng tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu các công tác về nền móng : TCXV 79-80	H. : Xây dựng, 1980	95tr. - 19cm; VM494(1-7)	V2132-2139	
6039	Tiêu chuẩn-quy phạm xây dựng tiêu chuẩn thiết kế cấp nước bên trong, tiêu chuẩn thiết kế thoát nước bên trong, tiêu chuẩn thiết kế cấp nước đô thị : TC-18-64, TC-19-64, TCXD. 33-68	H. : Xây dựng, 1983	224tr. - 19cm; VM495	V2140-2141	
6040	Thiên nhiên vùng biển nước ta	Nguyễn Ngọc Thụy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1978	V2324-2325	
6041	Khi hậu nước ta	Phạm Ngọc Toàn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	V2327-2328	
6042	Cha mẹ người cùng chơi, người chỉ đạo, người trọng tài	H. : Thể dục thể thao, 1980	V2330-2331		
6043	Các dân tộc ở miền b3/4c Việt nam : Dân liệu nhân chủng học	Nguyễn Đình Khoa	H. : Khoa học xã hội, 1976	V2335-2336	
6044	Xác định độ lún của móng theo bảng tính s/2n	Ia. V. Iurich; Đỗ Ngọc Quýnh dịch; Lê Thanh Huân hiệu đính	IL. : Xây dựng, 1981	V2339-2341	
6045	Lao động sức khoẻ thể dục	M. PH. Grinenco, G. G. Xanoian; Hồ Tuyền dịch	H. : Thể dục thể thao, 1978	V2332-2334	
6046	Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1977	H. : Viện Khảo Cổ học, Ủy ban khoa học xã hội Việt nam, 1978	279tr. - 27cm; VM566	V2337-2338	
6047	Mấy nét về sự phát triển của kỹ thuật quản sự	Hoàng Đình Phú, Đào Văn Hoan, Nguyễn Mai Nam,...	H. : Quân đội nhân dân, 1976	V2344	
6048	Triết học Mác - Lê- nin chủ nghĩa duy vật lịch sử : Giáo trình Trường đảng cao cấp	H. : Sách giáo khoa Mác-Lê-nin, 1981	332tr. - 19cm; VM570	V2345-2346	
6049	Học tập quản lý suy nghĩ và kinh nghiệm của một cán bộ quản	I. V. Paramonop	IL. : Lao động, 1973	244tr. - 19cm; VM571(1-2)	V2347-2348

	TCVN 1590-74, bộ truyền xích				VM504(1-9)
6010	Tính toán và chế tạo các bộ truyền động bánh răng trong công tác sửa chữa	G. A. Pituxun, V. N. Kokitsev; Nguyên Đức Phú dịch	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1973	423tr. - 27cm; VM512(1-4)	V2209-2212V2112
6011	Cơ sở lý thuyết truyền tin : Dùng cho học sinh đại học ngành kỹ thuật vô tuyến điện	Bùi Minh Tiêu	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	259tr. - 26cm; VM528(1-3)	V3304
6012	Thiết kế đúng cụ c3/4t kim loại	I. I. Xementisenkô, V. M. Matyusin, G. N. Xakharov; Hoàng ái... dịch	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1975	378tr; Minh hoạ. - 27cm	VD; VM453(1-4)
6013	Thiết kế đúng cụ c3/4t kim loại	I. I. Xementisenkô, V. M. Matyusin, G. N. Xakharov; Hoàng ái... dịch	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1973	395tr; Minh hoạ. - 27cm	VD; VM452(1-9)
6014	Kỹ thuật phay	Phạm Quang Lê	H. : Công nhân kỹ thuật, 1979	371tr; Minh hoạ. - 24cm	VD; VM450(1-2)
6015	Sửa chữa thiết bị tuocbin	Phạm Lương Tuệ...	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1979	290tr; Minh hoạ. - 21cm	VD; VM498(1-4)
6016	Phục hồi nhiều lần các dụng cụ gia công cơ khí	D. I. Kuznetsov, A. L. Ikin; Hoàng ái dịch	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1979	259tr; Minh hoạ. - 24cm; VN455	V1839
6017	Sổ tay cán bộ kinh tế xây dựng	P. C. Rô gô gin; Lê Thế Đáp, Lê Minh Tâm dịch	H. : Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng, 1975	567tr; Minh hoạ. - 21cm; VM493	V2131
6018	Tính toán áp lực đất và tường ch3/4n đất : Xét đến tính dính của đất d3/4p	Phan Trường Phiệt	H. : Nông nghiệp, 1980	434tr; Minh hoạ. - 21cm	VD; VM490(1-8)
6019	Đầu máy hiện tại và tương lai	Nguyễn Kim Lân	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1976	83tr; Minh hoạ. - 21cm	VD; VM496(1-2)
6020	Hỏi đáp về cầu tảo và sửa chữa hệ thông điện ô tô	Hoàng Khánh Châu	H. : Công nhân kỹ thuật, 1980	231tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM497(1-3)
6021	Tính toán và cầu tảo các bộ phận nhà dân dụng	L. E. Linovits; Lê Đức Th3/4ng, Vũ Công Ngất dịch	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1976	452tr; Minh hoạ. - 27cm	VD; VM488(1-2)
6022	Kết cấu thép	Đô Quốc Sam chủ biên, nguyên Văn Yên, Đoàn Đình Kiến	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1968	243tr; Minh hoạ. - 27cm; VM486	V2102
6023	Xây dựng nền đường ô tô	Nguyễn Quang Chiếu, Hà Huy Cuong, Dương Học Hải,	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1974	309tr; Minh hoạ. - 27cm; VM499(1-12)	V2151-21563343-3349

5979	Bài giảng hướng dẫn thiết kế đồ án môn học điện khí hoá mỏ hầm lò	Nguyễn Anh Nghĩa	H. : [Knxb], 2001	161tr: Minh hoà. - 27cm	VD1362(1-5); Q489	Q489	
5980	Bài giảng giáo dục quốc phòng	Bồ Kim Chiên...	H. : [Knxb], 2001	53tr: Minh hoà. - 27cm	VD1360(1-5); Q483	Q483	
5981	Bài giảng máy thủy khí	Nguyễn Đức Sướng, Vũ Nam Ngạn	H. : [Knxb], 2001	179tr: Minh hoà. - 27cm	VD1358(1-5); Q484	Q484	
5982	Bài giảng khoáng vật học mỏ tài	Nguyễn Tài Trâm, Nguyễn Văn Bình	H. : [Knxb], 2001	311tr: Minh hoà. - 27cm	VD1361(1-5); Q482	Q482	
5983	Bài giảng thí nghiệm kỹ thuật điện tử tương tự : Dùng cho sinh viên các ngành chuyên về điện	Kim Ngọc Linh	H. : [Knxb], 2001	84tr: Minh hoà. - 27cm	VD1363(1-5); Q491	Q491	
5984	Bài giảng phá vỡ đất đá bằng phương pháp khoan nổ mìn : Dùng cho sinh viên ngành XDCT ngầm và mỏ, địa chất công trình, khoan thăm dò	Lê Văn Quyền	H. : [Knxb], 2001	134tr: Minh hoà. - 27cm	VD1364(1-5); Q490	Q490	
5985	Máy thu hình	Nguyễn Thế Cường	H. : Viện Khoa học Việt Nam, 1983	50tr: Minh hoà. - 20cm; VM527	V2238		
5986	Thời tiết với rèn luyện thân thể	Đào Ngọc Phong	H. : Thể dục thể thao, 1979	127tr: Minh hoà. - 20cm; VM518(1-2)	V2258-2259		
5987	Các loại bánh xe răng khía	Bùi Đ3/4c Tuế	H. : Công nghiệp, 1962	tr: Minh hoà. - 21cm; VM515(1-2)	V2217-2218		
5988	Hương dẫn nấu ăn	Cúc ăn uống công cộng và phục vụ	H. : Phụ nữ, 1974	183tr: Minh hoà. - 19cm; VM533	V2270-2271		
5989	Trồng hải và dùng cây thuốc	Lê Trần Đức	H. : Nông nghiệp, 1983	276tr: Minh hoà. - 19cm; VM522	V2267-2269		
5990	Máy tính điện tử suy nghĩ, tính toán và điều khiển	Vandéma Déghe; Nguyễn Thanh Việt	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1978	259tr: Minh hoà. - 21cm; VM517(1-5)	V2219-2223		
5991	Thế dục chữa bệnh và phòng bệnh vận động liệu pháp	A. L. Pecunia; Đặng Đức, Đỗ Quang dịch	H. : Thể dục thể thao, 1979	237tr: Minh hoà. - 19cm; VM520	V2260		
5992	Phương pháp tính bánh khía để tiện vít	Ôn Học Triều, Trần Lưu Quốc, Hoàng Kim Bá dịch	H. : Công nghiệp, 1962	203tr: Minh hoà. - 21cm; VM516(1-2)	V2215-2216		
5993	Vẽ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa	C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V. I. Lênin, L. V. Xia-lin	H. : Sự thật, 1976	308tr: Minh hoà. - 19cm; VM544(1-5)	V2295-2299		
5994	Pháp luật về quản lý	H. : Sự thật, 1976	698tr: Minh hoà. - V2294				

5950	Công nghệ rèn và dập nóng	Lê Nhưong, Nguyễn Ngọc Trân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	551tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM434(1-8)	V3288-3291
5951	Sô tay thiết kế cơ khí	Tô Xuân Giáp,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	361tr.: minh hoạ. - 21cm	VD; VM449(1-30)	V1826-1838
5952	Những câu chuyện về kim loại	S.I.Venetxki; Nguyễn Văn Đam dịch; Hiệu đính: Lê Văn Chúc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	161tr.: minh hoạ. - 27cm	VD; VM424(1-3)	V3314-3315
5953	Các chế độ của hệ thống năng lượng	I.M.Markovits; Bùi Thiện Dư,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	415tr.: minh hoạ. - 27cm	VD; VM413(1-3)	V1711-1713
5954	Nhiệt động học kỹ thuật	Phạm Lê Dân, Nguyễn Anh Hải, Vũ Trọng Khoa	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1974	351tr.: minh hoạ. - 27cm; VM412(1-3)	V1709-1710	
5955	Thiết bị nổi hơi công nghiệp	Đào Xuân Thúc, Nguyễn Ngọc Chắt	H. : Công nhân kỹ thuật, 1980	319tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM411(1-4)	V3274-3275
5956	Kỹ thuật rèn và dập nóng	Lê Nhưong	H. : Công nhân kỹ thuật, 1978	229tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM430	V1771-1772
5957	An môn và bảo vệ kim loại	Hoàng Đình Luy	H. : Công nhân kỹ thuật, 1980	289tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM429(1-4)	V1769-1770
5958	Hướng dẫn dây tiền kim loại	V.A.Xiêpmin; Nguyễn Tiến Đạt dịch	H. : Công nhân kỹ thuật, 1977	353tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM427(1-2)	V1761-1763
5959	Vật liệu cơ khí và công nghệ kim loại	Nguyễn Văn S3/41	H. : Công nhân kỹ thuật, 1978	379tr.: minh hoạ. - 19cm	VD; VM431(1-4)	V2747-2748
5960	Nguyên lý thiết kế và kết cấu của đồ gá lên các máy c3/4t kim loại	K.H.L.Sa-Lô-Tin, F.P.Ca-stơ-Min; A.I.Ka-si-rinhieu	H. : Trường đại học bách khoa, 1968	449tr.: minh hoạ. - 24cm; VM423	V1745	
5961	Tính toán thiết kế máy c3/4t kim loại	Phạm Đ3/4p, Nguyễn Đức Lộc, Phạm Thế Lương	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1971	233tr.: minh hoạ. - 24cm	VD; VM428(1-5)	V1764-1768
5962	Máy c3/4t kim loại	S. G. Ananhin, ...; S. G. Ananhin, ...	H. : Giáo dục, 1964	438tr.: minh hoạ. - 27cm	VD; VM425(1-5)	V1748-1752
5963	TCVN 197-66, TCVN 198-66 Kim loại phương pháp thử kéo, thử uốn	Tiêu chuẩn nhà nước	H. : [Knxb], 1976	45tr.: minh hoạ. - 21cm	VD; VM432(1-9)	V1775
5964	Thiết kế đường ô tô	Dương Học Hải, Hà Huy Cương, Nguyễn	H. : Trường Đại học Xây dựng, 1970	333tr. - 27cm; VM479	V2059	

5920	Sô tay về cơ khí	Phê-Dô-Ren-Cô,A.I.Sô-Sim;Bùi Năng dịch	H. : Lao đông, 1973	328tr.; minh hoạ. - 19cm	VD; VM387(1-16)	V1574-1590	5921	Quy phạm an toàn về bảo quản,vấn chuyên và sử dùng vật liệu nổ : Chất nổ và các phương tiện nổ	H. : Khoa học, 1969	200tr.; minh hoạ. - 19cm; VM375	V1549		5922	Chính phục người không lồ vô hình	H. : Khoa học và kỹ thuật, - 19cm	VD; VM382	V1561-1562	5923	Sô tay tôm 13/4t của căn bộ kỹ thuật mô	A.A.Boiko;Người dịch : Nguyễn Xuân Hùng,Thanh Hiếu	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1974	475tr.; minh hoạ. - 19cm	VD; VM677(1-3)	V1541V2625(1-4)V2632	5924	Tiêu chuẩn thiết kế : TCVN2- 74,TCVN 19-74	H. : [Knxb], 1978	125tr.; minh hoạ. - 30cm	VD; VM390(1-7)	V1608-1615	5925	Tiêu chuẩn kỹ thuật công nhân cơ khí	H. : Công nhân Kỹ thuật, 1977	375tr. - 19cm; VM447	V1815-1816	5926	Kỹ thuật (tiền : Dùng cho công nhân	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1971	487tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM433(1-2)	V1785-1786	5927	Kỹ thuật mài	V. V. Lô-Scu-Tôp; Thanh Khiết, Đình Chí dịch	H. : Công nghiệp, 1961	400tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM448(1-2)	V1817-1818	5928	Học người	B. I. Kôm-mi-sa Rôp; Lê Bầu dịch	H. : Bộ Công nghiệp, 1961	255tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM443	V1807-1808	5929	Những vật liệu làm khuôn	IU. A. Xiépandôv, V. I. Xêmenôv; Nguyễn Thu dịch	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1975	219tr; Minh hoạ. - 19cm; VM440(1- 7)	V18013351-3352	5930	Hỏi và đáp về kỹ thuật phay	Phạm Quang Lê	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1971	415tr; Minh hoạ. - 19cm; VM438	V1797	5931	Sô tay vật liệu chế tạo máy - thép và gang	Lưu Minh Trí biên dịch	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1976	503tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM513(1-2)	V1809V2213-2214	5932	Ly thuyết các quá trình đúc : Những vấn đề lý thuyết cơ bản và những ví dụ áp dụng	I. Pribut; Lê Văn Trúc dịch	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1974	339tr; Minh hoạ. - 19cm	VD; VM439	V1798-1799	5933	Kỹ thuật hàn	Trương Công Đại	H. : Công nhân kỹ thuật, 1977	292tr; Minh hoạ. - 19cm; VM436	V1791	5934	Hỏi đáp về đồ gá	Trần Đình Phi	H. : Lao động, 1973	103tr; Minh hoạ. - 19cm; VM437(1-4)	VD; VM437(1-4)	V1792-1796
------	------------------	--	------------------------	-----------------------------	-----------------	------------	------	---	------------------------	------------------------------------	-------	--	------	--------------------------------------	---	-----------	------------	------	---	---	---------------------------------------	-----------------------------	----------------	----------------------	------	--	----------------------	-----------------------------	----------------	------------	------	--	-------------------------------------	-------------------------	------------	------	---	------------------------------------	----------------------------	----------------	------------	------	--------------	--	---------------------------	----------------------------	----------------	------------	------	-----------	----------------------------------	------------------------------	----------------------------	-----------	------------	------	-----------------------------	---	------------------------------------	--	----------------	------	--------------------------------	---------------	------------------------------------	-----------------------------------	-------	------	--	------------------------	------------------------------------	----------------------------	----------------	-----------------	------	--	-----------------------------	------------------------------------	----------------------------	-----------	------------	------	--------------	-----------------	-------------------------------------	-----------------------------------	-------	------	------------------	---------------	------------------------	--	----------------	------------

5888	Định mức tổng hợp để lập Phương án-dự toán trong công tác tìm kiếm-thăm dò địa chất	H. : Knxb, 1979	137tr. - 19cm	VD; VM322(1-9)	V1391-1395
5889	Kỹ thuật hiển vi học thông thường	Trường Đại học Y Khoa, Bộ môn giải phẫu bệnh	H. : Y học, 1976	282tr. - 27cm; VM356	V1496-1497
5890	Niên giám thủy văn năm 1969	H. : Tổng cục Khí tượng Thủy văn, 1978	712tr; Minh hoạ. - 27cm; VM311(1-4)	V1332-1336	
5891	Một số vấn đề sinh khoáng	Vũ Ngọc Hải biên soạn và chọn dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	201tr. - 24cm; VM313(1-11)	V1343-1352

5892	Tại liệu huân luyện y sĩ : Da liễu-Nhân khoa-răng hàm mặt-tai mũi họng-y học thể dục thể thao-bệnh lao-y pháp lý	H. : Y học và thể dục thể thao, 1969	324tr. - 24cm; VM362	V1513	
5893	Con người và thiên nhiên	Bôrit Liapunốp; B3/4c Lê dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	154tr. - 21cm; VM350(1-3)	V1477-1481
5894	Tuổi già và thận	Hoàng Tuấn	H. : Y học, 1983	213tr. - 19cm; VM359	V1502-1503
5895	Những nhiệm vụ cấp thường gặp	Vũ Đình Hải, Vũ Khanh, Nguyễn Lung, Nguyễn Văn Tiếp	H. : Y học, 1979	295tr. - 19cm; VM358(1-2)	V1499-1501
5896	Mây văn đề cơ sở trong các phần ứng và bệnh dị ứng	Nguyễn Năng An	H. : Y học, 1975	291tr; Minh hoạ. - 19cm; VM344(1-3)	V1464-1465
5897	điều trị học ngoài da và hoa liễu	Lê Kinh Duyệt, Nguyễn Xuân Hiến	H. : Y học, 1976	259tr; Minh hoạ. - 19cm; VM342	V1462
5898	Từ sinh lý đến đường sinh : Hình vẽ của Minh Kinh	Nguyễn Kh3/4c Viện	H. : Y học, 1983	87tr. - 19cm; VM343	V1463
5899	Trần vệ sinh phòng dịch	V. M. Idanốp, M. I. Muraviev; Bùi Đại lược dịch	H. : Y học, 1968	287tr; Minh hoạ. - 22cm; VM345	V1466
5900	Tuyển tập công trình nghiên cứu về địa tầng	Trịnh Danh,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	283tr; Minh hoạ. - 27cm; VM328(1-8)	V1420-1422
5901	Những vấn đề địa chất Tây B3/4c Việt Nam	Tổng Cục địa chất	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	357tr; Minh hoạ. - 27cm; VM329	V3062
5902	Sinh quyển và vị	P. Duvigneaud, M. Tangehe; Người dịch : Hoàng	H. : Khoa học	259tr; Minh hoạ. -	V1451-1454

5858	Cơ học chất lỏng lý thuyết	N. E. Kôsin, I. A. Kiben, N. V. Rôze; thuật, 1974	H. : Khoa học kỹ thuật, 1974	543tr; Minh hoạ. - 19cm; VM291	V1163	
5859	Tại liệu hội nghị Bộ trưởng đại học các nước x* hội chủ nghĩa lần thứ XI ở Budapét 17-19/10/1978	Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp	H. : Viện nghiên cứu đại học và trung học chuyên nghiệp, 1980	112tr; Minh hoạ. - 19cm; VM294(1-2)	V1169-1170	
5860	Chú nghĩa Mác và văn hoá Việt nam	H. : Sự thật, 1974	108tr; Minh hoạ. - 19cm; VM296	V1171		
5861	Giáo dục trong gia đình Mác	L. A. Pé-réc-nhi-cô-vá; Mai Nhi dịch	H. : Thanh niên, 1977	165tr; Minh hoạ. - 19cm; VM297	V1172	
5862	Cánh quan địa lý miền b3/4c Việt nam	Vũ Tự Lập	H. : Khoa học kỹ thuật, 1976	248tr; Minh hoạ. - 19cm; VM297	V1204-1208	
5863	Địa hoá học	A. A. Xaukov; Hoàng Trọng Mai, Phạm Văn An dịch	H. : Khoa học kỹ thuật, 1981	387tr; Minh hoạ. - 27cm; VM299(1-4)	V1199-1203	
5864	Đại cương nguồn nguyên liệu vô tận cho công nghiệp hoá học	Phan Văn Tường	H. : Khoa học kỹ thuật, 1978	137tr; Minh hoạ. - 21cm; VM303(1-2)	V1254-1256	
5865	Địa lý đại cương thăm thực vật	Josef Schmitthusen; Đình Ngọc Trụ dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	283tr; Minh hoạ. - 27cm; VM305(1-3)	V1259-1262	
5866	Đại cương không khí có gì lạ?	Nguyễn Thuý, Trần Gia Khánh	H. : Phổ thông, 1977	99tr; Minh hoạ. - 19cm; VM306(1-2)	V1263-1265	
5867	Các con đường trao đổi chất sinh học	Ba.Nguyễn Đình Ba.Nguyễn Đình Huyền; Người hiệu đính: Lê Doãn Diên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	321tr; Minh hoạ. - 21cm	V1441-1443	
5868	Dầu mỏ trong tìm kiếm địa chất	Nguyễn Đăng;Hiếu đình : Hồ Đức	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1979	225tr; Minh hoạ. - 19cm	V1406-1409	
5869	Vi sinh vật học	Nguyễn Lân Dũng;Phạm Văn Ty; Dương Đức Tiến	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	335tr; Minh hoạ. - 21cm	V1444-1445	
5870	Sự sống trong thế giới không nhìn thấy	Đoàn Xuân Mượu	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	191tr; Minh hoạ. - 19cm	V1447-1449	
5871	Kỹ thuật do sức nghe dùng trong lâm sàng	Phạm Kim	H. : Y học, 1980	213tr; Minh hoạ. - 19cm	V1456-1458	
5872	Sách tra cứu cơ sinh vật thông dụng	Vũ Khúc	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1982	359tr; Minh hoạ. - 19cm	V1434-1435	
5873	Sự xuất hiện và sự phát triển đầu tiên của sự sống	A.1.Ôparin; Lê Đức Trọng dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	281tr; Minh hoạ. - 19cm	V1446	
5874	Mô tả cơ sinh vật : Sách chỉ dẫn về	I. A. Kôrobkov; Mai Văn Lạc dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1975	238tr; Minh hoạ. - 19cm	V1436-1440	

5835	Vật lý học hiện đại : Dùng cho kỹ sư	Norman Otto Oldenberg và dịch : Phạm Ngọc Hoàn,...;Hiệu đính : Đặng Mộng Lân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	459tr. : minh hoạ. - 24cm		VD; VM245(1-2)	V3000	
5836	Các thành tựu của ngành du hành vũ trụ Liên Xô	Đặng Mộng Lân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	160tr. : minh hoạ. - 20cm		VD; VM243(1-4)	V981-986	
5837	Giáo trình giảng yếu cơ học lý thuyết	X.M.Targ;Phạm Huỳnh dịch	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1979	475tr. : minh hoạ. - 21cm		VD; VM248	V1031-1032	
5838	Cơ sở lý thuyết hoá học phân tích : Dùng cho sinh viên ngành hoá các trường đại học Tổng hợp và Sư phạm	Nguyễn Thạc Cát, Từ Vòng Nghi, Đào Hữu Vinh	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1980	362tr. : minh hoạ. - 21cm		VD; VM278(1-2)	V1126-11271129- 1130	
5839	Hoá vô cơ	N. X. Acmetop; Tập thể cán bộ giảng dạy bộ môn hoá vô cơ, khoa hoá, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; Nguyễn Đình Soa, Lê Chi Kiên hiệu đính	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1976	490tr. : minh hoạ. - 19cm		VD; VM279	V1131,1133	
5840	Ứng dụng quang phổ trong hoá học hữu cơ	J. Brand, G. Eglington; Lâm Ngọc Thiêm,... dịch	H. : Khoa học kỹ thuật, 1972	363tr. : minh hoạ. - 19cm		VD; VM280(1-4)	V1134-1138	
5841	Những phương pháp hoá lý trong phân tích	VU. X. Lyalicov; Từ Vòng Nghi,... dịch; Cù Thành Long hiệu đinh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	347tr. : minh hoạ. - 19cm		VD; VM281(1-2)	V1139-1141	
5842	Các phương pháp phân tích hoá học hữu cơ	Houben Weyl; Người dịch: Nguyễn Đức Huệ...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1977	500tr. : minh hoạ. - 24cm		VD; VM282	V1145	
5843	Chuẩn độ phức chất : Người dịch: Đào Hữu Vinh, Lâm Ngọc Thụ	G. Shwar Zembach; Người dịch: Đào Hữu Vinh, Lâm Ngọc Thụ	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1798	287tr. : minh hoạ. - 24cm		VD; VM270(1-6)	V1100-1103	
5844	Toàn dùng cho vật lý	Jon Mathews, R. L. Walker	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1971	534tr. : minh hoạ. - 22cm		VD; VM271(1-7)	V1105-1109	
5845	Thế giới Polime	V. A. Mezenxev; Người dịch: Lê Ngọc Khánh; Hiệu đính: Nguyễn Quốc Tín	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	102tr. : minh hoạ. - 19cm		VD; VM273	V1110-1111	

	số lượng giác và Lôgarit của chúng								
5809	Hàm biến phức và phép biến đổi Laplace : Dùng cho học sinh các trường đại học kỹ thuật	Phan Bá Ngọc	H : Đại học và trung học chuyên nghiep, 1980	307tr. - minh hoạ. - 24cm				VD: VM227	V895-899901-905
5810	Cơ sở của toán học hiện đại	Helena Rastowa; Trần Tất Thị/Áng dịch	H : Khoa học và kỹ thuật, 1978	286tr. - 27cm; VM223	V881-884886-889				
5811	Phương pháp Monte-Carlo và các vấn đề liên quan	X.M. Ermakov;Người dịch :Phạm Thế Ngọc;Nguyễn Trần Dũng	H : Khoa học và kỹ thuật, 1977	271tr. - 27cm	VD: VM229(1-3)			V914-917	
5812	Các phương pháp toán học dùng cho vật lý	Laurent Schwartz;Người dịch :Phan Văn Chương,...;Hiệu đính :Phan Đình Diệu	H : Khoa học và kỹ thuật, 1974	349tr. - 27cm	VD: VM188(1-5)			V650-657	
5813	Ứng dụng các phương pháp toán học vào kinh tế và tổ chức của ngành chế tạo máy	X.A.Xôcôlinxun;Người dịch : Phan Văn Cự,Lê Văn Thiện	H : Khoa học và kỹ thuật, 1979	195tr. - 27cm	VD: VM187(1-3)			V646-649	
5814	Ứng dụng ma trận trong kỹ thuật : Cơ học và điện học	Nguyễn Ngọc Quỳnh,Hồ Thuận	H : Khoa học và kỹ thuật, 1978	242tr. - 27cm	VD: VM201(1-2)			V753-755	
5815	Hướng dẫn giải bài tập toán giải tích : Dùng cho học sinh tại chức đại học kỹ thuật	Dương Thụy Vy...	H : Đại học và trung học chuyên nghiep, 1982	215tr. - 19cm	VD: VM215(1-2)			V816-820	
5816	Hướng dẫn giải bài tập toán giải tích : Dùng cho học sinh tại chức đại học kỹ thuật	Dương Thụy Vy...	H : Đại học và trung học chuyên nghiep, 1982	187tr. - 19cm	VD: VM216(1-3)			V826-829	
5817	Phương trình vi phân : Dùng cho học sinh đại học tổng hợp	Hoàng Hữu Đường...	H : Đại học và trung học chuyên nghiep, 1970	155tr. - 22cm	VD: VM228(1-3)			V909,911-913	
5818	Phương trình vi phân : Dùng cho học sinh đại học tổng hợp	Hoàng Hữu Đường...	H : Đại học và trung học chuyên nghiep, 1970	200tr. - 22cm	VD: VM224(1-3)			V885-889	
5819	Thực hành hoá học hữu cơ : Giáo trình thực tập cơ bản cho học hữu cơ	Heiz Becker,...; Người dịch: Phan Tông Sơn, Lê Đăng Doanh	H : Khoa học và kỹ thuật, 1976	380tr. - 27cm; VM251	V1083-1087				

5778	Gợi thiệu tác phẩm của C. Mác "Phê phán cương lĩnh Gô-Ta"	Đỗ Tư	H. : Sự thật, 1982	238tr. - 19cm	VD; VM157(1-8)	V469-477	
5779	Nguyên nhân và kết quả	Bor-Lum-Béc và Xu-Slôp	H. : Sự thật, 1958	67tr. - 19cm; VM167	V507		
5780	Khoa học năm 2000	B.G.Kuznetsov; Lâm Quỳnh và Linh Anh dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1976	287tr. - 19cm	VD; VM166(1-3)	V503-506	
5781	Friedrich Engen : Tiểu sử	L.F.Illislop,...; Người dịch: Đỗ Trần Đại...	H. : Khoa học xã hội, 1977	590tr. - 19cm; VM162	V491-492		
5782	Giáo dục công sản chủ nghĩa cho học sinh đại học	Viện nghiên cứu đại học và trung học chuyên nghiệp	H. : [Knxb], 1979	106tr. - 27cm	VD; VM160(1-3)	V486-489	
5783	Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1978	27tr. - 19cm	VD; VM159(1-5)	V480-485	
5784	Tâm lý học	P. A. Rudich chủ biên; Nguyễn Văn Hiệu dịch; Đức Minh hiệu đính	H. : Thử sức thể thao, 1986	535tr. - 19cm; VM155	V479		
5785	Những hình thức cổ trước sản xuất tư bản chủ nghĩa	Các Mác	H. : Sự thật, 1976	97tr. - 19cm	VD; VM154(1-4)	V458-462	
5786	Nội chiến ở Pháp 1871 : Công xã Paris	Các Mác	H. : Sự thật, 1961	130tr. - 19cm; VM155	V463		
5787	Lao động làm thuê và tư bản	C. Mác	H. : Sự thật, 1976	74tr. - 19cm	VD; VM153(1-3)	V454-457	
5788	Góp phần phê phán chính trị kinh tế học	C. Mác	H. : Sự thật, 1971	315tr. - 19cm; VM152	V453		
5789	Phoi-ô-B3/4c sự đối lập giữa quan điểm duy vật chủ nghĩa và quan điểm duy tâm chủ nghĩa : Chương I của "Hệ tư tưởng Đức"	C. Mác-Ph. Ăng-ghen	H. : Sự thật, 1977	140tr. - 19cm	VD; VM156(1-2)	V466-468	
5790	Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước	Ph. Ăng-ghen	H. : Sự thật, 1972	333tr. minh hoạ. - 19cm	VD; VM150	V447-448	
5791	Luyện tập lại thần kinh - cơ của người lớn liệt nửa người	A Albert; người dịch: Đỗ Hữu ích; Hiệu đính: Chu Văn Tích	H. : Y học, 1981	207tr. minh hoạ. - 24cm	VD; VM149	V444	
5792	Sách tra cứu chế độ c3/4t các vật liệu khô gia công	Va. L. Gurevits,...; Người dịch: Hồng Nguyễn	H. : Khoa học Kỹ thuật, 1981	155tr. minh hoạ. - 27cm	VD; VM148(1-9)	V442-443V1753-1759	
5793	Sự phát triển của chủ nghĩa x* hội từ không	Ph. Ăng-ghen	H. : Sự thật, 1977	214tr. minh hoạ. - 19cm	VD; VM151(1-2)	V450-452	

5752	Tiêu chuẩn quy phạm xây dựng, Chi dân hàn cốt thép và chi tiết dặt s1/2n trong kết cấu bê tông cốt thép : QPXD-71-77				H. : Xây dựng, 1983	152tr.: minh hoạ. - 27cm	VD; VM11(1-4)	V127-131	
5753	Cầu tạo và tính toán hệ chịu lực và các cấu kiện của nhà nhiều tầng	P.F.Drozdo;Người dịch : Lê Thị Huân	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1984	187tr.: minh hoạ. - 27cm			VD; VM110(1-2)	V124-126	
5754	Kiến tạo mảng	Tổng cục địa chất	H. : Viện bảo tàng và lưu trữ địa chất, 1983	173tr.: minh hoạ. - 27cm			VD; VM109(1-3)	V119-122	
5755	Một số phương pháp tách hoa thông dùng trong tách luận	Lê Đình Hưu chủ biên, Nguyễn Khắc Đăng, Ngô Mạnh Hùng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1983	202tr.: minh hoạ. - 27cm			VD; VM108(1-4)	V111-117	
5756	Sơ đồ mạch tổ hợp IC : Tuyển tập sơ đồ máy thu thanh, thu hình, tăng âm, ghi âm	Nguyễn Thế Cường biên soạn	H. : tập chí khoa học kỹ thuật viện khoa học Việt Nam, 1984	48tr.: minh hoạ. - 19cm			VD; VM107(1-3)	V107-110	
5757	Cơ cấu x* hội-giai cấp của x* hội trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội : Tuyển tập lược thuật	Viện thông tin khoa học xã hội	H. : Viện thôn tin khoa học xã hội, 1984	80tr.: minh hoạ. - 27cm			VD; VM106(1-4)	V101-105	
5758	Thư nghiệm và danh giá cường độ ao đường mềm	V.K.Apexin,A.M.Sak,YU.M.Yakovlev;Người dịch : Nguyễn Hào Hoa	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1981	152tr.: minh hoạ. - 19cm			VD; VM138(1-2)	V427-428	
5759	Kỹ thuật khai thác đá với	Hồ Sĩ Giao	H. : Công nhân kỹ thuật, 1981	350tr.: minh hoạ. - 19cm; VM136					
5760	Kỹ thuật đột dập : Quy 13/4c chỉnh, Phép tính-thi dụ	Wasilieff,B;Người dịch : Nguyễn Ngọc Nhac	H. : Công nhân kỹ thuật, 1981	80tr.: minh hoạ. - 19cm			VD; VM135(1-2)	V421-422	
5761	Đo thử chất lượng đường thông tại ba dây trần	Người dịch : Lê Diệp Đình, Nguyễn Trang Dũng	H. : Phòng xuất bản kỹ thuật-tổng cục bưu điện, 1980	431tr.: minh hoạ. - 19cm			VD; VM531(1-3)	V419V2245-2247	
5762	Hội thoại Việt-Anh, Anh-Việt	Bùi Phụng	H. : [Knxb], 1982	158tr.: minh hoạ. - 9cm			VD; VM123(1-11)	V306-308310,312,314318-325	
5763	Bảng tra chênh cao và khoảng cách	Gansin V.N và Khrenop L.X	H. : Cục đo đạc và bản đồ nhà nước, 1980	333tr.: minh hoạ. - 19cm			VD; VM119(1-9)	V2941,29422946	
5764	Đất sét trong công	Phan Văn Tường	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1980	143tr.: minh hoạ. - 19cm			VD; VM139(1-9)	V1268-1275	

5728	Sổ tay điều tra, phân loại danh gia đất	Tôn Thất Chiểu, Lê Thái Bạt, Nguyễn Khang, Nguyễn Văn Tân	H. : Nông nghiệp, 1999	175tr. - 19cm	VD1341	V6498
5729	Đất Việt nam	H. : Nông nghiệp, 2000	412tr. - 27cm	VD1342; VM1167	V6499(1-2)	
5730	Những trang sử về vang của dân tộc Việt nam chống phong kiến Trung Quốc xâm lược	Hồng Nam và Hồng Linh chủ biên	H. : Khoa học xã hội, 1984	458tr. - 19cm	VD; VM97(1-3)	V37-38,V40
5731	Mây trào lưu triết học phương tây	Phạm Minh Lăng	H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1984	355tr. - cm	VD; VM96	V36
5732	Tim hiểu hệ thống tài điện	Ngô Tiên D3/4c	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1984	107tr. - 19cm	VD; VM95(1-4)	V31-35
5733	Tra cứu IC tuyến tính	Nguyễn Hùng biện soạn	H. : Hội cơ học Việt Nam, 1984	135tr. - 19cm	VD; VM94(1-4)	V26-30
5734	Châu á trong các kế hoạch của B3/4c kinh	X.G.IU Rô cốp	H. : Sự thật, 1984	183tr. - 20cm	VD; VM93(1-2)	V23-25
5735	Những điều kỳ lạ trong thế giới vi sinh vật	Vũ Kim Dung	H. : Thanh niên, 1984	215tr. - 19cm	VD; VM92	V21-22
5736	Cột bê tông cốt thép nhà công nghiệp một tầng : Tính toán	B.F.VAXILEV,A.Ya.ROZENBLYUM;Người dịch : Đình Chính Hào	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1984	231tr. - 19cm	VD; VM91(1-2)	V18-20

5722	Bài giảng thí nghiệm kỹ thuật điện : Dùng cho sinh viên các ngành không chuyên về điện	Kim Ngọc Linh	H. : [Knxb], 2001	47tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1323(1-5); Q470	Q470
5723	Giao trình khai thác quặng bằng phương pháp hầm lò	Đỗ Mạnh Phong	H. : [Knxb], 2001	155tr. : minh hoạ. - 27cm	VD1334(1-20); Q463	Q463(1-340)
5724	Cần bằng pha và hoà keo	Nguyễn Danh Nhi, Nguyễn Hữu Hùng	H. : Giao Thông Vận Tải, 2001	131tr. - 27cm	VD1338(1-50); Q437	Q437(1-350)
5725	Nghi thức nhà nước	Lưu Kiêm Thanh	H. : Thông Kê, 2001	838tr. - 19cm	VD1339; VM1166(1-2)	V6495(1-2)
5726	Tư điển thơ Đường học Anh - Việt	Biên soạn: Đỗ ánh, Lê Thái Bạt,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	567tr. - 24cm	TD516	
5727	Các nghi quyết của Trung ương Đảng 1996 - 1999 : Sách phục vụ thảo luận các dự thảo văn kiện đại hội IX	Biên tập: Đình Lục	H. : Chính Trị Quốc gia, 2000	347tr. - 21cm	VD1340; VM1166(1-2)	V6495(1-3)

	dân hồi sức bền vật liệu			27cm				
5695	Bài giảng vật liệu cơ khí	Đoàn Văn Kỳ	H.: [Knxb], 2001	84tr.; minh hoạ.	-	VD1317; Q476	Q476	
5696	Bài giảng Hướng dẫn thiết kế đồ án môn học điện khí hoá xí nghiệp mô lò thiêu và dầu khí	Nguyễn Anh Nghĩa	H.: [Knxb], 2001	51tr.; minh hoạ.	-	VD1319(1-5); Q474	Q474	
5697	Bài giảng chỉ dẫn về phương pháp công tác địa chất trong các xi nghiệp khai thác than	Đồng Văn Nhì, Đoàn Huy Cầm	H.: [Knxb], 2001	228tr.; minh hoạ.	-	VD1320(1-5); Q473	Q473	
5698	Bài giảng Địa vật lý đại cương	Mai Thanh Tân	H.: [Knxb], 2001	267tr.; minh hoạ.	-	VD1322(1-5); Q471	Q471	
5699	Bài giảng do đặc địa chính	Nguyễn Trọng San	H.: [Knxb], 2001	264tr.; minh hoạ.	-	VD1324(1-5); Q469	Q469	
5700	Bài giảng cơ sở công nghệ khai thác mỏ lộ thiên : Dùng cho sinh viên ngành Tr3/4c địa mỏ	Hồ Sỹ Giao	H.: [Knxb], 2001	249tr.; minh hoạ.	-	VD1316(1-5); Q458	Q458	
5701	Bài giảng Công nghệ kim loại	Đoàn Văn Kỳ	H.: [Knxb], 2001	136tr.; minh hoạ.	-	VD1315(1-5); Q456	Q456	
5702	Bài giảng Kỹ thuật môi trường tuyển khoáng	Nguyễn Hoàng Sơn	H.: [Knxb], 2001	168tr.; minh hoạ.	-	VD1308(1-5); Q439	Q439	
5703	Bài giảng Động lực nước dưới đất : Dùng cho sinh viên ngành địa chất công trình	Nguyễn Tuấn Tiên	H.: [Knxb], 2001	127tr.; minh hoạ.	-	VD1314(1-5); Q457	Q457	
5704	Bài giảng tình thế khoáng vật	Nguyễn Tài Trâm, Nguyễn Văn Bình	H.: [Knxb], 2001	143tr.; minh hoạ.	-	VD1313(1-5); Q440	Q440	
5705	Tình thể học : Dung cho học sinh tại chức ngành địa chất thăm dò và địa chất công trình	Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn Quang	H.: [Knxb], 2001	190tr.; minh hoạ.	-	VD1311	R	
5706	Bài giảng cơ sở lý thuyết tương diện từ	Phạm Công Hoà,Cung Quảng Khang	H.: [Knxb], 2001	81tr.; minh hoạ.	-	VD1309(1-5); Q449	Q449	
5707	Bài giảng cơ sở lý thuyết thiet bị diên	Nguyễn Chí Dũng	H.: [Knxb], 2001	112tr.; minh hoạ.	-	VD1312(1-5); Q448	Q448	
5708	Bài giảng Bảo vệ tài nguyên nước và môi trườg	Bùi Học	H.: [Knxb], 2001	163tr.; minh hoạ.	-	VD1310(1-5); Q441	Q441	

5665	Visual Basic 6.0 : Tự học trong 3 tuần	H. : Hà Nội, 2000	444tr. - 27cm	VB1276(1-2); VM1156(1-9)	V6327(1-10)	
5666	Microsoft Office 2000 thông qua hình ảnh : Word	H. : Thông kê, 1999	336tr. - 27cm	VB1277(1-2); VM1157(1-8)	V6337(1-10)	
5667	Giao trình Windows95, Word 7.0, Excel 7.0	Phan Quốc Phô H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	332tr. - 24cm	VB1278(1-2); VM1158(1-18)	V6347(1-20)	
5668	Microsoft Office 2000 thông qua hình ảnh : Excel	H. : Thông kê, 1999	290tr. - 27cm	VB1279(1-2); VM1159(1-28)	V6367(1-30)	
5669	Access 2000 : dành cho người bận rộn	Trịnh Anh Toàn Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Trẻ, 2000	332tr. - 24cm	VB1280(1-2); VM1160(1-18)	V6397(1-20)	
5670	Java : cho sinh viên	Douglas Bell, Mike Parr; Người dịch: Phạm Văn Thiệu...	329tr. - 21cm	VB1281(1-2); VM1161(1-8)	V6427(1-10)	
5671	Java : cho sinh viên	Douglas Bell, Mike Parr; Người dịch: Phạm Văn Thiệu...	297tr. - 21cm	VB1282(1-2); VM1162(1-8)	V6437(1-10)	
5672	Những chế độ chỉnh sách và văn bản pháp luật hiện hành đối với cán bộ, giáo viên, công nhân viên	Lê Hồng Sơn, Nguyễn Thanh Phong... biên soạn H. : Lao Động, 2000	331tr. - 19cm	VD1098(1-2); VM1163(1-23)	V6447(1-24)	
5673	Bài tập sức bền vật liệu : Tài bản lần thứ 3 có sửa chữa	Bùi Trọng Lưu, Nguyễn Văn Vương H. : Giáo dục, 1999	443tr. - 27cm	VB1284(1-5); Q431(1-95)	Q431(1-100)	
5674	Bài tập sức bền vật liệu	Nguyễn Xuân Lưu H. : Giáo thông vận tải	320tr. - 27cm	VB1283(1-5); Q432(1-15)	Q432(1-20)	
5675	Sổ tay công nghệ chế tạo máy : In lần thứ nhất	Nguyễn Đ3/4c Lộc, Lê Văn Tiến, Ninh Đức Tôn... H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1999	436tr. - 24cm	VB1285(1-2); VM1164(1-18)	V6472(1-19)	
5676	Địa chất thủy văn ứng dụng	C. W. Fetter; Người dịch: Nguyễn Uyên, Phạm Hữu Sỹ H. : Giáo dục, 2000	268tr. - 27cm	VB1286(1-20); Q433(1-80)	Q433(1-100)	
5677	Tr3/4c địa ảnh : Phần phương pháp đo ảnh đơn	Trương Anh Kiệt H. : Giáo thông vận tải, 2000	107tr. - 27cm	VB1287(1-60); Q430(1-460)	Q430(1-520)	
5678	Tr3/4c địa ảnh : Phần lập thể	Phan Văn Lộc H. : Giáo thông vận tải, 2000	216tr. - 27cm	VB1289(1-25); Q429(1-325)	Q429(1-350)	
5679	Trục tải mô	Trần Doãn Trường, Vũ Thế Sự H. : Giáo thông vận tải, 2000	176tr. - 27cm	VB1288(1-20); Q423(1-320)	Q423(1-340)	

5638	Bài giảng về cương hướng dẫn thực tập tốt nghiệp quy định về nội dung đồ án tốt nghiệp : Dùng cho sinh viên ngành địa chất thăm dò và địa chất mỏ	Nguyễn Phương, Đồng Văn Nhi	H. : [Knxb], 2000	36tr.:minh hoạ. - 27cm	VD1243(1-5); Q408	Q408(1-5)	
5639	Bài giảng cơ học máy	Nguyễn Văn Y,...	H. : [Knxb], 2000	218tr.:minh hoạ. - 27cm	VD1240(1-5); Q411	Q411(1-5)	
5640	Kỹ thuật khoan dầu khí	J.P. Nguyen; Người dịch: Lê Phước Hào; Hiệu đính: Đặng Huy Chi	H. : Giáo dục, 1995	367tr.:minh hoạ. - 24cm	VD1336(1-10); Q460	Q460(1-73)	
5641	Hệ thống tài khoản quốc gia ứng dụng trong phân tích kinh tế và trong công tác kế hoạch	Nguyễn Văn Quý	H. : Thông kê, 2000	500tr. - 24cm	VD1255; VM1141(1-3)	V6169-6172	
5642	Bài tập cơ học đất	Vũ Công Ngự, Nguyễn Văn Thông	H. : Giáo dục, 2000	385tr.:minh hoạ. - 21cm	VD1250; Q420(1-10)	Q420(1-11)	
5643	Sách tra cứu các phân vị địa chất Việt Nam	Vũ Khắc chủ biên, Đào Đình Thục,...	H. : Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, 2000	430tr. - 27cm	VD1258; VM1142	V6164	

5644	Danh bạ các nguồn nước khoáng và nước nóng Việt Nam	Vũ Công Nghiệp chủ biên, Phạm Văn Bảy,...	H. : Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, 1998	308tr. - 27cm	VD1257; VM1143	V6162-6163	
5645	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	Frederic S. Mishkin; Nguyễn Quang Cư, Nguyễn Đức Dỵ dịch	H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1999	955tr. - 24cm	VD1267; VM1149(1-18)	V6189	
5646	Lịch và niên biểu lịch sử hai mươi thế kỷ(0001-2010)	Lê Thanh Lan	H. : Thông kê, 2000	535tr. - 19cm	VD1253; VM1140(1-3)	V6174-6177	
5647	Meteorites messengers from space : With 111 Figures and 22 Tables	F. Heide, F. Wlotzka	Berlin : Springer Verlag, 1995	231tr.:Minh hoạ. - 21cm	KB79	K40	
5648	Hydrothermal mineral deposit : Principles and fundamental concepts for the exploration geologist	Franco Pirajno	Berlin : Springer Verlag, 1992	709tr.:Minh hoạ. - 24cm	KB82	K36	
5649	Phase Equilibria in metamorphic rocks : With 84 figures and 8 tables	Thomas M. Will	Berlin : Springer Verlag, 1998	315tr.:Minh hoạ. - 24cm	KB78	K41	
5650	Petrogenesis and	Wilhelm Johannes,	Berlin : Springer	335tr.:Minh hoạ. -	KB80	K39	

	sản xuất tư bản chủ nghĩa : Chương trình cao cấp					
6179	Tội ác và di hại : Tội ác Mỹ - Ngay sau Hiệp định Pa - ri	Cao Thanh	H. : Quân đội nhân dân, 1976	81tr. - 19cm; VM620	V2437(1-2)	
6180	Mấy vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt - nam	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1977	61tr. - 19cm; VM633	V2493(1-2)	
6181	Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của đảng ta	Lê Duẩn	H. : Sự thật, 1975	282tr. - 19cm; VM632	V2491(1-2)	
6182	Kinh tế học chính trị dưới dạng sơ đồ : Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa	Nguyễn Hữu Bả dịch	H. : Khoa học xã hội, 1974	150tr. - 21cm; VM619	V2435(1-2)	
6183	Về vấn đề Cam-Pu-Chia	Trương Chính	H. : Sự thật, 1979	41tr. - 19cm; VM621	V2442(1-2)	
6184	Cách mạng khoa học kỹ thuật và chủ nghĩa xã hội	Trần Việt Tú dịch	H. : Khoa học xã hội, 1978	541tr. - 19cm; VM623	V2446(1-2)	
6185	Hồ Chí Minh tuyển tập	H. : Sự thật, 1980	568tr. - 19cm; VM631(1-6)	V2483(1-7)		
6186	Hồ Chí Minh tuyển tập	H. : Sự thật, 1980	620tr. - 19cm; VM628(1-4)	V2477(1-5)		
6187	Hồ Chí Minh toàn tập	H. : Sự thật, 1980	372tr. - 19cm; VM629(1-7)	V2468(1-8)		
6188	Hồ Chí Minh toàn tập	H. : Sự thật, 1980	556tr. - 19cm; VM627(1-12)	V2455(1-13)		
6189	Hồ Chí Minh toàn tập	H. : Sự thật, 1980	487tr. - 19cm; VM630(1-12)	V2476		
6190	Việt nam những sự kiện 1945 - 1975	H. : Khoa học xã hội, 1976	632tr. - 19cm; VM691	V2755		
6191	Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước : (Lưu hành nội bộ)	H. : Sự thật, 1975	267tr. - 19cm; VM693	V2764(1-2)		
6192	Nước Mỹ : Lưu hành nội bộ	H. : Sự thật, 1978	246tr. - 19cm; VM695	V2766		
6193	Đại th3/4ng mùa xuân	H. : Quân đội nhân dân, 1977	322tr. - 19cm; VM694	V2768		
6194	Sự phát triển của tư tưởng ở Việt nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng tám	Trần Văn Giàu	H. : Khoa học xã hội, 1975	612tr. - 19cm; VM692	V2761(1-2)	
6195	Toán ứng dụng trong	IA. I. Perelman;	H. : Nxb Thanh Hoá,	182tr. - 19cm;	V2571(1-5)	

6208	Phương pháp phân tích đất nước phân bón cây trồng	Lê Văn Khoa chủ biên,...	H. : Giáo dục, 2000	304tr:Minh họa. - 27cm	VĐ1373; VM1204(1-9)	V7091(1-10)
6209	Trang bị điện - điện tử máy công nghiệp dùng chung	Vũ Quang Hồi, Nguyễn Văn Chất, Nguyễn Thị Liên Anh	H. : Giáo dục, 2000	200tr:Minh họa. - 27cm	VĐ1402; VM1205(1-7)	V7103(1-8)
6210	Bộ điều khiển lập trình vận hành và ứng dụng	Vũ Quang Hồi, Chung Tấn Lâm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	311tr:Minh họa. - 24cm	VĐ1403; VM1206(1-14)	V7181(1-15)
6211	Tính toán thiết kế các công trình trong hệ thống cấp nước sạch	Trịnh Xuân Lai	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	260tr:Minh họa. - 28cm	VĐ1379(1-2); VM1199(1-8)	V7039(1-10)
6212	Giáo trình kỹ thuật thi công	Bộ Xây Dựng	H. : Xây dựng, 2000	250tr:Minh họa. - 27cm	VĐ1380(1-2); VM1198(1-7)	V7030(1-9)
6213	Bài tập nhiệt động truyền nhiệt và kỹ thuật lạnh	Bùi Hải, Trần Thế Sơn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	345tr:Minh họa. - 27cm	VĐ1377(1-2); VM1201(1-8)	V7059(1-10)
6214	Nguyên lý máy	Đinh Gia Tường, Tạ Khánh Lâm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	386tr. - 27cm	VĐ1375; VM1203(1-9)	V7081(1-10)
6215	Kỹ thuật môi trường	Hoàng Kim Cơ, Trần Hữu Uyển, Lương Đức Thắm,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	431tr. - 27cm	VĐ1378(1-2); VM1200(1-8)	V7049(1-10)
6216	Java : cho sinh viên	Douglas Bell, Mike Parr; Phạm Văn Thiều chủ biên	H. : Thống Kê, 2001	330tr. - 21cm	VĐ1372; VM1197(1-29)	V6961(1-30)
6217	Công nghệ kim loại và ứng dụng CAD - CAM - CNC : Tài liệu dùng cho sinh viên, học viên, giảng viên các ngành kỹ thuật, quản trị kinh doanh, sư phạm kỹ thuật,...trong các trường Đại học, Cao đẳng và Dạy nghề thuộc các hệ đào tạo	Nguyễn Tiến Đào, Nguyễn Tiến Dũng	H. : Khoa học kỹ thuật, 2001	298tr. - 24cm	VĐ1438; VM1237(1-9)	V7481-7490
6218	Lý thuyết hệ thống	Trần Đình Long	H. : Khoa học kỹ thuật, 1999	178tr. - 24cm	VĐ1436; VM1234(1-9)	V7466-7475
6219	Hệ phi tuyến	Nguyễn Doãn Phước, Phan Xuân Minh	H. : Khoa học kỹ thuật, 2000	172tr. - 24cm	VĐ1434; VM1233(1-9)	V7456-7465
6220	Lý thuyết điều khiển mờ	Phan Xuân Minh, Nguyễn Doãn Phước	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1997	223tr. - 24cm	VĐ1437; VM1236	V7479-7480
6221	Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	256tr. - 24cm	VĐ1435; VM1235(1-2)	V7476-7478

	và móng	Nguyễn Hữu Kháng			9)	
6238	Hướng dẫn thực hành về khảo sát xây dựng : Tiêu chuẩn Anh - BS 5930:1981	Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI)	H. : Giáo dục, 2000	212tr. - 27cm	VĐ1421(1-2); VM1222(1-18)	V7331-7350
6239	Điều khiển tự động truyền động điện xoay chiều ba pha	Nguyễn Phùng Quang	H. : Giáo dục, 1998	324tr. - 27cm	VĐ1422(1-2); VM1223(1-8)	V7351-7360
6240	Nhiệt động kỹ thuật	Phạm Lê Dân, Bùi Hải	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	352tr. - 27cm	VĐ1415; VM1216(1-10)	V7226-7236
6241	Vật liệu học	Lê Công Dưỡng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	618tr. - 27cm	VĐ1414; VM1215(1-9)	V7216-7225
6242	Truyền động điện tự động khí nén	Phạm Văn Khào	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	231tr. - 21cm	VĐ1440; VM1239(1-9)	VV7501-7510
6243	Thi công cọc khoan nhồi	Nguyễn Bá Kế	H. : Xây dựng, 1999	257tr. - 21cm	VĐ1441; VM1240(1-9)	V7511-7520
6244	Lý thuyết các điều kiện tối ưu	Đỗ Văn Lưu	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	181tr. - 21cm	VĐ1442; VM1241(1-4)	V7521-7525
6245	Điều khiển số và công nghệ trên máy điều khiển số CNC : Giáo trình cho sinh viên các trường đại học kỹ thuật	Nguyễn Đ3/4c Lộc, Tăng Huy	H. : Khoa học kỹ thuật, 2000	157tr. - 21cm	VĐ1443; VM1242(1-9)	V7526-7535
6246	Ô tô các nước phát triển	Nguyễn Minh Đường, Dư Quốc Thịnh, Lưu Văn Tuấn, Võ Văn Hường	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1996	115tr. - 21cm	VĐ1444; VM1243(1-9)	V7536-7545
6247	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	H. : Thống kê, 1999	349tr. - 21cm	VĐ1445; VM1244(1-2)	V7546-7548
6248	Các điều kiện kỹ thuật của cọc ép dùng xử lý nền móng	Vũ Công Ngừ, Trần Nhật Dũng, Nguyễn Thế Tú,...	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	72tr. - 19cm	VĐ1446; VM1245(1-9)	V7549-7558
6249	Kỹ thuật điện tử số	Đặng Văn Chuyết	H. : Giáo dục, 1998	304tr. - 21cm	VĐ1447; VM1246(1-19)	V7559-7578
6250	Thiết kế máy biến áp	Phạm Văn Bình, Lê Văn Doanh	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	568tr. - 21cm	VĐ1448; VM1247(1-9)	V7579-7588
6251	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cọc	Cung Nhất Minh, Diệp Vạn Linh, Lưu Hưng Lục; Nguyễn Đăng Sơn biên dịch; Vũ Trường Hạo hiệu đính	H. : Xây dựng, 1999	298tr. - 21cm	VĐ1449; VM1248(1-9)	V7589-7598
6252	Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ	Lê Tiến Vương	H. : Thống kê, 2000	199tr. - 21cm	VĐ1450(1-2); VM1249(1-28)	V7599-7627
6253	Móng cọc trong thực	Shamsher Prakash,	H. : Xây dựng, 1999	742tr. - 21cm	VĐ1451; VM1250(1-	V7628-7637

6270	Bài giảng vật lý via dầu khí	Phan Từ Cơ	H. : [Knxb], 2002	159tr: Minh hoạ. - 27cm	VĐ1510(1-5); Q514(1-165)	Q514
6271	Bài giảng đánh giá kinh tế khoáng sản : Dùng cho Ngành Kinh tế và QTKD Mỏ, Địa chất, Dầu khí, Kinh tế môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên	Đỗ Hữu Tùng	H. : [Knxb], 2002	82tr. - 27cm	VĐ1512(1-5); Q512(1-165)	Q512
6272	Hệ thống điều khiển số cho máy công cụ : Cấu trúc - chức năng - lập trình - vận hành	Tạ Duy Liêm	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	216tr. - 24cm	VĐ1467(1-2); VM1266(1-8)	V7942-7951
6273	Lý thuyết điều khiển tự động hiện đại điều khiển tối ưu, điều khiển thích nghi : Giáo trình cho các trường đại học	Nguyễn Thương Ngô	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	238tr. - 24cm	VĐ1472; VM1271(1-18)	V7851-7869
6274	Động cơ đốt trong : Giáo trình cho sinh viên cơ khí	Phạm Minh Tuấn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	171tr. - 24cm	VĐ1474; VM1273(1-7)	V7841-7848
6275	Giáo trình công nghệ xử lý nước thải	Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1999	332tr. - 24cm	VĐ1469; VM1268(1-9)	V7932-7941
6276	Máy điện : Sách giáo trình dùng cho các trường đại học	Vũ Gia Hanh chủ biên, Trần Khánh Hà, Phan Từ Thụ, Nguyễn Văn Sáu	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	336tr. - 24cm	VĐ1468(1-2); VM1267(1-18)	V7877-7896
6277	Máy điện : Sách giáo trình dùng cho các trường đại học	Vũ Gia Hanh chủ biên, Trần Khánh Hà, Phan Từ Thụ, Nguyễn Văn Sáu	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	252tr. - 24cm	VĐ1470(1-2); VM1269(1-18)	V7897-7916
6278	Học Visual C++5 Trong 21 ngày	Xuân Nguyệt, Phùng Kim Hoàng	Tp.Hồ Chí Minh : Mũi Cà Mau, 2000	733tr. - 21cm	VĐ1452(1-2); VM1251(1-8)	V7638-7647
6279	Nhập môn lập trình ngôn ngữ C : Lý thuyết, ví dụ, bài tập mẫu, bài tập	Lê Đăng Hưng, Trần Việt Linh, Lê Đức Trung, Nguyễn Thanh Thuý	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2002.	248tr. - 24cm	VĐ1465(1-2); VM1264(1-8)	V7776-7785
6280	Cảm nang hàn	Hoàng Tùng Chủ biên, Nguyễn Thúc Hà, Ngô Lê Thông, Chu Văn Khang	H. : Khoa học kỹ thuật, 1999	286tr. - 21cm	VĐ1463(1-2); VM1262(1-8)	V7756-7765
6281	Các công trình cung cấp nước sạch cho thị trấn và cộng đồng dân cư nhỏ	Nguyễn Duy Thiện	H. : Xây dựng, 2000	281tr. - 21cm	VĐ1464; VM1263(1-9)	V7766-7775
6282	Cảm nang thiết bị đóng cắt/4t : Công hoà Liên bang Đức	Gerd Balzer, Bernhard Boehle, Kurt Haneke,...; Lê Văn Doanh dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	864tr. - 21cm	VĐ1462(1-2); VM1261(1-8)	V7746-7755
6283	Visual Basic Oracle 8	Nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	579tr. - 21cm	VĐ1454; VM1253(1-4)	v7662-7666
6284	Internet toàn tập Millennium Edition : Các chi tiết bao quát về e-mail, hoạt động nối kết,	Trịnh Anh Toàn, Hồng Oanh	Đà N1/2ng : Đà N1/2ng, 2000	928tr. - 24cm	VĐ1473; VM1272	V7849-7850

	LINUX				Vm1255(1-4)	
6299	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	H. : Thống kê, 2001	349tr. - 21cm	VĐ1460; VM1259(1-18)	V7716-7734
6301	Điện tử công suất và điều khiển động cơ điện	Cyril W. Lander; Lê Văn Doanh dịch	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1997	490tr. - 21cm	VĐ1461; VM1260(1-9)	V7736-7745
6302	Kỹ thuật nhiệt	Bùi Hải, Trần Thế Sơn	H. : Khoa học và kỹ thuật, 1998	216tr. - 27cm	VĐ1484(1-2); VM1283(1-8)	V8067-8076
6303	Bài giảng trang bị điện xí nghiệp dầu khí	Nguyễn Anh Nghĩa	H. : [Knxb], 2002	253tr. - 27cm	VĐ1532(1-5); Q524(1-215)	Q524(1-220)
6304	Bài giảng dung dịch khoan và vữa trám	Trần Đình Kiên	H. : [Knxb], 2002	147tr. - 27cm	VĐ1531(1-5); Q525(1-215)	Q525(1-220)
6305	Bài giảng cơ sở lý thuyết xử lý số liệu địa vật lý	Phạm Năng Vũ	H. : [Knxb], 2002	138tr. - 27cm	VĐ1530(1-5); Q526(1-215)	Q526(1-220)
6306	Tự học Visual C++6 trong 21 ngày	Nguyễn Văn Hoàng t. Nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	514tr. - 27cm	VĐ1502(1-2); VM1301(1-18)	V8281-8300
6307	Ngôn ngữ lập trình Delphi 5	Nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	443tr. - 27cm	VĐ1503; VM1302(1-4)	V8301-8305
6308	Ngôn ngữ lập trình Delphi 5	Nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	339tr. - 27cm	VĐ1504; VM1303(1-4)	V8306-8310
6309	Cẩm nang sửa chữa nâng cấp máy tính cá nhân	Nguyễn Văn Khoa và nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	543tr. - 27cm	VĐ1499; VM1299(1-9)	V8251-8260
6310	Cẩm nang sửa chữa nâng cấp máy tính cá nhân	Nguyễn Văn Khoa và nhóm tác giả ELICOM	H. : Thống kê, 2001	711tr. - 27cm	VĐ1495; VM1294(1-8)	V8217-8225
6311	Cơ sở thiết kế máy và chi tiết máy : Sách được dùng làm giáo trình cho sinh viên đại học và cao đẳng kỹ thuật	Trịnh Chất	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001	220tr. - 27cm	VĐ1500; VM1298(1-9)	V8261-8270
6312	Kỹ thuật mạch điện tử phi tuyến	Phạm Minh Việt, Trần Công Nhượng	H. : Giáo dục, 2001	331tr. - 27cm	VĐ1501; VM1300(1-9)	V8271-8280
6313	Thiết kế và xây dựng mặt đường sân bay	Nguyễn Quang Chiêu	H. : Giáo dục, 2001	195tr. - 27cm	VĐ1496; VM1295(1-9)	V8226-8235
6314	Hướng dẫn sử dụng FLASH 5.0	Phạm Quang Huy,... biên soạn	H. : Thống kê, 2001	367tr. - 27cm	VĐ1498; VM1297(1-4)	V8246-8250
6315	Vật liệu và công nghệ hàn	Nguyễn Văn Thông	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2000	280tr. - 27cm	VĐ1497; VM1296(1-9)	V8236-8245
6316	Lý thuyết các quá trình luyện kim hoà luyện	Phùng Viết Ngự chủ biên, Phạm Kim đình, Nguyễn Kim Thiết	H. : Giáo dục, 1997	184tr. - 27cm	VĐ1489; VM1288(1-9)	V8137-8146
6317	Sổ tay quy trình thống nhất về thiết kế quy hoạch đô thị	Viện nghiên cứu thiết kế quy hoạch đô thị Trung Quốc	H. : Xây dựng, 2000	121tr. - 27cm	VĐ1490; VM1289(1-9)	V8147-8156
6318	Những biện pháp kỹ thuật mới cải tạo đất yếu trong	D. T. Bergado, J. C. Chai, M. C. Alfaro, A. S. Balasubramaniam	H. : Giáo dục, 1996	196tr. - 27cm	VĐ1492(1-2); VM1291(1-18)	V8167-8186

6333	Cuộc đời chúng tôi tiêu sử Các mác và Phridrich Ăngghen : Sách tham khảo	H. Ghemcôp; Lê Phương,...dịch	H. : Chính Trị Quốc Gia, 2000	426tr. - 22cm	VĐ1509; VM1305(1-2)	V8351-8353
6334	Một số vấn đề về kinh tế thị trường định hướng x* hội chủ nghĩa ở nước ta : Sách tham khảo	Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	276tr. - 19cm	VĐ1581; VM1312(1-2)	V8311-8313
6335	Các văn bản pháp luật về hợp tác xã : Văn bản 1999 - 2000	H. : Chính Trị Quốc Gia, 2001	376tr. - 21cm	VĐ1577(1-2); VM1315(1-2)	V8336-8339	
6336	Phát triển công nghiệp nông thôn ở Đồng Bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá	Hoàng Ngọc Hoà, Phạm Châu Long, Nguyễn Văn Thạo	H. : Chính Trị Quốc Gia, 2001	246tr. - 21cm	VĐ1578; VM1308(1-2)	V8323-8325
6337	Bộ luật tổ tụng hình sự của nước cộng hoà x* hội chủ nghĩa Việt Nam : Đ* được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tổ tụng hình sự đ* được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 30-6-1990, ngày 22-12-1992 và ngày 9-6-2000	H. : Chính trị Quốc Gia, 2000	190tr. - 19cm	VĐ1584(1-2); VM1311(1-8)	V8326-8334	
6338	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tổ tụng hình sự	H. : Chính trị Quốc Gia, 2000	31tr. - 19cm	VĐ1582; VM1310	V83118-8322	
6339	Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX	Đảng Cộng sản Việt nam	H. : Chính trị Quốc Gia, 2001	352tr. - 19cm	VĐ1580; VM1313(1-2)	V8343-8345
6340	Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nền văn hoá Việt nam : Sách tham khảo	Lê Quý Đức	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	203tr. - 19cm	VĐ1583; VM1309(1-3)	V8346-8349
6341	Các luật và pháp lệnh trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, giáo dục, thể thao, du lịch, khoa học công nghệ và môi trường	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	574tr. - 22cm	VĐ1506; VM1307(1-3)	V8364-8367	
6342	Tiến lên chủ nghĩa x* hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt nam : Sách tham khảo	Dương Phú Hiệp chủ biên	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	286tr. - 21cm	VĐ1576	V8363

6354	Gia cố nền đất yếu bằng bắc thăm thoát nước	H. : Xây dựng, 2000	24tr. - 31cm	VĐ1537(1-2); VM1318(1-18)	V8402-8421	
6355	Đất xây dựng phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn	H. : Xây dựng, 1999	17tr. - 31cm	VĐ1536(1-2); VM1317(1-18)	V8382-8401	
6356	Hệ chất lượng trong xây dựng : TCXD 219, TCXD 220, TCXD 221, TCXD 222	H. : Xây dựng, 1998	65tr. - 31cm	VĐ1535(1-2); VM1324(1-8)	V8452-8461	
6357	Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt - nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt	H. : Xây dựng, 1999	8tr. - 31cm	VĐ1534(1-2); VM1320(1-8)	V8436-8445	
6358	Các tiêu chuẩn Việt nam về quy hoạch xây dựng : TCVN 4417,TCVN 4418, TCVN 4448,TCVN 4092, TCVN 4454, TCVN 4449, TCVN 4616	H. : Xây dựng, 2000	268tr. - 31cm	VĐ1533(1-2)	V8462-8463	
6359	Hoàng Hà nhớ Hồng Hà thương : Lưỡng quốc Tướng quân Nguyễn Sơn	Trần Kiểm Qua; Nguyễn Đồng Thoại dịch	H. : Văn học, 2001	538tr. - 19cm	VĐ1590	V8513
6360	Từ Xtalín đến Enxin : Sách tham khảo	N. C. Baibacóp	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	603tr. - 22cm	VĐ1593; VM1325(1-3)	V8466-8469
6361	Phác hoạ chân dung : Tập ký	Bùi Xuân Vinh	H. : Lao động, 2000	212tr. - 19cm	VĐ1591; VM1328(1-8)	V8480-8488
6362	làng x* Việt nam một số vấn đề kinh tế - văn hoá - xã hội	Phan Đại Doãn	H. : Chính trị quốc gia, 2001	366tr. - 21cm	VĐ1594; VM1326(1-4)	V8470-8474
6363	Lời trời trăng của danh nhân	Thế Trường	H. : Thanh niên, 2001	311tr. - 21cm	VĐ1592; VM1327(1-4)	V8475-8479
6364	Bên dòng nhĩ hà	Nguyễn Thế Cơ chủ biên	H. : [Knxb], 2000	158tr. - 19cm	VĐ1595; VM1329(1-8)	V8504-8512
6365	11-9 thảm hoạ nước Mỹ	Thông tấn xã Việt nam	H. : Thông Tấn, 2001	259tr. - 19cm	VĐ1587; VM1331(1-3)	V8496-8499
6366	Cuộc chiến tranh không cân sức	Thông tấn xã Việt nam	H. : Thông tấn, 2001	302tr. - 19cm	VĐ1586; VM1333(1-3)	V8500-8503
6367	Bí mật tàu ngầm nguyên tử Kursk	Thông tấn xã Việt nam	H. : Thông tấn, 2001	258tr. - 19cm	VĐ1588; VM1330(1-3)	V8492-8495
6368	Hồ sơ mật về Osama Bin Laden và mạng lưới khủng bố quốc tế : Sách tham khảo	Roland Jacquard; Hoàng Khánh, Vũ Hiền Thảo dịch	H. : Thông tấn, 2001	275tr. - 19cm	VĐ1589; VM1332(1-2)	V8489-8491
6369	Giáo trình phương pháp đánh giá kinh tế địa chất	Đồng Văn Nhi chủ biên, Trương Xuân Luận, Nguyễn Tiến Dũng	H. : [Knxb], 2002	193tr. - 28cm	VĐ1550(1-5); Q534(1-239)	Q534(1-244)

	địa chất thủy văn		tài, 2002	27cm	Q540(1-559)	
6385	át lát máy nâng chuyển	Võ Quang Phiến, Cao Trọng Khuông, Đặng Trần Việt, Đinh Văn Chiến	H. : [Knxb], 2002	56:Minh hoạ. - 30cm	VĐ1554(1-10); Q541(1-40)	Q541(1-50)
6386	Tr3/4c địa cơ sở	Nguyễn Trọng San, Đào Quang Hiếu, Đinh Công Hoà	H. : Xây dựng, 2002	268:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1557(1-20); Q532(1-360)	Q532(1-380)
6387	Tr3/4c địa cơ sở	Nguyễn Trọng San, Đào Quang Hiếu, Đinh Công Hoà	H. : Xây dựng, 2002	261Minh hoạ. - 27cm	VĐ1558(1-20); Q533	Q533
6388	Tiếng Anh chuyên ngành tr3/4c địa mỏ	Võ Chí Mỹ	H. : Xây dựng, 2002	92tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1562(1-10); Q539(1-319)	Q539(1-329)
6389	Tr3/4c địa Mỏ	Võ Chí Mỹ	H. : Xây dựng, 2002	139:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1560(1-20); Q545(1-619)	Q545(1-639)
6390	Giáo trình công nghệ chế biến dầu và khí	Phan Tử Bằng	H. : Xây dựng, 2002	108tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1556(1-20); Q544(1-369)	Q544(1-389)
6391	Hình học mỏ	Nguyễn Xuân Thụy chủ biên, Phạm Công Khải	H. : Xây dựng, 2002	211tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1559(1-20); Q543(1-409)	Q543(1-429)
6392	Mở vỉa và khai thác hầm lò khoáng sản dạng vỉa	Trần Văn Huỳnh,...	H. : Giao thông vận tải, 2002	272tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ1561(1-20); Q542(1-869)	Q542(1-889)
6393	Giáo trình động thái và cân bằng nước dưới đất	Hoàng Kim Phụng	H. : [Knxb], 2002	103tr. - 30cm	VĐ1563(1-10); Q546(1-184)	Q546(1-194)
6394	Automatique : Commande des systèmes linéaires	Philippe de Larminat	Paris : Hermes, 1994	321tr. - 30cm	KĐ84	K45
6395	Electrical machines : According to New Revised Syllabus of North Maharashtra University (Effective from July 1999)	B.P Patil	Jalgaon : Vrinda	395tr. - 30cm	KĐ85	K46
6396	Intelligent Sensor Systems	John Brignell, Neil White	Bristol; Philadelphia : Institute of Physics, 1996	264tr. - 30cm	KĐ86	K47
6397	Systèmes asservis : Cours et problèmes	Joseph J. DiStefano, Allen R. Stubberud, Ivan J. Williams	Paris : McGraw-Hill, 1975	503tr. - 30cm	KĐ87	K48
6398	Automatic Control Systems : A Textbook for Engineering Students	S.N Verma, B.S. Manke	Delhi : Khanna, 1999	502tr. - 30cm	KĐ88	K49
6399	Electrical and Electronic Measurements	V.N. Ojha, B.S. Mathur	New Delhi : Metrology Society of India, 1995	250tr. - 30cm	KĐ89	K50
6400	Digital Image Processing and Analysis	Bhabatosh Chande, Dwijesh Dutta Majumder	New Delhi : Prentice Hall, 2001	365tr. - 30cm	KĐ90	K51
6401	Digital Techniques and Applications : For Scientifically Based Study Programme of Diploma courses in Engineering and Technology	K.S Patil, A.B Patil, G.P Bhatt, J.B. Rodrigues, Ms.K.S. Khobragade, T.V. Mohite Patil	Jalgaon : Vrinda , 1999	337tr. - 30cm	KĐ91	K52

6417	Hướng dẫn về quan hệ quốc tế trong giáo dục và đào tạo	H. : Giáo dục, 2002	612tr. - 22cm	VD1607(1-2)	V8581-8582	
6418	Về nhiệm vụ năm học 2002-2003	H. : Giáo dục, 2002	92tr. - 21cm	VD1606(1-2)	V8583	
6419	Trí thức giáo dục đại học Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước : Sách tham khảo	TS. Nguyễn Văn Sơn	H. : Chính trị Quốc gia, 2002	268tr. - 19cm	VD1605(1-2); VM1338(1-98)	V8584-8593
6420	Ngành giáo dục - đào tạo thực hiện nghị quyết Trung Ương 2 (khoá VIII) và nghị quyết đại hội Đảng lần thứ IX	H. : Giáo dục, 2002	275tr. - 24cm	VD1608	V8580	
6421	Triết học : Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	343tr. - 19cm	VD1602(1-5); Q548(1-35)	Q548(1-40)	
6422	Triết học : Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành Triết học	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	231tr. - 19cm	VD1603(1-5); Q549(1-35)	Q549(1-40)	
6423	Triết học : Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành Triết học	H. : Chính trị Quốc gia, 2001	202tr. - 19cm	VD1604(1-5); Q550(1-35)	Q550(1-40)	
6424	Từ điển địa chất Anh - Việt : Khoảng 20.000 thuật ngữ, có giải thích	Viện Nghiên cứu địa chất và Khoáng sản	H. : Nxb Từ điển Bách Khoa, 2001	840tr.: Minh hoạ. - 27cm	TD625-628	
6425	Giáo trình giáo dục quốc phòng phần II : Dùng giảng dạy và học tập cho sinh viên trường đại học Mô-Địa chất	Đỗ Kim Chiến, Lê Xuân Thanh, Nguyễn Văn Quảng	H. : [Knx], 2002	85tr. - 30cm	VD1568(1-5); Q556(1-179)	Q556(1-184)
6426	Giáo trình tiếng anh chuyên ngành tự động hoá xí nghiệp mỏ và dầu khí	Đào Văn Tân	H. : [Knx], 2002	283tr.: Minh hoạ. - cm	VD1567(1-5); Q557(1-139)	Q557(1-144)
6427	Bài tập vật lý đại cương : Dùng cho các trường đại học các khối công nghiệp, công trình thuỷ lợi, giao thông vận tải	Lương Duyên Bình, Nguyễn Hữu Hồ, Lê Văn Nghĩa, Nguyễn Quang Sinh	H. : Giáo dục, 2002	156tr.: Minh hoạ. - 20cm; Q558(1-200)	Q558(1-200)	
6428	Kĩ thuật điện tử : Đ* được hội đồng môn học của Bộ	Đỗ Xuân Thu, Đặng Văn Chuyết, Nguyễn Việt Nguyên,...	H. : Giáo dục, 2002	271tr.: Minh hoạ. - 27cm	VD1570(1-10); Q559(1-90)	Q559(1-100)

		Ngọc Huyền				
6445	Quản trị kinh doanh quốc tế	Bùi Lê Hà, Nguyễn Đông Phong, Ngô Thị Ngọc Huyền,...	T.p. Hồ Chí Minh : Thống kê, 2001	458tr.. - 21cm	VĐ1633(1-2)	V8940-8941
6446	Kế toán doanh nghiệp lý thuyết-bài tập mẫu và bài giải	Nguyễn Văn Công	H. : Tài chính, 2002	328tr.. - 19cm	VĐ1610(1-5); VM1340(1-45)	V8735-8784
6447	Hệ thống bài tập và bài giải kế toán quản trị	Huỳnh Lợi, Nguyễn Kh3/4c Tâm; Võ Văn Nhị hiệu đính	H. : Thống kê, 2001	360tr.. - 21cm	VĐ1611(1-2); VM1341(1-8)	V8866-8875
6448	Danh từ, thuật ngữ khoa học-công nghệ và khoa học về khoa học	Đỗ Công Tuấn chủ biên	H. : Khoa học kỹ thuật, 2002	179tr.. - 19cm	VĐ1612(1-2); VM1343(1-45)	V8805-8854
6449	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Vũ Hữu Tứ	H. : Giáo dục, 2002	526tr.. - 21cm	VĐ1613(1-2); VM1342(1-8)	V8795-8804
6450	Hướng dẫn đầu tư vào thị trường chứng khoán	Christine Stopp	T.p. Hồ Chí Minh : nxb Trẻ, 1999	368tr.. - 21cm	VĐ1614(1-2)	V8898-8899
6451	Quy trình soạn thảo và mẫu các văn bản thông dụng dùng trong quản lý đơn vị hành chính sự nghiệp và kinh tế	Lê Thành Kính, Châu Thành Nam	H. : Thống kê, 2002	600tr.. - 21cm	VĐ1615(1-2)	V8900-8901
6452	Kế toán tài chính : Sử dụng cho sinh viên ngành kế toán và sinh viên khối kinh tế thuộc các trường ĐH, CĐ và THCN	Võ Văn Nhị, Trần Anh Hoa, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trần Thị Duyên	H. : Thống kê, 2001	610tr.. - 24cm	VĐ1625(1-2); VM1348(1-5)	V8922-8928
6453	Kế toán và thuế trong doanh nghiệp	Võ Văn Nhị, Mai Thị Hoàng Minh	H. : Thống kê, 2001	2001tr.. - 24cm	VĐ1616(1-2)	V8876-8877
6454	Bài tập kế toán quản trị : Có lời giải mẫu	Phạm Văn Dược, Đào Tất Th3/4ng	T.p. Hồ Chí Minh : Thống kê, 2002	306tr.. - 24cm	VĐ1623(1-2); VM1347(1-3)	V8917-8921
6455	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng kinh tế hợp đồng thương mại	Phạm Văn Phần, Nguyễn Huy Anh	H. : Thống kê, 2001	434tr.. - 24cm	VĐ1624(1-2)	V8910-8911
6456	Cơ học đất	R. Whitlow; Vũ Công Ngữ hiệu đính	H. : Giáo dục, 1999	387tr.. - 21cm	VĐ1639; Q566(1-4)	Q566(1-5)
6457	Kế toán đại cương	Nguyễn Việt	T.p. Hồ Chí Minh : Thống kê, 2001	219tr.. - 23cm	VĐ1622(1-2)	V8915-8916
6458	Hợp đồng kinh tế và chế định về tài phán trong kinh doanh tại Việt nam	Bùi Thị Khuyên, Phạm Văn Phần, Phạm Thị Thuý Dương	H. : Thống kê, 2000	572tr.. - 24cm	VĐ1621(1-2)	V8938-8939
6459	Hướng dẫn lập-đọc-phân tích báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị : Theo quyết định số 167/2000QĐ-BTC ngày 25-10-2000 của Bộ	Võ Văn Nhị, Đoàn Ngọc Quế, Lý Thị Bích Châu	H. : Thống kê, 2001	316tr.. - 24cm	VĐ1620(1-2); VM1349(1-3)	V8929-8933

6475	Rocks, crystals, minerals	Rosie Hankin	New York : knickerbocker, 1998	224tr.:Minh hoạ. - 20cm	KD107	K70
6476	Rocks and minerals	Ruth Chasek	New York : Rosen Book Works, 2000	48tr.:Minh hoạ. - 22cm	KD106	K69
6477	Principles of hydrogeology	Paul F. Hudak	New York : Lewis, 2000	204tr.:Minh hoạ. - 24cm	KD105	K63
6478	Resource assessment in forested landscapes	David D. Reed, Glenn D. Mroz	New York : John Wiley & Sons, 1997	386tr.:Minh hoạ. - 25cm	KD104	K64
6479	Mineral processing and the environment	G.P.Gallios, K.A.Matis	Dordrecht : Kluwer Academic, 1998	403tr.:Minh hoạ. - 25cm	KD103	K65
6480	Handbook of Marine mineral deposits	David S. Cronan, Ph.D., D.Sc., Fimm	London : CRC, 2000	406tr.:Minh hoạ. - 26cm	KD102	K66
6481	Geochemistry of hydrothermal ore deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	972tr.:Minh hoạ. - 24cm	KD101	K62
6482	Ecology and natural resource management : Systems analysis and simulation	William E.Grant, Ellen K. Pedersen, Sandra L.Marin	New York : John Wiley & Sons, 1997	273tr.:Minh hoạ. - 24cm	KD100	K61
6483	Minerals in thin section	Dexter Perkins, Kevin R. Henke	New Jersey : Prentice-Hall, 2000	125tr.:Minh hoạ. - 27cm	KD108	K67
6484	Automation in mining, mineral and metal processing 1998	J. Heidepriem	Oxford : Pergamon, 1999	400tr.:Minh hoạ. - 30cm	KD109	K68
6485	Geochemistry of hydrothermal ore deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	248tr.:Minh hoạ. - 30cm	KD67	K24
6486	Geochemistry of hydrothermal ore deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	236tr.:Minh hoạ. - 30cm	KD68	K25
6487	Environmental Management and Business Strategy : Leadership Skills for the 21st Century	Bruce W.Piasecki	New York : John Wiley & Sons	336tr.:Minh hoạ. - 30cm	KD 66	K32
6488	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	259tr.:Minh hoạ. - 30cm	KD69	K26
6489	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	227tr.:Minh hoạ. - 30cm	KD70	K27
6490	Geochemistry of Hydrothermal Ore Deposits	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	207tr.:Minh hoạ. - 30cm	KD71	K28
6491	Geochemistry of Hydrothermal Ore	Hubert Lloyd Barnes	New York : John Wiley & Sons, 1997	250tr.:Minh hoạ. - 30cm	KD72	K29

	trường đại học, cao đ1/4ng : Dùng trong các trường đại học, cao đ1/4ng					
6506	Giáo trình cơ sở kỹ thuật nhiệt	Võ Xuân Minh	H : [Knxb], 2003	103tr. - 30cm	VĐ1689(1-10); Q577(1-84)	Q577(1-94)
6507	Giáo trình phương pháp số : Dùng cho sinh viên các ngành kỹ thuật	Lê Ngọc Lăng, Nguyễn Minh Mẫn, Lê Thái Thanh, Nguyễn Quốc Lân	H : [Knxb], 2003	109tr. - 30cm	VĐ1687(1-10); Q578(1-84)	Q578(1-94)
6508	Giáo trình động cơ đốt trong	Lê Kinh Thanh	H : [Knxb], 2003	81tr. - 30cm	VĐ1688(1-10); Q579(1-124)	Q579(1-134)
6509	Một số vấn đề về lý luận, phương pháp luận phương pháp xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế Việt Nam	H : Chính trị quốc gia , 2002	504tr. - 26cm	VĐ1690(1-2)	V8963-8964(1-2)	
6510	Chủ tịch Hồ Chí Minh với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc	H : Công an nhân dân, 2002	1445tr. - 30cm	VĐ1691	V8965	
6511	Giáo trình trạm điện	Trần Bá Đề	H. : [knxb], 2003	241tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1702(1-10); Q583(1-344)	Q583(1-144)
6512	Giáo trình chế biến khoáng sản	Nguyễn Ngọc Phú	H. : [knxb], 2003	161tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1703(1-10); Q584(1-84)	Q584(1-94)
6513	Giáo trình địa chất các mỏ khoáng sản : Dùng cho sinh viên ngành địa chất thủy văn và địa chất công trình	Trần Anh Ngoan	H. : [knxb], 2003	156tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1704(1-10); Q585(1-134)	Q585(1-144)
6514	Giáo trình địa chất các mỏ khoáng sản đại cương : Dùng cho sinh viên ngành Địa vật lý và Khoan thăm dò	Nguyễn Quang Luật	H. : [knxb], 2003	129tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1705(1-10); Q586(1-134)	Q586(1-144)
6515	Hướng dẫn thí nghiệm kỹ thuật điện tử số : Dùng cho sinh viên ngành Điện - Điện tử số	Kim Ngọc Linh	H. : [knxb], 2003	55tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1707(1-10); Q587(1-54)	Q587(1-64)
6516	Giáo trình các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình	Lê Trọng Th3/4ng	H. : [knxb], 2003	117tr.: minh hoạ. - 30cm	VĐ1706(1-10); Q588(1-129)	Q588(1-139)
6517	Hội thảo đổi mới phương pháp dạy - học ở đại học, cao đ1/4ng : Các báo cáo tham luận	H. : [knxb], 2003	[khoảng 300tr]. - 30cm	VĐ1708(1-2)	V8966-V8967	

	technology					
6532	Microcomputer Applications	Wilson T.Price	Rinehart and Winston : The dryden, [198-?]	670tr.: minh hoa. - 26cm	BP33(1-5)	B56-60
6533	Physical Science	Bill W.Tillery	Dubuque : Wm.C.Brown, 1990	609tr.: minh hoa. - 29cm	BP31(1-2)	B47B50
6534	Soils an introduction	Michael J.Singer, Donald N.Munns	New York ; London : Macmillan, [198-?]	492tr.: minh hoa. - 25cm	BP30(1-4)	B43-46
6535	Computers and Applications : An introduction to data processing	Daniel L.Slotnick, Evan M.Butterfield, Ernest S.Colantonio,...	Toronto : D.C.Heath, [198-?]	675tr.: minh hoa. - 25cm	BP29(1-2)	B41B42
6536	Statistics	David Freedman, Robert Pisani, Roger Purves	New York ; London : W.W.Norton, C'1978	506tr.: minh hoa. - 25cm	BP34(1-2)	B61B62
6537	Basic grammar and usage	Penelope Choy, James McCormick	San Diego,... : Harcourt Brace Jovanovich, [198-?]	255tr.: minh hoa. - 23cm	BP38(1-3)	B69-71
6538	Introduction to Biology : <A>Human Perspective	Donald J.Farish	Boston; Portola Valley : Jones and Bartlett, C'1986	574tr.: minh hoa. - 23cm	BP37(1-2)	B67B68
6539	Introduction to Materials Science for Engineers	James F. Shackelford : Macmillan, C'1988	732tr.: minh hoa. - 23cm	BP36(1-2)	B65B66	
6540	Fundamentals of Engineering Thermodynamics : SI Version	John R.Howell, Richard O.Buckius : McGraw-Hill, C'1987	643tr.: minh hoa. - 23cm	BP35(1-2)	B63B64	
6541	General Chemistry	J.W.Atkins	N.Y. : Scientific American, C'1989	989tr.: minh hoa. - 25cm	BP46(1-4)	B85-88
6542	Physics	David Halliday, Robert Resnick : John Wiley Sons, C'1986	1335tr.: minh hoa. - 25cm	BP45	B84	
6543	PC/MS Dos Fundamentals	Carolyn Z. Gillay	Cumpus : Fanklin, Beedle Associates, C'1988	340tr.: minh hoa. - 23cm	BP43	B82
6544	Mathematical Ideas	Charles D. Miller, Vern E. Heeren	London : Scott, Foresman, C'1986	751tr.: minh hoa. - 23cm	BP42(1-4)	B78-81
6545	Engineering Materials and Their Applications	Richard A. Flinn, Paul K. Trojan	Boston : Houghton Mifflin, C'1986	742tr.: minh hoa. - 23cm	BP40(1-2)	B74B75
6546	Geography Region and Concepts	Harm J. Deblij, Peter O. Muller : John Wiley i Sons, C'1988	662tr.: minh hoa. - 28cm	BP64	B125	
6547	Pascal plus Data Structures, Algorithms, and Advanced Progammng	Nell Dale, Susan C. Lilly	Toronto : D.C.Heath, 1985	490tr.: minh hoa. - 23cm	BP39(1-2)	B72B73

	Concepts, Procedures, and troubleshooting techniques					
6562	Instructor's resource guide for intermediate algebra	Mervin L. Keedy, Marvin L. Bittinger	San Juan : Addison Westley, C'1987	370tr. - 27cm	BP53	B107
6563	The Nuclear age reader	Jeffrey Porro, Paul Doty, Carl Kaysen, Jack Ruina	N.Y. : Alfred A.Knopf, C'1989	541tr.: minh hoạ. - 28cm	BP52	B106
6564	Electrical Wiring Commercial : Based on the 1987 National Electrical Code	Ray C.Mullin, Robert L.Smith	N.Y. : Delmar, C'1987	253tr.: minh hoạ. - 28cm + 3 sơ đồ	BP51	B105
6565	Inquiry into life	Sylvia S.Mader	Dubuque : Wm.C.Brawn, C'1988	802tr.: minh hoạ. - 29cm	BP66	B127
6566	Master electrician's workbook : Based on the 1990 NEC	James G. Stallcup	ILLNOIS : American Technical, C'1989	458tr.: minh hoạ. - 27cm	BP65	B126
6567	Motor introduction to auto electrical systems	The Hearst Corporation	N.Y. : Motor, [19--?]	216tr.: minh hoạ. - 27cm	BP63(1-5)	B120-124
6568	Making peace with the planet	Barry Commoner	N.Y. : Pantheon, C'1990	292tr. - 24cm	BP74	B135
6569	Four Software tools : with Lotus 1-2-3, WordPerfect, and dBASE III Plus	Tim Duffy	California : Wadsworth, C'1988	601tr.: minh hoạ. - 28cm	BP69	B130
6570	Winning at technological innovation	Robert D. Englert	Toronto : McGraw-Hill, C'1990	235tr. - 24cm	BP72	B133
6571	Heath Student Atlas	Toronto : D.C.Heath, C'1987	121tr.: minh hoạ. - 28cm	BP70	B131	
6572	Geography regions and concepts	H.J.De Blij, Peter O.Muller	N.Y. : John Wiley & Sons, C'1991	638tr.: minh hoạ. - 28cm	BP68	B129
6573	The Nature of Life	John H. Postlethwait	New York,... : McGraw-Hill, C'1989	820tr.: minh hoạ. - 28cm	BP67	B128
6574	Designing Cost - Efficient Mechanisms : Minimum Constraint design, Designing with Commercial Components, and Topics in Design Engineering	Lawrence J. Kamm	New York,... : McGraw-Hill, C'1990	250tr.: minh hoạ. - 24cm	BP71	B132
6575	VM Performance Management	Trevor Edolls	New York,... : McGraw-Hill, C'1989	265tr.: minh hoạ. - 24cm	BP73	B134
6576	Foundations for	Robert E.Collin	New York,... :	589tr.: minh hoạ. -	BP86	B147

6589	Population growth in Latin America and U.S.national security	John Saunders	Boston,... : Allen Unwin, C'1986	305tr.: minh hoạ. - 24cm	BP95	B161
6590	Agriculture and Water Resources in the West Bank and Gaza(1967-1987)	David Kahan	Colorado : Westview, C'1987	181tr.: minh hoạ. - 23cm	BP94	B160
6591	The McGraw-Hill College Handbook	Richard Marius, Harvey S.Wiener	NewYork,... : McGraw-Hill, C'1988	841tr.: minh hoạ. - 21cm	BP93(1-3)	B157-159
6592	The Random House Handbook	Frederick Crews	New York : Random House, C'1987	630tr.: minh hoạ. - 21cm	BP92(1-2)	B155B156

6593	In-House Publishing in a Mainframe Environment	P.C. McGrew, W.D. McDaniel	New York,... : McGraw-Hill, C'1991	377tr.: minh hoạ. - cm	BP91	B154
6594	Irrigation Development in Africa Lessons of Experience : Studies in Water Policy and Management, No.14	Jon R. Moris, Derrick J. Thom : Westview, [1990]	677tr.: minh hoạ. - 22cm	BP90	B153	
6595	Elementary Linear Algebra	Roland E. Larson, Bruce H. Edwards	Toronto : D.C. Heath, C'1988	471tr.: minh hoạ. - 24cm	BP89(1-2)	B151B152
6596	Engineering Fluid Mechanics	John A. Roberson, Clayton T. Crowe	Boston : Houghton Mifflin, C'1985	712tr.: minh hoạ. - 24cm	BP88	B150
6597	In the beginning an introduction to archaeology	Brian M. Fagan	Illinois : Scott, Foresman, C'1988	634tr.: minh hoạ. - 23cm	BP87(1-2)	B148B149
6598	Quality of Life in the Soviet Union	Horst Herlemann	Boulder ; London : Westview, C'1987	182tr.: minh hoạ. - 22cm	BP108	B176
6599	Global Crises and Social Movements : Artisans, Peasants, Populist, and the World Economy	Edmund Burke, III	Boulder ; London : Westview, C'1988	276tr.: minh hoạ. - 24cm	BP107	B175
6600	Review of organic functional groups : Introduction to medicinal organic chemistry	Thomas L. Lemke	Philadelphia : Lea Febiger, C'1988	142tr.: Minh hoạ. - 24cm	BP106	B174
6601	Ethical decisions for social work practice	Frank Loewenberg, Ralph Dolgoff	Illinois : F.E. Peacock, C'1988	174tr. - 24cm	BP105	B173
6602	Explaining human behavior : Consciousness, human action and	Paul F. Secord	Beverly Hills,... : Sage, C'1982	320tr. - 22cm	BP104	B172

	Electroorganic Synthesis	Cheremisinoff	C'1982			
6617	The Skills of Helping Individuals and Groups	Lawrence Shulman	illinois : F.E. Peacock, C'1984	432tr. - 24cm	BP122	B198
6618	Chemistry in water reuse	William J. Cooper	Butterworth : Ann Arbor, C'1981	557tr.: minh hoạ. - 24cm	BP123(1-2)	B199B200
6619	Deep Water : Development and Change in Pacific Village Fisheries	Margaret Critchlow Rodman	Boulder : London : Westview, C'1989	173tr. : minh hoạ. - 22cm	BP114	B187
6620	Human Migration	W.A.V. Clark	Beverly Hills : Sage, C'1986	96tr.: minh hoạ. - 22cm	BP113(1-5)	B182-186
6621	Adsorption of Inorganics at Solid-Liquid Interfaces	Marc A. Anderson, Alan J. Rubin	Butterworth : Ann Arbor, C'1981	357tr.: minh hoạ. - 24cm	BP116	B191
6622	Evaluation Studies : Review Annual	William R. Shadish, Charles S. Reichardt	Newbury Park : Sage, C'1987	691tr. - 23cm	BP112	B181

6623	International Conference on Application of Adsorption to Wastewater Treatment	W. Wesley Eckenfelder	Boston : Enviro, C'1981	615tr.: minh hoạ. - 24cm	BP110	B178
6624	Cultural Anthropology Handbook : <A>Basic Introduction	Frank Robert Vivello	New York,... : McGraw-Hill, C'1978	268tr.: minh hoạ. - 23cm	BP109	B177
6625	Chemistry : <A>Search to Understand	Anna J. Harrison, Edwin S. Weaver	San Diego,... : Harcourt Brace Jovanovich, C'1989	601tr.: minh hoạ. - 24cm	BP24(1-6)	B26-31
6626	Well Logging I-Rock Properties, Borehole Environment, Mud and Temperature Logging	Jame R. Jorden, Frank L. Campbell	New York : [s.n.], C'1984	167tr.: minh hoạ. - 29cm	KD164	B313
6627	Biochemistry	Lubert Stryer	New York ; San Francisco : W.H. Freeman, C'1981	949tr. : minh hoạ. - 27cm	BP25(1-2)	B32B33
6628	Calculus of Several Variables	Dennis D. Berkey	New York,... : Saunders College, C'1988	1003tr.: minh hoạ. - 26cm	BP127	B303
6629	Yanomamo The Fierce People	Napoleon A. Chagnon	New York,... : Holt, Rinehart and Winston, C'1977	224tr.: minh hoạ. - 24cm	BP125	B202

6647	McGraw-Hill Microcomputing	Timothy J. O'Leary, Brian K. Williams, Linda I. O'Leary	New York,... : McGraw-Hill, 1989	158tr.: minh hoạ. - 26cm	BP8	B8
6648	Designing electrical systems : based on the 1990 national electrical code	James G. Stallcup	Illinois : American Technical, C'1989	370tr.: minh hoạ. - 28cm	BP12	B12
6649	Sign electrician's workbook : Based on the 1990 NEC	James G. Stallcup	Illinois : American Technical, C'1990	90tr.: minh hoạ. - 28cm	BP11	B11
6650	Journeyman electrician's workbook : exam preparation- upgrading : based on the 1990 NEC	James G. Stallcup	Illinois : American Technical, C'1989	164tr.: minh hoạ. - 28cm	BP10	B10
6651	Software Tools in Business : WordPerfect 4.2, 5.0, 5.1 Lotus 1-2-3, Release 2.01, 2.2 dBASE III PLUS	Timothy Trainor, Jeffrey Stipes	New York,... : McGraw-Hill, C'1991	[ca400p.]: minh hoạ. - 24cm	BP14(1-2)	B14B15
6652	Cases and applications in lotus 1-2-3 : Releases 2, 2.2 and 3	Jack A. Holt	Homewood, Illinois : Irwin, 1990	342tr.: minh hoạ. - 28cm	BP9	B9
6653	The complete scanner handbook for desktop publishing, macintosh edition	David D. Busch	Homewood, Illinois : Irwin, 1991	386tr.: minh hoạ. - 24cm	BP16	B17
6654	Physics glassical and modern	W. Edward Gettys, Frederick J Keller, Malcolm J. Skove	New York : McGraw- Hill, 1989	1093tr.: minh hoạ. - 25cm	BP13	B13
6655	Précis de géologie : A L'usage des candidats a la licence ès sciences, au s.p.c.n. et aux grades écoles	Léon Moret	Paris : Massion et C, 1955	669tr.: minh hoạ. - 22cm	KD113	B423
6656	Atlas of ventilation L safety engineering in China's coal mines	Li Xuengcheng, Wang Xingshen	Xuzhou : China university of mining and technology , 1995	645tr.: minh hoạ. - 28cm	KD114	B424
6657	Structural geology	V. V. Belousov	Moscow : Mir, 1968	179tr.: minh hoạ. - 21cm	KD115	B291
6658	Handbook and clendar 1993	Perth Western Australia : Curtin university of technology, 1992	570tr.: minh hoạ. - 24cm	KD120	KV736	

			C'1991			
6676	Geologisches Arbeiten	Pad R. Heppner,...	German : WEB Deutscher Verlag für Grundstoffindustrie. Leipzig, C'1986	373tr.: minh hoa. - 24cm	KĐ163	K112
6677	Sprengtechnisches Handbuch	[German?]: Dynamit Nobel, [19--?]	153tr.: minh hoa. - 22cm	KĐ154	K97	
6678	Ein Beitrag zur Bewertung untertagiger Entsorgungsanlagen aus bergtechnischer Sicht unter besonderer Berücksichtigung sicherheitlicher Aspekte	Holger Koch	[German?]: Verlag, [1998?]	142tr.: minh hoa. - 21cm	KĐ155	K100
6679	Spulversatz im Salzbergbau	H. Rauche	Freiberg : TU Bergakad, 2001	162tr.: minh hoa. - 21cm	KĐ156	K99
6680	Spezialabteufverfahren Schachtausbau und Untertage Querschnittsabdichtungen	H. Kahnes,...	Freiberg : Bergakademie, [19--?]	192tr.: minh hoa. - 20cm	KĐ157	K96
6681	Small- Scale Gold- Mining : Processing Techniques in Developing Countries	Michael Priester, Thomas Hentschel	Lengerich : Vieweg, 1992	96tr.: minh hoa. - 24cm	KĐ149	K89
6682	Improved Biogas Unit for Developing Countries : The CAMARTEC Biogas Unit; : A Publication of Deutsches Zentrum für Entwicklungstechnologien- GATE in: Deutsche Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit (GTZ)GmbH	Ludwig Sasse, Christopher Killner, Ainea Kimaro	Braunschweig : Wiesbaden : Vieweg, 1991	98tr.: minh hoa. - 24cm	KĐ150	K90
6683	Sensortechnik aktuell - Ausgabe 2001 : Trends, Produkte und Entscheidungshilfen	Herausgegeben von, Gunther W. Schanz	München : Oldenbourg, C'2001	123tr.: minh hoa. - 24cm	KĐ151	K98
6684	Marine Aquarium Keeping	Stephen Spotte	New York,... : John Wiley Sons, C'1993	175tr.: minh hoa. - 24cm	KĐ152	K87
6685	Projects for a healthy planet : Simple Environmental Experiments for Kids	Shar Levine, Allison Grafton	New York,... : John Wiley Sons, C'1992	95tr.: minh hoa. - 21cm	KĐ153	K88
6686	1. Baustoffkolloquium, 14. Freiburger Steine- und Erden- Kolloquium : am 19./20. Oktober 2000, Veranstaltungsort: TU Bergakademie Freiberg	Technische Universität Bergakademie Freiberg : Freiberg, 2000	200tr.: minh hoa. - 30cm	KĐ136	K104	
6687	Faszination Baumaschinen - Giganten im Erd - und Tagebau	Heinz-Herbert Cohrs, Rainer Oberdrevermann	Isernhagen : Giesel Verlag, 2000	277tr.: minh hoa. - 33cm	KĐ137	K103
6688	Principles of engineering geology	Robert B. Johnson, Jerome V. DeGraff	New York,... : John Wiley Sons, C'1988	497tr.: minh hoa. - 26cm	KĐ143	K93
6689	Ecology of North America	Eric G. Bolen	New York,... : John Wiley Sons, C'1998	448tr.: minh hoa. - 24cm	KĐ144	K86
6690	The Protection and Conservation of Water Resources : <A>British Perspective	Hadrian F. Cook	Chichester,... : John Wiley Sons, C'1998	336tr.: minh hoa. - 25cm	KĐ145	K85
6691	The World of Opals	Allan W. Eckert	New York,... : John Wiley	448tr.: minh hoa. -	KĐ146	K84

	International Association of Engineering Geology : 6-10 August 1990 / Amsterdam / Netherlands					
6701	Mining for Tomorrow's World : Proceedings	Germany : Messe Dusseldorf, 1999	373tr.: minh hoạ. - 30cm	KĐ135	K101	
6702	Proceedings Sixth International Congress International Association of Engineering Geology : 6-10 August 1990 / Amsterdam / Netherlands	D.G.Price	Netherlands : A.A.Balkema,..., C'1990	337tr.: minh hoạ. - 26cm	KĐ142	K109
6703	Surface Mining : Braunkohle □ Other Minerals	Germany : Trans Tech Publications, 2001	280tr.: minh hoạ. - 30cm + 1 sơ đồ	KĐ134	K102	
6704	Pascal Plus Data Structures, Algorithms, and Advanced Programming	Nell Dale, Susan C. Lilly	Toronto : D. C. Heath, C'1988	575tr.: minh hoạ. - 23cm	BP41	B76B77
6705	Giáo trình Cơ sở kỹ thuật điện : Dùng cho sinh viên Đại học ngành máy ... thiết bị mỏ, cơ - điện tử ... sinh viên các ngành điện hệ Cao đẳng/4ng	Kim Ngọc Linh, Nguyễn Thạc Khánh, Đào Đ3/4c Tuyên, Uông Văn Quang	H. : [knxb], 2003	190tr.: minh hoạ. - 29cm	VĐ1712(1-10); Q590(1-136)	Q590(1-146)
6706	Tư tưởng Hồ Chí Minh di sản văn hoá dân tộc	Biên tập : Nguyễn Hữu Đức	H. : Quân đội nhân dân, 2002	732tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1713; VM792	V.8973-8974
6707	Xây dựng Đảng rèn luyện đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Biên tập : Lê Hải Triều	H. : Quân đội nhân dân, 2003	640tr.: minh hoạ. - 27cm	VĐ1714; VM788	V.8975-8976
6708	Tập cho học sinh giỏi toán làm quen dần với nghiên cứu toán học : Sách dùng cho chủ yếu học sinh phổ thông trung học giỏi toán ... có thể làm tài liệu tham khảo cho các thầy dạy toán phổ thông...	Nguyễn Cảnh Toàn	H : Giáo dục, 1992	215tr.:Minh hoạ. - 21cm; VM793	V3812	
6709	Giáo trình lý thuyết và xác suất thống kê toán : Dùng cho sinh viên kinh tế	Nguyễn Đình Cừ, Nguyễn Cao Văn	H : Thống kê, 1991	287tr.. - 19cm; VM898	V3715	
6710	Toán học là gì ? : Phác thảo sơ cấp về tư tưởng và phương pháp	R. Courant, H. Robbins	H : Khoa học và kỹ thuật , 1984	163tr.. - 19cm; VM372	V17	
6711	Spaceship Earth / Earth Science	Joseph H. Jackson, Edward D. Evans	Boston : Houghton Mifflin, C'1984	579tr.: minh hoạ. - 23cm	KĐ169	K.117
6712	Elementary Statistics	Mario F. Triola	Massachusetts,... : Addison-	730tr.: minh hoạ. -	KĐ170	K.116

	cho học sinh, sinh viên sau cai	PCAIDS - PCMT - TNXH		19cm	VM1593(3)	
6730	Lịch sử trang phục các triều đại phong kiến Việt Nam	Trịnh Quang Vũ	H. : Văn hoá thông tin, 2007	299tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2208	V11054
6731	Tìm lại làng Việt Xưa	Vũ Duy Mên	H. : Văn hoá thông tin, 2006	456tr.:Minh hoạ. - 20,5cm	VĐ2210	V11058
6732	Những Làn điệu chèo cổ chọn lọc	Hoàng Kiều, Hà Hoà	H. : Văn hoá thông tin, 2007	355tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2207	V11053
6733	Cảm nhận bản s3/4c Nam Bộ	Huỳnh Công Tín	H. : Văn hoá thông tin, 2006	467tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2209	V11057
6734	Người dao ở Việt Nam	Vũ Quốc Khánh	H. : Nhà Xuất bản thông tấn, 2007	163tr.:Minh hoạ. - 20cm	VĐ2206; VM1599	V11051-11052
6735	Tìm hiểu văn hoá dân tộc	Đặng Việt Bích	H. : Văn hóa thông tin, 2006	377tr.:Minh hoạ. - 20cm	VĐ2205	V11050
6736	Tai biến động đất các tỉnh Tây B3/4c Việt Nam	Cao Đình Triều, Nguyễn Đình Xuyên, Nguyễn Hồng Phương, Nguyễn Thanh Tùng	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2006	216tr.:Minh hoạ. - 20cm	VĐ2203; VM1597	V11046-11047
6737	Bác Hồ với Hà Nội và những năm tháng không thể nào quên	Nguyễn Hoàng Diệp, Nguyễn Phương Thanh, Nguyễn Nữ Hoàng Anh	H. : Văn hoá thông tin, 2005	360tr.:Minh hoạ. - 20,5cm	VĐ2202; VM1596	V11044-11045
6738	Các văn bản pháp quy hướng dẫn công tác đảm bảo chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm trong trường học	H. : Thống kê, 2005	88tr.:Minh hoạ. - 20,5cm	VĐ2201; VM1595	V11042 - 11043	
6739	Nơi ở và làm việc của chủ tịch Hồ Chí Minh tại phủ chủ tịch	Bùi Kim Hồng	H. : Văn hoá thông tin, 2006	77tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2200(2); VM1594	V11039 - 11041
6740	Vào nghề làm sách	Nguyễn Văn Toại	H. : Văn hoá thông tin, 2006	295tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2198; VM1592	V11032-11033
6741	Hội nghị khoa học kỹ thuật mô toàn Quốc lần thứ XVII : Tuyển tập báo cáo khoa học	Đà N1/2ng : Tại nhà in Khoa học và công nghệ, 2006	712tr.:Minh hoạ. - 28,5cm	VĐ2212	V11055	
6742	Những văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy và chữa cháy	Bùi Văn Ngân	H. : Công an nhân dân, 2006	951tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2211; V	V11056
6743	Computing Essentials 2005	Timothy j. O'Leary, Linda I. O'Leary	Boston Burr Ridge : Mc Graw Hill Technology	509tr.:Minh hoạ. - 27cm + 01 đĩa CD	KĐ439	K280

	compostion	Royster, William Strong,...	Hill, C'2001			
6757	Writer's choice Grammar and composition	Mark Lester, Sharon O'Neal, Jacqueline Jones Royster,...	New York : Glencoe/McGraw-Hill, C'2001	tr832:Minh hoạ. - 20cm	KĐ416	K252
6758	Writer's choice grammar and composition	Mark lester, Sharon O'Neal, Jacqueline Jones Royster,...	New York : Glencoe/McGraw-Hill, C'2001	tr900:Minh hoạ. - 27cm	KĐ417(2)	K253-254
6759	The World almanac and book of facts 2005 : The authority since 1868	New york : World almanac books, C'2005	1008tr:Minh hoạ. - 20cm	KĐ414	K250	
6760	Mocrosoft office 2000 : The o'leary series	Timothy J.O'Leary, Linda I. O'Leary	Boston Burr Ridge : Mc Graw Hill, 2000	956tr:Minh hoạ. - 20cm	KĐ420	K257
6761	Pacific High : Adventures in the Coast Ranges from Baja to alaska	Tim Palmer	Island press : Washington, C'2002	468tr.:Minh hoạ. - 19cm	KĐ412	K247
6762	The world almanac and book of facts 2004 : The authority since 1868	New york : World almanac books, C'2004	1008tr.:Minh hoạ. - 19cm	KĐ413(2)	K248-249	
6763	At the ends of the earth : A history of the rolar regions	Kieran Mulvaney	Island Press : Washington, C'2001	286tr.:Minh hoạ. - 19cm	KĐ411(2); VM(1-)	K245-246
6764	Computing essentials 2004	Timothy J. O'leary, Linda I. O'leary	Boston Burr Ridge : Mc Graw Hill Irwin, C'2004	329tr.:Minh hoạ. - 27cm + 02 đĩa CD	KĐ422	K261
6765	Computing essentials 2004	Timothy J.O'leary, Linda I. O'Leary	Boston Burr Ridge : Mc Graw Hill Irwin, C'2004	467tr.:Minh hoạ. - 27cm + 02 đĩa CD	KĐ421	K260
6766	English Skills With Readings	John Langan	Boston Burr Ridge : Mc Garw Hill, C'2002	742tr.:Minh hoạ. - 20cm + 01 đĩa CD	KĐ424	K263
6767	Justice and natural resources: concepts,Strategies, and Applications	Kathryn M. Mutz, Gary C. Bryner, Douglas S. Kenney	Washington : Island Press, C'2002	tr368:Minh hoạ. - 20cm	KĐ425	K264
6768	World atlas for intermediate students	New York : Macmillan/McGraw-Hill, C'1997	tr91:Minh hoạ. - 27cm	KĐ426	K426	
6769	Applied calculus: for business, Economics, and the social and life sciences	Laurence D. Hoffmann, Gerald L. Bradley, Kenneth H. Rosen	Boston Burr ridge : MC Graw-Hill Higher education, C'2005	tr976.:Minh hoạ. - 27cm	KĐ418	K255
6770	Engineering the farm : Ethical and social	Britt Bailey, Marc lappe'	Washington : Island Press, C'2002	202tr.:Minh hoạ. - 19cm	KĐ423	K423

6784	environmental issues Modeling in natural resource management: development, interpretation, and application	Tanya M Shank, Alan B Franklin	Washington : Island press, C'2001	tr223:Minh hoạ. - 20cm	KĐ449	K291
------	---	-----------------------------------	--------------------------------------	---------------------------	-------	------

6785	Geology today understanding our planet : Instructor's manual and test bank	Barbara W Murck, Brian J Skinner	New york : John Wiley & Sons, INC, C'1999	tr190:Minh hoạ. - 27cm	KĐ453(2)	K295-296
6786	Great Basin riparian areas: ecology, management, and restoration	Jeanne C Chambers, Jerry R Miller	Washington : Island press, C'2004	tr303:Minh hoạ. - 20cm	KĐ454	K297
6787	Chemistry interactive study CD-ROM: chemistry in context applying chemistry to society	America : McGraw- Hill higher, C'2005	01 đĩa CD	KĐ452	K294	
6788	After the fact interactive: envisioning the atlantic world	America : MCGRAW- Hill Higher education, C'2003	01 đĩa CD-ROM	KĐ451	K293	
6789	Stratigraphic units of Viet Nam	Tong Duy Thanh, Vu Khuc	H. : Vietnam national university publishing house, 2006	tr526:Minh hoạ. - 27cm	KĐ455	K298
6790	Những nhà lãnh đạo xuất sắc nhất của cách mạng Việt Nam	Bùi Việt B3/4c (Chịu trách nhiệm x.bản)	H. : Văn hoá - thông tin, 2007	645tr:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2230	V11059-11060
6791	Đổi mới nâng cao năng lực vai trò, trách nhiệm, đạo đức của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trong xu thế Việt Nam hội nhập quốc tế	Nguyễn Đình Thiểm (Chịu trách nhiệm X.bản)	Lao động-xã hội : H., 2007	709tr:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2231	V11061-11062
6792	Chế độ kế toán và quyền tự chủ tài chính trong các nhà trường cơ sở giáo dục và đào tạo (Ban hành năm 2007): Nghiệp vụ công tác kế toán mới ban hành trong nhà trường và các cơ sở giáo dục - đào tạo (ban hành năm 2007),...	Nguyễn Đình Thiểm (Chịu trách nhiệm xuất bản)	Lao động - xã hội : H., 2007	653tr:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2232	11063-11064
6793	Tổng bí thư Lê Duẩn	Vũ Quốc Khánh (Chịu trách nhiệm xuất bản)	Nxb.Thông tấn : H., 2007	211tr:Minh hoạ. - 25cm	VĐ2233	V11065
6794	Đồng chí Trường Chinh	Vũ Quốc Khánh (Chịu trách nhiệm xuất bản), Phạm Đình An dịch	Nxb.Thông tấn : H., 2007	201tr:Minh hoạ. - 25cm	VĐ2234	V11065
6795	Thương mại điện tử và kinh doanh điện tử	Lưu Đức Văn (chịu trách nhiệm xuất bản)	H. : Nxb.Bưu điện, 2006	83tr:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2240(2); VM1611(8)	V1136-1145
6796	Tài liệu hướng dẫn về bảo vệ môi trường cho các truyền thông viên là đoàn viên thanh niên	Cục bảo vệ môi trường	H. : Knxb, 2006	103tr:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2247; VM1615	V11167-11168

	sách phổ biến kiến thức về công nghệ thông tin và truyền thông-ICT	Nguyễn Thành Phúc chủ biên; Bùi Thu Hà dịch		hoạ. - 19cm	VM1611(8)	
6814	Giáo trình lý thuyết thông tin	Nguyễn Bình biên soạn	H. : Bưu điện, 2007	305tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2239(2); VM1610(8)	V11146-11155
6815	Vai trò của Việt Nam trong Asean	Phùng Đăng Bách, Nguyễn Văn Huệ, Phan Xuân Hà,...	H. : Thông tấn, 2007	413tr.:Minh hoạ. - 20cm	VĐ2238; VM1612	V11156-11157
6816	Trường Đại học Mỏ - Địa chất 40 năm xây dựng và phát triển 15-11-1966 * 15-11-2006	Trần Đình Kiên (Chịu trách nhiệm xuất bản)	H., 2006	99tr.:Minh hoạ. - 30cm	VĐ2237(2); VM1605(2)	V11072-11075
6817	Cẩm nang những quy định mới nhất về công tác quản lý giáo dục dành cho các hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thiêm (Chịu trách nhiệm xuất bản)	H. : Lao động - xã hội, 2006	474tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2236; VM1604	V11069-11070
6818	Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X)	Phạm Quang Định (Chịu trách nhiệm xuất bản)	H. : Quân đội nhân dân, 2006	582tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2235(2); VM1603(2)	V11065-11066
6819	Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam	Nguyễn Hiệp chủ biên	H. : Khoa học và kỹ thuật, 2007	549tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2254(2); VM1606(18)	V11085-11104
6820	Tổ chức quán triệt đưa nghị quyết X của Đảng vào cuộc sống	Lê Hải Triều chủ biên	H. : Văn hoá thông tin, 2006	619tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2257; VM1620	V11083-11084
6821	Cẩm nang bí thư Đảng bộ, chi bộ	Trịnh Thúc Huỳnh (Chịu trách nhiệm xuất bản)	H. : Chính trị quốc gia, 2005	408tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2258	V11079
6822	Tổng tập luận văn	Võ Nguyên Giáp	H. : Quân đội nhân dân, 2006	636tr.:Minh hoạ. - 27cm	VĐ2259	V11078
6847	Đồng chí Trường Chinh	Vũ Quốc Khánh (Chịu trách nhiệm xuất bản), Phạm Đình An dịch	Nxb. Thông tấn : H., 2007	201tr.:Minh hoạ. - 25cm	VĐ2234	V11065
6853	Luật công nghệ thông tin	Lưu Đức Văn (chịu trách nhiệm xuất bản)	H. : Nxb. Bưu điện, 2006	62tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2248(2); VM1607(8)	V11126-11135
6854	Chính phủ điện tử	Lưu Đức Văn (Chịu trách nhiệm xuất bản)	H. : Bưu điện, 2006	72tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2249(2); VM1608(8)	V11115-11124
6855	Lý thuyết thông tin và m* hoá	Vũ Ngọc Phan	H. : Bưu điện, 2006	267tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2250(2); VM1609(8)	V11105-11114
6856	Thương binh tàn nhưng không phế	Vũ Quốc Khánh (chịu trách nhiệm xuất bản)	H. : Thông tấn, 2007	267tr.:Minh hoạ. - 19cm	VĐ2251; VM1614	V11170-11171
6857	tr.:Minh hoạ. - cm	VĐ(1-); VM(1-)				
6858	tr.:Minh hoạ. - cm	VĐ(1-); VM(1-)				
6859	Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo : Hường ứng cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	Nguyễn Đình Thiêm (chịu trách nhiệm xuất bản)	H. : Lao động-xã hội, 2007	800tr.:Minh hoạ. - 24cm	VĐ2255	V11080

	thiết kế xưởng tuyển than	Giang	Mô - Địa chất, 2009	hoạ. - 27cm	Q871(90)	
6910	tr.:Minh hoạ. - cm	VD(1-); VM(1-)				